Việt Nam Giáo Sứ

QUYỀN I

(1533 - 1933)
VIỆT-NAM GIAO-SƯ

Quyền I (1533-1933)

IN LẦN THỨ-HAI

COPYRIGHT 1965 BY CÚU-THẾ TƯNG-THU'
SAIGON
Kính nhớ anh-hồn
Trung-úy Phêrô Phan-phát-Dình
đã hy-sinh vì lý-tưởng
Thiền-Chúa và Tổ-Quốc.

TÁC-GIẢ,
Imprimi potest:

Alphonsus Tremblay C. ss. R. Sup. vice-provinc.
Saigon die 24-6-1958

Nihil Obstat:

Paulus Nguyễn-văn-Mười Cens. deleg.
Saigon die 24-7-1958

Imprimatur:

Franciscus Trần-thanh-Khâm.
Saigon die 6-4-1965

Cảm in, dịch, phông theo nếu không có sự thỏa thuận của tác giả.
1. — Những gia-o-hưu không «xuất giáo» phải khắc hai chữ «Tâ đào» vào má.
SÁCH THAM KHÀO

André-Marie : Missions dominicaines en Extrême — Orient — Lyon 1863.

Baldinotti (Julien) : Histoire de ce qui s’est passé au royaume d’Ethi-
opie en l’année 1626 jusqu’au mois de Mars 1627. Et de la Chine, en l’année 1625 jusques en Février 1626. Avec une brève nar-
ration du voyage qui s’est fait au royaume de Tunquin nouvel-
lement découvert — Paris 1629.

Bonifacy : Les débuts du Christianisme en Annam — Des Origines au
18e siècle — Hanoi 1930.

Borri (Christoforo) : Relation de la nouvelle mission des Pères de la
Compagnie de Jésus au royaume de Cochinchine — Rome 1631. Traduit et annoté par Bonifacy.

Buttinger (Joseph) : The Smaller Dragon. A political History of Viet-

Cadière : Croyances et pratiques religieuses des Annamites.
Hanoi MCMXLIV.

Cadière : Le mur de Dòng-Hới, Etude sur l’établissement des Nguyễn en


Caillaut (Romanet du Caillaut) : Essai sur les origines du Christian-
isme au Tonkin et dans les autre pays annamites — Paris 1915.

Caillaut (Romanet du Caillaut) : De la Vérité d’Ordonnez de Cevallos — Paris Challamel 1916.

Caratini Grandjean : Le statut des missions en Indochine. Ideo Hanoi (năm ?).
Cardim (François) : Relation de la Province du Japon écrite en portugais par le père F. Cardim de la Compagnie de Jésus procureur de cette province-Tournai 1645.

Chaigneau (Michel Dure Chaigneau) : Souvenirs de Hué — Paris. MDCCCLXVII.

   Tome 1er — 1943.
   Tome 2e — 1948.

Chaunez (Société académique de Chaunez) : Pignau de Béhaine — 1901.

Choisy (Abbé Choisy) : Journal du Voyage de Siam fait en 1685 et 1686. (1687).

Chù (Phan-Huy-Chù) : Đại Nam Chinh biên lược truyện.

Chù (Phan-Huy-Chù) : Lich trieu hiem Chuong.


Coyer (Gabriel) : Chinki-Histoire Cochinchinoise (1768).

Cosserat : Rosae annamicae. (năm ?)

Cuenot (Joseph) : La salle des Martyrs (1843 — 1943) Paris 1943.


   Tome 1er 1522 — 1652.
   Tome 2e 1652 — 1860.

Degeorge (J. B.) : À la conquête du Châu Laos — Hongkong 1926.


Douniol (Charles) : Voyages et travaux des missionnaires de la Compagnie de Jésus — Paris 1858.

II. Mission de la Cochinchine et du Tonkin par Montezon et Estève.


Đại-Việt : Lích-Sư đảo Thiên-Chúa ở Việt-Nam — Huế 1944.

Đỗ (Phạm-xuân-Dỗ) : Việt-Sư dân giải — Saigon 1957.

Dức (Mathêu) : Cha Minh và lão Gấm — Saigon 1901. In lần thứ hai.

Dức (Trịnh-hoài-Dúc) : Gia-Dịnh thông chí.

Faure (Félix) : Mgr Pigneau de Béhaine. Paris 1891.

Ferreira (Emmanuel Ferreira) : Noticias sumárias des perseguidos da missam de Cochinchina, principiada et continuada pelos Padre da Companhia de Jesu. Offerecidas pelos mesmos missionarios a el Rey nosso Senhor D. Pedro II. Em Liboa; Na Officina Miguel Manescaí, Impressor do Santo Officio da Serenissima Casa de Bragança et de Sua Eminência. Anno 1700.

Gisan : Magie et Religions Annamites — Paris 1912.


Gispert (Marcos) : Historia de la Misiones Dominicanas en el Tonkin — Avila 1927.

Hạnh (Matheo Hạnh) : O. P. Sách truyện Bốn ông Thành Từ vị đạo tại tỉnh Hải-Dương 1861 — Phú-Nhai 1928.

Hiền (Trịnh-việt-Hiền) : Mẫu tử đạo trên đất Việt-Nam — Huế 1951.

Hòa (Phan-xuân-Hòa) : Lích-sử Việt-Nam — Saigon.

Quyền IV. Từ Tây-Son đến hiện kim (1956).

Họi (Đạo-văn-Hội) : Danh nhân nước nhà — Saigon 1951.


Ideo : Souverains et notabilités d’Indochine — Hanoi 1943.


Kê Sợ: Truyện các Thánh-tư vi Đạo trong địa phận Tây Đàng Ngoài đã phong chức năm 1909.

Kỹ (Trương-vinh-Kỹ): Chuyện di Bắc năm Ất-Hợi (1876) trong B.S.E.I. 1929 trang 5-76.

Kỹ (Trương-vinh-Kỹ): Cours d’Histoire Annamite.
1er Volume 2874 à 1428-Saigon 1875.
2e Volume 1428 à 1875-Saigon 1877.


Launay: Lettres de Monseigneur Pallu aux autorités religieuses (1659 — 1681).

Documents historiques I (1658 — 1728).
Documents historiques II (1728 — 1771).
Documents historiques III (1771 — 1823).

Documents Historiques I (1658 — 1717).

Tome 1er (1658 — 1754).
Tome 2e (1754 — 1836).
Tome 3e (1836 — 1892).
Launay : Monseigneur Retord. 2e édition — Lyon.
Louvet : Mgr d'Adran — Paris-1900.
Louvet : La Cochinchine religieuse — Paris-1885.

Tome 1er (1550 — 1779).
Tome 2e (1800 — 1884).

Louvet : La vie de Mgr Puginier. — Hanoi 1894.
Luro : Le pays d'Annam. Le Roux 1897.

Maître (Henri Bernard Maître) : Pour la compréhension de l'Indochine et de l'Occident — Paris (năm ?).


Marini (Jean Phlipe de Marini) : Histoire nouvelle et curieuse des royaumes de Tonkin et de Laos — Paris 1666 (Marini : Histoire nouvelle et curieuse).


Maybon (Albert Maybon) : L'Indochine — Paris 1931.

Maybon (Charles Maybon) : La relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mr de la Bissachère — Paris 1919.


Maybon (Charles Maybon) : Lecture sur l'Histoire moderne et contemporaine du pays d'Annam de 1428 — 1926 — Hanoi 1927.

Monteuils : Les jeunes Martyrs de l'Annam et du Tonkin — Lille 1897.
Moreno (Cha Chinh Trinh) : Sư-ký đia phát Trung. Phú-Nhai 1916.
Olichon : Le Baron de Phát-Diệm.— Paris.
Rhodes (Alexandre de Rhodes) : Histoire du Royaume de Tunquin et des grands progrès que la prédication de l'évangile y a fait en la conversion des infidèles. Depuis l'année 1627 jusques à l'année 1646 — Lyon 1651.
(Rhodes, Histoire du royaume du Tonkin).
Rhodes (Alexandre de Rhodes) : Relation des progrès de la foi du royaume de la Cochinchine vers les derniers quartiers du Levant — Paris 1652.
Rhodes (Alexandre de Rhodes) : La Glorifique mort d'André Catéchiste de la Cochinchine qui a le premier versé son sang pour la querelle de Jésus-Christ en cette nouvelle Eglise. Par le père Alexandre de Rhodes de la Compagnie de Jésus qui a toujours été présent à toute cette histoire — Paris 1653.
Rhodes (Alexandre de Rhodes) : Divers voyages et missions du P. Alex-}

xandre de Rhodes en la Chine et autres royaumes de l'Orient,


Rhodes (Alexandre de Rhodes) : Cathéchismus. Roma 1651.

Roux (Jean Baptiste Roux) : Vestiges profanes et religieux du Vieux Hué — Hué 1943.

Sajot : Croquis Annamites — Vannes 1902.


Schreiner : Abrégé de l'histoire d'Annam Saigon 1905.

Schreiner : Les Institutions Annamites en Basse Cochinchine :

   Tome I Saigon 1900.
   Tome II Saigon 1901.
   Tome III Saigon 1902.


Son (Phạm-văn-Son) : Viêt-Nam tranh dâu sù — Hanoi 1949.

Souvignet : Variétés Tonkinoises — Hanoi 1903.

Taboulet : Histoire de France — Hanoi 1926.


   Tome I. Des Origines à 1914.

Tachard (Guy) : Voyage de Siam des Pères Jésuites — Paris 1686.

Tavernier (Emile Tavernier) : Mgr Pignneau de Béhaine — Hanoi 1934.

Tavernier (Emile Tavernier) : Le Déclin de l'apogée du Régime de Tây-Son — Hanoi 1934.

Tavernier (Jean Baptiste Tavernier) : Recueil de plusieurs relations.

Teyssaye : Monseigneur Galibert — Paris 1887.


Tissanier (Joseph) : Relation du Voyage du P. Joseph Tissanier de la Compagnie de Jésus, depuis la France jusqu'au royaume de Tunquin, avec ce qui s'est passé de plus mémorable dans cette mission depuis les années 1658, 1659 et 1660. — Paris 1663, in 8.


Tông (Nguyễn-bá-Tông) : Le Père Six — Hanoi 1938.


Veuillot (Eugène Veuillot) : La Cochinchine et le Tonkin — Le pays — l'histoire et les missions — Paris 1861.

Vial (Paulin Vial) : Nos premières années au Tonkin — Voirion 1889.

Circulaires des Vicaires Apostoliques de Saigon de 1873 à 1941.
Dân Việt-Nam (D.V.N.) Hanoi.
Đạo Bính Đức Mẹ (Đ.B.B.M.) Hanoi.
Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp (Đ.M.H.C.G.) Hanoi — Saigon.
Eglise Vivante (E.V.) Louvain.
Indochine (Ind.) Hanoi.
Linh-Mục (L.M.) Cần-Thơ.
Luyện Thép (L.T.) Saigon.
Missi Lyon — (M.).
Nam-kỳ địa-phận (N.K.B.P.) Saigon.
Nhà thờ Đức Bà (N.T.B.B.) Saigon.
Notice sur les Martyrs de la Cochinchine occidentale Saigon 1887.
Phương sỹ (P.S.) Saigon.
Sacerdos indosinensis (S.I.) Huế.
Thằng Tiền (T.T.) Saigon.
Thực Hành (T.H.) Cần-Thơ.
Thư Chung Địa phận Tây Đằng Ngoại — Quyên I Kế Số 1924.
Thư Chung Địa phận Tây Đằng Ngoại — Quyên III Hanoi 1931.
Tông Bổ (T.B.) Saigon.
Trái Tim Đức Mẹ (T.T.B.M.) Hanoi.
Văn-Hoa Á-Châu (V.H.A.C.) Saigon.
Việt Tiến (V.T.) Saigon.
TỬ A

Cách đây hai nghìn năm, ở giữa cảnh núi đồi của xứ Palestine, Chúa Giêsu đã phán với các môn đệ: "ChÚNG con hãy đem lời Phúc-đám rào giảng cho toàn cõi thể-giới". (1)


Chỉ có một lời của Chúa Giêsu, một lời ấy thôi mà biết bao nhiêu đã chởy, biết bao dâu đã rơi. Màu đã nhưm đỏ đất nước Việt-nam yêu-quí, làm cho đất Việt phi-nhiều tựi tôi.

Trên mảnh đất tựi màu ấy đã nhỏ lên hồn hai triệu dâu người Công-giad, họ là phần tự của làng chấn của Giáo-hội.


Lịch-sử Giáo-hội Việt-nam đã lại cho người Công-giáo cùng như người không Công-giáo nhiều bài học:


(1) Marc. XVI. 15.

Đọc qua Lịch-sử Giáo-hội Việt-nam, chúng ta còn nennen gì nhiều một điều quan trọng sau đây:

Lạy vịnh-lực đắn áp người Cộng-giao để tiêu-diệt người Cộng-giao, thì chẳng những người Cộng-giao không bị tiêu-diệt mà còn sinh sắn dồng-dúc thêm.


Các bảo-chúa Minh-Mang, Tự-Dực và những phần-từ của Tam-dịm đôi Pháp thuộc cũng như các Hoàng-đế Roma đã thật cho các nhà cầm quyền trên thế-giới và ở Việt-nam một bài học không phải lat, bài học lịch-sử này sẽ vạch rõ cho các ngôi lập trưởng phải theo đề dối xỉn với Giáo-Hội.

Lịch-sử Giáo-Hội Việt-nam có thể chia ra làm bốn thời đại:


— Thời-dai thứ hai: Cộng-cuộc giảng-dào do các Cha Đông Tên (2) tổ chức. Thời-dai này bắt đầu từ năm 1615 đến 1659, Năm 1615 các Cha Đong Tên mới chính thức giảng-dào trên đất nước chúng ta.


(2) Đại-Việt Thiền-bấn—« Lịch-sử Đạo Thiền-Chúa ở Việt-nam ». 169.

ESSAI
sur l'Ét.
Origines du Christianisme
au Tonkin
et dans les autres pays annamites
par F. ROMANET DU CAILLAUD
(Avec une Carte et un Portrait du Missionnaire)

PARIS
LIBRAIRIE CHALLEMBEL
23, RUE DE LA VIEILLE-LOUVRE
1915

CÔNG-CUỘC TRUYỀN-GIÁO TRONG THỜI-ĐẠI PHỔI-THAI
(1533 - 1615)

Thời đại phòi-thái của đạo Công-giáo ở Việt-Nam là một thời đại tối-tăm về phương diện lịch-sử, tối-tăm vì ngoài ra đến tơi lạc các Thùa-sai tiến quienes, chúng ta không còn biết được cách xác đáng những hành-dộng của họ trên đất nước Việt-Nam.

Các Thùa-sai đại đa số là những người Bồ-dào-Nha (Portugais). Trước lúc nói đến việc giảng đạo của các Thùa-sai trên đất nước chúng ta, chúng ta nên biết qua về mối liên-lạc của Việt-Nam và Bồ-dào-Nha vào thế-kỷ thứ 16, tình hình chính-trị Việt-Nam trong thế-kỷ thứ 16, vì chính trong thế-kỷ này các Thùa-sai đến Việt-Nam.

CHƯƠNG I

VIỆT-NAM VÀO THẾ-KỶ XVI

I. LIÊN-LẠC GIỮA VIỆT-NAM VÀ BỒ-DÀO-NHA

Vào thế-kỷ 15, người Bồ-dào-Nha và các người Âu-châu khác vượt biển bằng ngăn đến các nơi xa lạ đều có hai mục-dích, hai mục-dích ấy, một sự-gia người Đức tóm lại gần ghé trong may chừng: « Hạt tiểu và các Linh-hồn » (1).

(1) Plattner — « Quand L'Europe cherchait l'Asie » — 11.
Người Bồ-dào-Nha không những tìm được xây dựng thị-trương mua bán những hàng-hóa của Á- chuă,như lúa, vải, hat-tiều, các cốc loại Cũng sản-phẩm mà Âu-châu khan hiếm, nhưng họ còn lo giảng đạo đến các lĩnh hồn trở về với Thiên-Chúa.

Người Âu-châu đến Á-Đông có lẽ từ năm 166 (1) nhưng đến thế-kỷ 13, sự mới chêp việc ông Marco Polo, một người Ý (Italie) di sang Trung-quốc vào đời nhà Nguyên. Nơi đây, Marco Polo được vua Hốt-tát-Liệt (Koubilai Khan) tin dùng. Sau lúc trở về nước, Marco Polo viết lại những chuyện ông đã biết, trong quyển Thê-giới Kỳ-quan (les merveilles du Monde). Nhờ sách của Marco Polo, Âu-châu mới biết tất cả những sự giàu có sang trọng và lục lượng của nước Tầu.


Người Bồ-dào-Nha lo tìm kiếm đất dại để buôn bán, họ còn phân sự đến Đức Tin Công-giao cho những người không công-giao. « Hạt tiêu và các lĩnh hồn », đó là bài muc-dich chính của dân Bồ trong những cuộc chu du vô cùng nguy-hiem của họ. Ngoài công trạng rao giảng Phúc

(1) Bài Việt «Lịch-sử Đạo Thiên-Chúa ở Việt-Nam». 3.

24
âm đội với Giáo Hội, người Bo còn lập thêm được một công-trạng khác là chăn dưng hiêm hoa Hơi-giao (1). Vi những công-trạng to lơn ấy các Giáo Hoằng Roma ban cho Bồ-dào-Nha được nhiều đặc-an:


Các Thừa-sai đến xú chủng ta hay các người buôn bán với chủng ta phân đồng đều từ Macao mà đến.


(1) Plattner — « Quand l’Europe cherchait l’Asie » 17.
(2) Đết phép thông công: Một hình-phant của đạo Công-giao. Người người bi chỉ điều-phant thông công, không được chinh các phép trong đạo.
(3) Henri Chappoulie : « Aux origines d’une Eglise ». I. 42-44.
Người Bồ-dào-Nha không nhưng tìm đạt để xây dựng thị-trường mua bán nhưng hàng-hóa của Á-châu-như lua, vai, hạt-tiều, các loại cùng sản-phẩm mà Âu-châu khàn kiểm, nhưng họ còn lo giảng đạo đến các linh hồn trở về với Thiên-Chúa.

Người Âu-châu đến Á-Dông có lẽ từ năm 166 (1) nhưng đến thế-kỷ 13, sự mới chèp việc ông Marco Polo, một người Ý (Italie) đi sang Trung-quốc vào đời nhà Nguyễn. Nơi đây, Marco Polo được vua Hốt-tát-Liệt (Koubilai Khan) tin dùng. Sau lúc trở về nước, Marco Polo viết lại những chuyện ông đã biết, trong quyển Thế-giói Kỳ-quan (les merveilles du Monde). Nhờ sách của Marco Polo, Âu-châu mới biết tất cả những sự giàu có sang trọng và lực lượng của nước Tàu.

Năm 1492, Kha-luân-Bô (Christophe Colomb) muốn đi từ biển Đại-tây-Dương đến Ấn-Dô, nhưng không người đã tìm thấy Mỹ-Châu. Năm năm sau, Vasco de Gama một người Bồ-dào-Nha khác, bằng đường thủy đã đi vòng Phi-Châu và đã đến Ấn-Dô. Đầu thế-kỷ 16, một người Bồ-dào-Nha nữa tên là Magellan đã đi đến Phi-luật-Tân.


(1) Đại-Việt « Lịch-sử Đạo Thiên-Chúa ở Việt-Nam ». 3.
âm đoi với Giáo-Hội, người Bồ còn lập thêm được một công-trạng khác là chân dung hiến hoa Hồ-giao (1). Vi những công-trạng to lớn ấy của Giáo-Hoàng Roma ban cho Bồ-dào-Nha được nhiều đặc-điểm:


Các Thừa-sai đến xú chung ta hay các người buôn bán với xú chung ta phần đông đều từ Macao mà đến.


(1) Platiner — «Quand l'Europe cherchait l'Asie» 17.
(2) Dùt phép thống công: Một hình- phật của đạo Công-giao. Người nào bị dùt phép thống công, không được chịu các phép trong đạo.
(3) Henri Chappouille : «Aux origines d'une Eglise». P. 42-44.

Từ Nhật đến giảng-san của Chúa Nguyễn có hai đường hàng hải: Một đường từ Nagasaki đến Hải-Phô và một đường từ Nagasaki đến Vinh.

Theo Giáo-si Buzomi thì Hải-Phô là một thành phố và một hải cảng đẹp nhất nước Việt-nam. Từ năm 1614, ở Nhật cấm đạo nên người Công giáo ở Nhật mỗi năm ba lần lên sang nước Việt-nam rất đông lây có buôn bán để giữ trọn bộ phân Công-giáo. (2)

Vào năm 1614 (?) một Bồ kiều tên là Jean de la Croix đã đến gần Huế và đã một lở dúc sung tại đó, ngồi ấy gọi là Thọ Đức. Ông cũng được phép nhà vua ban cho mở nhà thờ và tiếp giáo-si trong nhà.

Ở ngoài Bắc, người Bồ cũng đến buôn bán từ lâu, nhưng họ không mở cửa hàng, chỉ người Hòa-lan mới được mở cửa hàng tại Phô-Hiến.

Phô-Hiến là một thị trấn lập ra từ hội thể kỳ 16 ở trên bờ sông Nghi-Hà, cách Hưng-yên do chừng một cây số. Thị-trấn này đã có hội


(2) Đại-Việt. « Lịch-sử Đạo Thiên-Chúa ở Việt-Nam ». 82-84.

II. TÌNH HÌNH CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM VÀO THẾ-KỲ 16.

Lịch sử Việt-nam có từ 2800 năm trước Thiên-Chúa giáng sinh, Việt-nam hồi ấy chỉ gồm phần đất của Bạc-Việt hiện giờ. Cùng với thời gian, Việt-Nam tự hơn ấy đã lớn dần lên nhờ những cuộc Nam tiến không ngừng và đã trở nên một quốc-gia hứng tương to lớn.


Năm 111 trước Thiên-Chúa giáng-sinh, đăng lộc quân La-ma huyệt chiến với mo Teutons (2) và mo Cimbres ở Âu-Châu, thi bị đói Trung-hoa dưới quyền điều khiển của tướng Lã-Bác-Dực và Dương Bác (3) răm-rở kéo sang chiêm nhựa Việt-Nam và đôi tần là Giao-chi.

Chúng ta phải ở dưới sự bảo-bợ của người Tầu trong 1.000 năm, may mắn năm 968 Định-bố-Linh mới đẩy dàn do người Tầu. Chính ông

(1) Đại-Việt « Lịch-sử đao Thiên-Chúa ở Việt-nam ». 78.
(2) Larrousse da XXè siécle. Teutons.
(3) Trần-trọng-Kim — « Việt-nam sử lược ». 45.
đã dùng lên xây dựng co-nghiệp nhà Đình và tiếp theo đó, nhà Lê (Tiền Lê), Lý, Trần cai-trị và mở mang thêm bộ coerc.


Vi đạo Công-giao đến nước Việt vào đời Hậu Lê, nên muốn khỏi mất liền lạc cần phải biết đầy-cung lịch sử Việt-Nam dưới đời Hậu-Lê.

Đăng lúc nhà Hậu-Lê cầm quyền, nước Việt-Nam trải qua hai thời kỳ: Thời kỳ thông nhất và thời kỳ chia rẽ.
Thời kỳ thông nhất.


Thời kỳ chia rẽ.

Nhà Lê nhỡ có Nguyễn Kim và Trịnh Kiệm giúp, đã đánh được nhà Mạc lên đến Cao-Bằng, nhưng thực hiện thống nhất ven vện chỉ có 3 năm nghĩa là từ năm 1597 đến năm 1600. Vi nhà Lê không có người đảm đương lôi lạc, vua Lê phái động vai bù nhìn, bao nhiêu công việc đều do hai Chúा Trịnh-Nguyễn đỉnh đạo cả; Trịnh chiêm Bác-Việt, Nguyễn chiêm Trung và Nam-Việt, sòng Linh-giang là làt giới hạn tyranny cho hai bên.

Cuộc chiến-tranh thời hai Trịnh-Nguyễn mài đến 1787 mới chấm dứt, để hướng về cho một cuộc tranh chấp to lớn hơn: Tây-son khởi nghĩa...

LES DÉBUTS
DU
CHRISTIANISME EN ANNAM
DES ORIGINES AU COMMENCEMENT
DU 16 SIÈCLE
CHƯƠNG II

NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA GIÁO-HỘI VIỆT-NAM

1. CỘNG CUỘC TRUYỀN-GIÁO Ở BẮC-VIỆT.

Theo Ordenez de Cevallos một linh mục Tây-ban-Nha, Thánh Tôma từng đi đã đến giảng đạo ở Bắc-Việt và ngoài đã làm cho một ông vua trị lý. Nhưng cũng ta không có một tài liệu lịch sử nào để chứng-minh lời quả quyết ấy.

Ở Quang-Dông, người ta có tìm thấy pho tượng của một thây Sư tên là Bodhidharma Việt ra chu Thấu độc là Tamouo mà người ta gọi là Tôma (1). Thánh Tôma là một trong 12 tôn đồ của Chúa Giêsu nên quả quyết Thánh Tôma có đến nước Việt-nam tức là quả quyết đạo Công-giao đến nước Việt-nam vào khoảng giữa năm 33 đến năm 100 là một điều không thể chứng minh được.

Vi Bác-Việt trong thời kỳ ấy do nhà Mạc và nhà Lê cai-trị nên sẽ dần lتروt xem các việc giảng đạo ở khu vực nhà Mạc kiểm soát và khu vực nhà Lê kiểm soát.

1. Trong khu vực nhà Mạc.

A. GIÁO-SĨ PEDRO D’ALFARO.


(1) Boniface : Les débuts du Christianisme en Annam 3 (1).
cho vua Tây-Ban-Nha. Tháng 6 năm 1580, người xSTRUCTOR tàu trở về Goa để xin Phục-vương Án-Dổ xử vụ này, nhưng tàu đưa người đến Binh-Dinh thì bị bảo và người từ trần tại bộ biên (1).


B. PHÁI-DOÀN DIEGO D'OROPESA.


Theo lời yêu cầu ấy, tu-viên Saint Grégoire thuộc dòng Thánh Phanxicô & Manila có gửi các Thura-sai qua Bắc-Việt. Cha Diego

(2) Romanet du Caillaut : « Essai sur les origines... » 37.
(3) Trần-trọng-Kim — Việt-nam sê lược 261-279.

C. GIÁO-SĨ BARTHOLOMEÔ RUIZ.


Lúc đến Thăng-Long, cha Ruiz cất nghĩa cho Mac-mầu-Hiệp bị bảo đánh trói thuyết nên phải doan Thừa-sai vào năm trước không lên

(1) a) Caillaut « Essai sur les origines du Christianisme » 34.

b) B.A.V.H. -Juillet-Décembre 1931, trang 280.

(2) Theo L.m. Nguyễn-Đồng trong Lịch-sử truyền giáo ở Việt-Nam trang 34, chinh một thương gia đà can thiệp để trả lại tự-do cho các Thừa-sai.


34
Năm 1586, cha Ruiz phải từ giã Bắc-Việt về Manila và được gọi qua giảng đạo tại Nhật-bồn, lúc ấy ngài đã 70 tuổi, sau lúc bị trực xuất ra khỏi Nhật-bồn ngài về lại Phi-luật-Tân và qua đời ở đó, thọ 80 tuổi.

2. Trong khu-vực nhà Lê.

A. GIAO-SĨ INIKHU (1533).

Đang lúc các cha dòng Thánh Phanxicô & Macao và ở Manila lo việc giảng đạo trong khu vực nhà Mạc kiểm-soát, thì ở khu vực nhà Lê cũng có các Thùa-sai đến truyền-giao.

Theo Khâm-Dính Việt-sử thì năm Nguyễn-Hóa tức là năm 1533 dưới đời Lê-trang-Tông có chỉ dụ cấm theo đạo « Dat-tô ». Chỉ dụ ấy cho biết có một người Tây tên là In-ki-Khu di døờng bè vào giảng đạo tại làng Ninh-Cương, làng Quan-Anh thuộc huyện Nam-CHAN và làng Trà-Lư huyện Giao-Thủy thuộc tỉnh Nam-Sơn tức Nam-Dình ngày nay.


Nouvelles: Variétés tonkinoises 163.
Từnnh-nhi-Kỳ: Cours d'Histoire annamite II. 139. (1)

B. GIÃO-SĨ ORDONEZ DE CEVALLOS (3).


3) Có khi viết, là Ordenez de Zevallos hay Ordenez de Zeballos.

4) Quyên Historia Y Viage del Monde.
Pedro Ordóñez de Cevallos

Descripción de la obra de Pedro Ordóñez de Cevallos, que contiene los tres libros de la Historia de los Reyes de Champa y Trung-Hoa, y el tercer libro de la Historia de los Reyes de la isla de Luzón. Impreso en los estampados de sus originales. Jaén, 1628.


C. CÔNG-CHÚA MAI-HOA.


(1) Romanet du Caillault — « Essai sur les Origines du Christia-


(3) Thực-dân không có nghĩa là « dân dàn »; thực-dân đây chỉ những người Việt-kích khai khẩn đạt dai.

Lê-thế-Tông mới bày tỏ sự thương nhớ được bao lần làm vua, chỉ là Công-Chúa Mai-Hoa giữ chức Nhập Chính, nhưng mọi quyền hành đều ở trong tay Trịnh-Tùng cả (1).


Công-Chúa Mai-Hoa lại có lập một nhà tu kin ở An-trưởng vào năm 1591 đổi Lê-thái-Tông (2). Theo vài sử-gia, Giáo sĩ Ordenez de Cevallos chưa bao giờ đặt chân lên đất nước Việt-nam, điều ấy làm cho chúng ta suy nghĩ. Nếu Giáo sĩ không đưa ra điều này chúng ta sao lại ta được nhiều phong tục tập quán xur nay khả trung:

« Có-dò của các vua Lê tại An-Trưởng chiêm một khu rừng gần may lang An-Trưởng, Lam-Son, Quảng Thi, Văn-Lai và Phúc-Lập ở trên tạ ngạn sông Chu; phía dưới đáp Bái Thượng (Thanh-Hoa) đỗ may cậy Sở.»

(1) Ở nước Việt-nam, người dân bà không có quyền cai trị, nhưng có thể giữ chức nhập chính,
   a) Luro, «le Pays d’annam» 93.
   b) Romanet du Caillault. «Essai sur les origines» 27 (1).

(2) Romanet du Caillault — «Essai sur les origines du Christianisme au Tonkin et dans les autres pays». 130.

Cả chuyện bà Công chúa Flora hay Maria, hay Mai Hoa đã ngồi ý muốn kết diễu văn với giáo sĩ Bô Đào Nha Ordonez de Cevallos cũng có thể có đâu. Giáo sĩ Ponçet đã nbo vào thuyết hoi do còn cần phải dẫn nhã Mak để khối phục lại giếng sơn của tổ tiên nên mới có ý muốn dem... công chúa Mai Hoa gả cho Ordonez de Cevallos viəa là mới giáo sĩ, vía lần mới vô quan có tài (1) và chuyện vua Lê Lãnh Tông lấy một người con gái Địa Lan làm cùng phi, di tích là một phu trương ở denen vua Lê, mà có trực thì chuyện Công Chúa Mai Hoa

(1) Nguyễn Hồng. Lịch sử truyền Giáo ở Việt Nam 1. 30 (1).

Nguyễn Hiền-Trọng. Les Origines du Clergé Vietnamiens. 66. 
Sau khi kết chuyện bà Công Chúa muốn xây chốt một tu viện đã kết liên như sau: ... Le reste du roman s'expliquerait par le fait que les relations d'Ordonez de Cevallos ont été publiées après sa mort et retouchées par un ami à l'imagination ardente.
muốn kết hôn với Ordenez de Cevallos cũng không phải là một chuyến la hoang đường» (1).

II. CÔNG CUỘC TRUYỂN GIÁO Ở TRUNG-VIỆT.

Trung-Việt vào thế kỷ 16 gồm có ba tỉnh: Quảng-Bình, Thuận-Hóa và Quảng-Nam. Tất cả những tỉnh này đều đặt dưới quyền cai trị của Chú Ưu Nguyễn-Hoàng. Ông đồng đồ ở xã Ái-Tư sao giỏi là Cây Khê, thuộc huyện Đặng-Xương, tỉnh Quảng-trị. Ông cùng như Trịnh-Kiểm, Trịnh-Tùng, là những người Phó Lê đánh Mặc, nhưng vị thấy thanh thản của họ Nguyễn càng ngày càng lớn nên nhà Trịnh mới đem lòng thụ ghét — Bè ngoại thì làm ra bố hòa hiểu nhưng bè trong thì cả hai bên đều lo việc phòng bị đe dọa吵架 nhau.


2. Giáo-sĩ Diego Aduarte

Năm 1595 vua Cao-Mến Chau Ponha Tan, gửi thư qua Manila xin viễn khích để đánh lại Prah Rama là một người trong họ hàng đã

(1) Đại-Việt: «Lịch-Sự Đạo Thiền-Chúa ở Việt-Nam» 113-115.
Boniface: Les débuts du Christianisme en Annam. 7.
Delacroix: Les Missions Modernes (XVIIe et XVIIIe siècles). 56.

Nơi cửa biển miền Trung-Việt này, các người Tây-Ban-Nha đã gặp hai giáo-sĩ thuộc dòng Augustins. Các người & ngày không phải để giảng dạy người bán-xú, nhưng để làm tuyên-úy cho các thủy thủ Bồ-Dào-Nha thường nặng đi tói cửa biển này.


Thuyền bè Việt-Nam bao vây quanh chuyen thuyen Tây-Ban-Nha, hai chiếc ghe Tây-Ban-Nha, vi nhỏ hơn, chạy thoát được, còn chiếc thuyên buôm tổ lớn phải kích-liệt đối phó mới rút lui được toàn về.

Lúc xảy ra cuộc hải chiến ấy, cha Aduarte đã trở về lại trên chiến thuyền buồm. Nhưng cha Jimenez còn trên đất, bị bắt, cha Jimenez phải lột hết quần áo và đắn đến ông Tống-Trần. Ông bắt trả quần áo lại cho vị Thùa-Sai và cho phép Thùa-Sai ở lại với hai cha truyền-ý, đồng thành Augustins — Trước lúc về lại Manila, giáo sĩ đã làm cho hai người bị án xử (1) theo đạo Công-Giáo.

Năm 1615 cha Buzomi đến Cửa-Hàn, người cũng gặp một vài người bàn đạo nơi đây (2).

III. CÔNG-CUỘC TRUYỀN-GIÁO Ở NÁM-VIỆT (1550).


Tiếp tục công-cuộc của cha Gaspar de Sancta Cruz, năm 1558, tu viên Malacca lại sai hai cha Lopez và Azevedo sang Cao-Mến. Sau 10 năm hoạt động, các nhà sư lo ngại về những kết quả khá quan trọng đều cấu trực xuất hai cha. (3)

(1) Bonifacy les débuts du Christianisme en Annam 8.
Taboulet : La geste française en Indochine 7.
THỜI ĐẠI II

CÔNG CUỘC TRUYỀN-GIAO DO CÁC CHA ĐỒNG TENABLE - CHÚC (1) (1615-1659)

(1) Đồng: chữ thường đúng để chỉ các giáo-doàn hay là một hội gồm các tu sĩ, trong lịch sử Giáo Hội Việt Nam thường nặng nỗi đến các cha Đồng: Đồng Tên, Đồng Thánh Đominicô, đồng Thánh Phanxicô, đồng Augustins. Đồng Thánh Đominicô hay dòng Da-Minh do thành Đominicô sáng lập năm 1215, cha Gaspard de la Croix đến Hà Tiên năm 1550 là một cha dòng thành Dominicô.

Đồng Phanxicô: do thành Phanxicô Bernardone lập ở Ý. Năm 1209 Cha Batólómê Ruí giảng đạo ở Bắc, dưới đời Mac-mầu-Hiệp, là một cha dòng Phanxicô.


Đồng Tên: Hay dòng Đức Chúa Giê-su do Ignace de Loyola lập ở Tây-Ban-Nha năm 1549. Theo quan niệm của Ignace, muốn đẩy lùi việc bể rỗi dẫn bính trường, dang phá phách Giáo Hội, và muốn

Đồng của Ignace lập được Giáo-Hội công nhận năm 1540. Lực Ignace qua đời, đồng đã cố hồn một ngàn giáo-sĩ, 100 tu-viên và 14 tỉnh. Nhờ các giáo-sĩ đồng Tên mà dân Nam Đức đã trở lại đạo Công-giáo.

Hiện giờ văn hiến ngang làm tròn sự mạng cao cả của mình, di đến đâu, các giáo-sĩ không những lo việc giảng đạo, họ còn mở những đại-học to lớn để diệt hiện đại đối sòng tri-thức khỏi phải lục hướng. Các Giáo-sĩ đồng Tên là những người thông-thâi, chính đang lúc các ngày đi truyền-giáo là lúc mà các ngày đem tạt cả sự học văn của mình về văn chuong, về khoa học giúp ích cho xã-hội.

Lúc các giáo-sĩ đồng Tên đi về đến chận lên đất nước chúng ta, là chính lúc nhà Trịnh làm chủ ở Bắc, nhà Nguyễn làm chủ ở Trung, chúng ta sẽ tuân theo để đối các ngày trong cuộc końcu truyền-giáo trước tiên ở miền Trung rồi chúng ta sẽ theo các ngày ra Bắc-Việt.

CHƯƠNG III

CÔNG CUỘC TRUYỀN-GIÁO Ở TRUNG-VIỆT
(1615 - 1659)

I. GIÁO-SĨ BUZOMI.

I.— Tại Cửa Hán:


Các cha Tuyên-úy thùy-thũ Bồ-Dào-Nha rửa tội cho một vài người Việt-Nam nhưng không có dạy họ, vị thực ra các Tuyên-úy cũng không biết được tiếng Việt-Nam. Vì thế họ hiểu rằng theo đạo tức là nhâp

Nhờ công viêc tổ chức của giáo sĩ, không những người trước kia chỉ có tên có đạo này đã trở nên những người công-giao sôi sục, mà lại nhiều người ngoại xin trở lại đạo Công-giao.

Với thời gian, anh em ở Cà-Hàn đã dường một nhà thơ rộng lớn để làm việc thơ phương và để giảng dạy.

2.— T'ai Quang-Nam.

Ai ai cũng thường men giáo-si Buzomi, vì ngại là một người có tài lại có đức. Sự hiền lành vui vẻ đã hấp dẫn dân chúng theo ngại.

nhất là ở Quảng-Nam, nơi mà ông Hoàng Nguyễn-Kỳ, con trưởng nam của Sai-Vuong làm Trấn-Thủ (1). Tại Quảng-Nam Cha Buzomi cùng dựng một nhà thơ và nhỏ lòng hào tâm của bà Gioanna, cha dưng một nhà khác làm nơi ở và dạy đạo cho dân chúng.

Chính bà Gioanna đã chịu những phiền toái trong việc xây cất nhà thơ và tải thất của Giáo-si.

Bà thường đồng quí-phái, chính bà đã nghe giáo-si giảng dạy và đà xin chịu phép rủa tói.

Kết quả việc tổng dò của cha Buzomi ở Trung-Việt đã đến tai cha Giám-tinh Macao, vì thể cha Fernandez và Barreto, cha Francisco de Pina người Ý với một thầy trợ-sê người Nhật được gọi đến Trung-Việt giúp đỡ cha Buzomi.


Một ông Sai ở trong núi hẻo lánh có tiếng là nhân đức thành-thiên, ông bạo dân chúng hay: Một lời câu xin của ông với các but thành thiền sê làm cho mưa trên trời trút xuống tươi tốt khó-khan và mùa mạng sê được tươi tốt. Đọc câu cầu chú xống, may rỗi nghệt

(1) Năm 1602 Nguyễn-Hoàng gọi con là Sai-Vuong làm trấn-thủ Quảng-Nam. Sai-Vuong thay thế cha năm 1613 và đặt con là Nguyễn-Kỳ làm Trấn-thủ Quảng-Nam. Nguyễn-Kỳ mất trước Sai-Vuong vào năm 1632.
đến trôi, một trận mưa sa tuy không làm cho mùa màng tươi tốt, nhưng lởi ông nói, nhưng trước mặt dân cũng đủ làm cho ông được uy-tín. Ông Trần-thủ cho mới ông Sai kia vào dinh để nhờ ông cầu xin cùng thần thành trên trôi cho mưa dỡ xuống trong tỉnh của ông, nhưng mưa trên trôi chưa dỡ xuống thì thấy Sai nhân được thành thiên này đã làm một chuyện may mưa với một cơ vọ lề của ông Trần-thủ. Cuộc ai-tình lâu được ông Trần-thủ và dân chung biết, làm tiêu tan hết cà uv-tín của thầy Sai. (1)


Đang lúc ấy có hàn hán nhưng lề xong, một con mưa lớn.at dỡ xuống, chỉ chung ấy cùng đủ làm cho ông Trần-thủ và cả dân chung đôi thiái-dỡ đôi với các ngại.

3. Tối Bình-Dinh.

Các Cha Christoforo Borri và cha Perdro Marquez đến Hải-Phô để gặp cha Francesco Di Pina; lúc ấy ông Trần-thủ Bình-Dính cùng đi ngang qua Hải-Phô với cha Buzomi, bèn giáo-si gặp nhau lần đầu và hò đà họp tại Hội-dộng lần thứ nhất để bàn về công vụ tổng-dổ của họ; cha Marquez và một thầy tro-si ở lại Hải-Phô để giảng dạo còn các cha khác theo lời mời của ông Trần-thủ Bình-Dính re theo ông về Qui-Nhon.

Lúc cha Buzomi phải ở ngoài hải bờ Cửa-Hàn về thiếu thôn và vi khí troi nóng nảy nên phải bị mực nhot, người ốm và xanh, thay thế ông Trần-thủ đến lòng thương hại. Ông Trần-thủ hỏi cha là ai, và tài sao nên tôi? Giáo-si kể lại câu chuyện cho ông Trần-thủ nghe. Ông phỉ cười vì lòng mê tín ngư đại của dân chúng và ông cũng đến lòng thương mến các giáo-si hơn.

Ông dành riêng cho Giáo-si hai采暖 thường, với điều kiện thuận tiện ấy Giáo-si đã bấp bênh trên biển trong 12 ngày. Sáng nào và chiều nào đoàn huyễn cùng ghé vào các chợ ở tỉnh Quảng-Ngãi, ở nơi đây ông Trần-thủ cũng có quyền hành như ở Bình-Dính vậy. Đến đầu dàn chúng đều đên dâng cho ông Trần-thủ và các Giáo-si nhiều lễ vật. Lúc còn một ngày dàn đên dinh Trần-thủ ông đặt ngưng lại để đi lên bờ. Theo lệnh của ông người ta đưa đến 7 con voi và một đại-dơi, nữa cói ngưera nữa đi chẩn. Lúc tới dinh, dân chúng đón tiếp các giáo-si như những ông Hoàng. Trần-thủ mời tiếp 8 ngày mừng các giáo-si và các giáo-si cũng ngồi một bàn với ông. Thay Trần-thủ hầu-dâi các giáo-si như vậy, nên dàn chúng đên lòng cung kính các Ngài (1).

Tám ngày dâu, các giáo-si còn ở trong dinh của Trần-thủ, nhưng vi muốn cho tiến việc giảng dầy, các giáo-si xin đi ở một nơi khác. Ông Trần-thủ liền hạ lệnh cắt lên một ngôi nhà rất thuận tiện cho các giáo-si ở Nước Mĩn (có phải là nhà thơ do dâu tiên ở miền Nam).

(1) Borri — B.A.V.H. Juillet Décembre 1931 trang 349.
Đến ngày chỉ định các giáo sĩ về nhà mới, ngày mai lại ông Trần-thụ đến thăm các ngôi, lo cho các ngôi có người thông ngôn và các tổ tổ của các giáo sĩ đủ giao cơm thịt cá.


Ông đại-sứ này quê ở Bình-Đính. Dằng lúc bà vợ của ông ở Bình-Đính, ông vi công việc còn phải ở lại trong triều Nguyễn.

Vua Cao-Mến, Prach Chey Cheotta đã cười con của Sai-vương và Sai-vương đã giúp đỡ cho vua Cao-Mến chiến thắng bộ đội Thái-

Lúc ông Đại-sứ đến Bình-Dịnh ông rất lý làm bậc tước vì ông phải mất 25 người vợ lẽ một lần, nhưng lúc ấy ông được ở Chùa ông cùng xin học đạo và nhận tên là Inhaxo. 20 người lớn nhỏ về của ông cùng theo đạo. Để cho những người này bớt sa ngã, ông đãlığa kết bạn với những người vợ lẽ của ông mà theo phép đạo ông không có quyền giữ nữa. Xong xúi mỗi việc ông đem tất cả gia đình qua Cao-Mến bằng đường thủy. Ông bất phải treo cờ Thánh-Gia trên các thuyền của ông. (2)


**II. GIÁO-SĨ CHRISTOFORO BORRI (BINH-DỊNH).**

Không những lòng đạo đức, sự hoạt động, honor thể nữa sự thông thái của các giáo-sĩ đã làm cho nhiều người kính trọng vào đạo Công-giao.

Ngày 19-12-1620 cha Borri ở Nước Mến, ngày tỉnh là sẽ có nguyệt-thực vào lúc 11 giờ đêm, giáo-sĩ cho ông quán biệt là sẽ có nguyệt-thực vào giờ nói trên, nhưng ông này không tin lời Giáo-sĩ, và bảo sẽ không có nguyệt-thực. Nếu có nguyệt-thực vào ngày nói trên thì các nhà thiện-văn của triều-dình đa tin cho dân chúng được biết, châm nhất là tâm ngày trước, nay chỉ còn tâm ngày nữa là nguyệt-thực mà văn chửa thấy tin tức gì, như vậy chỉ nghĩa là không có nguyệt-thực.

CHINA
Containing many admirable Rarities
and Singularities of that Country.

Extracted out of an Italian Relation,
lately presented to the P. B. by
CHRISTOPHORO BORRI.
That has been since published.

And published by ROBERT KERR.

LONDON.
Printed for the Proprietor, and are
sold by him at the Name of St. GEORGE,
in the Strand, 1703.

— Hình bia tập kỳ-sử của giáo-sĩ Christoforo Borri. Trong tập này do-sĩ nói về tinh hình chính-trị và tôn-giáo ở Trung-Việt, xuất-in năm 1631 bằng tiếng Ý ở Roma, bằng tiếng Pháp ở Lille, năm 1632 xuất-bản bằng tiếng La-tinh ở Vienne, tiếng Hòa-Lan ở Louvain, năm 1633 xuất-bản bằng tiếng Đức ở Vienne, tiếng Anh ở London v.v...

Vì dân-tộc chúng ta con mê tín dị đoan nên mỗi lần có nhật-thực hoặc nguyệt-thực, một thằng trước nhà vua gọi giây di khắp các tỉnh cho hay có hiện-tượng ấy; denen ngày báo tin tạt cả dân chúng, các quan văn võ phải hợp lại một nơi trong thành phó, ở triều-dình nhà vua phải mặc tang phục cùng với tạt cả những người bau can, rằng kẻ nhà, denen giờ hiện-tượng xảy ra, tạt cả các ông phải nhìn lên mặt trời, nếu là nhật-thực, hoặc lên mặt trăng nếu là nguyệt-thực, lấy ba lấy rồi thơ than với lời chia buồn với vị hành tinh, để các vị hành tinh này bớt phần đau đớn (1) ho làm tượng rằng nhật-thực hay nguyệt-thực không có nghĩa gì khác là mặt trời hoặc mặt trăng bị con rồng (2) nuốt; cho nên người Việt thường nói, dàng lúc có nhật-thực hoặc nguyệt-thực: «đã ăn nữa hoắc ăn hết» như vậy có nghĩa là con rồng (2) đã ăn một nữa hoắc ăn hết mặt trăng, lúc nguyệt-thực, và mặt trời lúc nhật-thực.

Muốn cho mặt trăng hoặc mặt trời khỏi đau khổ, khỏi phải con rồng nuốt, nhà vua ra lệnh bánh sung, đánh chuông, đánh trống, khua mỏ, khua nói và các đúng cụ khác của nhà bếp. Nghe những tiếng rùng rơn như thế, con rồng sẽ khép sọ và sẽ chong nhẹ mặt trời hoặc mặt trăng ra.

Bây giờ chúng ta trở lại câu chuyện ông quan trước kia. Ông này không tin có nguyệt-thực như lời cha Borri nói và ông cuộc với

(2) Ông Bác nói là gâu ăn chừ không nói là rồng ăn.
Giao-si rạng: Hế người nào sai thì phải dừng cho người kia một chốc, ở lại. Nhưng giao-si không chịu; giao-si nói nếu ông nói sai, ông phải đến nhà giao-si học dạo trong tam ngày; ông ấy bảo: "Chẳng những học dạo mà thôi mà còn theo dạo ngày trong lực nguyệt-thực, nếu có nguyệt-thực xảy ra như lời giao-si nói". Đến đêm đã báo tin ông quan ấy và tắt cả các người chủ nghỉia trong lang hop mặt tại nhà các cha. Họ tin chắc là sẽ không có nguyệt-thực, vì đêm ấy mặt trắng vẫn sang tò; nhưng lúc xem đồng hồ, (1) gần 11 giờ đêm, cha Borri mới chỉ cho họ hay vánh mặt trắng bất đầu đen, tức nhiên la đã bắt đầu nguyệt-thực và mặt trắng dần dần bi an. Lúc ấy mới được lệnh nói chuong trong rầm lên để "cứ chứa mặt trắng". Và câu chuyện sau đây cho chúng ta biết sự thoát-thái của các giao-si đã làm tăng uy tín của các người đến chúng nào.

Các nhà thiên-văn của Sai-Vương cho biết ngày 22 tháng 5 năm 1621 sẽ có nhật-thực, nhà vua tin cho các tỉnh biết ngày và giờ của hiện tương nhật-thực ấy, đồng thời các giao-si & Nước Mạn cũng cho dân chúng biết đến ngày và giờ nói trên sẽ có nhật-thực nhưng ở trong nước sẽ không thấy được.


Đến ngày 21 tháng 5 năm 1621 là ngày có nhật-thực, vua khoảng 3 giờ trưa vua và cả triệu-dinh đi ra ngoài để xem nhật-thực, ảnh sáng, gay gật của mặt trời như càng gay gật thêm và đã đến giờ nhật-thực mà không dẫu bột phân nào; dầy lâu quá, chủ mới tỏ sự không bằng lòng với các nhà thiên-văn, các ông này xin lời chủ và triệu-dính, cùng báo tin lại cho hay chắc chắn ngày mai sẽ có nhật-thực.

Ngày mai với một lòng tin tưởng mạnh mẽ hơn, chủ và triều-dính lập lại cải hài kích hôm qua; nhưng lần này rộng cùng không

(1) Đồng hồ cái, xem Borri B.A.V.H. Juilett December 1931 trang 371.

Ông Hoàng Nguyễn-Ky đại thưởng trong cuộc này mới viết thư cho vua cha; một lá thư mia-mai đại ý nói: mặc dù ông là con, nhưng ít ra ông đã có lý và ông đã có những nhà thiên-văn tài giỏi hơn những nhà thiên-văn của triều-dình.

Sự Thông thái của giáo-sĩ đã nâng cao uy-tín của các ngài trong triều-dình cùng như giữa dân chúng.

Năm 1622 cha Cristoforo Borri trở về Âu-châu và ngài đã cho in cuốn kỹ-thuật về Trung-Việt bằng tiếng Ý. Cuốn kỹ-thuật đã được dịch ra tiếng Pháp, tiếng Anh, (1) tiếng Hòa-Lan, tiếng Đức và tiếng La-Tinh.

Cuốn kỹ-thuật này là một tài-lieu vô cùng quý giá để cho những ai muốn tra-cứu về lịch-sử Việt-Nam vào thế-kỷ 17.

III. GIÁO-SĨ ALEXANDRE DE RHODES (CHA ĐÁC-LÔ).

I. Cha Đắc Lộ ở Thuận-Hoa. (2)


Một số các cha đã học tiếng Nam trong vòng năm tháng và có thể giảng được, các cha này đã đến triều-dình, các ngài có ghé tại Thuận-Hoa.

(1) Xem ảnh số 4 trang 37.
(2) Xem thân-thẻ và sự-nghiệp ở Chương V số 1,


Duôi dối cha François Buzomi làm bè trốn, chữa đa ra chỉ ba lần dưới các giáo-sĩ, nhưng các cha hiểu trong tình thể ấy phải bận động ra sao. Cha Đặc-Lợ cho biết rằng : Trong những lúc ấy một vài giáo-sĩ đi lầm lầm giữa anh em bọn đạo, một vài giáo-sĩ khác nhận đập ấy đi Macao và ba thảng rồi trở về Trung-Việt với những kệ vật làm vida lòng chữa (1).

Năm 1639 Công-Thượng-Vương (2) gọi cha Buzomi đi cống-tác ở Macao, đứng lúc ngài vàng mất ông tran-thủ Quang-Nam (có lẽ không phải là Hoàng-Ky) đã xin vua ra một sắc lệnh dưới tất cả các giáo-sĩ về Macao, được tối ấy cha Buzomi sinh bệnh và tử tròn vào ngày sau. Ngoại đa giảng đạo ở Trung-Việt 24 năm (3).

Nhung giáo-sĩ về Macao trong thời kỳ ấy là các cha Barreto, Fernandez de Fontes; Gaspar Luis, Machido và các thầy trẻ sị Diaz, Joseph và Paul. Theo như giáo-sĩ Cardim đến năm 1639, ở Trung-Việt các Thừa-sai đã làm cho 15.000 người trở lại.

(1) Chappoulie : Aux Origines d’une Eglise I. 25.
(2) Sãi-Vương mất năm 1636, Nguyễn-Phúc-Loan tức là Công-Thượng-Vương lên ngôi kế-vice.
(3) B.A.H.V. Juillette Décembre 1931 trang 404.
Rhodes, Voyage et missions 116 ; 119.
Về phần cha Đác-Lô ngày đến Trung-Việt hai lần, lần thứ nhất ngày chỉ ở còn 18 tháng, vì theo lời mới của Giáo-sĩ Baldinotti, ngày ra Bác giảng đạo ngoại ấy 14 năm sau ngày lại trở về Trung-Việt.


Lúc tới triều-dình Huế cha Đác-Lô đang cho Công-Thượng-Vương nhiều lệ vật quý, gia vi vây chưa đã dồi lòng.


2. Cha Đác-Lô ở Quảng-Ngãi.


3. Cha Đắc-Lô về Macao.

Nhưng rồi ông Trần-thủ Quang-nam ra chỉ thị điều cho cha Đắc-Lô;


(2) Rhodes « Voyages et missions » 127.
cha De Mattos đi Macao trên một chiếc tàu Bồ-dào-Nha, nên cha Đặc-Lộ phải qua Manila để về Macao và vài tháng sau lại qua Trung-Việt.

Trong thời kỳ ấy, việc đi lại bằng thuyền chuyên hoặc bằng tàu rất nguy hiểm; phần vi thiếu tiền nghỉ, phần vi tàu phải đi bàng buồm mau chậm tùy gió c.accept khác cha Đặc-Lộ lại lâu đa ngày, nên mỗi lần đi tàu là mỗi lần tốn nản.

Giao dân biết ngại nên vi say sõng, mỗi chí cho ngại một phương pháp để khơi bì say, bì chống mất: « Họ báo ngại lấy một con cá ở trong hùng con cá khác, nước nóng lèn rắc vào một chút tiêu và ăn con cá đó lúc vào trong tàu lúc ấy thì vi sẽ RUNg và không bị chống mất say sóng nữa.» (1).


Trong hai năm trở ngại đã làm việc cách đến lát như vậy, sau người Bồ-Dào-Nha đến Hải-Phô khuyên ngại nên bỏ Trung-Việt đi nơi khác. Sau khi suy nghi ngại đã tổ y muốn rồi bỏ Trung-Việt.

(1) RHODES: « Voyages et Missions 124. »
Nhưng trước lúc cha Đặc-Lộ đi, người đã hồi lại 10 thầy giảng, bất
các thầy ấy thế trước bạn thơ Chúa sê không kết bạn, sê hy
sinh tron doi để lo làm việc tổng độ; và sê vang lôi các giáo-sĩ
hoặc các người thay mặt các người trong môi công việc.

Sau lúc tát cả các cha đã về Macao (tháng 9-1643) các thầy giảng
bằng nổng di rao giảng lôi Phúc-Âm của Chúa Giêsu.

Các thầy rửa tội cho 293 người gần chết và đã dạy đạo cho một số
đồng, nhưng người này được rửa tội lúc các cha trở về lại nước.
Nhưng kết quả lớn lao ấy đã châm lança ghen tưởng của những người
không công-giao, họ lục soát nhà người công-giao, cũng không nên
nhà bà Minh-Dực Vượng-Thái-Phi, mặc dù bà là người trong hoàng-tộc.

Riêng Inhaxô đã rửa tội cho 293 người, nhưng chính trong quế
hưởng xử sở: Inhaxô chỉ rửa tội được cho bà mẹ; và bà cô của thầy
đã 80 tuổi. (1)

4. Cha Đặc-Lộ trở lại Việt-Nam, đi thăm Huế, Quảng-Binh,
Qui-Nhon.

Tháng Giêng năm 1644 sau năm tháng lưu trú ở Macao, cha Đặc-
lộ trở về Trung-Việt, người gặp các thầy giảng dang tụ họp với nhau
& Cửa Hàn (2). Người cũng với các thầy đi về Huế. Người đăng lên
chúa lễ vật, chủa lấy làm sung-sương và ngày mai lại chủa đến tham
ngài ở trong thuyết của người, may mà chủa gặp người & dó. Tối hôm
trước ngày vía rửa tội cho một gia-dình sê-quan. Nhà ông này khá
lơn, có thể làm nơi cho dân chúng tới đọc kinh cầu nguyện xem lê,
sau lê những người dân đạo phải hương chở cho những người muốn
hoc đạo. Cúng đem bôm ấy người đã rửa tội cho 200 người dân đạo
(3) mới, trong số 200 người dân tổng có nhiều quân nhân và trong
số đó có sê-quan nói trên. Đôi vói người Việt-Nam cùng như đôi
với người Tâu, chúng ta rất cần-thân trong lực chọn đặt xây
mô mà của ông bà cha mẹ; vi chúng ta tin tưởng rằng:

(1) Rhodes: Voyages et Missions 166.
(2) Rhodes: Voyages et missions 168.
(3) Rhodes: Voyages et missions 161.
VOYAGES
ET MISSIONS
D'APRES
ALEXANDRE
DE RHODES
En la Chine, & autres Royaumes
de l'Orient,
Aussi son retour en Europe par la Perse & l'Ammencie.
A PARIS,
Chez Messire Carle de Bussi, Imprimeur,
lieu de la Rue de la Beurre, rue St. Jaques, dans le quartier des Fosses.
M. D. C. LIII. 1653.
đều chúng ta biết chọn đất cho tổ tiên an nghỉ thì nó đó sẽ có nhiều lợi lạc cho thế hệ của chúng ta. Nghe của những ông, thấy đây lợi là chọn những chỗ này. Chúa lại thưa biết các cha giới mọn toàn vì thế Chúa Công-Thương-Vương lấy làm ngại khi thấy các cha năng đến nhà bà Minh-Dức Vương-Thái-Phi.


Lúc trở về lại kinh Like, chủ Đắc-Lộ có gang làm cho mở một ông quân can thêm trở lại, vì gọn quân này rất thích nghe giảng đạo; ông quân này lại làm chái phó cho chủ Chúa Công-Thương-Vương.

Chúa Đắc-Lộ được lợi ích khi khỏi nước một lần cuối cùng. Với đã nguyễn Bồ-Dao-Nha khá, ngại lên trên tàu cho dân chúng biết ngại làm này đi lại, nhưng vị không nỡ bỏ đoàn chiến đánh lực bị bất

(1) Rhodes & Norrey, All Missions 179.
bỏ, ngại tìm kế trốn xưng tấu với 9 thày giảng của ngại, và đem đến ngại lại di an ủi các bốn đạo.


Qua bùa sau, chúa ban nhiều lệ vật nhất là các thủ mới ngon. Hai cha thằng và các bà về ở nhà một ông quan có đạo, làm lệ và đọc kinh cách công khan. Chúa lại day giúp vui các bà, bằng cách dưa thủy yên và đánh võ kỹ mà. Qua bùa thứ ba chúa mới các bà đi dự lễ tö-tiên tại sân đình trước điện chúa. Quán linh gần đó 6.000, y-phúc chinh-tẻ. Một thây saí đến lây thư chúa ban rồi được làm ram may câu không ai hiểu được, lại đöt may có song: "ngua, sung, giảy, sau do linh ban bị, ai trong dươc thương, ai trát, lý lập một thằng lương. Đên chiều các bà dươc mồ đi xem thủy-chiên. Cô hình in ngày cả tu-sã trở về lại Cửa-Hàn giữa sê nhô tiêu của bồn-

(1) Môlem: Voyages et missions 242.
dao. Ba Minh-Duc Vuong-Thai-Pai di dua mot chang khach dai to ve trong triu cac nu tu va xin cho duoc mot bao ao dong. Ca baieu mot giay that luong. Luc den Manila, cac ba gioi sang cho ba Minh-Duc mot bao ao dong nhu y ba xin (1).


Sau khi gap cac nu tu-si tai Cara-Han, Cha Dac-Lo di ve Hue, va tuer Hue-ngai di ra Quang-Binh. Tron duong ngai gap chien thuyen cua Chua Nguyen dang-ri tuan & bo bien. Ngai bi bat voi 9 nguoi tuy tung. Ong thuyen-truong gie ngai lai va doi lenh cua Chua.

Dang luc cho doi nhu the ngai cung lam cho 70 nguoi theo dao.

Lenh vua den, giaos-si va 9 nguoi theo ngai, phai dieu ve trieu dinh. Chua that quyet lan nay xu tu giaos-si, nhung may nhom co ong quan Thai-pho ngai can chua nen chua khong xu tu giaos-si, nhung chi truc-xuat giaos-si roi khoi nuroc.


(1) Rhodes : Voyages et missions 238 — 249..
1. — Glau-sî Alexandre de Rhodes
   (Glau-sî Dâc-Lo).
con tàu từ từ rời khỏi bến, tụng trầm con mất uột lề nhìn theo cho đến lúc chiếc tàu chỉ còn là một chấm đen dần dần biến mất vào chăn trời xa lạ (1).

Cha Đác-Lở không còn được đến Việt-Nam, nhưng hat giọng của người giao vào đã mở lên mạnh mẽ và hào tiết của bất đào cùng không còn có sức xô ngã được.

IV. NHỮNG NĂM CUỐI CỦNG CỦA CÁC GIÁO-SĨ ĐÔNG TÊN Ở MIỀN TRUNG.


(1) Thudies : Missions et Voyages 260-271.
(2) Thudies Caldeira rất tháo tiếng Việt còn Saccano vira & Au-
(3) Chappouelle : Aux origines d'une Eglise 1.166.

Sau con bạt đạo 1665 chúng ta gặp Cha Fuciti ở triều-dình Huế, Cha Marquez ở Hải-Phô và Cha Beaudet ở Cửa-Hàn.


Sau ngày lẽ Sinh-nhất, được tin Cha Fuciti ở triều-dình vừa bị xử tử, lập tức các cha hội nhau để uy lao tiêm lòng sotr sáng và can đảm chịu chết, Cha Marquez cắt tóc như thể ngài sẵn sàng chờ đón lát gom từ đạo. Các giáo sỉ khác cũng bắt chước ngài; thực ra Cha Fuciti chỉ bị duôi ra kboi triều-dình và dân về Hải-Phô.


Chúng ta thấy các giáo-khu ở Bác và ở Trùng được giáo lại cho các thưa sai giảng đạo Ba-lê. Các ngài sẽ thay thế các cha dòng Tên. Sự thay thế ấy lệ tự nhiên đã gây nên giửa anh em công-giao Việt-Nam một môi thịnh tình sau đói với các giáo-sỉ dòng Tên, là những Tổng-dổ đầu tiên đã chỉ dẫn cho họ con đường đầu tới Thiên-Chúa. Trong những năm đầu tiên các ngài đã chỉ gì cung anh em bốn đạo

72
những nơi lo lắng và buồn của những ngày bất bố cùng như những niềm vui lúc sum họp trong thời kỳ trôi do tin nước. Những ngày ấy đã qua đi và đã ghi lại trong tâm hồn các giáo sĩ cùng như trong tâm hồn các con chiến của họ bảo kỹ niệm em đềm, troi diêp không thể mở xóa được.

V. TRUNG-VIỆT ĐẢM MÀU.

Công lão của các giáo sĩ đồng Tên không phải là ít, đao giáo của các ngài dạy dâa in sau vào tâm trí người Việt-Nam, và những người này sẵn sàng hy sinh mạng sống mình cùng hồn bo đao.

Thời bảy giờ ông Trần-thủ Quảng-Nam là một người rất ghét đao ông có tâm bát Thầy-Giăng Inhaxô (1) cho được, thầy Inhaxô cũng như thầy Anrê là cảnh tay phải của Cha Đắc-Lo.


1.- An-Rê tử đao (1644).

Ngày mai lại ông Trần-thủ tuyên án xù-tử cho cả hai An-Rê. Cha Đắc-Lo và tất cả Bổ-Kiều có mặt ở Quảng-Nam đã đến can-thiệp xin ông Trần-thủ tha, họ nài xin những người có anh hưởng can gián ông Trần-thủ những ông này thái thái bình anh khiêng không không chịu. Ông bảo ông chỉ có thế tha cho, ông An-Rê giả vi ông này có gia-ính con chi, còn thầy An-Rê không thể nào tha được vì thầy theo dân ông-giào, tức là thầy không vững lẽn vua, mà ai không tuân lẽn vua người ấy phải bị án tử. (2)

(2) Nguồn: « Voyages et Missions » 194-197.
Chúa Đắc-Lộ đến thấm thây trong tù, thây tô về hận hoan, xin xứng tội, đọc kinh sê tạng, thây từ gia mọi người rồi vui vẻ để đến nơi tho hình, một trung đai chung 40 quả hành đi hỗ trợ thây. Chúa Đắc-Lộ không rơi thây, ngoại văn theo người môn đệ cùng ngài cho đến nơi tự hình. Thấy An-Rê tuy dù mang gông nhưng thây đi rạt nhanh, lúc đến nơi thây quý gọi xuong cầu nguyện, bình si bao xây thây và không cho Chúa Đắc-Lộ đến gần thây, may một ông sì quan, có lẽ là ông sì quan chỉ huy trung đai cho phép cha đến gần thây. Thấy An-Rê quy nghiêm trang, mặt nhìn lên trời xanh thấm miếng kể tên Chúa Giêsu.

Một người linh tay cảm một cây giáo lạo vào lung thây, giáo lời ra trước ngữ. Thấy An-Rê au yểm nhìn Chúa Đắc-Lộ, cha mới thấy nhìn lên trời là nơi Chúa Giêsu đang doi thây. Người linh rộc giáo ra đăm một lần thứ hai, lần thứ ba nhưng thây vẫn chưa tát thợ, một anh linh gân do thây vay mọi lấy guom chém vò co thây bai lát, đưa thây roi giữa vùng mâu đang lại long thấm nhuần đất Việt. (1)

Sau lúc bị chem, đau thây An-Rê được cắt trong một rừng quản quý giá. Chúa Đắc-Lộ lúc về lại Roma đã mang theo bâu vật này.


Đang lúc bị ngọn lửa bao vây ông đòi đã nhìn nhận là hình Phật. Trời gọi đến, ông thành thật cầu xin thây An-Rê tha thiek cho ông, xin thây cứu ông và gia-sản của ông khỏi chêt chây.

Ông đã được như ý: Nhà ông sau cuộc hoa tải lau hồng, trô lên như một cụ lao & gìa biền tro tàn hậu nát — Xem Loesel « La Cochinchine religieuse » I, 240-341.
La Glorieuse Mort d'André Catechiste de la Cochinchine,
Qui a le premier versé son sang
pour la querelle de l'abus Christ, en cette nouvelle Eglise.
Par le Père Alexandre de Rhodes
de la Compagnie de Jésus, qui l'a imprimé
et est présent à toute cette Histoire.

A PARIS,

M. D. C. LII.

AVEC PRIVILÈGE DU ROY.
Bọn đạo với tất cả thành kính về biển làm lại tổng táng thấy. Xác thây được gọi về Macao đặt tại tu viện của các cha dòng Tên (1).

Ông già An-Re được tha vê, ông là người bốn đào sột sáng. Vi đạo, ông đã bị bắt bốn lướt, nhưng lướt nào ông cũng giữ vững được tin. Vợ ông và các con của ông cũng bắt chịu lồng dung cảm anh hùng của ông. Họ ông là nơi trúng ngữ của obstruction chống bốn đạo trong lúc bình an cũng như trong lúc bắt bỏ.

Ô Qui-Nhorn, ông Trần-thủ ra lệnh cho những người đồng-giao phải đi khai tên tuổi, không ngày một ngày mà đã có hơn một trăm người đến khai, và họ cứ tiếp tục đến mãi, ông Trần-thủ không thể bắt tất cả nên chỉ chọn 36 người rồi dẫn họ về Quảng-Nam. Trong số 36 người chỉ có một người chỉ đạo. Ông Trần-thủ sợ vượt qua quyền hạn mà chưa ban cho ông nên chỉ bắt lấy 6 người, ông ra lệnh đánh những người này, tưởng làm như vậy họ và những người tù khác sẽ ngã lồng và bỏ đạo.

Cha Đàc-Lữ tìm cách vào trong ngục ban đêm, an ủi những bốn đạo bị giam cầm, để sảng, ngại mối ra khỏi tù. Vãi giờ sau quan vào tù, những phạm nhân tranh nhau cho được phúc chết vi Chúa Giêsu, trong số đó có hai cha con điều muốn được về nơi tử-binh. Thấy thế, quan tha cả hai cha con. Rồi ông chọn cho đủ 6 người để đâm ra pháp-trương.

Người mang gông đi trước là Anton Ngư, lãnh từ nhóm Công-giao Qui-Nhorn. Ông đi đến nơi thi-bình với năm người khác. Nhưng lúc tôi nơi họ lấy làm bỏ ngơ vì họ chỉ bị đánh sơ sơ rồi được tha về (2).

2. Inhaxơ và Vinh-Sơn từ đạo (1645).


(2) Nonifay. « Les débuts du Christianisme en Annam ». 45
Nguyễn Đăng đi tuyên ở bờ biển. Ngài bắt với 9 người tùy tùng trong thương, trong chín người tùy tùng ấy có thấy giảng. Inhaxô và Vinh-Sơn. (1)


Sau lúc Cha Đặc-Lộ đã ra khỏi nước, ngày 26-7-1645 Chúa Công-Thương-Vương cho mời 9 người tùy-tùng của Cha Đặc-Lộ tội triều-dinh.

Chúa hỏi cho biết, các ông có dạo Công-giaj chăng, nếu có chúa truyền cho mấy ông phải bỏ dạo.

«Chúng tôi biết thấy đều có dạo, Inhaxô trả lời, và chúng tôi sẽ giữ dạo chúng tôi cho đến chết».

Chúa nói gián và nói: «Để rõi xem các ông có sức chịu binh khốn không». Inhaxô và Vinh-Sơn thấy nhau trả lời các câu hỏi của chúa, nhưng anh em khác lẫn dâu cho chúa biết bỏ chấp thuận những lời của hai ông thù-lành.

Chúa ra lệnh chém đầu Inhaxô và Vinh-Sơn, 7 anh em còn lại, mỗi người sẽ bị mất một ngọn tay. Inhaxô và Vinh-Sơn ôm lấy nhau với quâ vui-sướng.

Hai đại đối gồm 300 linh (4) dẫu hai người đến nơi họ binh. Mặc dù mang gông các thấy đi mau le. Vô số bên dạo dĩ theo các thấy.

(1) Xem trang 53.
(2) Giáo-sĩ Đặc-Lộ gọi quan thấy là «hem cum» xem Rhodes Voyages et Missions. 165.

78
Cùng như bị mẹ của các ông Macabées, mẹ của thày Inhaxô theo thày và khuyên bảo thày can dâm. Inhaxô rồi lụy từ giá mẹ và tất cả mọi người giáo hữu có mặt. Lúc đầu thày rồi khơi xác, người ta vẫn còn nghe thày kêu tên Chúa Giêsu.

Đến lượt Vinh-Sơn, Vinh-Sơn cũng tổ ra can-dâm như Inhaxô. Còn 7 người bì chết tay, lấy làm buồn không được chịu chết vì Chúa Giêsu, nhưng lấy làm vinh-duye được chịu như vì Chúa: bì chết ngốn ut của tay mắt, là bình phát của bon trèm cười.

Không làm sao kể hết tên tuổi của những người bì bất vệ dào vào thời kỳ này. Chúng ta nên nhớ rằng không những người thanh niên trăng kiến như các thày An-Rê — Inhaxô, Vinh-Sơn mỗi bì bất những chính những người nư và trẻ con cùng bì bất và những người nay cùng can dâm chẳng kém các nam nhơn.

Công-Thượng-Vương mất ngày 11-3-1643 theo được 48 tuổi, người con thứ của ông là Nguyễn-phúc-Tân lên kế vị và lấy hiếu là Hiến-Vương. Đối với người công-giáo Hiến-Vương cũng có một thái độ cùng rắn như Công-Thượng-Vương.


Dằng lúc người ta sửa soạn, và chờ đợi thi hành lệnh quan, thì trong dâm đông người rì ra một thiếu nữ, cô nay chạy đến trước các người sắp chịu tử-bình và cùng kính hồn chẩn họ — Raphael một trong những người thanh-nién bì xırl do có đầy và nói: « Cố đừng buồn, chúng ta sẽ gặp nhau ở Thiên-dũng» — vài ngày sau cô kia cũng được phước tử dào. Ông Trần-thủ làm-tuong rằng những cuộc bình đã mà nên làm cho người công-giáo, nhất là phụ-nữ dân bà con mit kiểm sông và hổ dào. (1)

(1) Bonifacy — «Les débuts du Christianisme.».
Ông truyền lệnh cho lính phân thay một người công-giáo tên Thánh là Caius, rồi mang những tay chân của ông đang còn nóng hổi cho bà Gioanna và hai người em của bà xem. Nhưng bà Gioanna và mấy người em của bà cũng không thể đâu sợ hai chú nhựa. Ông Trần-thủ báo bất-bà Gioanna cho vị chú, bà một tay làm đâu thành giả, một tay cầm quạt phpe phẩy; mặt bà chiều rằng một niệm hận-hoàn là lùng, dang lúc ấy một con voi tiến tới láy với vật bà một cái mạnh đến nội bà tắt thò.

Đền phiên các trẻ con công-giáo, chúng vẫn không lay chuyển vì những hình khổ ghẻ góm.

Ai lại không rung động lực thủy những trẻ con ngày thơ vô tội. chi biết làm đâu Chúa rói giờ ta ra trước dân với đang hung ton đến đây xè than xác trong sách của chúng.

Nhưng trạng sự trên đây chúng tôi người công-giáo biết grief chỉ với họ là công-giáo.

VI. MINH-DỨC VƯƠNG-THÁI-PHI.


Bà Maria sớ đi được các chúa kinh nghệ với con bà là ông Hoàng-Khê đã có công đối với Chúa. Nguyễn năm 1635, Sai-Vương chết, con là Công-Thượng-Vương lên thay, Hoàng-từ Khê lúc ấy phụ giúp tận
Vương trong mọi việc, cùng nhau ông mà loan quan do Hoàng tử Ánh, (1) em Công-Thương-Vương cảm đau, được đày yên, trong nhưng lúc thay đổi ngời thủ ông có thể tranh quyền một cách dễ dàng nhưng ông không có thêm vong ấy vì vậy ông rất được các chủ Nguyễn tin dung.

Như thế chúng ta hiểu trong triều của các chủ Nguyễn, bà mẹ của ông hoàng Nguyễn-Phi-Quốc-Khê, có anh-hương và có uy tín, mà bà lại là một người công giáo.

Bà đã gây dựng nhà thờ, giúp đỡ các giáo sĩ cho thờ giáo dân, chính những sáng cửa bà mà Inha-Xô, một nhân viên làm việc trọng dinh của ông Hoàng-Khê trở lại và đã nên một cán bộ sống chết của Cha-Đắc-Lô, và đã được phục tục-đạo.

Chúa Công-Thương-Vương có cuội người chỉ đầu làm vơ, bà này trước kia là vợ lẽ của ông Hoàng-Ky, anh ruột của chủ và là Trần-thủ Quảng-Nam (2). Sau lúc ông mất, Công-Thương-Vương đam cuội bà này làm vợ, chính thục và phong cho làm Hoàng-Hậu, bà đảm sau này gọi là Tông-Thi (3). Tông-Thi giữ người có đạo nhất là Inha-Xô kể thần tin của bà Minh-Dực Vương-Thái-Phi.

Một hôm vào năm 1644 sau lúc đã đê vì thấm anh em giáo hữu ở Quảng-Bình và quy Đông-Hôi, Cha Đắc-Lô trở về lại kính do Huế. Nghị có gang làm cho ông quan Thái-Phó trở lại nhưng không thành công, chính ở trong nhà ông quan đó, có một cuộc hội-hop gồm có các quan, các thầy sai, Cha Đắc-Lô và thầy giảng Inha-Xô. Trong cuộc hội hợp này những lời lẽ lý sự của Inha-Xô đã bit miệng được các quan lớn và các thầy sai, vì thế Inha-Xô đã gây cho họ một đổi thục.


(1) Trần-trọng-Kim : « Việt-Nam sử lược ». 297.
(2) Bonifacy : « Les débuts du Christianisme en Annam » 42. (1).
(3) Trương-vịnh-Ky « Cours d'Histoire annamite » II. 110.

Lúc các bà phước Tây-ban-Nha đến Huế yết-kien chúa Thuong các sỉ-quan và thủy-thủy cũng đi theo các bà. Muốn làm đẹp lòng chúa, các sỉ-quan và thủy-thủy Tây-ban-Nha đã cử hành may đêu mùa và mây trần điếu gươm xem rất ngoan-mục nhưng chúa đã không lấy làm vui mà lại lấy làm sợ nơi với ông Hoàng-Khé rằng: «Hân khanh đã họa được nhiều đieu khó leo kia của người ngoại quốc bởi lẽ họ di lại nhà khanh vì me khanh có đạo mà...» (1).

Câu nói vừa thiêt vừa choi làm cho ông Hoàng-Khé lo và ông dinh thảm làm hết mọi việc có thể làm để cắt sự ngỡ ngàng của chúa đối với ông. Ông cho phà nhà thờ của bà Minh-Dực. Hành-dòng ấy mặc dù sẽ làm cho mẹ ông đau khổ và theo như ông sẽ làm cho ông trở nên một kẻ trung thành với Chúa Thuong. Ngôi nhà thờ lên dối và nhở bè cõa bà bị tiêu hủy nhưng chổ cho hàng trăm ngôi thấy đường nguy nga lồng lay sẽ moc lên, rải rác trên toàn coi đất Việt.


Chúng ta biết cuộc vinh-biệt này đã làm bà Minh-Dực buôn phếển đến bực náo. Một lúc kẻ chăn đã bị bắt thì đến chiến cùng phải tan tác.


Lúc bà lia trần không có một linh-mục nào đến giúp đỡ bà vì lúc ấy giáo-sĩ Saccano & Hải-Phó không thể về Kinh-dổ Huế còn Cha Đắc-Lộ đang trên duồng đi về Rô ma.

Bà tử trần giũa sự thương tiếc của hơn 50.000 tín-hữu mién Trung. (3)

(1) Relation des progrès de la foi au royaume de la Cochichine en années 1646 et 1647 envoyée au R. P. général de la Compagnie de Jésus par le P. Metello Saccano, religieux de la même compagnie employé aux missions de ces pays — Paris 1653. Bản dịch của giáo-sĩ de Machault.

(2) Phan-dình-Khiêm: «Minh-Dúc Vương-Thái-Phi». 87,

(3) Bonifacy: Les débuts du Christianisme en Annam. 49.
CHUONG IV

CÔNG-CƯỘC TRUYỀN-GIÁO Ở BẮC-VIỆT
(1626-1659)

I. GIÁO-SI BALDINOTTI (1626)

Sau lúc chúng ta đã theo dõi các vị thưa-sai dòng Tên trên khắp các nẻo đường ở miền Trung, nơi mà các chủ Nguyễn cai-trị, chúng ta hay theo các ngài ra Bắc để chúng-kiện việc giảng đạo của các ngài trên phần đất của chủ Trịnh.

Năm 1586 cha Bartholomé Ruiz, sau lúc giảng đạo tại Hà-nội để Mặc-mẫu-Hiệp, ngài đã trở về tại Manila để rồi đi giảng đạo ở Nhật-bộn.

Giáo-si Ordonez de Cevallos đã bị trục-xuất ra khỏi triều Lê vào cuối năm 1591.

Từ lúc hai giáo-si này rời đất Bách cho đến lúc các giáo-si dòng Tên đến giảng đạo ở Bắc năm 1626, bình như không có một giáo-si nào đạt chân lên đất Bách ngoại ra một cha dòng Thánh Phanxicô (1). Cha này ở Malacca đến, không biết tên ngài là gì, không biết ngài ở Bách được bao lâu và ở vào khu vực nào, chỉ biết ngài đến có rủi ro từ nhiều người hồi đạo đã lấu từ trước. Rồi ngài chết hay đi đâu cũng không xảy sáu nào nói đến. Các giáo-si dòng Tên đến Trung-Việt năm 1615 thì 11 năm sau các ngài mới đến Bách-Việt.


(2) Trương-Vinh-Ky : « Cours d'Histoire annamite » II. 112.
Đến Hà-nội giáo sĩ Baldinotti và Tất cả các người Bồ-đào-Nha đều đến yết-kỉ niệm Trịnh-Tráng. Chúa dạy làm vui mừng, cầu chúc các ngài nhiều may mắn và chúa đã lo lắng cho các ngài đủ mọi cần-thiết, chúa mới giáo-si và những người tùy tổng trata nguy trong một ngài nhà đế nhất của thành phố. Những ngày Quốc-khánh chúa cúng mới các ngài đến dự lễ, dự những cuộc duyệt binh, những cuộc tập trận do chúa điều khiển.


Chúa Trinh rất dễ ý đến vì si-quan Bồ-đào-Nha. Ông này trọng ở mạc rắt sáng trọng; đi đâu cũng có linh trang hửu bả, nhưng vì si-quan mới lần gặp giáo-si Baldinotti là những bước cho ngài, mạc dù ngài ở mạc khó khăn. Thấy thế chúa Trinh cúng đem lòng cung kính giáo-si. (1)

Chúa Baldinotti nhận thấy người Bắc có nhiều tính cách tốt nên ngài vận động xin các giáo-si đồng ngài đến giảng đạo tại Bắc còn chính ngài phái về lại Macao để đi Nhật-đôn, vì ngài thông-thạo tiếng Nhật.


Ngày 18 tháng 8 năm 1626 ngại từ-gia Hà-nội và đến ngày 16 tháng 9 ngại đến Macao. Có hai chiêng thuyền của chúa Trịnh đi hộ tổng tàu Bồ-dào-Nha từ Hà-nội đến cửa biển.

Sở dĩ cho cha Baldinotti đã không ở lại Bác được vì ngại không biết tiếng Bác, thanh thươ ngại không có giảng đạo gì được chỉ rứa tôi cho 4 bài nhì gần chết. Và lại cha Baldinotti theo như ngại viết lại trong ký-thuật (1) ngại đến Bác có mục đích quan-sát xem tình hình thuận tiện cho việc giảng dạy ở nơi đó không và cùng có ý mở một con đường đi vào tỉnh Quảng-dông ở Trung-hoa và đi vào xứ Lào để giảng đạo ở xứ này.

II GIÁO-SĨ ALEXANDRE DE RHODES (CHA ĐẶC-LÔ)

1.— Ở Thanh-hóa.


YUNCHEIENSIS
HISTORIAE
LIBRI DVO,
QVORVM ALTERO
Statu temporalis huius Regni.
ALTERO MIRABILES EVANGELICÆ
Predicationes progressio referuntur.
COPTA PER PATRES SOCIETATIS IES.V
2d AUCIO 1657, 3d Annum 1656.

Antique P. ALEXANDRO DE RHODES, Auenio-
ensiensis, Confessios Societatis Presbyteri; Eorum
qua hic narrantur testis oculato.

LUGDUNI,
Societis IOAN. BAPT. DEVENET, in vico Mesiorio,
M. DC. LII.
CUVM PRIVILEGIO REGIS.

Đầu vào một người Bồ-dào-Nha tên là Di Fonseca (1) đam buôn-bán với Bác-Việt và hàng lồng đèn hai giáo-sĩ Đắc-Lô và Marquez ra Bắc.

Ngày 19 tháng 3 năm 1627 tàu của giáo-sĩ đến Thanh-hóa và cập bến Cửa-Băng (2).


Giáo-sĩ Đắc-Lô còn ở lại Cửa-Băng 15 ngày, người đùng đắp ấy để giảng đạo và đã làm cho rất nhiều người trở lại, trong số những

(1) Cha-Đắc-Lô dịch ra tiếng Ý những tên của người Bồ-dào-Nha và Tày-ban-Nha.

(2) Rhodes: Historia Tunchinensis. Liber secundus. 11.

(3) Rhodes Historia Tunchinensis. Liber secundus. 12

Gặp tuấn thành các cha tô-chúc thật linh-dòng. Cha Marquez cho ý-kiện dùng một Thanh-già to lớn trên đỉnh núi cho ngoài xa khơi cung trống thấy được. (1)

Trên núi ấy có một ngôi chưa đằng kín một vị Tiên-Nữ, tức là Nàng Thiên-Y, con gái một vua nước Tấu, đã vi can tôi trong mà bị vua cha phát quảng xưởng biên (2) các cha không nợ pha chưa ấy, các người chỉ muốn dùng một cây Thanh-già bảo-quạt cả khu chưa... Đến ngày thứ sau tuấn Thanh lục dân-chưng đã tụ họp rất đông, các giáo sĩ cho lệnh khướng Thanh-già lên đỉnh núi, nước đến chỗ đã nhất-dinh và dùng tại đó. Sau khi làm phép Thanh-già tất cả quý gọi kim-lạy Chúa Giêsu.

Sau được tin chủ Trịnh cùng quan quan vũ trang quan qua đó trông thấy Thanh-già đã hồi xem có phải đâu-biếu mà người Bồ-dào-Nha rất sung-kính không? Một vị quan rất được dân có đao yêu-mến tàu: «Đó là thú cỏ mà he người Bồ-dào-Nha trông thấy được ở tàu, là họ vui lòng dem cầu-cãi hàng-hóa qui lại đến chỗ đó.». Nghe vậy Chủ-Trịnh cũng cỡ nhìn Thanh-già một lúc lâu, cho đó là một điều may mắn cho mình và Tổ-quốc (3)

Cùng vào hồi này nhà Mặc & Cao-Bằng về hùng với Vua Lê Chúa-Trịnh (4). Rành tay về phía nhà Mặc, Chúa Trịnh mới quyết tâm điệt

(1) Rhodes: Historie Tunchinensis. Liberr secundus. 15 và 16.
(2) Rhodes: Historie Tunchinensis. Liberr secundus. 112
(3) Rhodes: Historie Tunchinensis. Liberr secundus. 17.
Chúa Nguyễn. Trịnh-Tráng sai Nguyễn-Khai và Nguyễn-danh-Thể đem 5.000 quân đi làm tiền-phong vào đồng ở xã Hà-Trung, rồi đem dải binh vượt Vua Lê đi đánh mất Nam.

Đang khi các giáo-sĩ ra sức giảng đạo ở Cùa-Bang thì một bèn Chua Trình cho người đưa thư tín cho các người Bố-dạo-Nha biết, Chua đã rồi Hà-nội đem quân đi đánh Chua Nguyễn nhưng Chua Trình cứ đội gặp phải-doán Bố-dạo-Nha. Thất là may mắn, các giáo-sĩ tự-giả dân cừ, khuyên-bào anh em giáo-hư vừng lòng giữ đạo rồi các giáo-sĩ lên đường về Hà-nội. Người sống Cái vai hôm thì gặp Chúze cùng doàn đầu theo thú-tực sau đây:


Vi phải di theo đạo binh của Chua Trình các giáo-sĩ mới được dip thay binh-khí và một số chiến thuyen nhiều hon so các ngái đã thay, ấy là chưa kể với số thuyen với xương chở hành-lý với cả dân bà con gái, mà một số lớn sẽ đi lại tỉnh Thanh-Hoa cho đến chay giác Tinh tất cả thuy-bin và bố-bin có tới 200.000 quân (1) với 300 vò chở sông ống, riêng bố-bin đã chiêm mặt 120.000 quân (2). Trong

(1) Rhodes: Historiae Tunchinensis. Liber secundus. 18, 19, 20.
(2) Chappoulie: «Aux Origines d’une Eglise» I. 33.
lúc đi đường, các giáo-sĩ đã giúp đỡ rất nhiều người. Dân thập-phương đến nghe các giáo-sĩ giảng đạo, và người ta nghe một cách chăm chỉ, nhung trong lúc lòng người hoang-mang như thực, không thể khuyên được ai theo đạo.

Khi đã đến một cảnh đồng rất rộng gần làng An-Vực, đang lúc Chúa lên chùa ở trên đình núi cao để hành-lế, thì không may có một anh linh cưi cuoi voi ngả xường sòng; người ta với với anh ta lên và ai cùng cho là đã chết rỗi. Các giáo-sĩ tật tuôi đến, vơ só người due ngồng vòng trong vòng ngoại, các giáo-sĩ đã cầu-nguyện nhiều và cùng cho anh ta một chút thuốc, thế rỗi may mắn là sao anh linh chời đây khóe-đạnh làm việc như thường. Chúa Trinh rát cảm-phúc và ca-ngợi các giáo-sĩ.


Trong hai tháng giảng đạo ở đây các giáo-sĩ đã làm cho một thây St 85 tuột và một bà gái trong gia-dình của Chúa Trinh trở lại đạo. Lực bộ tỉnh Thanh-Hoa về lại Hà-Nội các cha đã rủa tôi cho hơn 200 người. (1)


Trinh-Tráng nghe tin ấy trong bụng sinh nghi, không biết thực hư thế nào nên ruộc vua Lê và rút quân về Bắc. (2)

---
(1) Rhodes: « Voyages et Missions » 92.
(2) Trân-trọng-Kim: « Việt-Nam Sử-Ươc » 296.
Như thể việc đánh nhau lần thứ nhất với Chúa Nguyễn năm 1627 thật bái

2.— Ở Hà-Nội.


Các giáo-sĩ về đến Hà-Nội ngày mồng 2 tháng 7 năm 1627.

Kinh-do của Chúa Trinh cũng to lớn và đường sá trong thành cũng rộng rãi. Mười hai con ngựa có thể song song đi lượt qua các con đường & phố. (2)


(1) Chapoulie: «Aux Origines d’une Eglise» I. 34.
(2) Rhodes: «Historiae Tunchinensis. Liber Secundus.» 34.
(3) Chapoulie: «Aux Origines d’une Eglise» I. 34.
Lúc các người Bồ-dào-Nha ra về, Chúa Trinh-Tráng cố gửi cho Cha Bề-Trên Palmerio một bức thư tỏ lòng cảm ơn người vì đã gửi các cha đến Bắc-Việt. Bức thư này thấy bằng thư chứa lại. Thuyên bi dân gian đạo Hải-Nam, người bán xú dâu cừu lấy bức thư quốc gia này, nhưng cha Bề-Trên đã chịu lạc. (1) Hình như chính Trinh-Tráng chủ không phải Vua Lê, đã gửi một bức thư cho Đức Giáo-Hoàng Urbain VIII. Đó là bức quoc thur ngoại-giao đầu tiên của chính-phủ Việt-Nam với Tòa Thánh Vatican. (2)

Ký-sự của các giáo-si cùng cho chung ta biết phương pháp giảng-dạo của các ngàn: Các ngàn chưa với dân nhưng tân-thuyết nhưng triinh-bấy cách rõ ràng kỹ căn-thiết phải có một dạng Thường-
Chê được nên vụ-trụ và muốn loài. Trí khôn con người ngày càng tăng tỷ-ãi còn công nhân điều này, sau mới nói đến lục Hồng-thủy, Chúa xương thể làm người và mâu nhiệm Chúa Ba Ngôi.

Lúc cắt nghĩa về sự Thường khói Chúa Giêsu can phải làm cho giáo-buu hiểu chính Chúa Giêsu muốn chịu chết vi yêu nhân loại chung ta.

Một thây Sứ, con của một cặp Đại-sứ Việt-Nam & Bắc-Kinh dem đến một quyền sách bằng chữ Táu mà các giáo-si đồng Tên đã xuất-bản, sách ấy là một quyền giáo lý, nhờ nó mà các Cha được uy tín với dân chúng không phải là ít: vì tất cả những gì ở Táu đến, đều đáng cho dân chung phải tin.

Từ lẽ Sinh-Nhật năm 1627 đến Phúc-Sinh năm 1628, có 500 người đã chịu phép Rửa tội, trong số đó có nhiều người thuộc về dòng qui phải. Một lục theo đạo họ không còn giữ vọ gì lê eua ho năng, và dòng thòi các ông thái-giam trùng ra vô dụng và thất-nghiệp, vi thế bọn người này mới ra sức vận động với Chúa Trinh-Tráng để Chúa duôi các ngàn di nơi khác. Trinh-Tráng ban đầu không chịu nghe nhưng sau vi các bả vọ lê cho Trinh-Tráng biết các giáo-si


Một hôm các giáo-sĩ nhận một lá thư trách các người đã truyền truyền một lệ-luat mới rồi: Luat không được cười nhiều sợ. Như vậy nước nhà sẽ ít dần số, Chúa cảmагент các giáo-sĩ không được truyền truyền luất ấy, ai biết tuân sẽ bị chem đâu. Lời lẽ cùng rắn và bất lề trong thư làm cho cha Bác-Lộ nghi: « nhất định thư này không phải của Chúa, nhưng đó là thư của các ông thái-giam và các bà Cường-Phi » và các Cha cứ giảng giải như trước không một chút sợ hài. (1)


Nhưng người qui phải trộ lão, đăng cho giáo-sĩ Chúa chiến để con người nữa chửa làm nhà thờ. Các người không nhận lỗi vì các người hinfra do sẽ sinh ra nhiều sự rắc rối cho các người; thế mà cùng

(2) Quan-niệm về nhất hoắc nguyệt-thực ở Bắc hoắc ở Nam đều
bị cáo là đã đánh phá các tượng but, chuẩ ra sạc đủ cảm theo đạo công-
ghiệp và dữ ấy được treo ngày trước cửa nhà thờ các giáo-si.

Các giáo-si vào xét kẽn chuẫ Trinh, da làm chuẫ biểu nhửng-
lo người ta vu cáo, và vi thể chuẫ lại bửy sạc-du cảm đào.

Các giáo-si tỏ-chức một cách hết sức long trọng những lể của
Hội-thánh. Ngày Têt, giáo-si không cầm bồn đào trong cây nuevos, nhửng
với điều kiện mới cây new đều có thành giây. Ngày mỏng một Têt-
dàng kính Đức Chúa Cha, ngày mỏng hai Đức Chúa Con và ngày mỏng
ba Đức Chúa Thánh thần.

Nhường cuộc ruốc kiện được tỏ-chúc vào dịp lể lâ đã hap dân
không nhửng anh em giáo hữu, nhửng nhất là nhửng anh em bên
lung, rủi rủi nam ấy một cuộc rõa tài thiếu tất cả các bao bột nên
dên kỳ lê Phúc-Sinh không thể cho bồn đào ruốc lê được.

Trước lê Đức Chúa Trời Ba Ngòi năm 1628 đã có hồn 1.600 bồn
do (1). Giáo-si đã rúa tới cho nhieu người gán chết, và như thế
các kẻ ghen ghét người đã phao lên rằng các người đã giết chết dân làng.
Lại còn một thay Su trước kia là tay chân của Mạc-kính-Cung cao
các giáo-si âm mưu với họ Mạc để lất dỏ họ Trinh. Ông Su này còn
cáo các Cha có ác vẻ đọ thành Hà-Neì; nhửng lỡ vi vu cáo ấy đã châm
ngòi lừa gián ghét của nhân dân đối với người giáo hữu, họ đã kéo
dên hạ bàn thờ của các cha rồi Chuẫ Trinh ra sạc-du cảm đào.

Theo sạc-du ấy các cha phải bị giám ở tại tư gia, một tiêu đối
canh gán nhau các người đề cho bồn đào khỏi đên với các người. Trong
15 ngày các giáo-si chỉ lo việc riêng của mình không giúp gì cho
bồn đào được. Sau thời gian ấy cha Đà-Lô mới bắt đầu đi giảng
cách chùng lên đề cho bồn đào khỏi phải làm-lérer vi họ vẫn tìm
gặp các người. Một đại-úy kiểu bình đã trở lại trong thời kỳ này người
dạt tiền cho vị si-quan này là Inha-Xô; tất cả gia diành cùng theo
gương của ông. Lục mà các cha được tư do giảng dạy, người ta đến

nghe các cha vì tổ chức những khi các Ngài giảng dạy cách chưng lên thì chi những người muốn tro lại mới chây dân tim các Ngài. Trong một thời gian ngắn ở trong thành phố đã có 7 giáo khu. Mỗi khu đều có nhà nguyên rieng, nhà nguyên cung là nơi hội họp để chép Phúc-Âm, hành các thành, các kinh thuong đức, như vậy hội ấy các cha đồng. Tên đã dịch những sách ấy ra tiếng Việt (1).

Bốn tháng sau khi ra sắc dụ cầm đạo, khoảng đan phát hoa, một quán nhân thuộc pháo bình bị lửa tiêu chây, chúa Trịnh biết bình si ấy là một người công-giao, chúa truyền tổng tăng người bất hánh một cách linh đình trong thế và theo lệnh cứng công-giao. Giữa cánh đồng rừng mênh mông trước lúc từ giá người quá cỏ, Cha Đắc-Lô đã giảng một bài thơ trong thiệt và sau sắc. Đại ý bài này như sau: Mùa Đông đa qua, mưa đa tanh v.v... ngài chứng-minh những cuộc thử thách bất bò làm cho lòng người càng mạnh tin họn. Có những cuộc thử hạch này mới biết những ai trung-thành với Thiên-Chúa.

3. Trên đường lưu lạc.


chết». Các giáo-sĩ mới bảo các điều đó không có gì là việc có nhiều người đến chét xin theo đạo nên các cha mới rửa tội cho họ. Anh bị thư một khuyên các cha rằng: «Tôi rất lấy làm bở-ngo, vì các cha lại những người khốn ngoan, sao các cha lại rửa tội cho các người gần chết, như thế hủy ý hay vô tình các người đã cho những kẻ ghen ghét các người, một cơ-họi để vu cáo các người; vì thế tôi thiết nghĩ các người chi nên rửa tội cho những người khóc mạnh». Các cha cảm ơn lời chỉ giáo của ông và cho ông biết phần sự của các người là lo về mạng sống thiêng-liêng của người gần chết.

Lúc được tin các giáo-sĩ bị ngày, rất nhiều người đến xin chịu phép rửa tội. Một vài ngày sau, một ông quan thái-giám chúa sai đến dùng cho giáo sĩ 20 lương vàng, vai trước và, rồi ông mời các người xuống thiên, ông giao các người cho thuyên-trường.

Giáo-sĩ xin phép đến gặp chúa để cảm ơn chúa, không những về món quà chúa mới gửi đi, nhưng còn về những ăn hước mà các người đã hường trong nọt hai năm. Tầm tình biết ơn ấy là một tâm tình thành thục. Cha Đặc-Lở có một tình yêu tha thiết đối với những người khốn dong tín-dương với người, dù những người ấy là những người nghèo khó hay là những ông quan triều-dình Huế. Đối với ông Trần-thủ Quang-Nam là người đã detta phá nhà thờ, đã giết chết các bốn dào của người, Cha Đặc Lở không thể tả ra một ước gì li ghen ghét ông ta. Giáo sĩ đã mục kích nhiều cuộc bắt bớ, đã thấy máu người giáo-hừu, con cái của giáo-sĩ đó ra lại lạnh, giáo-sĩ đã nói lên những nói đau đớn và lo ngại của giáo-sĩ, nhưng tuyet nhiên không có một lời chua cay đối với những kẻ thù đe dọa giáo-hội.

Anh em công-giao nghề tin, kêu đến tiên chấn các giáo-sĩ. Họ xướng ngay dưới sông để nghề cho rõ một lần cuối cùng bái giảng của người cha chung, họ đến gần người muốn xướng tội, nhưng vì thời giờ co hẹp, người không thể giải tội cho riêng từng người nên người làm phép giải tội chung cho tất cả. Uóc lượng có đến 500 bốn dào ở bên đó. Trong số những người ấy có một ông già 70 tuổi. Ông an von lề phục để từ giáo các cha và trong gây phán quả cảm-dòng ông quy xướng lạy các người bốn lạy.


Từ Bồ-Chính các giáo-sĩ trở về lại Nghệ-An, mà đầu biết các ngại phải đi dấy, ông Trần-thủ Nghệ-An vẫn có mặt tại địa rất nhiều vời các giáo-sĩ, lúc các ngại đến, thành phổ đang trái qua một phản hân, đắn sự tính sự có mặt của các giáo-sĩ là nguyên nhân tai hại ấy, nhưng may cho các ngại may ngay sau trở lại bất dku nữa.

(1) Ở miền Trung có hai thầy giảng tên là I-nha-Xô và An-Rê, nhất Thầy đến được phức tư-dào. Vì các giáo-sĩ không chỉ tên tức và tên họ nên rất ở thế làm lẫn Thầy I-nha-Xô ở Bắc ở với Thầy I-nha-Xô ở Trung; và hai đến là Thầy; giảng cứu cha Đặc-Lở.

Về phán xét chất, tiến bậc mà các ngài mang theo và tiến mà Chúa Trinh biểu các ngài cùng biết sách, các giáo sĩ mới nhờ người giúp việc là An-Tôn về lại Hà-Nội xin anh em giáo-hưu giúp đỡ. Trong một thời gian ngắn An-Tôn trở lại với 20 nén vàng, và còn qui hom 20 nén vàng ấy, một bức thư của giáo-sĩ Gasparo d'Amaral.

Giáo sĩ Bồ-dào-Nha đến Bắc-Việt cùng với giáo sĩ Saito Paolo Nhật-Bôn.

Cha Đác-Lộ và cha Marquez hồn bơ di gặp các ngài, Được Macao tiệp-tê, các cha đã trả lại 20 nén vàng cho anh em giáo-bưu Hà-Nội.


4.— Ngày vế.

Các giáo-sĩ về lại Hà-Nội nhưng các ngài không được hết-kiện, Chúa Trinh vi giùa Chúa vói các ngài đã có một bức thành ngần, bức thành ấy tức là các quan Thái-giám.

được khi thấy các bà các cô nói thì nhầm với các cha, mắc dù là ở một nơi trọng trách ai ai cũng đều xem thấy. Muôn cho người không công-giao khỏi để ý đến việc này, ngại mới nghĩ ra một phương pháp nghe-nghính; vì nhiều nhà công-giao ở liên khí nhau, ngại bất họ chui một lô trong vách để thông thường nhà này với nhà kia.

Đối ấy bona-dào Bác-Việt rất hunger sọt sáng, đặc sắc hơn cả là lòng thành kính của họ đối với Thánh-Thế. Họ sợ tôi nên vì thế việc đi xưng tôi. Đó là một sự an ủi nhiều cũng là một gánh nặng ghê gòm cho cha Đác-Lọ, vì nhiều lần ngại phải thê để giải tôi mà vẫn có người chửa xưng tôi được.

Những ngày lẽ trong cùng như những ngày Châu nhất, dân chủng ở rất xa cũng chịu khó đến xem lè, có người bất đầu đi từ 3 giờ sáng. (1) kẻ khác chịu ngày ấp lề, lúc còn trưa xồng xột họ bất đầu ra đi. Cũng vì các người ở xa; đến trê nên các cha phải làm lé trê vụ ngày Châu nhất và lẽ Trong. Hai giờ trước lúc bình họ bất đầu doc kính, lúc lẽ xong rồi những bona-dào thành phổ ở lại suy nghĩ, những anh em ở xa bona họ ra về. Ở trong những giáo-khu không có linh mục, anh em công-giao hồi nhau lại doc kính ở nhà thế suốt cả buổi mai ngày Châu nhất và ngày lẽ Trong.

Trong khoảng 3 năm các cha đã làm cho 5.000 người trở lại, các cha không được ở với họ lâu dài vì một lần nữa Châu Trinh ghé lò dự đồ của các Quản cần thân Thái-giam hạ lệnh cho các cha theo thư Bổ-dào-Nha về Macao. Bona-dào được tin ấy chạy đến xưng tôi trong 5 ngày 5 đêm, có những đem giáo-si chỉ ngú có một tiếng đồng hồ.

Đến ngày phải ra đi, tất cả bona cha: Cha Đác Lọ, cha Pedro Marquez, cha d’Amaral, cha Saito Paolo xướng thuyên di Cửa-Bằng. Gie ra còn có dip tham cửa bona đào mà chinh các ngại đã làm cho lửa lè, lần này các cha còn nữa tới thêm cho 22 người nữa.

Tội đây (5-1630) việc truyền-giao của cha Đặc Lộ & Bác-việt-châm dứt, 10 năm sau, nghĩa là vào đầu năm 1640 ngôi trở về lại giảng đạo ở Trung-Việt trong hơn năm năm. Lịch sử còn phải nói đến ngại trong lúc ngại văn động ở Roma để cho Việt-Nam thời bây giờ có hàng giáo-si bản-quốc.

III. CÁN-BỘ TRUYỀN-GIÁO.

Trước lúc từ già đất Bắc, các giáo-si đã dạo tào nên những người cán-bộ truyền-giao mà chúng ta xưa kia gọi là thầy giảng hoặc kể giảng. Các thầy rất cần cho việc truyền-giao. Ông Bắc cùng như ông Trung, giáo sĩ đã thầy tất cả sự cần thiết, nhất là trong những ngày denn tôi mà giáo-si bị chúa giam cầm không thể đi nơi này nơi khác để làm việc songGLE.

Dưới đây các giáo-si Đồng Tiến, các thầy giảng chia làm 3 hàng: các thầy tập, các thầy giáo và học sinh. Muốn được liệt vào hai hàng sau này cần phải qua một kỳ thi, ngoài việc thi này các cha còn chú ý đến tính hành.

Tên các thầy giáo được công-khai rào lên ở nhà thờ cho bổn đạo biết trong một ngày lễ trong. Sau lúc được gọi tên các thầy làm lễ tuyển-thê. Thường thường các thầy ở một nhà riêng gần nhà các cha, một trong những thầy dùng dân nhất được bầu làm thủ-linh các thầy khác. Ông trong các bổ nhánh, các thầy thường tuyển thêm đề muội làm thầy tập và học sinh.

Các thầy dầy lúc gã gầy sáng và trong nữa giờ các thầy nguyên ngâm, ai không có lý do mà vắng mặt giờ ấy sẽ bị khốn trách và bị phạt. Cúng có khi các thầy cảm phỏng trong 8 ngày dưới sự dặn-dò của một vị linh mục. Giờ gấm xong, các thầy xem lê, rồi đọc kinh cầu Đức Bà và hành các thành. Sau đó các thầy rỗi nhà nguyên đề vào lớp học. Lúc các cha ngồi toa, luôn luôn có một thầy chúc sân ở nhà thờ để làm thông-ngoan lúc cần. Các thầy thì những người tàn

102
tòng trước khi cho họ chịu phép rửa tớ i. Các thầy ruốc lê một tuần, hai tuần hoặc một tháng một lần, các thầy ăn chay denn tới hôm trước, để đồ mình ruốc Chúa. Nhiều bốn dào bất chước gióng tốt ấy.

Những gì người ta đang cúng, các thầy bỏ vào quá chung. Sau lúc ăn cơm trưa, các thầy giải-trí trong một giờ, rồi tiếp tục học hành hay đi tham các bổn dào. Sau cơm tôi đọc sách thiêng liêng trong 15 phút, tiếp theo đó xét mình về những hành động trong ngày, đọc vài kinh rồi các thầy, đi nghi.

Các cha đi viếng các hơ dào ít ra một năm một lần; sau những ngày viếng tham ấy các cha có thời quen lìm lê cấu bàn cho những anh em giáo hữu đa qua đời. Trong dịp này các giáo hữu sung-sướng thì nhau dang lê vặt cho các cha: giao, vãi, tiên bắc... Vi biết các cha không bao giờ nhận lể vặt nên bao giờ giáo hữu đăng cúng có ý để cho các cha nuôi sống các thầy giảng. Vào tầm tháng 7 cũng có thời quen đăng lê vặt cho các cha. Trong tháng này các thầy đi tham Tất cả các xữ, giảng về bình phát và phần thường đối sau (1).

Các ngại nhân thầy dang lúc các ngại vắng mặt các thầy đà giử vững được đối sống cộng-giao giữa anh em, miền là các thầy đưc đề cho các gia-dinh cộng-giao ở thầy các thầy ngoại dào lại có học thuộc, nên dom ngoại các thầy, tìm cách lợi dụng các thầy để gak con cho các thầy. (2) Vi thế cha Đắc-Lô mỗi đề nghi cho các thầy làm lêuyen-thể giữ mình đồng trình cho đến lúc có các thưa-sai khác đến thay thế các ngại (3).

Trong buổi lê cuối cùng giáo-si cùng cho anh em giáo-hữu hay duy quyết định ấy và ngại cho biết ten ba thay giảng Phanxicô, An-

(2) Chappoulie: «Aux Origines d’une Eglise » I. 38.
(3) Cha Đắc-Lô gêu-câu các Thay Giảng ở Trung cùng làm như vậy.
Rể và Inhaxô. Cả ba quy gởi dura tay trên Phúc-Âm và thế cách lòng-trong. Ngoại ra lời thế không kết ban, còn có lời thế buộc không giữ làm của riêng những tiện bồ thi, thế vạng lời thụ lánh mà các cha đạt để đạt đắn các thây. Người giúp việc của cha Đắc-Lô cũng làm để tuyên thể.


Hình như Phúc-Âm — Sách Bổ — Hành các Thành — Lễ luật, tất cả đều được viết bằng tiếng Quê-ngữ. Đò là những cuốn sách quốc ngữ trước tiên của nước Việt-Nam chúng ta. Chỉ có cha Đắc-Lô mới có khá-nặng cho phật-hành những quyền sách này! (2)


(1) Rhodes: Historiae Tunchinensis Liber Secundus 142.

Không những thầy giảng đã giúp vùng Đức-Tin đang lúc các cha vắng mặt, ngày những người bốn-dạo thường cùng can-dám trung thành với Đức-tin của mình.

Sau đây là một ví-duyên:

Phanxicô là người hầu cẩn và hồ-giá một ông hoàng... Ngày ngày trong lúc rảnh, Phanxicô thường đi giúp việc tổng tùng các giáo hữu nghèo khó, thầy Phanxicô quen phạm-gia, vì một bánh-vi mà người đôi ấy cho là như nhương, nhiều người đã bát đầu đi nghỉ. Cậu chuyện dẫn dẫn đến tai ông hoàng.

Ông mới tuyên gọi Phanxicô và dạy phải bô việc ấy đi vì cho là một tội phạm đến uy-danh của ông: « Bạn tay đã nặng đỏ kế chệt, đâu còn xứng đáng động vào song-loạn của ông hoàng bà chúa? » Phanxicô phán trấn hệt lé những uốn lòng ông. Ông hoàng vẫn một niêm cương quyết lại còn buộc Phanxicô bô dạo. (1)

Phanxicô không kém lòng cương-nghi; vì thế mà phải chịu một trận đòn đến ngắt người đi. Tiếng-coi lại còn bị tra-tán một lần nữa.

Phanxicô vẫn dạ sắc gan lòng. Ông hoảng cho là cùng dẫu cùng cố moi dầy quan đạo-phụ lấy búa bổ đối giáo Phanxicô. Đó là những giọt máu khai nguồn cho dòng máu rất phong-phú cho 10 vạn con dân dâit Việt trong ngót 300 năm biết hy sinh tính mạng với Đức tin và vĩ Lý-Trương Công-gạo. (1). Có lẽ Phanxicô đã tử vì đạo vào năm 1630 hoặc 1631 đến năm 1644 nghĩa là 14 năm sau An-Rê mới chết vì đạo ở Trung.

IV. GIÁO-HỘI BẠC-VIỆT ĐƯỜI QUYỀN LÃNH ĐẠO CỦA LINH MỤC GASPARO D’AMARAL.


Lúc phái-dạo giáo-sĩ vừa đến, mặc dù Trịnh-Tráng truởc kia đã duôi các Giáo-sĩ lại tiếp truởc các ngài hết sức thân tình.

T.D.K: Trong B.M.H.C.G 1949. trang 63,
Rhodes: « Voyages et Missions » 100.
(2) Antonio de Torres đến Trung-Việt năm 1627 cùng với Benedito de Miltos để thay thế cho Bác-Lộ, vi cha này ra Bắc theo lời yêu cầu của cha Baldinotti.
(3) Relation de la province du Japon écrite en Portugal. par le Père Francois Cardim, de la Compagnie de Jésus procureur de cette province-Tournai 1673. Nên nhớ thứ ấy giáo-sĩ Bắc-Việt ở trong khu vực truyền-giao của các cha Đồng Tên tỉnh Nhật-Bộn.
CATHECHISMVS
Pro re, qui volunt fidem
BAPTISMVM

ROMAE. Typis Societatis Congregacionis de Propaganda Fide.
Superiorum permissa.

11. — Quyên Catechismus là một quyển sách giáo lý của Cha Alexandre de Rhodes do bộ Truyền giáo xuất bản ở Roma năm 1621. Đây là quyển sách Việt-ngữ đầu tiên.
Chúa Trịnh mối các giáo sĩ ở trong nhà người con rể của chủ roi chủa cho già tạt cả người trong nhà đen xâm ảnh thường xinh xinh mà các Giáo sĩ dem đen.

Vài ngày sau đó, đến kỳ thi, vua Lê-thân-Tòng ngự đến trường, 12 người lúc-lúc lượng kinh vong, vua gặp các cha đang đi đến, vua truyền dem nghĩa cho các ngôi, các cha từ chỗ không cười. Lúc đến trường, vua nhận bài của thí sinh roi trông về dinh, và lần này bất bước các cha phải cười nghĩa theo sau. Trong lúc đi đường vua cho biết lần trước chính phủ đã mời các cha rời khỏi Bắc-Việt chỉ vì các quan xui giục, nhưng lần này chính phủ cho phép các cha rửa tội cho những người xin chịu phép ấy. Chính phủ còn lo lắng nhà của cho các cha. Việc này rất có ảnh hưởng trên dân sự đen nội chỉ trong một thời gian ngắn các ngôi, rửa tội cho 1.003 người (1).

Lúc các Thừa-sai về lại Hà-nội các ngôi lấy làm an-ủi vì nhiều lý do: Lông hàng nông làm việc của các thây giảng đã dem lại nhiều kết quả tốt đẹp. Sự trung thành của các người Tân-tông đã giữ vững Đưc-Tin.

Sở di ngày này chủ Trịnh có thái độ để dàng đời với các giáo-si với chủ mong người Bảo-dao-Nha giúp chủa chống lại họ Nguyễn cùng như Bảo-dao-Nha đã giúp nhà Minh chống lại Mãn-châu (2). Nhưng lúc Chúa biết rõ không bao giờ người Bảo-dao-Nha giúp Chúa chống lại họ Nguyễn, Chúa tự-nhiên bột thêm tình đời với các giáo-si và lúc đầu Bảo-dao-Nha sắp đi, Chúa lại truyền cho các cha phải rời khỏi nước, nhưng sau Chúa lại cho một cha rời hai cha ở lại, tuy nhiên các cha không được phép giảng dạy làm cho dân chúng trở lại đạo như trước.

Muốn cho Chúa Trịnh khỏi để ý đến việc truyền-giao, ngày nào cũng có một cha vào triều bâu Chúa đang lực áy cha kia lo giảng dạy dân chúng. Đang khác các cha yêu cầu giáo dân dừng đển tư-gia của

1) Bonifacy: « Les Débuts du Christianisme en Annam. » 30
các ngài, và các ngài cũng ít khi đến thờ chình, các ngài chỉ đi đến nhà cửa bốn đào hoặc các nhà nguyễn nhỏ ở trong các địa điểm thành phố. Công việc ấy cũng để dỗ bốn lúc có hai giáo sĩ phụ giúp.

Cha Girolamo Majorica ở Trung đến, nên ngài thạo tiếng Việt, cũng đến với ngài có cha Bernadio Regio: cả hai đều thuộc quốc tịch Ý.

V.— TIẾN TRIỂN MẠNH MẼ CỦA GIÁO-HỘI BÁC-VIỆT (1639-1650)

Theo ký-sử của cha Đác-Lô, năm 1639 ở Bác-Việt đã có 82.500 người công-giao (1) do là chưa kể những con só bốn-dào ở tại Bồ-chính. Một vài sứ-gia cho con só ấy là quá đáng những lúc xem lại hồ sơ rửa tội mới biết các giáo sĩ làm hồ sơ rất kỹ càng (2).

Đến năm 1641 ở Bác có đến 108.000 người công-giao, điều này cũng không lạ gì ví năm 1613 Nhật-bản đã có một triệu tám trăm ngàn người công-giao (3).


Cha Majorica đến ở Nghệ-an, một hôm ngày đang ở trong một nhà thờ, thỉnh linh ngài bị 50 người Trung-hoa đốt kiếm, cố lé những người Trung-hoa này là quản Tàu-đô mà những người ghét đào xui


đạt được mục đích pha ngải, chúng lấy búa bừa trúng vào vai ngải nhưng may có một giáo-bửu bằng nóng như thành Phêrô thứ xuz, nhạy chợm lên chử "chêc", không phải để cất tai chử như Phêrô đã làm nhưng để cứu chử mình thoát nạn.


Giáo-si d'Amaral về Macao năm 1639 đường sức nhưng ngải cũng không thấy mạnh lại, vì thể hai cha khắc được gọi đến Bác-Việt thay thế ngải, cha Baldassare Caldeira Bồ-dào-Nha và cha Giuseppe Mauro Ý-dai-Loji. Cha Giuseppe được cử đi Thanb-hóa, ngải còn trẻ thích hoat động, làm việc hàng nóng nhưng không may ngải bị một con sòt vật ngải, nhưng để cho ngải còn có sức làm việc. Cha Baldassare chỉ & do cách xa hai ngày đường, mặc dù trời rất xấu nhưng càng càng giúp đỡ ngải trong con bệnh hoạn, ngải chịu phép giải tội và xục đầu xong ngải lên con nói rằng rõ tát thể, để lại biết bao nhờ-tiec cho anh em cộng-giáo mà ngải đã hưởng dến.

Cha Antonio Barbosa sau 5 năm giảng do ngải mắc bệnh lao. Trong hai năm, ngải tử chói không muốn bỏ doan chiến, ngải rốc ao sống chệt giữa con cái của ngải nhưng với các Bè-trên muốn ngải mau lành bệnh, nên gọi ngải về Macao, nơi dạy với khí hậu lành ngải không chịu nổi nên lại gọi đến Goa, nhưng ngải cũng đa từ trần vì bệnh này. (1)

Trong năm 1640—1641 đã đến Bác-Việt các cha Pietro Alberto-

(1) Xem chuông V. số I. 1.
và Manoel Cardozo Bồ-dào-Nha. Cha Alberto sau 4 năm phải đi nghỉ ở Macao, về lại Bác-Việt, tàu bị bão, người cùng với các cha đã bỏ mạng trong tai nạn này.


Trong ba tháng ấy nhiều thiếu-nú miền đông Bác-Việt viết thư tín cho các giáo-sĩ hay họ thà chết còn hon bỏ dao hay bỏ lợi khẩn giũ mình đông-trình. Vài ngày sau một trong những có ấy tên là Vitta (1) bằng lòng chết hon là bỏ lời thề về đức trình-khiết. Cô Monica và Nina ga gặp một top linh-trên đường đi đến Hà-nội, các chú linh-thây hai có này không được đề giải như y các chú, nên nói chọn sống hai có, chỉ đề đầu lời ra khỏi mặt đất! Các người công-giao đến kíp đề giải-phông cho hai có anh hùng này.


(1) Không biết được tên họ và tên lúc của các có.
đón khi nghe tin 4 giáo sĩ phải thiet mạng. Ngày cả chúa Trinh-Tráng cùng đến chia buồn với các cha tại Hà-Nội và đã biểu cho các người nhiều số dụng mà chắc chắn các cha phải thiếu hụt vì tàu Bồ-dào-Nha đã bị chìm.


Nhưng thư truyễn-giao ấy là Cha Giovanni Cabral Tu-viên-trưởng Macao kiêm-chức phó Giám-tỉnh Nhật-bôn, cha Francesco Rangel và Francesco Figuera, tát cả 3 giáo sĩ này đều thuộc quốc tịch Bồ-dào-Nha. Cùng với các giáo sĩ Bồ-dào-Nha còn có các giáo sĩ Ý-dai-Le própria Francesco Monte Foscoli, Stanislao Tortente và Giovanni Marini. Giáo sĩ Marini được lệnh đi truyễn-giao ở Cao-Mêo (3) không may tàu người bị bão cấp vào bờ biển Bác-Việt, tôi ngày Marini thấy việc tổng-dở ngày hửa hên nên xin ở lại và lập tức người học tiếng Việt. Sau lúc đa di quan-

(2) Bonifacy «Les débuts du Christianisme ». 37.
(3) Rhodes : Historiae Tunchinensis - Liber secundus 195.
sát các giáo-khu trên toàn cõi Bác-Việt cha Marini về lại Macao viết một tập ký-sử về việc truyền-giao ở xứ này. (1)


(1) Xem chương IV. mục III.
(2) Cha Morelli đến Bác-Việt lúc nếo cha Alexandre de Rhodes cũng như Francisco Cardim không nói đến, hỏi ấy ngoài là Bề-Trên có cõi Bác-Việt.
Giáo-sĩ Barbosa cho chúng ta biết qua vẻ dời sống tự của những người công-giao Bác-Việt hồi ấy (1).


Cùng theo giáo-sĩ Barbosa nhiều bổn đạo xin phép khẩn gửi các văn lời và trình-khiết, ngày nhiều người đã có đồi bạn cũng muốn sống cuộc đời trong sách.

Đọc đến những đoạn này, chúng ta nhận thấy rằng: anh em công-giao Bác-Việt cũng như anh em công-giao Roma trong thế so khai của đạo công-giao, đã có một lòng sắt sang như nhau, và nhất là có sức mạnh và can đảm để giữ vững đức tin của họ.

VI. NHỮNG NĂM CUỐI CUNG Ở MIỄN BẮC (1650-1659).


Trong thời gian họ Trịnh đánh họ Mạc, và lúc họ Mạc phải rút lên Lang-son Cao-Bằng, trưởng Vũ-công-Mạt một trưởng đã trung thành

(1) Rhodes : Tunchinensis Historiae – Liber secundus 194.


118
làn việc với ông cùng vài, những người này đã được An-tôn Vòi
rửa tội và anh Vòi đã học tiếng Tây đang lúc ở Lào. Họ thọ một Thiên-
Chúa, kinh Thánh-Giả, giữ luật tự-nhiên và không làm điều di-dân.

Lúc đến đền thửa nhất các nhân-viên công-giao dân các giáo-si
dến một nhà thờ ở Đại-Dồng gần phủ Yên-Binh. Giáo-hữu trang
hoảng nhà thờ như một ngày đại lễ, toàn thể anh em công giáo đều
có mặt đầy đủ để đón tiếp giáo-si. Cha Filippo Marini ra lệnh cho họ
dọc kinh, ngài xem xét các sách và ngài bắt đầu hành lễ. Ngài dạy cho
họ cách xưng tội ban phép cho họ, sau lúc đã giảng giải về phép bị
tích Thánh-Thê, được chịu lễ Ngài đã làm công việc ấy từ ngày 25-11
đến 3-12. (1) Vi không hạp khi hâu, các thầy giảng bị bệnh, nên các thầy
và cả cha Marini phải từ giã ra về giùa tiệc khác tranh cần bản đạo.

Nhưng giáo hữu này mới lần về Hà-Nội họ có đến tham các giáo-
si dem đẳng cho các ngài những thờ-săn của miền thương-du, nhất
là mất ông, và dem về những anh tương, trang nhật và nước thành.


Từ lúc các cha đồng Tên đất chấn lên đất Bác-Việt, các ngài
da rửa tội cho hơn 350.000 người. (2) Có những năm ở Hà-Nội có đến
16 cha đồng. Sở sinh ra những mới là người cho nhà vua, Bề trên ở Ma-
cao gọi bớt các giáo-si về, phần động các cha chủ thạo tiếng được
goi về, chi để lại từ 6 đến 10 cha. Trong những năm sau đây thượng
có 6 cha, hai cha ở lại Hà-Nội học tiếng với cha Bề trên, và 3 cha
di tham忐 cả các giáo khu. Hội ấy có 120 nhà thờ ở Nghệ-An, 34 ở
Thanh-hòa, 40 ở Bồ-chánh, 114 ở các tỉnh miền Trung Bác, 50 ở các

(1) Marini trong ký-thuat không cho chúng ta biết năm nào.
(2) Séminaire des missions Etrangères — Paris trong «Mission
Catholiques d’Indochine 1933 trang 22 cho con số 300.000 là quá đúng
huống nữa là con số 350.000. Lão chỉ trích này không đúng đúng vung
trước những tài-liệu lịch-sử chắc chắn xem trang 82 và.
(a) Bonifacy : «Les débuts du Christianisme en Annam» 60
(b) Chappoulie : «Aux origines d’une Eglise» I. 39 (2) và 103.
(c) Maurice Durand trong B. S. E. I. 1er trimestre 1957 trang 15,* 27.
tỉnh miền Đông Bắc, 15 ở các tỉnh miền Tây Bắc, và 25 ở phía Bắc tỉnh Hà Nội — Ông chính tại Hà Nội và địa hạt chung quanh có 16 nhà thờ, tổng cộng vào năm 1655 giáo hội Bác-Việt có 414 nhà thờ.


Giáo hội Bác-Việt có lẽ sẽ còn tiến mạnh neu chủ Trịnh không cự xưng quá cay nghiệt với hàng giáo sĩ.

Trịnh-Trang mất năm 1659 Trịnh-Tắc lên làm chủ thay thế. Mặc dù đã nghe nhiều lời báo cáo về người Công-giáo nhưng chủ vẫn phân vân; những hoạn-cạnh sau đây sẽ khiến chủ Trịnh đối lòng.


(1) Cao mai : địa phận Thái Bình. Missions catholiques en Indochine 1939 tr. 53.
(2) Không biết tên họ của ông.
12. — Hoa do Việt-Nam vào thế kỷ XVII
toát mồ hôi, và ngời chú tươi nhiên rung lên. Hiện tượng là những ấy còn diễn ra một lần nữa và lần này đau của hiện tượng bật rói ra khỏi cõi (1). Các thấy sự mới tìm lý do của việc lùng kia, và lý do ấy là sự hiện diện của các linh mục ngoại quốc trên đất Bắc-Việt.


Giáo sĩ Tis-anier là một trong 15 giáo sĩ dòng Tên đa tinh nguyên qua Á-Dòng truyền giáo, nhưng lời hùng hồn của cha Đặc-Lộ đã lời kêu hờ đi đến chân trời xa la, tôi там vi anh sáng Phúc-Âm chưa chführt đời đến, giáo sĩ Tissanier và Albier đặt chân lên đất Việt chính lúc mà Trịnh-Tạc ra lệnh đuổi các giáo sĩ ra khỏi đất Bắc-Việt. Sau Tissanier phải về lại Macao, tau của các ngại bị nàn ở biên Hải-Nam (2). Nhưng tất cả hành khách đều được tham noticias. Bên trên giáo-khu Hải-Nam là cha Forget đã tiếp các thừa-sai, các ngại về Macao bàng yên vô sự.

Đang lúc các cha còn phải ở kính đó, không dẫu được các thấy giảng làm việc thay thế các ngại. Chúa lại ra một lệnh ngặt hơn nữa: Các cha còn phải đến trong hai nhà riêng biệt của các quan Thái-giám cho đến lúc có tau Bồ-dào-Nha đưa các ngại trở về Macao. Nhưng sau chú cùng vân đế cho các ngại ở lại tư gia, các cha chỉ được phép ra khỏi nhà để đi đến công-ty thường mai Hòa-Lan và đến

---


tu-gia của một quan công-giao thuộc quốc tịch Nhật-Bộn... Dân dân các cha được phép làm lễ trong tự gia của các Ngài... Có những bốn đào phổ đi từng 10 ngày trước để được xem lề.

Trong những điều kiện khó khăn như vậy các Ngài nhỏ sữ giúp đỡ của các thầy giảng, cả рублей tôi cho 8.000 người trong năm 1660. Trong thời kỳ này bốn đào ở Hưng-Hoa và Tuyên-Quang cũng nâng đơn dự lề tại nhà các cha. Thầy các giáo sĩ phải ở trong một giao đoàn koho' khánh, có nhiều người đã giúp đỡ các Ngài các riêng, như ông Paul de Vada, một người công-giao Nhật-bộn, con nuôi của vua Nhật. Còn có ông Raphael Rhodes (1) một người Trung đã được cho Alexandre de Rhodes rửa tội, lúc Ngài giảng đào ở Trung.


(1) Ông này đã lấy tên Rhodes để nhờ công ơn giáo sĩ Bác-Lô (Alexandre de Rhodes) đã rửa tội cho ông.
Người Bồ-dào-Nha vẫn còn được buôn bán với chúa Trịnh & Bác, bè trèn ở Macao làm tượng chúa đã đổi ý nên mới gọi giáo-si Martin Cælho đến Bác-Việt, nhưng chưa nhất định một mục không cho các giáo-si đến Bác-Việt.

Các cha dòng Tên trở lại Việt-Nam năm 1669, nhưng lúc này các thưa sai truyền giáo Ba-Lê đã đến thây thế các giáo-si dòng Tên.

Công việc của các cha dòng Tên đổi với Giáo-Hội Việt-Nam thật là một công trình vĩ-dại: kể từ năm 1615 đến 1653, trong khoảng không đầy 50 năm các người đã làm cho hơn 400.000 người Việt-Nam trở lại dạo công giáo, trong số đó хотя 308.000 người Bác-Việt, 50.000 người Trung và Nam-Việt (1).

Sẽ đi các người đã đi đến một kết quả tốt đẹp như thế vì người ra sprz thành thiện nhân đức của các người, các người là những người biết chưu khi tìm hiểu tâm lý người Việt-Nam, các người biết di sau vào dối song của đại chủng, hòa mình vào các từng lớp trong xã-Hội. Và một lúc đã tìm thấy cái nhu cầu của xã-Hội Việt-Nam do vị bấy giờ, các người đã đem ra một giải pháp tổng đồ thích hợp cho xã-hội chung ta. Các người có khả năng đem tới một giải pháp thích hợp, vì các người có một nền văn-hoa chắc chắn và rộng rãi.

Đạo đức, thông thái, bình dân là 3 đức tính của các giáo-si dòng Tên đến truyền đạo trên đất nước chung ta. Giáo Hội Việt-Nam trên bước đường tiến-triển của mình vẫn còn cần đến các giáo-si dòng Tên, nhưng Thưa Sai xua kia đã tam thà thiết với non sống đất Việt.

3. CUỘC VĂN DỌNG CỦA CHA ĐÀC-LÔ Ô ROMA (1649-1654).

A.— Chá Đắc-Lô trên đường về Âu-châu.

Sau khi bị đuổi ra khỏi Trung và Nam-Việt, cha Đắc-Lô về lại Macao vào tháng 7 năm 1645, ngày 20 tháng 12 năm 1645, từ Macao

(1) Năm 1655 ở Bác có đến 350.000 Bồn đạo (xem trang 87) và năm 1660 các cha lại rừa tới thêm 8.000 người (xem trang 89) ở Trung và Nam-Việt, các cha rừa tới cho 50.000 người. Xem Bonifacy: « Les débuts du Christianisme en Annam » 49, 50, 65.
một đoạn gồm 8 chòe thường thuyết Bồ-Dào-Nha dâса ngày qua Áu-Đô rói đến Lisbon, nhưng Việt-Nam phải đợi đến 15 năm mới hưởng được kết quả cuộc văn động của ngày.


Từ Malacca, một chòe tàu Hoa-Lan dâা ngày đến Batavia, vì ngày là người Pháp nên người Hoa-Lan còn ở một chịu, nhưng những người bán đồng hành của ngày là những người Bồ bì người Hoa-Lan lắm khó dể, điều này cùng không Larry vi người Bồ & Tăn-Thế-Giói đã chém mất Ba-Tây một thuộc địa của Hoa-Lan và hình như đã người dại người Hoa-Lan (1)

(1) Người Bồ-Dào-Nha chiếm Ba-Tây (Brésil) năm 1615.

126


B.— Cha Đắc-Lộ để nghị lập hàng giáo-sĩ Việt-Nam.

Sau lúc ở Batavia ngài lại tiếp tục lúc đường đi Á-Châu. Sau hơn 3 năm bảo bối trên biên mênh mong sóng gió, hoặc ngồi trong tư ngược tôi đến, ngài đến Roma kinh thành anh sáng và tư do.

Ngày 2-8-1650 cha Đắc-Lộ trình bày cho các Hồng-Y bộ truyền-giao bày một giáo-hội có đến 300.000 tín hữu và mỗi năm tăng lên đến 15.000 can phải có ít ra là 300 linh-mục ở Á-Châu qua giúp đỡ họ. Tim đâu ra những linh-mục ấy? Lấy tiền đâu để các người qua Á-Châu? làm sao tìm ra chỗ trên tàu cho chúng ấy người? Không

(1) Rhodes « Voyages et missions » 3e partie 22—27.


(1) Tự 1581 đến 1712 có 376 giáo-sĩ dòng Tên đến Trung-Hoa trong số ấy có 127 chêl trước lực đến nơi. Xem B. S. E. 1. 1er trimestre 1957 trang 21.
Quyền lợi mà các Đức Giáo-Hoàng Thế-kỷ 15 đã ban cho Bồ, việc công việc mở mang bộ cổ và công việc truyền-giao của dân tộc Bồ (1).


Tháng 8-1658 Đức Giáo-Hoàng ra sắc chọn François Pallu, Lambert de la Motte và Contolendi làm Giám-mục các địa-phận, ở Trung-Hoa và ở Việt-Nam (2).

Cuộc vân động của cha Đức-Lộ thành công nhưng ngại không được sự an ủi trở về lại Á-Đông. Nơi đây phải đến Ba-Tur và từ trần ở Isphahun ngày 5-11-1660.

CHƯƠNG V

GIÁO-SĨ ĐỒNG TÊN VÀ NỀN VĂN-HÓA VIỆT-NAM

Không những đối với Giáo-Hội Việt-Nam nhưng còn đối với Quê-Gia Việt-Nam, các Cha đóng Tên thế-kỳ thứ 17 đã có công


I. THÀNH-THỂ VÀ SỰ-NHỊP CỦA CHÀ ĐẮC-LÔ.


Cuối năm 1624 Cha Đắc-Lô đến Trung-Việt và đến năm 1645 Ngài bị trục xuất vì nhà ra khỏi Việt-Nam (3) Ngài về biệt Việt-Nam nhưng lòng và trí lực nào cũng để cả ở xứ Nam cũng như ở xứ Bác.


Ngài là một người rất thạo ngôn ngữ, chỉ bộc sau tháng là có thể nói được, vì thế không lạ gì mà ngày nói được tiếng Ý, tiếng Bồ-Dào-Nha, tiếng Tây-ban-Nha, tiếng Ấn-Dơ, tiếng Hy-lạp, tiếng Do-Thái, tiếng Tâu, tiếng Nhật. Lục Ngài được phái đến truyền-

(2) Rhodes — Voyages et Missions. Première Partie. 12.
(3) Rhodes — Voyages et Missions. Seconde Partie. 269.
giáo & Bà-tư ngày đã 65 tuổi, vậy mà vẫn học tiếng bản xứ. Họi ấy ngày biết được 11 hay 13 thứ tiếng và có thể nói xẩu những thứ tiếng ấy (1).


I. CUÓN TỪ-DIỄN VIỆT-BỒ-LA.

Trong bài tự cuốn từ diển này Giáo-sĩ Đắc-Lộ cho chúng ta biết trước năm 1651 đã lưu hành hai cuốn từ-diển viết tay một của


(2) Ngoài ra những tác-phẩm kể ở trang 14, cha Đắc-Lộ còn là tác-giả những cuốn sau đây:

a) Relazione de felici successi della fede predicata da' Patri della Compagnia di Giesu nel regno di Tunchino — Roma 1650.


c) Tonchinhensis Historiae libri duo quorum altero status temporalis hujus Regni. Altero Mirabilis-EEvangelicae praedicationis progressus referuntur coeptae per Patres Societatis Jesu ab anno 1627 ad annum 1646. Authore P. Alexandro de Rhodes, avenionensi ejusdem Societatis presbytero eorum quae hic narratur teste acuatio — Lugduni 1652.

d) Histoire de la vie, et de la mort glorieuse, de cinq Pères de la Compagnie de Jésus, qui ont suffert dans le Japon. Avec trois siècles, en l'année 1643 — Paris 1653.

e) Relation de la Mission des Pères de la Compagnie de Jésus, établie dans le royaume de Perse, par Alexandre de Rhodes, dressée et mise un jour par un Père de la même Compagnie — Paris 1659.
Giáo sĩ Gaspar d'Amaral (1) Bồ-dào-Nha, một của Giáo sĩ Antonio Barbosa (2) Cha Antonio Barbosa làm cuốn từ vựng Bồ-Việt và cha Gaspar d'Amaral cuốn từ vựng Việt-Bồ (3).


Cuốn này là một tài liệu quý giá và chắc chắn về hình thức viết chữ quếng-nghữ của thời kỳ phòi-thái, nhờ cuốn từ điển của người chúng ta biết được tweak bình tiếng nói Việt-Nam ở trong dân chúng và sự thay đổi ý nghĩa các tiếng từ thời đó đến ngày nay (4).

(1) Gaspar d'Amaral đến Việt-Nam với giáo sĩ Nhật Saito Paolo S.J. năm 1629 hoặc 1630 và chết dưới trong trận bão ngày 26-2-1646, muốn biệt thân thế và sự nghiệp của giáo sĩ xem:
   a) Bonifacy — "Les débuts du Christianisme en Annam". 26 ; 30 — 36.
   b) Chappoulie — «Rome et les missions d'Indochine», I. 33 (1) ; 37 (3) ; 38 ; 38 (3) ; 40 (2).

(2) Barbosa đến Việt-Nam vào khoảng 1635 — 1636, mắc bệnh lao và mất vào năm 1640. Ngài là một giáo sĩ rất xuất sắc xem:
   Bonifacy — «Les débuts du Christianisme en Annam» 32 ; 35.

(3) a) Buttinger : « The smaller Dragon » 252 (41) Quốc Ngữ was not invented by Alexander of Rhodes, as most French authors say, but by Italian and Portuguese missionaries two of whom, Gaspar d'Amaral and Antonio de Barbosa, were the authors of the first Portuguese Vietnamese dictionary... Alexander of Rhodes perfected their system of transcription. It was not easy work...»
   b) Durand trong B.S.E.I 1er trimestre 1957 trang 23-24.

   — thí dụ sau đây cũng do Thanh-Lắng đăng trong tập-chữ nội trên: (số 1/1958 trang 35). Chẳng hạn như tiếng Bạ lao (Bà lao) là một bạ đăng kính sang trọng, còn Bà già mới là một người dân bà đà có tuổi, «bà sang» là một vị, cùng phi của nhà vua «đã quá có,
CATHÉCHISMA

in octo dies dictum.

Dies Primus.

S

N

T

\[\text{Inferret petram aut }
\]

\[\text{apudum Cadem nunc }
\]

\[\text{advenit nos ad hos et }
\]

\[\text{in lignum praece pugem Do}
\]

\[\text{minu. omnium sueti}
\]

\[\text{tem ad hoc dorminem esse}
\]

\[\text{in hoc secula et aeterna.}
\]

\[\text{Vix enim pertingitur ad }
\]

\[\text{septuagesimum aut abbrevi}
\]

\[\text{gitum est in annum.}
\]

\[\text{Quarendus est iugum et }
\]

\[\text{nobilis modo et possimus am}
\]

\[\text{vocare, hoc est, vitam.}
\]

\[\text{Sempiternam, adjung}
\]

\[\text{hoc enim serie prudenter}
\]

\[\text{et in catena unius mun}
\]

\[\text{tum, mundi aeternum, }
\]

\[\text{acquirendis sunt opus.}
\]

\[\text{et primum tamen expire}
\]

\[\text{et, poterunt ab ignobilitate & miseria, quin radem in am}
\]

\[\text{sici.}
\]

\[\text{13. Môt trang trong quyển Catechimus (sách Giáo-Lý). Sách do Bổ}
\]

\[\text{Truyền giáo xuất bản ở Roma năm 1651. Bay ià quyển sách}
\]

2. CUỘN VĂN-PHẠM ĐẦU TIEN.


3. CUỘN GIÁO-LÝ SƠ-LƯỢC (CATECHISMUS).


Để dễ đôi chiếu hai bản văn, tác-giả ghi mỗi câu hoặc mẻn-dẻ tương-duòng bằng một chữ theo thứ tự a, b, c.

giảng tấm ngày đầu được dịch ra tiếng Thái-Lan và hình như bản dịch này căn cứ trên bản La- Ngữ cùng như bản dịch tiếng Pháp do Chappoulie ấn hành năm 1948 (1). Căn cứ vào cuốn ký-thúat của cha Đắc-Lộ trong khi soạn bài cùng như trong lúc viết sách bằng Việt-Ngữ, người có nhận sự hợp tác của người bản xứ cùng làm việc với người, cách riêng của thầy giảng mà người khen là nghịệt tâm doí với việc truyền giáo và thông thạo văn chung thơi phổ. Cúng cứ theo cuốn ký-thúat thi cuốn giáo lý trước lúc cho in ở Roma năm 1651 (2) đã được viết tay và lưu hành ở Việt-Nam ngày từ năm 1624 — 1651 (3).

Lúc Thầy giảng Phanxicô trò lại đạo, thầy được ở trong nhà các nhà và giáo sĩ Đắc-Lộ mỗi ngày đã đọc cho thầy một giờ để viết lại và để học thuộc lòng (4).


II. GIÁO-SĨ GIROLAMO MAJORICA.

Majorica sinh tại Napoli, nước Ý, vào dòng Tên năm 1605, sang Án-dơ năm 1619. Từ đó Người qua Macao và từ Macao đến miền


III. JOÃO KEILAM (HAY JOÃO VUANG) (2)


(1) V. N. K. C. số 2 trang 148-150.
(2) George Schurhammer — Nền văn-chương công-giáo về Phanxicô Xavie tại Việt-Nam, 143.
IV. GIÁO-SĨ PHILIPPHÈ ROSARIO BÌNH.


Những sách nói trên là một sự nghiệp rất to tát, nhưng chưa in thành sách, tất cả còn là những tài liệu viết tay, đâu vậy những tài liệu này nói lên cách hướng hồn linh mục Bình là một học giả quang bá, con người có khả năng băn với những vấn đề phức tạp. Ngài là một thi-sĩ với những văn thơ vừa có tánh cách từ thuật, vừa có tánh cách tủy bút, một sự-gia ti mỉ với 1.000 trang về Lịch-sử Việt-Nam và sau cùng một nhà Thăn học với nhiều bài khảo cứu các án-xá và các giới-rần đạo Công-Giáo, Giáo-sĩ Philipphè Bình mất tại Lisbonne năm 1832.
Lịch sử Việt-Nam do Cha Philippé Binh S. J. viết tại Lisbon năm 1822.
THỜI ĐẠI III

GIÁO-HỘI VIỆT-NAM DUỐI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA CÁC THỪA-SAI TRUYỂN-GIÁO NGOẠI-QUỐC BA-LÈ VÀ CÁC GIÁO-SĨ ĐẢ-MINH TÂY-BAN-NHA
(1658 - 1933)


Các Ngài đã bắt đầu truyền-giáo ở Việt-Nam dưới đòi các chúa từ năm 1658 đến năm 1776. Trong giai đoạn thứ nhất này các Ngài gặp rất nhiều khó khăn, phán vì người Bồ-dào-Nha và Tây-Ban-Nha làm khó dễ, phán các chúa họ lệnh cấm đạo nên các Ngài phải giăng đạo trùng lên.

Lúc các chúa bi Tây-Sơn đánh bại việc giăng đạo lại càng khó khăn hơn nữa, giai đoạn thứ hai này kể từ năm 1776 là năm Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Lữ đem thủy-quân vượt biên vào đánh Già-Đình lấy thành Saigon cho đến 1802 là năm Gia-Long thống nhất nhất đất nước.

GIAI-DOÁN THỦ I.

DUÔI ĐỜI CÁC CHỦA TRÌNH VÀ NGUYỄN (1658-1776).

Lúc các thừa sai Pháp đến Việt-Nam, chủ Trịnh vẫn cảm quyền ở Bắc, chủ Nguyễn ở Trung và Nam.

Chúng ta sẽ lần lượt theo các Thừa sai trong các công-đức của các ngài ở các miền nói trên:

CHƯƠNG VI

CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO Ở TRUNG VÀ NAM-VIỆT

I. CÁC THỪA-SAI PHÁP TRÊN ĐẤT VIỆT-NAM.

1. Lambert de la Motte và các thừa sai Pháp đến Thái-Lan (1662).


Lúc các Thừa-sai Pháp về đến Thái-Lan, Lambert de la Motte việt thuyết cho các giáo-sĩ dòng Tên hay, cho các ngài biết quyền hành mà Tòa-Thánh giao cho ngài và cho các cha dòng Tên chỉ cho các ngài phương thể để có thể vào Việt-Nam. Cuối năm 1663 các cha dòng Tên trả lời Giám-mục La Motte, các ngài cho Đức Giám-mục biết

một giải đoạn khó khăn, khuyên ngài nên điều và gọi một linh mục đến quan sát lại miền Nam trước lúc khởi sự làm việc Tông-Đơ. Tháng 6 năm 1664, cha Louis Chevreuil được gọi đến theo kế hoạch của các cha dòng Tên. Chevreuil được gọi đến đây vì ngài rất có thiện cảm với các giáo sĩ dòng Tên, nhưng dù sao ngài cũng chịu ảnh hưởng của Đức Giám mục Lambert de la Motte (1).

La Motte giao thur cho Chevreuil chúng nhận ngài là cha chính giả phân miền Nam. Rồi Chevreuil mang theo một số tiến khóa lớn để giúp các bổn phận đại bằng bất bờ hoạc giúp các giáo sĩ dòng Tên với điều kiện phải tiếp ruột Chevreuil theo như đã hứa trong thư. Đức cha La Motte còn khuyên Chevreuil lúc tới nơi phải an ủi hiến họa với các cha dòng Tên, và muốn tổ long tín nhiệm các cha, chỉ buộc nhà của các ngài đúng nơi ở đâu nhà nào khác. Chevreuil đi với một thông ngôn Nhật và lúc tới Hải-Phô giáo sĩ Marquez đến tiếp hết sức thần mật. Chevreuil ở lại Hải-Phô chỉ có ít ngày vì ngài sợ các cha dòng Tên vẫn đang bất ngài xuong tàu chờ đi Macao. Ngài lên đi Huế với người thông ngôn Nhật-Bản và tới ngư tại nhà ông Jean de la Croix tại hội Thợ Đức. Ông này được Hiền Vương tin dùng vì ông dúc sùng cho cháu Nguyễn. Ông tiếp Chevreuil cách lãnh đạo và có ý đủi ngài đi. Hồi ấy Giáo sĩ Faciti cũng ở tại xuống của Jean de la Croix và làm Tuyễn-Ýy nhả thợ mà Jean de la Croix được phép xây ngay bên cạnh xuống ông ta. Faciti mới Chevreuil giảng nhận dip là Đức Mẹ lên trời, Chevreuil nhận lời và trong dip này Chevreuil tuyên bố cách long trong ngài là cha chính giả phân miền Nam, làm cho giáo sĩ Faciti và Jean de la Croix bỏ ngờ không phải là it (2).

Ông thợ dúc mới hoạt động với chính quyền để đủi Chevreuil ra khỏi nước nhưng không có kết quả. Nhân thấy giáo sĩ Faciti có về


lo ngại vi ngại ở trong nhà giáo-sĩ nên ngại mới thue một chiếc thuyên tro về Cửa Hàn với người thông ngôn Nhật-Bổn. Trong lúc đi đường Chevreuil đã dạy đạo cho ông thuyên trưởng và đã rửa tội cho ông ta.

2. — Giáo-sĩ dòng Tên và Chevreuil.

Ô’ Cửa Hàn các cha dòng Tên có một ngôi nhà nhỏ nhỏ xinh xinh và có cả vườn tực. Chevreuil gặp giáo sỉ Marquez đến đón tiếp ngại; ở Cửa Hàn ngại có rửa tội cho nhiều phu-nú dã được các thầy giảng giáo huấn.


Giáo-sĩ Marquez trả lời như thế chiều theo sắc dụ của các Đức Giáo Hoàng Léon X, Paul III, Paul IV, Grégoire XIII, Paul V: chính-phủ Bồ dãqược quyền gipi thiêu các Đức Giảm-mục các địa phân thuec


144

Biết được biến cố lịch sử trên chúng ta mới có thể hiểu được câu trả lời của Gioa si Marquez. Nhưng sau hai ngày suy nghĩ, Marquez đến tại nhà Chevreuil và để chứng minh ngườiساعد nhận quyền Đức Giám-Mục Lambert de la Motte, Marquez trao lại cho Chevreuil bức thư mà gia-si Paul d’Acosta cai trị địa phân Malacca đã ban cho người (2). Gioa-si Fuciti ở Huế cũng viết thư cho cha Chevreuil để tổ sự tùng-phúc của mình. Nhưng Chevreuil chưa lấy làm thỏa mãn người bạt bức các gia-si đồng Tên phải tổ sự tùng phúc ấy ở trong nhà thờ Hải-Phô. Marquez hứa sẽ làm như vậy. Đến ngày dinh, gia-si Marquez đã tuyên bố, nhưng đối với Chevreuil nhưng lỗi lê của Marquez không rõ ràng nên Chevreuil đã đúng lên nói bằng tiếng Bồ cho Bồn Đảo biết người là ai, và bạt người thông ngôn Nhật-Bồn dịch lại tiếng Việt. Xong Chevreuil yêu cầu Marquez ký vào giấy, nhưng Marquez cùng từ chối với người sợ Bồ trên quở trách người. Như thế là có sự bất đồng ý kiến giữa hai linh-mục (3).


3. Giáo-si đồng Tên và Hainques.

Trong kỳ bát dạo, nhiều người Nhật và người Việt-Nam đã bồ dạo, nhưng cũng nhiều kẻ anh hùng, ngày những trẻ con và thiếu nữ đã sẵn sàng chịu chết vì dạo.

Ngày 3 tháng 2 năm 1665 theo lệnh của Hiển Vương, các giáo sĩ Marquez, Baudet và Fuciti phái xuống tàu qua Thái Lan, các ngồi có nghỉ tại Phan-Ri 5 ngày để di thám một bộ đạo gồm 400 người cống giáo, các ngồi đã từ rồi tôi cho 22 người tan tòng.

Chevreuil được ở lại, vì người vững mối tôi, nên tên của người không có trong sách-lệnh trực xuất, nhưng có một kẻ của người khiếu người bộ đạo đã đến xung tôi và xin việc đến tôi. Đên ngày 7-3-1665 Chevreuil cùng bij duôi, người di về lại Thái-Lan đem theo một từ quỳ với gia : Đầu của một thiêunư Từ Đạo, tên là Lucie.

Tháng 8-1665 Chevreuil lại trở về Việt-Nam với Linh-mục Hainques sau lức đã kể lại cho Đức cha Lambert de la Motte tinh thể chính trị và Tôn-giao. De la Motte giao thu chứng nhận các ngồi là cha chính đã phân miền Nam (1), rồi cả hai đến Bà-Ria, Chevreuil bị sột n remainder không tên là Nam-Việt, Hainques ra miền Trung truyền giáo. Người cái trang thành người nhà di chẩn không, sau lung mang một bao dựng áo lê, rưới lê và bánh lê, người đi từ Phú-Yên ra đến Huế và chỉ tôi nhà Jean de la Croix có mấy hôm, trở về lại Hải-Phô có mục đích họ các thảy giảng của các cha dòng Tên để các thảy nhìn nhau quyền hành của người từ trước lúc các cha dòng trở về lại (2).

Mùa xuân 1666 hai cha dòng Tên đến Hải-Phô, giáo-si Bartàclemy Acosta và François Rivas. Vi đẳng thòi kỳ bát đạo các ngồi trong nhà của một người cống giáo Nhạt và chỉ gặp bốn đạo bản đến Jean de la Croix biết có các cha đến mới từ Huế đến Hải-Phô để gặp các ngồi và lúc trở về lại triều-dinh, Jean de la Croix mới giáo-si Rivas theo ông. Nhưng rút cuộc chính-phủ miền Nam đã bất buóc người trở về Macao với giáo-si Acosta.

Linh-Mục Hainques còn ở lại trong nước đến năm 1668. Cúng trong năm này giáo-si Fuciti (đa bij duy_after năm 1665) trở về Việt-


Nam nhưng lần này cũng không ở lâu trong nước được. Tuy nhiên, Fuciti có đủ thì giới để gặp Hainques và cho người xem là thư của Paul d’Acosta cải quản địa phần Malacca chứng nhận người là cha chính địa phần miền Nam (1).

Mặc dù thời thế khó khăn Hainques cũng gọi qua Thái Lan để thấy giảng để huấn luyện họ trở nên những Linh mục của Chúa Giêsu.


Louis Chevreuil lúc đã hết bệnh rồi, vi quá yếu nên không thể theo Hainques đi truyền giáo, Đức Giám mục La Motte gọi người đi điều dinh với cha chính cải quản địa phần Malacca lúc bây giờ đang tròn ở Cao Mến vi năm 1641 người Hòa-Lan Thế phần đã chiếm Malacca của người Bồ-Dào-Nha cống — giáo. Cục điều dinh này có mục đích yếu cầu Paul d’Acosta cho Đức Giám mục La Motte giáo quyền trên đất Thái Lan. Tại Thái Lan người sống gần một bèn giáo khu Bồ-Dào-Nha mà người không có quyền gì đối với họ. Paul d’Acosta ban cho La Motte quyền ấy. Đàng khác vi Roma đã can dán các Giám mục Pháp không có quyền trên các giáo khu Bồ-dào Nha, nhưng chỉ có quyền đối với các

---

(1) Giáo hội miền Nam theo Tissianier S. J. ở dưới quyền Đức Giám mục Malacca. Xem Chappoulie « Aux Origines d’une Eglise » I. 185 (2).

giáo-khu bản xứ thời, cuộc hành-trình của Jacques de Bourges về Roma có mục-dích xin bộ Truyền-giao cho các Ngài có quyền trên cả nước Thái (1).


II. LAMBERT DE LA MOTTE GIÁM-MỤC ĐỊA-PHẨN MIỄN NAM

I. Hội cộng-dòng lần thứ nhất ở Hội-Phố (1672).


(1) Chappoulie : « Aux Origines d'une Eglise » I. 150.
Nhưng thể cùng đủ cho các người vì tất cả đồ án đều có thục tế. Đức cha La Motte ỡm ắng và chịu phép xúc đau. Người phải liệt giương đến một tháng, sau khi bình phục người đi Quang-Ngải cũng phải trốn tránh nơi này nơi khác vì là đáng thời cần dào. Người lại lập ở Quang-ngải một tu-viên cho các chi em Mến Thánh-Gia(1)


Tháng 3-1672 Đức Giám-Mục về lại Thái-Lan cùng đi với người có cha Vachet và 12 học sinh.

Lúc gần đến cửa biển, thuyễn của Đức Cha La Motte gặp thuyễn của đại-sứ chính-phủ miền Nam — Cuộc gặp gỡ này rất bất tiện cho người, vì người đem theo những người Việt-Nam, cách riêng 12 học sinh mà người sê cho học tại chủng-viên Thái-Lan. Đại-sứ tỏ ra rất bất mãn, và muốn bắt những người Việt ở lại. Giám-Mục sợ việc này đến tai triều-dinh Huế, nên người mời sinh Đại-Sứ yên lòng, người sê gửi một Thừa-Sai đến Triều-Dình để giải quyết vì sao người đến Việt-Nam, nhưng không thể đến hầu Chúa Nguyễn và vì lý do nào mà người đã đem học sinh Việt-Nam qua Thái-Lan.

Ở tại chủng-viên Thái-Lan có các học sinh người Bắc và người Nam, sê sống chung ấy có thể sinh ra nhiều sự dị nghi ở triều-dính


Hue, Va do la mot trong nhung ly do ma phe doi lap cua cac Thua-Sai Phap se mang ra de yeu cau Hien-Vuong duoi cac ngai ra khoi Viet-Nam.

2. Hien-Vuong va Giam-Muc La Motte.

Vao thang 6-1672 Chua Trinh-Tac (1) ruoc vua Le-gia-Tong vao Bac Bo-Chinh voi 100,000 quan de danh Chua Nguyen. Trinh-Can lam thuy quan Nguyen-Soai va Le-Hien lam bo quan Thong-Suat. Luc dem bien gioi miен Nam, Trinh-Can da tuyen bo cho anh em miennam hay ho la nhung nguoi Viet-Nam, cung mot mau mu voi anh em dong bao miennam, sau lai noi danh nhaus. Chua Trinh hua se tha thu cho nhung dong bao nay quy thuan Vua Le Chua Trinh. nhung loi tuyen bo hay ho ay khong co bien quan: "Truoc mat co duoc ta la nhung nguoi ngoai-quoc" (2), do la mot cau trai loi cho Trinh-Can, the roi binh-si miennam hang mau danh quan cuu chua Trinh, khiem quan cuu chua Trinh khong the nao tieu duoc, nen rut ve Ha-Noi. Tu-doi Nam Bac theoi vi-eu chien tranh va Chua Nguyen duoc yen on de mo rong bo cai ve phia Nam, mai den khi Tay-Son khoi binh thiet ho Trinh moi nhai dip ay ma danh lay thang Hue.

Cac tuong tap can phai kich-thich binh-si danh giac, vi giac la nhung ke ngoai-quoc. Ma cac Thura-Sai Phap lai la nhung nguoi ngoai-quoc, nen trinh the cua cac ngai co le vo cung.

Nhung vi hoi ay sau luc danh nhau lan thu 7 vo quy chua Trinh, sur thang the cua binh-si miennam da lam cho Hien-Vuong diu bot khong con hung hang bat dao nhu.

Va lai Hien-Vuong biet vua Thai-Lan la Phranarai doi dai ra-liep theip voi Duc Giam-Muc La Motte. Hien-Vuong cùng urc ao Duc Giam-Muc den va Viet-Nam, co le vi Hien-Vuong cùng nhbo-phuong-phap ay de cau tau Puap den buon ban tai Viet-Nam.

(1) Trinh-Trang mit nâm 1657, Trinh-Tac len noi nghiệp chuusc.
(2) Cadiere: "Le Mur de Dong-Hoi". 235.

Đức Giám-Mục phải nhờ một ông quan thường thư đăng lên cắm Nguyễn lê vất của người.

Tuy không gặp được Hiển-Vương nhưng người cũng gặp được các nhân-vật trong hoàng-gia — Người mặc lê phục của giám-mục để đi thám các quan trọng triều-dinh, các thừa-sai theo người không còn mặc đó con buồn nhưng mặc áo hàng giáo-si — Theo như Vachet: «thi đến đâu ai ai cũng môn tiếp Đức Giám-Mục và các Trù-sai cách trong cùng, nào biết, có một mình gia dinh ông Jean de la Croix là nghiêm rằng lúc gián». Vì ông này là phê đối lập đa văn đồng hết sức để phá cuộc thám viếng của Đức Giám-Mục.

Đức Giám-Mục chỉ ở Huế có 15 ngày vào trong khoảng thời gian ấy người đã làm phép Thêm Sức cho 4500 bona đào và rửa tội cho 300 người (2).

Trong bốn tháng, người đã thám các bona đào trong địa-phận miền Nam. Tôi kỳ Sinh-Nhat 1675 Ngài & tại Hải-Phồ, một việc xây đến làm cho ngại hiệu sự binh-an & Việt-Nam mong manh biết là chúng nào.

Một đêm kia, đang lúc bona đào hội họp, linh đến báo vậy nhà và 50 người bị đánh đập hết sức tàn nhẫn, bây thể cha Vachet đến gần xem công chuyện cùng bị chung đanh, nhưng nhẹ thôi.


Còn Đức Giám-Mục và Mahot tròn trong nhà nguyện không việc gì cả, cuộc đột-kích ấy không có mục đích nào khác ngoài mục đích cuộp tiến của các bông dạo. Ông Trần-thủ rất có thiện cảm với Đức Giám-Mục khuyên người lên đến Chúa về việc này, nhưng Đức Giám-Mục cũng bó là qua.

Đức Giám-mục nhất quyết bạt các linh-mục Bổ-dao-Nha phục quyền mình nên người mới sai cha Vachet đi gặp giao-si Joseph Candone là Bề Trên các giao-si dòng Tên & Hải-Phô; cần cho người biết không những sacramentum của Tòa Thánh (1) mà còn cho người biết là chủ chung của Tòa Giám-mục Goa. Thí chung đây khiến-trách những giao-si không tuân lệnh sacramentum của Tòa Giám-mục Goa. Lúc ấy một cánh sở nổi đám dầy ra trên thuyền của các cha rồi cả sacramentum chung đều to hôi rồi xưởng nước. Đức Giám-Mục La Motte dứt phép thông công bai Giao-si.

Giao-si Joseph Candone cũng nhận được quyền của Đức Giám-mục Malacca ban cho giao-si làm cho chính địa phận miền Nam, lại dứt phép thông công Đức Giám-mục La Motte, vi dâ vào hoạt động ở địa-phanh của người mà không có phép người (2).

3. Tình hình Giáo-hội miền Nam.

A.— TỪ NĂM 1644 ĐẾN 1680.

Trước lúc về lại Thái-Lan Đức Giám-mục để lại 3 thưa-sai là Courtaulin, Bouhard và Vachet, Vachet sẽ & Huệ, Courtaulin có lệ ở


(2) Lambert de la Motte aux directeurs du Séminaire Siam, 10-11-1676 A.M.E. vol. 202 trang 67-74 : En conséquence de quoi, il écrivit une lettre circulaire aux chrétiens par laquelle il dégrade M. de Beryte (Giam-muc Lambert de la Motte) et le déclare excommunié...

Trong dời ngữ-i cai trị địa-phận miền Nam ít ra có 100 người chịu chết vì đào từ năm 1664 đến 1675. Các Thuestra đã làm việc với nhiều kết quả. Riêng một mình cha Hainques trong 4 tháng đã rửa tội được 4.000 người. Trong hai năm là năm địa-phận miền Nam, Đức Cha đã cho 10.000 người chịu phép thêm sức; vào năm 1679 đã có từ 60.000 đến 80.000 bốn đào. Trung-bình mỗi năm các cha làm cho đỡ 4.000 hoặc 5.000 người; trở lại (1).

B.— CHỨNG-VIỆN JUTHIA.

Ngoài ra công việc tổng dời ở miền Nam, đức cha La Motte đã có công xây dựng trên đất Thái-Lan một chứng-viện chung cho các học sinh ở Bắc hoặc Nam-Việt. Chinh chứng-vién này đã đào tạo nên những vị linh-mục Việt-Nam đầu tiên.

Chứng-vién được lập năm 1665 tại Juthia kinh đô Thái-Lan hồi ấy, vi nhiều hoàn cảnh khó khăn nên cố lần đầu dời đến Hơn-Dạt một lang giáp giới Cao-Mèn và Nam-Việt rồi sau cùng được dời đến Penang (2) ở Mã-Lai.

C.— CÁC GIÁM-MỤC KẾ-VĨ LAMBERT DE LA MOTTE

(1680-1740)

Sau lúc Đức Giám-Mục Lambert de la Motte mất, Đức Giám-Mục Laneau ở Thái-Lan đã phong chức Giám-Mục cho cha Mahot năm 1682. Trong dời ngữ-i đã có hội Công-Dồng tại Hải-Phô lần

(1) Lambert de la Motte trong thư viết cho bà De Longueville cho biết mỗi năm có từ 10 đến 15.000 bốn đào trở lại — Có lẽ nói họa qua theo Chappoulie: « Aux Originés d’une Eglise » 1. 342 (3).

thứ hai. Cuộc hội họp này có mục đích bồi bổ những sự làm dụng trong việc thô phượng, về sự giur lệ luật của Chúa và của Hội Thánh, và về vấn đề đào tạo các thầy giảng (1).

Đức Cha Mahot mất năm 1684, người kết vị người là Đức cha Joseph Duchêne cùng mất hai ngày sau. Phải đổi đến năm 1691 mới có Đức Giám mục mới là Perez. Trong lúc không có Giám mục cai trị diạ-phận có nhiều sự đáng tiếc xảy ra giữa các tu sĩ và các linh mục triều (2).

Đức Giám mục Perez đã học tại chủng viện Juthia bên Thái Lan, người chịu chức Giám mục cùng ở bên ấy, là người Tây Ban Nha nên các Thùa-sai hình như không tin niêm người.

Năm 1727 Đức Cha Alexander thuộc quốc tịch Ý thay thế Đức Cha Perez đã từ trần, người cũng gặp những nơi khó khăn, vẫn để thừa nhất để chia ra các linh mục đông với các linh mục triều là vẫn để quyền hành. Và chính lúc ấy vẫn về về lẽ-nghiê Tôn-giao cũng đã gây sự bất động ý kiến giữa hàng giáo sĩ (3).

D.— CẢM ĐẢO (1698 - 1704)

Chúa Hiền-Vương mất năm 1687, Ngài-Vương lên kế vị. Đến năm 1692 Minh-Vương lại lên ngôi nghiệp chủ và ra chi cảm đảo năm 1700.

Ôi Huê, Minh-Vương ra lệnh đọt nhà thờ của các chức dòng Tên và nhà thờ của cha Chính Langlois, vì số người công-giao cứ tăng mài nên Minh-Vương tìm phương pháp để giám bột: một nghiê định bất những người công-giao phải làm những việc công và trả thuế hàng nhà người không công-giao.

---

(1) M. Sơn rõ xem « Constitutiones Synodi quae calabretca est in vthe Fezifa, in regno Cocincinae, die 26 mensis octobris » 1682.

(2) Linh-Mục triều: Linh-mục diạ-phương thuộc quyền Đức Giám Mục, các Linh-mục này không có làm lời khanh.

(3) Launay: « Histoire Générale de la Société des Missions étrangères » I. 530. Xem chương VIII.
LETTRÉS
SUR LA VISITE APOSTOLIQUE
DE
EVEQUE D'HALICARNASSE,
À LA COCHINCHINE
Qui profite et se sert à la Réforme de cet Évêque, à l'Ordre de
Ses promulgations et aux autres
Histoires
Pour être de communication aux
DU PÈRE NORBERT CAPUCIN.
Prêtre Suisses, Promoteur de l'Église, Apôtre et Voyageur
de la même Ville.

Chez les Frères BARZOTTI à la Place St. Marc.

Avec la permission des Supérieurs.

Đức Cha Perez phải tròn dưới thuyên, ngoài hai bên, ngoại tình được một chỗ vàng về, đứng bàn thờ lên nơi ấy và truyền câu cho một thày vũa mới ở Thái-Lan về. Trong lúc cảm dạo chỉ một mình linh-mục bản-quốc đi làm phúc giải tôi và làm các phép bí-tích khác cho giáo-hư ; các linh-mục khác hoảng phải bạt, hoảng phải ẩn nấp tròn tránh. Năm 1700 cha Chánh Langlois và ba linh-mục khác phải bạt nhưng không biết xử tử, trong số đó có 3 vị chết rụt tủa. Vào thời kỳ nay người tử đạo có tiếng hơn cả là bả Anê. Khi bả nay bị bạt dẫn đến ngục, hai con bả một đứa len 10, một đứa len 7 chây theo me mà khóe. Bả Anê khuyen bảo con, cho chúng nó tiến, báo đi mua bánh. Đến sau chúng bả ấy ngợt ngoài kể đến tiền hồn thề, mâu tử, biết thường đến chòng con, nhưng Anê đã khéo khuyen chòng để bả yên. Bả phải giảm dỗ mới chết (1).

Triệu đỉnh con bạt được bả bốn linh-mục người Æu (2). Trong số đó có cha Chánh Langlois. Ùc cuộc 30 người giáo hữu cũng bị bạt giảm. Cha Langlois chết rụ tưa, phân dòng các giáo hữu bị giảm dỗ.

Năm 1704 Minh-Vương không còn cảm dạo nữa vì nef một giáo-si đồng tên : Cha Jean de Arnedo (3) thuộc quốc tịch Tây-Ban-Nha, giáo sĩ này là thay thay uóc của Minh-Vương.

Vi cuộc bạt dạo vừa xong nên mọi công việc Tông-dỏ đã bị ngừng tre mất nhiều. Địa phương 5 Thura-Sai, một phần ba giáo hữu đã tử đạo, hoặc chết dỗ trong tử, hoặc tròn tránh lên rừng hay đã chối đạo. Việc dạo tao linh-mục cũng bị ngừng tre, và lại Đức Cha Perez và người kế vị ngoại là Đức Cha Alexander không sút sóng dạo tao các linh-mục bản xứ vì theo các ngoại người bản xứ chưa sút đủ tư cách làm những phần sự của Linh-Mục.

(1) Ravier : « Sứ Ký Hội Thánh » III. 270.

Chúng ta hãy làm khói hiểu vì một ông Hoàng có văn-hoa, có thiên cảnh đôi với người Âu-Châu nhất là đôi với các Thùa-Sai đào Công-Giáo, dot nhiên thuộc nên kể bất bó vật hại người Công-Giáo. Ông


Hoàng ấy là Võ-Vương. Võ-Vương lên kể về Ninh-Vương năm 1737 cho đến năm 1765. Cuộc bach-hai công-giao đã nhiều lý do:

Đã từ lâu nhưng nhà buôn ngoại-quốc như Bồ-Dao-Nha, Tây-Ban-Nha và Pháp, trong lúc giáo-dịch đã làm cho người Việt-Nam ghét họ.

Dân-tộc Việt-Nam là một dân-tộc có văn-hiện, họ ti mi giữ gìn những lẽ-nghi Tôn-giao hoặc phép lệ bất buốc phải giữ. Ai không giữ, họ coi như khinh bỉ, chế nhạo và làm nhục họ. Nhưng những con buồn Âu-Châu trong lúc tiếp xúc với người Việt mà họ cho là mối rợ, chẳng những không thêm giữ những lẽ-nghi ấy, và lại họ có biết gì đến phong tục thuận tủy của dân Việt, họ còn có những cử chỉ sở áng và gian xảo, vi vậy người Việt-Nam chẳng những ghét người ngoại-quốc mà còn ghét lây cả đạo Công-giao.

Sau đây là một vị dự: Năm 1749 chính-phủ Pháp gọi Le Poivre đến Huế để điều đình về việc thương mại, nhưng Le Poivre vì thiếu khôn ngoan và vở lẽ nên Le Poivre đã ra về mà không có kết quả gì chỉ làm cho chửa bịt tước với ông (1).

Dàng khác Võ-Vương có một ông quan căn thân rất ghét người Công-giao ông quá quyet với chúa: « Các thưa-sai bè ngoài tôi giảng đạo nhưng lúc đã được vào như gì giảng đạo thì các thưa-sai lại đem hình si theo sau để chiêm như ». Sở đó ông quan này dán nội với chúa như thế vi ông biết công chuyển xây ra tại Thái-Lan. Và cầu chuyển n Cur đã liên can với Giáo-Hội Việt-Nam.

Muốn phấn đoạn một sự kiến lịch sử cần phải biết những trường hợp trong đó sự kiến đã diễn ra.

2. Võ-Vương cầm dao (1750).

Theo lối yêu cầu của Phaulcon thọ-trọng chính-phủ Thái-Lan. (2)

(1) Launay: «Histoire de la Mission de la Cochinchine. Docu-
mensch historiques» II. 213-226 — Có người lại cho việc Le Poivre đến thịnh-thuckét với Võ-Vương có kết-giá. Xem Trần-trọng-Kim: «Việt-
Nam Shi-Lurâ» 540 và Đại-Việt «Lþch-Sứ đạo Thiên-Chúa tại Việt-
Nam» 21.

(2) Chappoulie: «Aux origines d'une Eglise» II. 110.


Quân Thái-Lan bắt Đức Giâm-Mộc Laneau. Trước kia ngoài đã có lần qua Việt-Nam với Giâm-Mộc Mahot, chúng kẽ bựa ngoài trên các đường bến lây rồi đi ngài năm gần chết trên một động có khô mê nước cho dân chúng làm nhục.


Cùng trong lúc ấy nhiều người Việt-Nam chống công-giao đăng chúa Ngài Vương một lần thứ bực tội 6 Thùa-Sai đang giáng-dào lúc bày giờ. Trong lần thứ ấy, các ông xin nhã vua.then trong: "Ôi Thái-Lan sô di quân Pháp đã chiếm Bangkok và Mergui cùng là nhơ các Thùa-Sai nhạt là nhơ Giảm-Mục Laneau ". Nhưng Ngài Vương thông suốt biết độ là những điều vu không.


(2) S. J. : Đông Tên.
(3) Trong thế kỳ bắt đạo này nhà thờ họ Th oval Đức không bị phá và 3 nhà thờ của các Cha dòng Tên cùng thệ. Một nhà tại H. Ch, nhưng Cha Koffler ở, một nhà ở Hải-Phố và cái thứ ba ở Đông- Na, Xem Launay : « Histoire de la Mission de Cochinchine — Documents Historiques » II. 265 (1).
Năm 1751 Đức Cha phó địa phận, Bennetat sau khi đến Macao đi Pondichéry gặp Dupleix, một sĩ-quan Pháp. Ông xin Đức cha điều đình với chúa Vô-Vuông để có thể mở ở Việt-Nam một công ty thương mại, và nếu có thể được xin chúa thương cho chính phủ Pháp một khu đất ở vùng bỏ biến để buôn bán (1) Đức cha Bennetat bằng lòng; một chiếc tàu đưa Đức Cha và Rivoal đến Việt-Nam.

Vô-Vuông được tin Đức Giám-Mục trở lại có mục đích thương thuyết với chúa về việc buôn bán và biết người có mang theo nhiều lê vật quý giá của ông toàn quyền Dupleix ở Âu-Độ, chúa bàng long cho người ấy kiên. Lúc gặp Đức Giám-Mục chúa cười và nói rằng "Cuộc lưu đầy của ông chỉ là một cuộc đi dạo mặt", chúa cho phép Đức Cha lấy lại nhà thờ họ Thơ Đức vi nhà thờ này bị tịch thu trong kỷ cầm đạo. Đức Cha mừng và tưởng rằng cuộc thương thuyết thế nào cũng đưa lại một kết quả mỹ mãn. Nhưng không may lúc ấy có một ông quan vũ đã chuyền xích mịch với các thú thủy và các con buôn Hòa-Lan, gọi báo cáo lên triều đình. Triều đình thay người Âu-Châu doi xử thiếu nhã nhã với người Việt nên lại ra lệnh bắt tất cả các người Âu một lần nữa; Đức Cha đánh lòng ra khỏi Việt-Nam và bè Pondichéry để tin cho ông Dupleix biết sự thật-bại của mình. Rồi người lơn duong về Âu-Châu.

Đức Cha Lesebvre chạy trốn qua Cao-Mến và mất tại đó năm 1760. Đức Cha Piguous thay thế người.

3.— Nhận xét về hành động của các Thừa-Sai.

Những câu chuyện Lịch-Sự trên đây đã làm nhiều người suy nghĩ.

Đức Giám-mục Laneau là một nhà tu-hành, một nhà lãnh đạo vì chuyển-giao lại con lo việc chính trị để quan nước mình di chén nước người?

Việc đề quan di chén của biển Bangkok & Thái-Lan là một hành động đáng trách của chính phủ Pháp đối bây giờ. Đức Giám-

(1) Launay : "Histoire Générale de la Société des Missions" I. 570.
Mục Laneau không hề có ý định xin chính phủ Pháp đem quân đi chiếm nước người. Người chỉ uróc ao sự giao tiếp giữa hai chính phủ Pháp và Thái Lan để có thể dễ dàng buôn bán, và như thế người và các linh-mục của người cũng có phương-thê để giằng xảo.

Có người khác trách Đức Cha Bennetat lãnh sự-mạng của một ông toàn-quyền như ông Dupleix để điều đình việc buôn bán với Vô-Vương.

Chúng ta nên nhớ rằng Đức Giám-Mục Bennetat ở thế kỷ 17, Vây muốn xét đoán cho công-binh chúng ta cũng nên hiểu cái tầm-lý của những người ở thế kỳ ấy. Hiện giờ chúng ta hiểu rõ những bốn phần hoạn toàn thiên liêng của một nhà tu bành, một "ông Cố Đạo" không được làm những việc ngoài mục-dích thiên-liêng hoạc xả-hơi của mình - Thiên liêng như đầy đó dân chúng để dura hố về với Thiên Chúa, xả-hơi: như việc mở trong đầy hố, hoạc mở bế viễn để đến lại sự lãnh mạng cho trĩ ốc cũng như cho thế xắc, và dằng lục làm những việc xả-hơi này với Giáo-si cũng có một mục-dích là dura người mình giúp đỡ về con đường của Chúa.

Việc Đức Giám-Mục Bennetat đến điều-dua với Vô-Vương xem ra không ähn hấp với công việc thiên liêng của người, nhưng nếu chúng ta xét kỹ chúng ta phải nhìn nhận rằng: sở đi người lãnh sự-mạng ấy là người mong một sự giao-thiếp giữa Việt và Pháp, nhỏ sự giao-thiếp ấy các Giáo-si sẽ dễ dàng giằng xảo trên đất nước Việt-Nam.

Cùng với mục-dích thiên-liêng là được sự dễ dàng truyền-giao mà giáo-si Marquez dong Tên lãnh 10.000 nén bạc của. Hien-Vương để qua Macao mua súng đạn cho miền Nam (1) Giáo-si Marquez làm như vậy đầu có nhằm mục-dích chính-trí, giáo-si chỉ lãnh sự-mạng ấy với mục-dích làm cho Hien-Vương có công tác của người, sê nê các Giáo-si, sê dễ cho các ngài từ đó giằng xảo.

Chở mai súng đạn mua ở Macao không thấy đến, mùa xuân năm 1659, Hien-Vương túc tôi ra lệnh phả nhã thò, nhưng chính lúc ấy thì tàu ở Macao mang súng đạn đến cho Hien-vương. Chúa mừng

(1) Chappoulie: "Aux Origines d'une Eglise" I. 327 và 173.
quá, với và cũng với cả đào bình chạy đến bên tàu, chủ ra lệnh bên 3 phát lệnh cháo, rồi chủ không ngớt sơ mỏ, vượt ve những khâu đái bác cách đặc chỉ như thể là chủ đã tiêu diệt đào bình của chủ Trần ra tro vậy. Lặp tức chủ trả lại cho các giáo hữu những nhà tôi bị chính phủ dòng cứ và thích-thu, rồi các cha dòng Trên lại được tự-do đi giảng đạo như trước.


Lấm bác-sĩ tưởng cho một ông hoang hay lành súm-mạng mua sông ông hoặc đi thường-thuyết về việc đặt đại buôn bán là những việc ngoài mục đích của một nhà tu hành, vi thể một nhà tu-hành không nên bảo giờ lành những súm-mạng ấy. Nếu có những giáo-sĩ đã lành những súm-mạng ấy, thì lịch-sử cho chúng ta hay họ đã hoạt-dòng như vậy không phải vi một mục đích phần trên, nhưng vi mục đích thiêng-liêng truyền-giao.

Di lui lại giáng lịch-sử, kinh nghiệm cho chúng ta hay, vi mục đích thiêng liêng truyền-giao di nự, một nhà tu hành cùng không nên lành những súm-mạng nơi trên. Nhưng chúng ta cũng nên nhớ để khỏi lệ cổ bằng trong sự phân đoạn của chúng ta, các giáo-sĩ thể-ký 17 và 18 chưa có những kinh nghiệm lịch-sử mà chúng ta có ngày nay.

(1) Thư của Giáo-sĩ Oliva viết ngày 26-6-1680 cho Bè Trên dòng Trên & Nam-Việt: « Scripsi ad Reverentiam vestram superiori mense, quod in praesenti pariter confirmo, remittendos quamprimum esse in Europam quatuor Societatis nostrae Patres: Emmaneulum Ferreira, Dominicum Faciti, Joseph Candone et Bartholomaeum Acosta... »

4. — Giám-Mục Pigué.

Người kẻ với Đức Giám-Mục Lefebvre là Đức Giám-Mục Pigué, người không được vào địa phận trong kỳ ấy vẫn còn cảm dạo nên người ở lại Cao-Mến.


5. — Chúng viên Hơn-Dạt.

Từ khoảng năm 1760 đến năm 1765, Thái-Lan bị quân Miến-Điện chiếm đóng với thế chúng viên Thái-Lan được dời đến Hơn-Dạt ở tỉnh Hà-Tiên.


Ngày 19-12-1767 một người công-giáo đến gặp các cha; người này do ông Hoàng Thái-Lan tên là Chau-Si-Sang gọi đến binh về một việc quan trọng. Bi cầu gọi vài ngày ông muốn hỏi các cha làm mọi việc để nhờ chính phủ Pháp giúp ông chiếm lại ngôi vua đã mất. Ông Hoàng này là một người học thục, yêu chuộng các cha và giáo hữu, các Ngài rất muốn giúp đỡ ông Hoàng trong lúc khó khăn, nhưng các cha Ba-Da-Lục và Artaud vi sợ Tình-trưởng Hà-Tiên là ông Mạc-thiền-Tù nên không dám tiếp đón ông Hoàng Chau-Si-Sang. Lực được tin các cha không thể giúp ông, ông trở quay Cao-Mến.

Mùa xuân 1769 anh em bốn đào lúc dâ ranh việc quan, đên giúp các cha làm nhà trường cho xong xôi. Các cha sung sướng lúc thấy công việc được tiến hành mới lên. (1)


Tháng 10-1767 các người Cao-Mến này vào nhà cha Artaud, người đang lẽ giò, có một câu nhỏ người Việt & bên giò giúp cả. Bọn người này chup lấy câu nhỏ rồi giết ngay truc trực một cha Artaud đang lúc người còn om câu trên tay.

(1) Destombes : « Le collège général » 63-74.

168
Người Cao-Mãn cùng vào trong chủng-viên, có ý định giết tất cả các Linh-mục và các học-sinh, nhưng lúc chủng vào nhà chỉ thấy một người đàn bà và 2 đứa con của bà tròn trong phòng áo lẽ, chủng giết cả mẹ lẫn con, còn các cha và học-sinh đã tròn lên khu đất các cha đồng Thánh Phanxicô. Bọn cười Mên lấy chủng-viên làm tổng hành dinh của chủng, ông Tinh-trương Hà-Tiên muốn tiêu diệt chủng cho nhanh nên truyền dot tất cả các nhà chủng ở. Thế là chủng-viên Hòn-Dạt ra tro khởi... Các Thùa-Sai và con cái của các ngại không có nhà cửa ở dưới vòm trời đất Việt, nên đánh phải xách gói ra đi.

Ngày 11-12-1769 một chiếc thuyền Trung-Hoa đưa các chủng-viên gồm 43 mạng qua Pondichéry ở Ấn Độ (1).

VI. — PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG CỦA CÁC THÙA-SAI PHÁP Ở MIỀN NAM 1658-1776

Trong những năm đầu tiên các cha Thùa-Sai Pháp có sang kiến tụ họp các giáo-hưu thành từng giáo-khu mà chủng ta gọi là hoặc hoặc. Các Thùa-Sai đã chịu khó tổ chức một cách chu đáo đời sống Cong-giao trong mỗi họ có cha so-hay không có cha sơ.


Lớp thầy giảng lưu động thường thường được ở gần các nhà mẹ-chúc di vào các lang mẹ để dạy đạo, thăm viếng kẻ liệt và bị cần, rửa tội cho họ, chinh một số thầy giảng này được gọi qua chủng-viên Thái-Lan hoặc Hòn-Dạt học giáo-lý để chinh chúc Linh-Mục.

(1) Destombes «Le Collège général de la Société des Missions Étrangères» 75.

Ngài Chúa nhật đầu có linh mục hay không có linh-mục, tất cả anh em giáo hữu đều đến nhà thờ để lần chuối. Mỗi ngày Chúa nhật bổn đạo lúc nào cũng lần ba chuối. Trước lúc làm lễ lần một chuối, trưa một và tối một. Lúc làm lễ chính ông trùm đọc bài thư và Phúc-Âm bằng tiếng quốc-ngữ. Ông đọc lịch Công-giao cho biết những ngày kiêng thít và ăn chay. Trong tuần tối sáng đều có đọc kinh ở nhà thờ. Tôi thứ hai đọc kinh cầu bốn cho những người đã qua đời, thứ sáu đi đăng Thánh Giá và thứ bảy đọc những kinh đăng kinh Đức Mẹ. Tất cả các bổn đạo đều kinh-nê các quí-chức và tuần theo những quyết định của các ông.

Thịnh thọang các linh-mục đến thăm họ, trong lúc ở tại họ, toàn thể anh em công-giao đều sống trong một câu không khi từngbung nano nhiệt. Người ở trong họ trong một thời gian để giả tôi và chờ chịu lễ. Chính trong lúc này các người đem lại cho họ sự bình an trong tâm bồn. Chính nhờ sự tổ chức chất chê này mà một phần nào Giáo-hội Việt-Nam cảm ước nỗi với các con bất đạo liên tiếp ở Việt-Nam. (1)

(1) Địa phân đang trong bên Tây — Chức sở mục le — Sài-gòn 1883.
CHƯƠNG VII

CÔNG-CUỘC TRUYỀN-GIAO Ở BẮC-VIỆT

Từ năm 1658 đến 1776 các Thuestra Pháp không những đã giảng đạo trên lãnh thổ các Chữ Nguyễn ở miền Trung và Nam, các ngài còn giảng đạo trên lãnh thổ của các Chữ Trịnh ở Bắc.

I. GIÁM-MỤC FRANÇOIS PALLU (1658-1679).


Lúc tới Thiái-Lan, Pallu hỏi tạt cả các Thuestra Pháp để bàn về việc truyền-giao. Đức Cha La Motte yêu cầu cho Hội truyền-giao được trở thành một giáo đoàn giảng đạo. Các Thuestra sẽ ở dưới quyền một Bề Trên chung và cùng có ba lời khẩn: không khấn, sắc sẹ, vắng

(1) Xem trang 155, 163, 164.
(2) Xem trang 144.
(3) Xem trang 145.

171.
lời như các tu-sĩ. Luật sê buóc các Thùra-Sai nguyên ngâm 3 giờ đồng hồ mỗi ngày, ăn chay thường xuyên, dù là ngày Chúa Nhật cũng vậy, các Thùra-Sai phải kiêng秘书 và phải làm đất! (1) Pallu ngần ngần lâu rồi mới chấp thuận ý kiến của La Motte, và lại còn phải trình bày với Roma về ý kiến này.

Điểm thứ hai, tất cả các Thùra-Sai đều chấp thuận là lập một chưng-viện ở Thái-Lan để có thể thu nhận các học sinh ở Nam hoặc ở Bắc hay ở Trung-Hoa. Trong mấy chuỗi trước chưng ta đã thấy chưng-viện này hoạt động thế nào và với những lý do nào phải rời Hôn-Dứt và từ Hôn-Dứt đến Pondichery.


Ôi Thái-Lan các ngài cố làm phép thêm sức cho một vài giáo hữu, còn rữa tội thì rất hiền. Vì các ngài chưa có thể vào được Việt-Nam nên hội đông mới quyết đề nghị xin Pallu trở về lại Roma trình cho Roma biết những nơi khó khăn của các Thùra-Sai đang gặp, và sự uóc ao của các Thùra-Sai được thay đổi của họ trở nên một giáo-doàn giảng đạo.

Sô đi hội đông quyết định như thế với Pallu cũng có tìm phương pháp vào địa-phận của ngài là Bắc-Việt, nhưng không thể nào vào được vì đang thời kỳ cấm đạo ngặt quá.


Ở Roma không sự vận-dàng khóe, Pallu đã đặt tới những kết-quả rực rỡ.


Một tiêu-dội và một sỉ-quan đến bắt Pallu sau lúc soát giấy tờ. Biết Pallu là một Giám-Mục hò kinh né người, nhưng lúc tim được


Roma không chấp thuận lời kế nhiệm của chính phủ Bồ Đào Nha. Dàng khác ngày 10-10-1678 Roma theo lời yêu cầu của Pallu ra sắc dụ bắt buộc các giáo sĩ bắt kỳ trước dòng nào đến giảng đạo ở Á Châu phải thề vẹn lời các Đức Giám Mục.

Tất cả các dòng đều lên tiếng phản đối sắc dụ ấy. Trước hết vi sắc dụ ấy theo các giáo sĩ, di người lại là Luật dòng bắt các giáo sĩ phải thề vẹn lời một Giám Mục không thuộc dòng mình. (1). Và lại các giáo sĩ còn vui lý rằng: Kinh nghiệm cho biết một số Giám Mục ở xứ truyền giáo đã xử đai với các giáo sĩ một cách quyến hành, vì thế Roma phải sửa đổi sắc dụ ấy và mọi đến năm 1689 mới bãi bỏ sắc dụ này (2).

Nhưng trước lúc bãi bỏ sắc dụ cùng đã gây ra ở các xứ truyền giáo nhiều điều không đẹp mắt.

(2) Chappoulie: « Aux Origines d’une Eglise » II. 138.

Đông thòi Deydier và de Bourges, hai Thừa-Sai Pháp, cũng được cử làm Giám-Mục ở Bắc-Việt.

Lúc ở Pháp Pallu không được ý kiến Louis XIV, vì Pallu vận động bắt các Giáo-sĩ theo vang lơi các Giám-Mục, bình như de la Chaize một giáo-sĩ dòng Tên, tuyên-úy của triều-dinh Pháp, hỏi ấy đã có anh hưởng đến thái độ của Louis XIV.


Chính-phủ Pháp đã giúp đỡ các Giám-Mục Pháp đương đầu với chính-phủ Bồ-dào-Nha và Tây-ban-Nha, và còn giúp đỡ các ngại về vấn đề tiến bộ.

Đang lúc lo lắng và băn khoăn Olivia Bè Trên Tổng-quyền dòng Tên việt cho cha de la Chaize truyền ngại về việc đặc với Louis XIV đòi thái độ đối với các Giám-Mục Pháp.

Cùng về nể de la Chaize, Louis XIV bàng lòng cho các giáo-sĩ thừa-sai Pháp theo vang lơi với các Giám-Mục.

Pallu sớt sang cảm ơn Olivia và trở về lại Á-Dông, Pallu túr-tran tại Trung-Hoa ngày 29-10-1684.

II. — DEYDIER VÀ DE BOURGES Ở ĐỊA-phan Miền BẮC
(1666-1714)

I. — Deydier Cha chính địa-phan Bác-Việt.

Năm 1665 vì đi công-tác ở Roma nên Pallu giao công việc quản

trí địa phản miền Bắc cho Đức Giám-mục La Motte — La Motte năm 1666 gọi Deydier qua Bác-Việt trước rồi La Motte cũng sẽ đến sau.

Deydier là một linh-mục có tài năng, thích hoạt-dộng nhưng khó một điều là thiếu ơn hào trong lúc hoạt-dộng. Sự ơn hào ấy tới căn cho sự thành công của người, nhất là đối với những hoàn cảnh lúc bấy giờ.


2. — Các thày giảng phục quyền Deydier.

Việc làm bản tâm Deydier nhất là việc bắt các giáo hữu và các thày giảng của các cha đồng phục tung quyền hành của người. Đối với các thày giảng thực ra cũng chẳng khó gì, vì ngày 15-10-1666 lúc người hội họp các thày lại, người yêu cầu các thày viết một lá thư cho Đức Giám-Mục La Motte để nhận quyền hành của người, các thày đã tuân theo lời của Deydier và ngày Raphael Rhodes cùng viết thư tờ lòng tung phục như vậy. Hai thày giảng đạo đức nhất mà các cha đồng Tên đã đào tạo là Benoit Hiền và Jean Huệ, hai thày được gọi đi chung viễn ở Thái-Lan ngày 24-2-1668 và hai thằng sau Đức Cha La Motte đã phong chức linh-mục cho hai thày. Đối với các thày giảng khác Deydier vück sao cho các thày được chịu các chức nhỏ lúc nào có một Đức Giám-Mục đến Bác-Việt.

3.— Công cuộc giảng dạy ở Bác (1668).


Đến cuối năm 1668 Deydier nhờ sự phụ giúp của hai Linh-mục bán xưa & Thái-Lan về nên đã rửa tội cho độ 10.000 người. Ngày 23-3-1669 Linh-mục Benoit Hiên rửa tội cho một bả vợ lẽ của Trịnh-Tráng (1).

4.— Fuciti đến Bác-Việt.

So đì Deydier hỏi hop được các thầy giảng (2) của các cha dòng Tên vi các người bị chủa Trịnh-Tắc đuổi ra khỏi nước từ năm 1663 (3). Năm 1660 các cha dòng Tên Agnese và Rangel muốn vào Bác-Việt nhưng truyền của các người bị quân Tầu Ò europ. Cha Agnese bị giết, cha Rangel bị đột với chiếc tàu. Mãi đến năm 1667 mới có các cha dòng Tên đến Bác-Việt nghĩa là sau lúc Deydier đa tối đây làm việc tôn đồ trong ba năm.

Ngày 19-4-1669 một chiếc tàu Bồ-Dào-Nha đến Phò-Hiên, tàu phải bỏ neo dâu ở thành phố này, đang lúc độ các nhân-viên của thường


(3) Năm 1663 các cha dòng Tên Borges và Tissanier bị đuổi ra khỏi Bác-Việt.

Lúc gần đến Phổ Hiền Fuciti lên bộ và nhờ bốn đào dân chở lên đến Hà Nội.


Trong thư người xin phép cho các Giáo sĩ được ở lại giảng đạo tại Bắc Việt. Lệ vật xượng quá chưa phát tước, nhìn đến các tượng ấm, chúa lại càng cảm into quát to lên: «Đó là những lễ vật các ông dùng để mua chuốc lòng dân phải không? » (1).

Triển Tắc tuyên đem tất cả các đồ đạo và lệ vật tốt ở tại Hải trong Phổ Hiền. Lệnh ra đã được thi hành ngày 5-6-1669; các giáo sĩ Rocha và Fieschi trốn để khỏi chởng kiến cảnh ở đạo ấy. Tất cả các sách đạo tương ấm đều cháy ra tro, những Thánh Giám bằng đồng không cháy, họ lấy bùa đánh cho đáp nạt tan tanh, dúvida chỉ có mấy从根本上 bằng kim khí quán giả được lố ra khỏi đồng lửa, mấy chu lịnh gọi Thánh Giám ra, như thế câu chuyện hóa thành một sự giấy chuyển xinh xinh để cho bà vợ của các ích doen vào cổ hoặc vào tay.

(1) Thừ của Degdier viết cho Pallu trích trong Chappoulie «Aux Origines d'une Eglise» 1. 226.

Nhung thể Deydier phải đi bộ từ Hà-Nội về Phổ-Hiến. Không thể nào thông công với bọn dạo được, mọi việc đều phải nhờ hai linh mục Jean Huệ và Benoit Hiến.


5. — Fuciti và Deydier.


(1) Xem trang 176.

(2) — Chappoulie: « Aux Originues d'une Eglise » I. 232.


thi có một cha chính cải trí địa phận cho đến lúc cố Đức Giám-Mục mới.

Louis de Gama Bề Trân Tỉnh Nhật-Bồn có giao cho Fuciti một
lã thứ, trong thứ Gama khuyên anh em giao hữu Bác-Việt trung thành
với đồng Tên: Gama viết rằng: «Phải chẳng một co gái giống đôi
cao sang, chỉ nên cười một ông chồng ở một gia đình lương thiện ». (1)

Fuciti còn sẵn trong túi lời giải thích của Piccolomini (2) về sắc
dụ của Bồ Truyện-Giáo. Bồ Truyện-Giáo năm 1640 đã ra sắc dụ: theo sắc dụ ấy tất cả các giáo-khu thuộc về các giáo-si từ rày sẽ
ở dưới quyền Bồ Truyện-Giáo. Nhưng năm 1646 Bồ ban cho cha
Bề Trân ở đồng Tên quyền triều hối và thay thế các giáo-si Thùa-
Sai mà không cần phải xin phép Bồ, nhưng phải cho biết quy danh
của các giáo-si Thùa-Sai để Bồ có thể ban cho các người những quyền-
hành cần kíp.

Quản giải sácdụ của bồ Truyện-Giáo năm 1640, Piccolomini két
luận rằng: Các Giáo-si đồng Tên làm việc ở xứ Truyện-Giáo không
cần xin và cũng không nhận ở các nhân viên của Bồ Truyện-Giáo
quyền hành nào cả. Và chính đây là trường hợp của các cha đồng
Tên ở Việt-Nam lúc các người gặp các Thùa-Sai Phap nhân viên của
Bồ Truyện-Giáo (3).

Trong tâm trí của người giáo hữu Việt-Nam, hình ấn của các
cha đồng Tên chưa phải mới. Vì thế lúc giáo-si Fuciti đến Hà-Nội
ho đã quay quân tự holog xung quanh cha, cộng nhân người là Bề Trân
chính của họ. Ngày 21-7-1669 Fuciti trả lời thư của cha Benoit Hiên
dã viết chúc mừng người lúc người đến Bác-Việt, người cho biết Deydier

(1) — Chappoulle : « Aux Origines d'une Eglise » I. 232.

(2) — Daurignac : Bề trên Tổng Quyền Đồng Tên xem « Histoire de
la Compagnie de Jésus » I. 349 và Chappoulle « Aux Origines d'une Eglise
I. 88.

(3) — Chappoulle : « Aux Origines d'une Eglise » I. 232.

180
và người đang thường lương với nhau và người còn nói thế này nữa: «Lúc xưa hai người đàn bà kiến vua Salomon về trẻ nhỏ đang còn sống, người đàn bà không phải mê nó xin vua Salomon chia đưa nhỏ ấy, nhưng người mẹ thật của nó nhất quyết không chịu, bà bèn lòng để cho con của bà sống với một người khác không thể để cho con mình phải chật ra tung miệng. Salomon dâ xữ cho người mẹ thật được lành lòng con mình, các cha dỗ cùng có hy vọng Salomon mà Chúa Giê-su đạt ngôi trên ngai Thánh. Phêrô sẽ xữ việc này và sẽ trao Giáo-Hội Việt-Nam cho người mẹ thật của nó là các cha dòng Tên. (1)

Ngày 1-10-1669 Fuciti nhận lời mời của Deydier đến hội họp để trao đổi ý kiến về việc này. Ông trong cuối hội có sự hiện diện của Linh-mục Benoit Hiên, các thầy giảng và một vài người còn dạo có tên tuối.

Khai mạc cuộc họp, Deydier cho độc sắc lệnh của Đức Giáo-Hoàng cu Lambert de la Motte làm Giám-Mục — Ban đầu vua mời độc giáo-si Fuciti cho là sắc lệnh giả, nhưng lúc đã xem kỹ vẫn chưa tỏ Thánh, Fuciti cùng nhận là của Đức Giáo-Hoàng. Độc xong sắc lệnh Fuciti quá quyết trong sắc lệnh ấy không có khoản nào vi phạm hợp bia bờ quyền hành của Đức Giám-Mục Macao trên Bắc-Việt. Giáo-si lý luận rằng: « Nếu Đức Giáo-Hoàng ban cho ai một quyền lợi mà các Đức Giáo-Hoàng trước đã ban cho người khác, người thứ hai này không thể hưởng được quyền lợi ấy trừ lúc Đức Giáo-Hoàng hợp bờ quyền lợi của người thứ nhất ».

Các Giáo-si Rocha và Fieschi trước lúc về Macao cùng trực lời cho Deydier theo một luân diễn như vậy: « Sắc lệnh của Đức Giáo-Hoàng phong cho La Motte làm Giám-Mục ở Việt-Nam không có nghĩa là Đức Giáo-Hoàng hợp bờ quyền lợi của Bổ Đảo-Nha ở Việt-Nam, quyền lợi mà các Đức Giáo-Hoàng đã ban, và lại các Giáo-si chỉ có việc chớ lệnh bè trò với họ » (2).

Các Linh-mục dãnh phải giải-tán trong lúc các ngại chưa tìm được giải-pháp nào để san bằng sự bất đồng ý kiến ấy.

6. — Marini và Deydier.


Marini đến lần này với chức Bề Trên Tỉnh Nhật-Bộn thay thế Louis de Gama. Marini lúc bị duỗi ra khỏi nước đã trở về Âu-Châu với dòng ở Roma cùng như ở Pháp để lấy lại ảnh hưởng và quyền hành của các cha dòng Tên. Tại Á-Dông, đầu đầu cũng có tiếng đom-

(1) Xem trong 173.

Năm 1673 Marini lại bị đuổi ra khỏi Bắc-Việt lần nữa, chính lúc ấy hai giáo-sĩ Ferreira và Pimentel mang sức-lệnh Toả-Thanh của Marini làm Giám-Mục & Macao. Marini mất ở Macao năm 1682 chưa có thì giới hoat-dộng để cùng-có tình bình các cha đồng.

Marini đi, nhưng Fuciti, Ferreira và Pimentel còn trở ở lại trong nước, chỉ có một phuống-pháp dân xin cho công chuyển này được ơn tha và lãnh chốt là kể đến cha Bên Tông-quyền Oliva hiện đang ở Roma.

Nhưng việc bất đồng ý-kien không làm cho các linh-mục bỏ quên việc tổng-dỏ. Năm 1673 Deydie và De Bourges đã rửa tội cho 5,386 người và năm sau đến 6,690 người. Lượng số dân của bồn-dào vẫn không bị giảm bớt chút nào vì các linh-mục Việt-Nam đã cho rửa-cứ trong hai năm ấy đến 73,000 người (1). Các giáo-sĩ đồng Tên cùng không kém gì các Thừa-Sai Pháp, Giáo-sĩ Pimentel đã rửa tội cho 1,600, vi làm việc quá sức nên người đã mặt trong lực người còn hàng-hái làm việc tổng-dỏ.


III. LA MOTTE ĐI KINH-LUỘC ĐỊA-PHÂN MIẾN BẮC
(1669-1670)

1.— Trịnh-Tạc với Pháp-kiều ở Bắc-Việt.

Năm 1669 một chiếc tàu Pháp đến Bắc-Việt, trên tàu có Đức cha Lambert de la Motte, hai Thùa-Sai Jacques de Bourges và Gabriel


184
Bouchard. La Motte đến kinh lucréc Bác-Việt với Pullu lúc trời về cống gần tại Âu Châu đã nhờ người có sóc. (1). Đặc lúc đi đường, người rất lo sợ gặp tàu của Hiền-Vương đi tuân ở biên, với Hiền-Vương đã được tỉnh tàu Pháp đằng đằng đằng ở Bạc.


(1) Xem trang 106.
(2) launay « Histoire générale de la Société des missions » I. 138.

Deydier là làm mất đà lúc thay chủa Trinh hậu-dài các người Pháp đến thế. Deydier việt cho Pallu hay, Công-ty thương-mại Pháp sẽ rất có lợi nếu buôn bán với Bạc-Việt và nhờ việt buôn bán ấy, việt truyền-giao sẽ được tự do.

2.— Hội công dòng ở Nam-Đình (1670).

Lúc tới Bạc-Việt; Đức Giám-Mục La Motte cũng được biết về vụ lớn xôn xao giữa Deydier và giáo-si dòng Tên Fuciti, nhưng chính người không bao giờ chấm trán với Fuciti.

Người đã tiếp xúc nhiều bàn đạo trên chiếc tàu Pháp và đó cũng là một đón cho họ chịu phép thềm sicher. Theo Marin thiệt lại, Đức Giám-Mục đã hỏi các giáo-hừu một câu không có trong sách le nghi thềm sicher: "Con có tưới bộ các cha dòng Tên không? " Ông Roma Pallu đã chối miệt trước mặt Đức Hồng-Y thay thế cho La Motte: "La Motte không bể nói câu ấy". (1).


(1) Chappoulie « Aux Origines d'une Eglise  », 1. 235.
(2) Launay : " Histoire Générale de la Société " I. 140-141.


(1) Chappoultie: « Aux Origines d'une Eglise » I. 236.

Vì thế công-ty thương-mại Án-Đô của Pháp lại bỏ roi các ngài hiu quanh ở trên bờ sông Hồng- Hà tại Phổ-Hiền.

CHƯƠNG VIII

BẤT ĐỘNG Y-KIẾN GIỮA CÁC THỦA-SAI PHÁP VÀ CÁC GIÁO-SĨ ĐỒNG TÊN

1.— VĂN-ĐỀ QUYỀN-HÂNH.


Những loại người không phải là một chiếc máy, dù ở trong một trường-hợp như nhau họ có những quan niệm khác nhau, hoặc mau thuận nhau về trường-hợp mà họ đang ở. Vì thế sự bất động ý-
kiên giữa người và người là một điều không có gì lạ, vi nó chỉ là một kết quả tự nhiên của cái khả năng lý-trí con người.

Sự bắt động ý-kien của các giáo-sĩ dòng Tên thuộc tạt cả quốc tịch với các thừa-sai quốc-tịch Phap (1), chỉ ở trên hai điểm sau đây:

Điểm nhất: quyền hành của ĐỨc Giáo-Mục, nhân viên của Bộ Truyền-Giao đối với các giáo-sĩ Thùa-Sai.

Điểm hai: lễ nghi tôn-giao & Trung-Hoa. Chúng ta đã biết so qua bắt động ý-kien và những sự kiện xảy ra ở Bác cùng như ở Nam-Việt.


Ngày 25-8-1677 ở Bác-Việt giáo-sĩ Ferreira S. J. đã gọi cho Giám-mục Deydier một lần thứ to long vui mừng vì sau bao ngày chờ đợi con chim bò cũng hòa bình mà nhanh ráo xaoa đã xuất hiện. Bồ câu đến báo tin những ngày sông gió bất bình đã chấm dứt và Ferreira trước mong sao những ngày đó có những ngày bình an đã làm việc trong yêu thương bác ái. Fuciti cũng viết thư cho Deydier tò lòng mình tuấn phuc. Còn hơn nữa ngày 8-12-1677 Fuciti cho bốn đào biệt tin vâ


Câu truyền tướng đến đây là chậm dứt, nhưng sự thực đâu phải dễ dàng như việc loại người sắp đặt trong trí. Không phải một lần thứ, một chức kỳ có thể để bęp được những cuộc va-cham trong mừng năm qua.

Theo nguyên-tác các giáo-sĩ dòng Tên sẵn sàng vang lớn các giám-mục nhưng đến lúc tìm một biên-pháp để công-tác với nhau thì không còn có thể thọa-thuan được nữa.

SECOND VOYAGE
DU
PÈRE TACHARD
ET
DES JESUITES ENVOYEZ PAR LE ROY
AU ROYAUME DE SIAM.
CONTENANT DIVERSES REMARQUES
d'Histoire, de Physique, de Geographie, & d' Astronomie.

PARIS,
chez DANIEL HORTHEMELS, sur Saint Jacques,
as Marées,
ME DE LXXXIX.
Par Ordre express de Sa Majesté.

Sau này nhờ sự vân-dòng khôn-khéo và táo-bào của Guy Tachard một giáo-sĩ đồng Tên, không những lợi thế vãng lợi được huy-bồ, mà các giáo-sĩ đồng Tên vãng được đến giảng-dào ở Việt-Nam.


(2) Chappoulie : « Aux Origines d'une Eglise » II, 77.
sị. Phaulcon phải nhở đến Guy Tachard, và chính Guy Tachard dẫn phi-đoàn Thái-Lan qua Pháp một lần nữa.


---

(1) Đội-quan viễn-chinh này do La Loubère chỉ-huy xem trang 162.
(2) Xem trang 191.
Chính trong lúc Tachard vui-sướng đi đến kinh-thành muốn thủ, ông Thái-Lan đã dỗ rực lên ngọn lửa bất đạo. Đức Giám-Mục Laneau và các ban đồng-nghiệp phải cảm tử (1).


Trong hai diễn-văn ấy Tachard kẻ lại các công-viec truyền-giao của dòng Tên và những nỗi si-nhục của các giáo-si dòng này.


(1) Chappoulie: « Aux Origines d'une Eglise ». II. 131.
(2) Chappoulie: « Aux Origines d'une Eglise ». II. 136.

II. - VÁN-ĐỀ LỄ-Nghĩ TÔN-GIÁO

Nếu vấn đề quyền hành đã chính kết thúc thì trái lại vấn đề lễ nghi tôn-giáo Trung-Hoa kéo dài đến năm 1939.

Chúng ta biết các Cha dòng Tên đến giảng đạo ở Trung Hoa trước hết, các giáo sĩ với lòng sốt sắng và cũng vì có đọc báo sang suốt muôn cho dân Trung Hoa để tôn-giáo nên các Ngài không lén ăn việc cũng├validators⟩Đức Khồng T truths và Ông Bà ông Vải vì theo quan niệm của các giáo sĩ dòng Tên lúc làm những việc ấy người ta không có ý nhận Đức Khồng Tự hoạc Ông Bà ông Vải là đang toàn-nảng, nhưng chỉ có ý kính Đề bè ngoại và tổ lòng biết ơn báo hiệu (3). Nhưng các linh mục khác như các linh mục dòng Đa-Minh dòng Phanxicô, và các thưa sai Pháp cho đời một việc dị doan, củng vì việc này mà Gia-long và Bác-da Lộc đã cải nhau nhiều và lúc năm trên giường chống muôn cho được yên lòng tâm, Bác-da Lộc đã tin lại cho Bộ Truyền-Giáo hay không có gì là dị doan trong lễ nghi đi Satan người qua đời (4).

(2) Launay: « Histoire générale de la Société des Missions Etrangères » II. 100.
(3) Ravier : « Sứ-ký Ils-Thanh » III. 209 và 207.
UNE VISITE APÔTRE DE M. DE LA BAUME.

À la nuit, il était temps de vous dire de vengez-vous.

A rechercher, mon cher père, que la gloire des saints, riches de vous accompagne.


À la veuve, il dit: Je le ferais comme vous plaît, je vous prie, qu'elles raons d'apporter M. R, pour le Reymar du Champs, de la saumade, de la Province du Champs, de la France. Comme le chef de la Province du Champs, de la France. Je ne participais bien d'apporter. Pour parler de certains qui le croient capable que de prendre cette chose. C'est le cas où je m'entendait il faut le chasser de tout le Reymar du Champs, comme des Provinces du Champs, de la France.

Aimé de ce jour, mon père, sans conteste. On n'a pas d'importantes écrits les deux lettres à M. De La Baume.


Ngày 1-5-1739 Đức Cha Achards de la Baume đến Hải-Phò rồi người đi thẳng ra Huế ở lại họ Phù-Cam, nơi đây tất cả các giáo-si của các Động và các Cha thừ-ṣai Pháp đến kỳ giây để chừng-nhận mình hoàn-toán tuân-phúc những quyết-nghi của vị Khâm-Sai Tòa-Thành.


Năm 1939 sắc lệnh Summi Pontificatus của Pío XII công nhận những lề nghi trên không phải là những lệ nghi đích danh tôn-giao nhưng chì

(1) Launay «Histoire générale'de la Société des Missions Etrangères I. 5»
(2) Launay «Histoire de la Mission de Cochinchine. Documents Historiques » II. 188.
là những cụ chỉ biểu-thi lòng sùng bái chính-dáng đôi với những bậc tài đắc trọng nước cũng như lòng hiếu thảo đôi với người quá-cô, do đó người công-giao có thể được vào những lê nghi nội trên (1). Sắc lệnh này cũng bái bố lộ thể mà bái sắc lệnh trước bất buốc (2).

Nhưng tại Việt-Nam mãi đến năm 1964 huấn thị Plane Compertum về việc tôn-kính tổ-tiên và các bậc anh-hùng liệt-sĩ mới được phép đem ra áp-dụng (3).

CHƯƠNG IX
CÁC LINH-MỤC TIÊN-KHỚI VIỆT-NAM

1. LINH-MỤC GIUSE TRANG VÀ LUCA BÈN.

Linh-mục tiên-khoỉ Việt-Nam không phải là cha Gioan Huệ và Bénédicte Hiên nhưng chính là Giuse Trang.


Năm 1669 giáo-sĩ Ignace Baudet S. J. có gặp hai linh-mục Giuse Trang và Luca Bène làm việc tổng-dở ở Trung-Việt với các thương-sai

(1) D. C. 1940 trang 168 l'Eglise et les Rites chinois. S.I. 15-4-1940.
(2) Xem trang 197.
(4) Chappoulie: "Aux Origins d'une Eglise" l. 185.
(5) Perez về sau làm Giám-Mục ở miền Nam.
(6) Journal de Mgr Lambert de la Motte A M.F. quyển 876 trang 561.
Hainques và Brindeau. (1) Sau lúc hai thửa-sai mất cả hai linh-mục Việt-Nam điều chuyển qua Thái-Lan gặp Đức Giám-Mục Lambert de la Motte (2).


II..— LINH-MỤC GIOAN HUE & BÉNEDICTO HIEN

Hai cha này được lịch-sử nằng nói đến nên có lẽ vì thế mà người ta đã làm tương hai ngoại là những vị linh-mục tiên khởi Việt-Nam.

Lịch sử đã nói gì về hai ngoại. Ngày 24-2-1668 Deydier gọi hai thấy giảng Gioan Huế và Bénédicto Hiên đến chung-viên Juthia & Thái-Lan và hai thằng sau ngày cũng chịu chức & Thái-Lan vào kỳ tháng 5

(1) Xem trang 147.
(2) Chappoulie : « Aux Origines d'une Eglise » I. 325.
(3) Xem trang 148.
hoặc tháng 6 năm 1668 nghĩa là 3 tháng sau lúc cha Giuse Trang chịu chức. (1)


Cha Bèndictô Hiển sinh năm 1615 tại Nghiệ-An. Năm 1669 lúc Deydier nghe tin Đức Giám-Mục La Motte đến Bắc-Việt người phải cha Hiền đem thuyết đến đơn người và cho người biết tỉnh binh ở trong nước lực bây giờ. (4) Nhờ thế đức cha đã dè-phòng để giữ ký các đó thô phương

(2) Bonifacey : « Les débuts du Christianisme en Annam ». 76.
(3) Nguyễn-hậu-Trọng : Les Origines du Clergé Viêt Namien. 197-205
(4) Xem trang 185.
lúc nhân viên chính phủ đến khám nau. Theo các thurm-sai Pháp, cha Hien là một người vừa thông-thái vừa nhận-dức và khôn ngoan cùng có lẽ với những đức tính ấy mà người được cử làm chính hai xứ ở Hà-Nội. (1).

Có một ông quan thái-giám rất được vua yêu dúng, vì không hy-vọng khởi một thù bểch ông mắc đa may mắn, sau khi ông đã học đủ điều căn, ông lên sao người di tim cho cha Hien để ru ra tối cho ông. Vì linh-mục đạo-dúc ấy, mặc dù vân còn năm trên giuong và mỗi bước phải dưng tới giảy, thường thì can người ta giúp một tí là có thể đến tận nhà vi quân kia, không ai bằng lòng cho người di. Sau cùng người ta xin người vui lòng đi càng; nhưng vi khiêm những người không chịu: Một linh-mục tâm thường không nên đi càng nhử quan lại, cho đến việc người ta yêu cầu người di dép ở ngoài phòng người cùng ep mình làm mối lời làm Theo. Nhưng vi trái mưa dưới ngày lài, dép của người cùng chẳng giúp ích cho người. Dương di tuy không dãi, nhưng vi một nhọc quá nên vua đến nhà quan, người ngâ bất tình và thơ-huyệt nhiều.

Hôm sau người bị tê mặt nữa minh, nhất là cười, thành thú không thể nói rõ được. Người tốt ngõ hai giờ ngày 15-3-1686. Xác người được đem an táng trong nhà thờ tại hạt Giao-Thuy, Bửi- chu. (2)

III.— HÀNG GIÁO-SỊ MACAO PHÂN ĐƠI CÁC LINH-MỤC VIỆT-NAM

Đang lúc các Thurma-Sai Pháp lo huấn-luyện các thay giáng để đạo tạo họ trở nên những linh-mục bản xứ thì hàng giáo-sị Macao phân đồi. Phần đồi không phải vì họ có tâm không cho người Việt chịu chức linh-mục, nhưng theo các giáo-sị Macao, Đức Giám-


(2) Nguyễn-hưu-Trưng «Les Origines du Clergé Vietnamien». 204.
Mục chỉ nên phong chức cho những người có điều kiện không những về đức-dục mà ngày càng phong diện tri-dục nữa.


Vì sau này Fuciti còn viết cho Bộ Truyền-Giao (3) biết không những các linh-mục Bắc-Việt không biết đọc La-tinh mà lại không biết chút gì về thần-học luận-ly. Vì thế các giáo-sĩ đồng Tên sơ rằng các phép bi-tích do các linh-mục bản-xứ ban không thành. Fuciti quan-sát lục các linh-mục bản-xứ rụa tội các ngôi đọc sai nhiều quá, bèn Fuciti lại rụa tội một cách chấn thương cho những người tàn tổng một lần nữa: (4)


(2) Chappoulie : « Aux Origines d'une Eglise » I. 352 (1).

(3) Chappoulie : « Aux Origines d'une Eglise » I. 352 (2).


204
Các linh-mục bàn xử trách các cha dòng Tên gây sự chia rẽ trong Giáo Hội vi các ngài không vắng lệnh của Đức Giáo Hoàng, rồi các ngài cảm ấm em giáo hữu đến xung tới với các giáo sĩ dòng Tên. Bên này cùng như bên kia, các linh-mục từ chối không làm phép xác theo lê- nghi Hồ-Thanh cho những kẻ thô tekhe phe đổi-lập của mình và trong lúc ấy cùng có nhiều việc không hay xảy ra trong các nhà thờ như- ở Kiến-Lao nơi mà cha Huệ làm chánh xứ.


Tất cả những hoàn cảnh ấy mang lại cho Giáo Hội Bắc-Việt một bầu không khí nằng-nề khó thở. Vi thế có gì lại lúc cha Huệ và cha- Philippe Nhan sau lúc an con ở nhà một giáo hữu, hai cha sinh bệnh, rồi từ trần, người ta bảo các ngài đã bị trừng dẹc.

kim phương pháp tốt đẹp nhất để đạt đến mục đích của mình. Nhờ sự thiện chí ấy mà chúng ta thấy về sau này cả hai hội truyền-
giao ấy đã đi đến chỗ ồn thọ mong muốn.

IV. GIÁO-SĨ ĐỒNG TÊN TẠI VIỆT-NAM

1.— Các linh-mục đồng Tên Việt-Nam.

Năm 1694 xuất hiện trên đất Việt-Nam những giáo-sĩ Đồng Tên Việt-Nam: các Cha Valentin Suè và Léon Vék, cả hai đều là người Bác. Năm 1696 lich-sử còn có cho biết sự hiện diện của các Cha Đồng Tên Việt-Nam khác: các Cha Lin và Laurent (1) các Ngài quan ở đầu, sinh năm nào và hoạt-dộng ra sao chúng ta không được rõ về thiện tài-liệu.

Giáo-sĩ Đồng Tên Việt-Nam mà chúng ta biết rõ nhất là Cha Philippe Binh (2) tên Đồng của Ngài là Felippe de Rosario. Không biết gì về thân-thê của Ngài nhưng một điều chắc chắn có thể-kỳ 18 Ngài được Đồng tỉnh Việt-Nam sai sang Âu-Châu để dẫn xếp với Toa-Thánh Roma sự xích-mích giữa hai phe truyền-giao, một phe thuộc Đồng Sai. (3)

Tiếc một điều vi những sự bất đống ý-kiên của các thợ gắt trên cánh đồng ruộng truyền-giao Việt-Nam mà các hoạt-dộng của các giáo-sĩ đồng ten bị ỷ hoài phải bi tẻ-liệt, hoặc phải bị hạn chế.

Mặc dù có những tranh chấp nhưng đức tin vẫn còn vững mạnh và các giáo-sĩ vẫn còn sắn sáng hy-sinh mang sóng để bảo vệ đức tin của mình như chúng ta sẽ chứng-kien sự kiên ỷ dưới đối Chúa-Trinh.

2.— Các Giáo-sĩ đồng Tên Messari và Buccharelli từ vi đạo.

Triển-tạc là người có lòng ghét đạo, trong suốt đôi Trịnh-Tắc tâm Chúa miên Bác, các linh-mục phải giảng đạo cach chúng lên. Người

(3) Xem trang 138.

Năm 1696, có hai giáo-si dòng Tên tuờc kia chưa da cho ở Bắc-Việt, nhưng cũng phải giải về Macao. Trong hai giáo-si có một giáo-si tên là Sequeira đã gắn chết mà cũng bị đuổi. Giáo-si đã tật thờ ở trên tàu (1).


Vi sắc-lệnh ấy nên Đức Cha chính De Bourges, Đức Cha phó Bélot và thửa-sai Guisain phải bắt bỏ xuống tàu chỗ sang Thái-Lan, lúc tàu

đến Nghệ-An có một chuyến thương của gần tàu mà không biết đến dùng kẻ-thbuat náo cuốn lại được Đức Cha Bélot và Th vsai. Guisain.

De Bourges mất tại Thái-Lan năm 1714, hưởng thọ 81 tuổi và làm Giám-

Mục hơn 30 năm.

Hậu hết các nhà thờ đều bị phá và đất-dai của nhà chung đều bị tích-

thu. Đói ay người ta gọi đạo Công-giáo là đạo « Hoa-Lang » cho nên

khì hại bổn đạo có theo đạo Hoa-Lang không? (1) Có kẻ thử rằng

tới theo đạo Công-giáo, nên mà gặp được ông quan hiển-lành thì yên

chuyền được tham vế nhà. Chính trong những năm cầm đạo là những năm

bản-bản met mua, lương cung như giáo trach chủ « vi cầm đạo nên-

trởi phát dần ». Chủ Trình biết thế mới ra một sắc-lệnh cho phép dân

theo 12 thu đạo (2) trong đó có đạo « Hoa-Lang » như thế các bổn đạo

dược bằng-an một thời kỳ.

Đức Giám-Mục Bélot chỉ cai-trí dia phần trong 3 năm; người qua

dời năm 1717. Guisain lên làm Giám-Mục thay thế và người mất năm

1723. Trong khoảng 16 năm dia-phận Tây Bác không có Giám-mục, chỉ

có Cha Chinh Louis Néez cai-trí dia-phรณ. Đến năm 1739 người mới được

phong làm Giám-Mục dia phán Tây Bác.

Đức Cha Louis Néez cai-trí dia phán Tây Bác trong 25 năm và đến

năm 1764 người ta thế. Đuc Cha Bertrand Reydellet nổi quen người.

Đức Giám-Mục lập tiêu và đại-chủng-viên & Vinh-Trị trong tình Nam-

Đinh. Dia-phán Tây Bác hồi ấy có 29 linh-mục bổn xứ. Phân đông

các linh-mục này biết đoc La-tinh mà không biết nghĩa. Đại-chủng-viên

có 15 thây, và tiêu-chủng-viên 40 bộc-sinh ngoại ra còn có 20 chỉ em

Mến Thánh-Giá.

(1) Đạo Hoa-Lang tức là dáo của người Hồn-Lan của Tây. Nhưng

Trình Việt-Hien trong « Mâu-Ti, dáo trên đất Việt-Nam » 21 (1) cát

nghĩa rằng: Hỏi ấy những người buôn-bản ở xẻ la thường nhập-căng

một thế vại có in hình hoa cagy khoài lang. Người Việt đất tiền cho vài

át vói Hoa-Lang và gọi cái dáo của những người ấy theo lúc là
dáo Công-giáo.

(2) Rauier : Sử-ký Hội-Thánh — III. 182. cho biết chủ ban phép cho-
tháo 12 triệu dáo. Trương-vính-Ký nói chủ cho theo 11. thứ dáo (xem

Cours d’Histoire Annamite). II. 163.


Đến sau một ngôi sao chổi hiện ra, dân chúng khếp sợ và trạch chửa Trịnh, Trịnh-Cường tề trôi rồi khuyên dân «Trời đã nhận của là và đã người gian rối».

Trời đã người gian thể mà một hôm trong năm 1729 Trịnh-Cường đi viếng chúa ở Hà-Nội về, Trịnh-cường bắt thành linh, bỏ buyêt rồi ngã ngựa ra chết.


Ngày 7-1-1737 có nhân-viên bộ chỉnh vào nguc khám xét, các ngại đoàn là đã gạn đến ngày xù, và ngày sau lại có lý-lính vào nguc tập

(1) Ravier: «Sự kỳ hối Thánh » III. 248.

Các quan dem bổn giáo-si đông Tên đến đạt Đông-Mo gần Hà-Nội. Trên đường đi đến nơi pháp-trúng các quan có biểu các giáo-si một số tiến để mua hoa quả uống nước, nhưng các giáo-si khước từ, các ngại chỉ nhận lẽ của bổn-dạo đang, an một chút và phản phát cho lý hình. Đến nơi xù các đáng ấy quý xứng, ngược mặt nhóm len trôi câu nguyên, về đầu Thánh-giải trên những cây cọc mà các lý hình sập bước các ngại vào, rồi bình tinh các ngại dõi lát guồng kết-liều đổi hy-sinh cao cung của các ngại.


Trinh-Doanh chưa đa đến nên có nhiều ông quan muốn lập công-nghiệp với nhà nước, bất đa cách rào rỉt.

(1) Ravier : « Sử ký Hội Thánh » III. 286.
(2) Trưởng-vinh-Ký : Cours d’Histoire Annamite II. 174.
Năm 1741 có một ông quan đi đầu chống biến, nhưng nửa đường bị trôi mửa ông vào trại một người dân để trú. Trong trại có một cụ già 70 tuổi và một đứa cháu của ông lên 14 tuổi, quan thấy trên tường có mâu anh, tức quà ông giữ mâu anh và bắt hai ông cháu đập mâu anh. Nhưng hai ông cháu bắt khăng quan truyền chem ngay cả hai ông cháu. Có một thây Đông Tên thuộc quốc-tích Đức và hai giáo-si Đông Đa-Minh bị bắt, giáo-si đồng Tên chết rụ tụ và hai Cha Đông Thánh Đa-Minh là François Gil và Leziniana phải trầm quyết năm 1745.

CHƯƠNG X

GIÃO-SĨ ĐỒNG ĐA-MINH TÂY-BAN-NHA
(1676-1773)

I.— CÔNG CUỘC TRUYỀN-GIÁO.

Trong công cuộc truyền giáo tại Việt-Nam, các tu-sĩ đồng Đa-minh đã là những người thơ cùng buổi sáng sớm.

Qua những trang sử đầu-tiên của Giáo-hội Việt-nam chúng ta đã ghi nhớ tên của một tu-sĩ Đa-minh người Bồ-dào-nha, cha Gaspar de Santa Cruz. Cha Gaspar đã đến miền Nam Việt-nam vào năm 1550 và giảng đạo tại Hà-Tiền (1).

Hai tu sĩ khác thuộc dòng Đa-minh, cha Lopez và Acevedo đến giảng đạo dưới triều đại Lê-anh-Tông (1556-1573) và sau mùa năm hoạt-dòng tổng-dâ, bị trực xuất sang Macao.

Dưới thời Lê-thế-Tông (1578-1599) hai cha dòng Đa-minh, Louis de Fonseca người Bồ-dào-nha và Grégoire de la Motte người Pháp, cả hai thuộc tỉnh dòng Santa Cruz đã đến Việt-nam (1580) và truyền-giáo tại vùng Quảng-nam. Hai cha bị vua Chiêm-thành bắt đẻm về Chà-Bàn (gần Qui-nhorn) và chết vì đạo vào quảng năm 1588 (2).

(1) Xem trang 44.
(2) Xem trang 42.
HISTORIA
de las Misiónes Dominicas dirigidas en Ecuadór por los Padres y Madres de la Orden de los Hermanos Predicadores.

CABEZA VIII

CAPÍTULO I

... 62

18. — Bán Mục-loc quyền Lịch-sứ các địa- phận đông thành Đa-Minh
& Bắc-Việt của Marcos Gispert.
Các thua-sai thuộc đồng Đa-minh truyền-giao tại Việt-nam trong những năm đầu hâu hết là người Bồ-dào-nha thuộc tỉnh Đông Santa Cruz, trừ sở chánh đặt tại Malacca. Nhưng trước khi tỉnh Đông Rất Thánh Mân-côi, trừ sở chánh tại Manila, nhận một khu-vực truyền-giao chinh-thuc, thì đã có nhiều tu-si Đa-minh thuec tỉnh Đông này đến truyền giáo ở Cao-mận và miền Nam nước Việt rôi: Năm 1596 hai vị thua-sai Đa-minh người Tây-ban-nha đến Việt-nam: cha Alonso Jimenez và Diego Aduarte (1). Các ngài đặt chân trên hai-cảng Đà-bàn, và hoat-dộng tổng độ cách mảnh đất với sự giúp đỡ tăng cường của nhiều thua-sai khác cùng tỉnh đồng, như các cha Juan Maldonado và Pedro de la Bastida (1601); cha Inigo de Santa Maria, Jeronimo Belen, Alonso de Santa Catalina (1603); cha Juan B. Moralès (1628).

Nhưng, câu chuyện các tu-si Đa-minh Tây-ban-nha bắt tay thật sự vào công cuộc truyền-giao khởi công vào năm 1658, khi Đức Cha Lambert de la Motte sai hai linh-mục bản xứ người từ thu-phòng sang học-tiếng Trung-hoa tại Manila và thay mặt người mới các tu-si dòng Đa-minh đến lãnh nhân việc truyền-giao tại miền Nam Việt-nam, hiệp-lực với các thua-sai Pháp (2).


Trong lúc đó, chinh duc Cha Pallu sang Manila yêu cầu dòng Đa-minh gửi thua-sai sang truyền-giao ở những địa-phận Việt-Nam. Truóc lối xin khẩn khốn của hai vị Giám-mục và dựa trên sắc-lệnh của Đức Giáo-hoa Hoàng Urbanô IV ban quyền cho tu-si Đa-minh giảng giáo trong khắp các quốc gia Á đông, cha Pardo lên lát gọi hai cha Juan de Santa Cruz và Juan Arjona. (3) Các cha lên một chiếc tàu Trung-Hoa, cập bến tại Batavia và lại đúng một chiếc tàu Anh để

---

(1) Xem trang 42.
(2) Marcos Gispert. Historia de las Misiones Dominicanas en Tungkin. 64.
(3) Marcos Gispert. Historia de las Misiones Dominicanas. 83.
đa Việt-Nam. Sau nhiều khó khăn biếng trớ, hai cha đến Trung-linh thuộc tỉnh Nam-dĩnh.


Ngày 7-7-1676, cha chính Deydier chỉ các cha Đa-minh đến (Hưng-yên) và ngày 20-11-1677 lại được chỉ dẫn lo một vùng trong tỉnh Nam-dĩnh. Tháng 8 năm 1677, một tu-si khác dòng Đa-minh, cha Denisio Morales đến trợ lực với các ngại trong công cuộc truyền giáo trong các tỉnh Bác-Ninh, Hải-Dương và Nam-dĩnh.

Vì những yêu sách của cha Deydier, ba cha rỗi bỏ Việt-Nam và chỉ bằng lòng trớ lại sau khi đã được đức cha Louis de Laneau tươ tay ký bản ban dạc-an theo như ấy các ngại mong muốn. Đức Giáo-

(1) Chappoulie: Aux Origines d'une Eglise I; trng. 362-363.

(2) Sắc lệnh Speculatores, ra ngày 13-9-1669 quyết định về những mọi ban giao giữa tu-si thưa sai và các vị Giám-mục truyền cho các tu-si phải vang phục các Giám-mục trong công cuộc tổng do truyền giáo, không được xây cất nhà thơ ở những nơi đã có các tu-si hay linh-mục lo rỗi, không được nhận lời khẩn cầu các thấy giảng...
hoàng Innocentê XI, năm 1679, đã phân chia ranh giới vùng hoạt động của các tu-si Địa-minh và chỉ định cho các ngôi ở địa- phân Đông-bắc thuộc tâ ngạn sông Hồng-hà (1). Ngày 20 tháng 8 năm ấy, ba cha dòng Địa-minh trở về Bắc-Việt.

Lúc ấy, miền Bắc gồm hai địa- phân: địa- phân Đông-bắc dưới quyền đức cha François Deydier và địa- phân Tây-bắc dưới quyền đức cha Jacques de Bourges.

Năm 1680, hai đức cha Deydier và Bourges tuy đã được cử làm Giám-mục nhưng chưa được tận phong, vẫn tiếp tục bất các giáo-si dòng Địa-minh phải nhận làm việc theo đường lối của các ngôi, nghệnch với những đặc ân mà các giáo-si dòng này đã được may mắn nam trước. Vì thế, các cha thưa-sai Tây-ban-nha lại đến Pháp-Hién, lên một chiếc tàu Pháp, nhưng các cha đã bị lỡ điên và bị bắt. Chỉ có cha Santa Cruz lúc ấy còn ở Trùng-linh được tự do thôi.


Tuy vẫn còn gặp nhiều khó khăn với các vị Giám-mục, con cái của Thánh Địa-minh vẫn tiếp tục thực hiện một công cuộc tôn-dơ tốt-đẹp cho đến nỗi năm 1690, trong bửu thư gọi về cho các vị bè trên Đông ở Manila, cha Santa Cruz đã nói đến những con số an ủi: 70 nhà thờ, 18.000 bò đa và mọi ngày, từng trấm người đến xin gia-nhap Hội-thánh. Vì công-viec tốt-dơ càng ngày càng bính trưởng hưng mạnh,

---

(2) Marcos Gispert, Historia de las Misiones Dominicanas 114.


Năm 1699, Phi-luật-tân gọi đến Bắc-Việt 37 vị truyền-giao nữa. Trong số, có một giáo-sĩ người Ý nhận-viên của Thánh bộ truyền-giao,


Nhìn thấy công việc của tu-si Đa-minh Tây-ban-nha làm tại Việt-nam, qua bảo trang chập bèn trong và bách hại bèn ngoại, chúng ta không khỏi cảm phục con đường của Thiên-Chúa. Ngày từ ban đầu các tu-si đông Đa-minh Tây-ban-nha cũng góp phần xương máu xây dựng Giáo-hội Việt-nam, như các cha Gil de Federich Tê, Mateo Alonso Liciniana Đâu, cha Jacinto Castanheda Gia và Vinh-Son Liêm.

II.— CÁC GIÁO-SĨ TỦ-ĐẠO ĐỒNG ĐA-MINH.

I.— Gil de Federich Tê và Mateo Liciniana Đâu.


Theo tài liệu «Bách chu niên & chánh-phước Từ đạo» Chân-lý xuất bản, trang 55 thì nói sau khi đức cha Lezoli qua đời, cha Juan de Santa Cruz (Đức cha Thập) kề vị.


Cuối năm 1743 giáo-si Liciniana cũng bị bắt và cũng được phục xù với giáo-si Gil ngày 12-1-1745.


Chúa Trinh mời một giáo-si thien xã và một giáo-si giới tổn pháp & Macao đến Việt-Nam. Theo lời mời, năm 1751 có một giáo-si dòng Tên đến Bác-Việt.

Trịnh-Doanh mất năm 1767, Trịnh-Sâm cầm quyền cùng năm ấy. Trong đời Chúa Trịnh-Sâm có một Thây sư phạm toi rất nang bi, ăn trăm quyết. Trịnh-Sâm ra sắc-lênh cầm thi-bành may khoan trong đạo Phật nhưng Chúa sợ dân làm tương Chúa bênh đạo công-giao nên Chúa lại ra sắc-lênh cầm đạo và tuyên-bổ : «Vi linh-mục nào bị bắt sẽ bị trăm quyết». Trong dip này, các quan hà hiếp dân. Một giáo-si dòng Tên, Horta bị bắt và phải giam tù trong 3 năm.
Năm 1773 có hai giáo sĩ dòng thành Đa-Minh Hyacinthe Castaneda người Tây-Ban-Nha và Vinh-Son Liêm người Việt-Nam bị bắt.

2. — Jacinto Castaneda và Vinh-Son Liêm tử đạo.


Trong những bức thư ấy Cha Vinh-Son Liêm đều bày tỏ những nơi khó khăn của giáo-bửu Việt-Nam gặp phải trong sự giữ đạo và những gian-nạn của chính linh-mục trong công cuộc truyền-giao. Thúc ra lực ấy Giáo-Hội miền Bắc sap trải qua một con thứ thách mới. Ngày 1-10-1773 lực giảng đạo tại Lương-Đồng, linh-mục Vinh-Son

(1) Marcos Gispert Historia de la Misiones Dominicanas. Trang. 272.


GIAI ĐOẠN II:

DUỘI DOI TÂY-SƠN (1777-1800)

CHƯƠNG XI

NHA TÂY SƠN


thứ hai lên nói nghiêm chủ, nhưng khi ấy người quyền thần là Trương-Phúc-Loan do trở đi chiều di và lập người con thứ 16 của Võ-Vương mới 12 tuổi lên làm chủ gọi là Định-Vương (1) hay là Huệ-Vương.

Trương-Phúc-Loan truyền bất giám từ Hiếu-khuong-Vương, con thứ hai của Võ-Vương và Hiếu-khuong-Vương đã chết trong tử để lại hai người con là ông hoàng Phúc-Dồng (2) và Nguyễn-Anh.


(2) B S.E.I. Octobre Décembre 1935, trang 114.
(3) Trần-trọng-Kim : "Việt-Nam Sử-lược" 345.
(5) Tavernier : "Compte-rendu critique de Gia-Long de Marcel Gaultier" 23.

Tây-Sơn biết không thể nào đánh chông lại cả hai bên nên mới xin Trinh-Sâm cho Nguyễn-Nhạc làm tiền-phong tướng-quan, Tây-Sơn hiểu-trương để đánh lại họ Nguyễn đang đồng quân tại Gia-Đình. Đến năm 1777 Nguyễn-Nhạc được làm Trần-Thủ Quảng-Nam.


Năm 1786 Văn Tây-Sơn sai em là Nguyễn-Hué làm tiệt-chế, rẽ là Vũ-văn-Nham làm tá-quan Đờ-Dốc, Nguyễn-hưu-Chinh, đã về đầu hàng làm hưu-quan Đờ-Dốc, đem quân thủy bộ ra đánh Thuận-Hòa tức


(3) Vô-Vương có nhiều người con; đây là những người con và nhiều có tên trong lịch-sự.

<table>
<thead>
<tr>
<th>Vô-Vương</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Con thứ 2</td>
</tr>
<tr>
<td>I hiền-Khuong-Vương</td>
</tr>
<tr>
<td>sinh</td>
</tr>
<tr>
<td>Nguyễn-Anh</td>
</tr>
</tbody>
</table>

225


Nguyễn-Huệ phải can thiệp, sai Vụ-văn-Nham đem quân ra bất- Nguyễn-hưu-Chính; Nguyễn-hưu-Chính đại bại, và bị giết, vua Chiêu-Thống mới cấu cấu với nhà Thanh. Năm 1788 nhà Thanh phải Tồn-si-Nghi đem quân 4 tỉnh Quang-Dông, Quang-Tây, Quý-Châu và Vạn-Nam sang đánh Tây-Sơn. Nguyễn-Huệ thấy nước nhà làm nguy, tự xưng là Hoàng-Đế niêm hiệu Quang-Trung rồi cầu đại bính đi đánh nhà Thanh đang thưa cơ xâm-lấn ông sóng đất Việt. Đềm 30 tết Quang Trung hạ các dồn Hà-Hội, Ngọc-Hội và để bcp quân Tầu & Đông-Da, đủi chủng đến tận cửa Nam-Quan. Trưa ngày mồng 5 tết năm 1789 Quan-Trung giải-phong Hà-Nội. Chiếm được Bác-Việt Quang-Trung lập nề thông nước nhà.

(1) Trịnh-Sâm say-dầm nặng Đặng-thi-Huệ bố con trưởng là Trịnh-Khai mà lập con của Đặng-thi-Huệ là Trịnh-Căn lên làm Thế-tư v çok thế
năm 1782 Trịnh-Sâm mất, Trịnh-Căn được lên làm Chúa.

(2) Phạm-xuán-Dố: "Việt-Sĩ dân-giai" 126.
CHƯƠNG XII

CÔNG CUỘC TRUYỀN-GIÁO Ở NAM-VIỆT

1.— Bá-Da-Lộc và Nguyễn-Anh (1776-1784)

1.— Bá-Da-Lộc đối nhà chung Hà-Tiên đến Biên-Hoa.


(1) Xem trang 122.

(2) Thường gọi là Đức Cha Bá-Da-Lộc.


Xem Trần-trọng-Kim: Việt-Nam sách lược. 331.


Cùng vào thời kỳ này, bốn Thù-Sai của người đã có gần lốc vào được Trung-Việt. Đức Giám-Mục Bả-Đa-Lộc nhận thấy các Thù-Sai khó liên-lạc với người nên mời chọn Thù-Sai Labartette làm Giám-Mục phó.

Ôi tại Tân-Triều, Biên-Hòa, Giám-Mục Bả-Đa-Lộc có dip giao thiếp với Nguyễn-Anh. Điều chắc chắn là Nguyễn-Anh không muốn

trở lại đạo, nhưng Nguyễn-Ánh nhờ gặp Đức Giám-Mục mà đã bỏ được những tham-khiên không hay đối với đạo Công-Giáo.


2.— Tây-Son chiếm Sài-gòn (1782) Bá-Da-Lục trở về Hà-Tĩnh.


Nguyễn-Ánh phải bỏ thành Sài-gòn về đất Tam-phủ rồi ra lãnh ở Phú-Quốc.


(1) Faure : « Monseigneur Pignean de Béhaine ». 42.
Louvet : « Monseigneur d'Adran ». 66.


Mặc dù không được binh an, nhưng trong bốn tháng người đã di thấm bò đào, có 93 người lón chịu phép rửa tội và số người chịu lễ kể tung nghĩa.


Theo Trần-trọng-Kim Nguyễn-Anh nhưng cho Pháp Faifo, nhưng trong quốc-thư không thấy nói tiếng Faifo. Chỉ trong khoảng 3 có nói đến Cứa-Hàn mà hỏi ấy người Pháp gọi là Touron: « Que M. l'évêque d'Adrara chargé de proposer au nom du roi et de son conseil de faire cession et de donner au roi de France en pleine et entière souveraineté, l'île qui forme le port principal de toute la Cochinchine, appelée par les Français le port Touron et par les Cochinchinois Hainan, pour y faire des établissements, en manière et forme qu'ils jugeront plus à propos ». Trong khoảng này có nhắc Hainan, ử ra phát viết Hội-An — Hội-An có phải là Faifo không?

II.— BÁ-DA-LỘC VÀN ĐỚNG GIÚP NGUYỄN-ÂNH
(1784 - 1789)


Nguyễn-Vương sang trú & Bangkok chờ cơ hội khởi-phục giang-soan của nhà Nguyễn.


Khoản 2: Vua nước Pháp thuận giao cho Nguyễn-Ânh 4 chiến thuyên, một dâ binh gồm có 12.000 người thuộc lực-quan; 200 thuộc pháo-binh và 250 thuộc hắc-binh (Cafres).


Faure : Mgr Pignel de Béhaine. 124.

(1) Faure : « Mgr Pignel de Béhaine ». 54.

Hương-tư Cảnh. Ảnh của Maupéron họa năm 1787. Ảnh này hiện giờ còn giữ lại Chưởng-viên Hội Truyện-giao Ba-le.

Văn-khiêng này đã làm tại điện Versailles ngày 28-11-1787.


Ba-lê cũng như Versailles nó nức dồn tiếp Hoàng-từ, chỉ đen anh thơ làm mưa cũng có tạo ra sáng kiến ra một mặt riêng gọi là một ông Hoàng. Mù ngày là một chiếc khẩn lớn bằng lửa chít quanh dâu. Các bố các cô cùng không chịu thùa các ông để tổ ra mối thù địch với ông Hoàng Á-Dông, họ đầu nhau bại toéc cụ hành như những có xác.

Trong một thời gian & Ba-Lê ngưởi ta chỉ nói về Hoàng-từ Cạnh (1).


Theo y-khiêng của Alexis Faure « Neu chính-phủ Pháp mà sáng lòng giúp Bả-Dạ-Lộc, có lẽ ông đã lập nên cho nước Pháp thành cuộc bạo bố & Việt-Nam ngay dõi the-kỷ 18, khơi cho về sau khó phải dùng chiến tranh mới xong công việc » (2)

Quả quyết như thế không dùng sự thật vì nếu Bả-Dạ-Lộc biết điêh xác chính-phủ Pháp muốn lập nên bạo-bố & Việt-Nam, Bả-Dạ-Lộc

(1) Louvet : « Mgr d'Adran ». 132.
đa không báo giới câu cấu đến nước Pháp. Và lại những khoản trong hiệp ước Versailles mà Bá-Da-Lộc ký kết với Pháp, không một khoản nào, nói đến nền bạo-họ ấy, chỉ có khoản 2 bước Việt-Nam phải nhượng cho Pháp Cửa-Hàn và Côn-Son. Như thế nghĩa là Việt-Nam vẫn còn hoàn toàn chịu quyền của mình mối nhượng cho Pháp như thế, được, nếu tất cả Việt-Nam phải thều quyền bạo-họ, khoản hai này khỏi phải nói đến, vì lúc ấy người Pháp sẽ có quyền không những ở Cửa-Hàn hay ở Côn-Son nhưng lại ở bắc cực trên địa điểm nào của lãnh-thọ Việt-Nam.

Nước Việt-Nam dùng ngang hàng với nước Pháp để ký kết và thi hành văn kiện ngoại-giao cùng như quân-sự. (1)

Người có ước ao sự giúp đỡ của Pháp là để về sau này giữa Việt-Nam và Pháp có một mối bang giao để đẳng, có lợi cho Pháp và cho việc truyền-giao. Không một hồ sơ nào chứng minh Bá-Da-Lộc có ac y muốn xo Việt-Nam vào trong bạo-họ của Pháp.

Nhưng đâu sao công việc của Bá-Da-Lộc cũng gõi nền những thắc mắc.

Sở dĩ may thể ký trước các Đức Giáo-Hoàng và Bộ Truyền-giao đã ra những chỉ thị cho các Thừa-sai chỉ nên lo giảng Phúc-âm cho tất cả mọi người và đừng theo một bè đang chính-trị nào, vì như thế sẽ không hại đến việc truyền-giao.

Hàng giáo-si bạo-cáo về Roma để phân-dợi hành động của Bá-Da-Lộc. Những lời bạo cáo ấy dựa trên lý lệ vùng chắc, xác đáng chứ không phải là những lời vu-cáo (2).

Vi người giúp ông Nguyễn-Anh chống lại Tây-Son nên bước lớn phải bỏ địa phận lực Tây-Son trên đến. Bốn đảo trong địa phận miền Nam của người có đến trên 60.000 người, tất cả những người ấy đều

(1) Louvet : « Mgr d'Adran » 155.
Launay : « Histoire générale de la Société des Missions Etrangères » II. Chương VII.

(2) Louvet : Mgr d'Adran trang 95, 102, 103.
Faure : « Mgr Pigneau de Béhaine » 57-59.
Bức thư của Nguyễn-Anh gửi Louis XVI. Thư viết ngày 29-11-1789

căn đến sự sẵn-sỏc của người. Trong nom, đoạn chiến mà Chúa giao phó là bốn phần của người.


Sở dĩ Bá-Da-Lộc hành động như thế kia, vì người hy-vọng Nguyễn-Anh sẽ là một Constantin thụ hai làm cho nước Việt-Nam trở nên một nước Công-giao; cùng như Constantin thụ thất丹麦 làm cho Đế-Quốc Roma theo đạo Công-giao. (1)

Lịch sử đã trái lời cho chúng ta biết: Nguyễn-Anh không những không theo đạo như Constantin mà còn ra một sắc lệnh chế nhạo đạo Công-giao (2) chính lúc ông còn chấn uất chân rào bước lên ngoài vàng mà Bá-Da-Lộc đã có công mua chuộc lại cho ông. Đó là chua nhớ đến những hành động mới rê-bái giáo của bố ba Minh-Mạng, Thiếu-Tri, Tư-Dực, con cái và cháu chút của Nguyễn-Vương.

Lịch sử chúng mình một lần nữa sự khốn ngao của Bỏ Truyền-giao lúc Bỏ ra chỉ thị cảm các Thừa-Sai nhưng tay vào những việc có tính cách chính-trị. Nhưng chúng ta cũng nên nhắc lại rằng lòng yêu mến tha thiết của Bá-Da-Lộc đối với đầu tổ chúng ta, cuộc đối đạo hành kiểm nhương của người làm chúng ta kinh phục. Vì thế những ai đã hiểu biết đôi chút lịch sử Việt-Nam và không bị tuyên truyền lôi kéo, đều lạy làm pha-uất lúc thấy một bốn người trông giây vào tự pho trúng của người últimos xuống đất (3).

(1) Louvet : « Mgr d'Adran » 101.

Favre : « Mgr Pignean de Béhaine » 57.

(2) Louvet : « La Cochinchine Religieuse » II. 16.

(3) Bộ trúng của Bá-Da-Lộc đã dường dường lên vào đầu tích-kỹ


Lúc ở Thái-Lan được tin anh em Tây-Son đánh nhau và lòng dân còn quyên-luyện với nhà Nguyễn, tháng 7-1787 ông Nguyễn-Anh mới nhùng lên đem dậy cả họ đối với nước và đã chiếm lại được Long-Xuyên, dọ bố ở Cân-Quốc làm Nguyễn-Lữ khiển sự.


Tháng 7-1789 chiếc Méduse vào Vũng-Tàu. Đức Giám-Mục và Hoàng-Türü lên bộ rói đến gặp Nguyễn-Anh tại một trái bình gần đó.

Nguyễn-Anh vui mừng đến tham chấn thuyên, đăng lúc đáp bắc của hải-quan nọ nọ trên cháo mừng Hoàng-đế Việt-Nam.


Thường đến lúc có gió mùa, hải-quan của Nhà Nguyễn lại ra đánh Qui-Nhon. Vì lòng dân không phục Tây-Son nên trong dân gian mọi người tiếng hát: "Lạy Trời cho chúng gió nởm, để cho chửa Nguyễn dong buôm tháng ra ".

(1) La Dryade và Le Pandour.
III.— HOẠT-DỘNG CỦA BÁ-ĐA-LỘC SAU KHI VỀ LAI VIỆT-NAM

1.— Chủng-viên Lợi-Thiều.


Trong số 8 Thừa-Sai qua giảng đào ở Việt-Nam có 4 thừa-sai phải mất trong vòng hai năm vì không hấp thụ thể.

Đội Võ-Vưong đã phân mền Nam có đến 100.000 bơn đào nhưng vì giấc và vì Tây- Sơn giết hại nên lực chủ Nguyễn khối-phúc giảng-son chỉ còn độ 60.000 giáo-bưu. Ở đâu đầu nhà tho cũng bị đọt pháo, sup đó. Cộng việc của các thừa-sai và các linh-mục bản xừ là xây dựng lại Thánh-duồng, nhà ở, giúp đỡ bơn đào phần bền cứ như phần xác.


2.— Quan-niệm của Nguyễn-Ánh doi với đào Công-giáo.


Chính Nguyễn-Anh đã tuyển-bô với các thừa-sai rằng: «Đạo các ông là một đạo tốt lành nhưng nghiêm khắc quá, ai mà có thể giữ được? Tôi không thể nào chỉ cười có một vợ.» (2)


(1) Louvet: «Mgr D’Adran». 263.
(2) Louvet: «Mgr D’Adran». 270.
không làm lệ té Trời để câu xin thịnh-vượng cho nước nhà, vì công-giao thông-dỗng với nguy bình Tây-Sơn."


Túc-tôi đến cúc-dợ (Nguyễn-Ánh mỗi quát to: "Thằng khôn-nan,
tạo đã nuôi máy tạo đã ban cho máy của cải danh-vọng, thể mà máy tự chói không lấy tổ-tiên tạo? Máy vô ơn, và lại tạo có buông máy bỏ đao máy đầu, tạo có bắt máy tế-thần đầu, tạo chỉ báo máy lấy bài vị để tổ ra máy cung-kính tổ-tiên tạo, tạo hồi máy có cái gì ngàn-cắn máy vàng lời tạo.


— « Tao cùng thế, nào tạo có tin tổ-tiên tạo & trong bài vị bảo giò! Nhưng tạo bắt máy lấy để tổ long máy biết ơn với tổ-tiên của tạo, Đức Giám-Mục có bảo với tạo nhiều lần; người công-giaò có thể lấy bài vị của ông bà tổ-tiên, vì không có gì là điều-doàn & trong việc dò ».


— Tiễn-sửt nhà máy, vậy máy sẽ không lấy tạo lạc tạo chet hồ máy?»

Tất cả các quan trong triều-dinh đều lao lên — « Tàu Hoàng-Thương, không, ông ấy sẽ không lấy Hoàng-Thương, ông đã tuyên-bố nhiều lần, ông không lấy kẻ chet, ông chỉ lấy người sống thôi ».

— Thành vô-đạo! Thế mà người ta văn bảo người công-giaò là những người trung-thành, đủi nó ra khỏi denen. (1)


(2) S. I. 1940 trang 108.

« Thưa Hoàng-thượng tôi làm việc mà phép lịch-sự bất tôi phải làm dối với Hoàng-thượng, nhưng ngài ta sẽ không ngồi tôi đa thể lay ma quỷ ». Gia-Long biết ý mình cuội và không dánm đi sau vào câu chuyện nghĩa.


Ngày 2-11-1799, Quí-Nhon thật thú, cấp tốc Nguyêñ-Anh kéo quân về Saigon va làm lê an-tàng một cách hút sức trong thê.

Tất cả triệu-dinh và cả hàng giaọ-sí, binh-sí cùng như dâu-sự đã đưa lĩnh cửu Đức Giám-Mục đến nơi an-ỡi cùng cụi cùng.
Có đến 12.000 binh-sĩ và 120 con voi đi bài linh-cữu của người. Các sứ giả uóc lượng có đến 40.000 người đến dự đám tang của Bá-Đa-Lộc (1). Lúc đến Gò-Vấp, Nguyễn-Anh rồi đọc một bài diều-văn và cùng thông thiết và phong người làm Thái-tư Thái-phó Bi-Nhu quân-công.


CHƯONG XIII

CÔNG CUỘC TRUYỀN-GIAO Ở TRUNG-VIỆT (1763-1800)

1.— TỈNH-HỊNH TÔN-GIAO


Vào hội ấy linh-mục Longer làm giám-dốc chủng-viên, chủng-viên này chỉ có 13 học sinh (2). Trong địa-phận đã có 6 nút tu-viên và uóc độ 250 bà phuóc.


Tavernier : « Monseigneur Pigneau de Béhaine ». 41.

(2) Louvet : « Mgr d'Adran », 257.

246
Tại miền Trung bốn đảo bị bất liêng miên. Ông Đinh-Cát nói truợc của cha Longer bốn đảo đã chết một đứa như, phần vì Tây-Sơn sat hai, phần vì bị bệnh dịch tả. Longer về sau được cử làm Giám-Mục địa phần Tây Bắc-Việt.

II.— TÂY-SƠN CẢM ĐẠO Ở TRUNG-VIỆT (1785-1800).


Có tiếng hom cá là cha Gioan Phát và Nguyễn-văn-Triệu. Cha Triệu quề & Huệ, trước người giúp việc cho một ông quan ở Bắc-Việt, sau người và tư gia thế gian đi tu, người chiêu chức linh-mục, rồi về làm thềm thêm mẹ

(2) Trần-trọng-Kim : « Việt-Nam Sử-lược » 406.


Nhiều nơi ở miền Bắc Trung-Việt các quan sang kiến ra nhiều hình khổ mới la và dân man có ỷ bất bona ngoại hải nơi trú-ấn của các linh-mục. Những nhất thiết không một ai hỗ mở đi phát-giác.


sản sống trước mặt người thư năn, từ quan tran-thủ cho đến anh chánh
nguja đều làm việc quai-ác và mọi ro' này (1).

CHƯƠNG XIV
CÔNG-CƯỘC TRUYỀN-GIÁO Ở BÁC-VIỆT

1.— TỊNH HÌNH CÔNG-GIÁO Ở BÁC-VIỆT (1780-1789)

1.— Đầu đối các Giám-Mục Reydellet — Davoust.

Theo bức thư của Đức cha Reydellet, tình trạng đạo công-giáo dưới
dời Tây-Son thật là thầm thuong (2).

« Chứng tôi không có nhà đông, nhà trưởng, tự sờ, nhà thờ; tất
cả đều bị phá hoại! Các Linh-Mục phải trốn tránh, người ta di sàn chứng
tôi và những ai đi bất được chứng tôi, người ấy được trọng thương.
Một dip làm tiến hiểm có ai mà lại không lời-dùng dip này để giấu thêm
lên một chút. Vi phải chạy nơi nầy qua nơi khác, các đê đặc cửu chứng tôi
bi hư hòng hoặc bi người ngoài đốt phá ». Reydellet mặt mà tình trạng
Giáo-Hội vẫn không thay đổi. Davoust được cử làm Giám-mục mặc dù
ghép lực không thuận-tiền Davoust đã khuyên các thừa-sai can-dám. Lục
zy ở Bác-Việt ngoại sự hiện-hien của Đức Giám-mục Davoust còn có
các Thiêng-sai Sérard, Le Breton, Le Roy, La Motte.

Vi ở Bác-Việt phải loan-lạc nên đã có 2.000 bón đạo chạy trơn lên
Lào làm an (3) Le Breton giữ quyền cai-tri địa-phận Tây-Bác thay mặt
Davoust, sai hai thây Giang Nương và Xuyên đi qua Lào lo việc giảng
day. Các thây phải đi 7 ngày mới đến Trấn-Ninh. Nơi đây các thây
dị gặp 40 người công-giáo Bác-Việt sống trong một làng. Sau 6 thằng
các thây về lại Bác-Việt và thừa-sai Le Breton gọi cha Bón và thây Xuyên
lên Trấn-Ninh.

(1) Ravier : « Sứ ký Hội Thánh » III. 506.
(2) Arch. M. E. pho 699 trang 841.
(3) Ravier : « Sứ ký Hội-Thánh », III. 495.
Những lúc tới nơi 40 người bona đao Trước dặn dòi trong đầu mắt, sau mỗi biệt họ bị vùa cạo ấm-sát mặt người đã chết dọa nên chây tròn cả, cha Bồn và thái Xuyên đi về hướng khác, người gặp một lạng công-giao gồm độ 100 người. Cha Bồn cho họ chỉ các phép trong đao, người rửa tội cho 4 người lơn và 19 em nhỏ. (1)

Năm 1795 Thùa-sai Guérard theo song Mả đi qua Lào, dân sữ & dấy xin người & lại nhưng không thể nào được vi phải trở về giữa căng chiến của Người đang lúc con bất đao hoành-hành.

2.— Thái-su Bùi-dâc-Tuyên và kam-sai Ngô-văn-Sóc.


suy nghĩ định phải thừa sai Đề La Bissachère đến gặp khám-sai của Cânh-Thịnh ở Hà-Nội là Ngô-văn-Sô, nhưng Đức Giám-Mục hồi ấy là Đức Cha Longer không chấp-thuận vì biết đâu là cái bày để sắp các thừa-sai.


Ravier : « Sứ Ký Hội Thánh ». III. 503.


251

II.— TÁY-SON CÁM ĐẠO Ở BẠC-VIỆT (1789-1800).

1.— Lý-do cấm đạo— Cha Gioan Đạt (1) phải xử.


(1) Không biết tên họ của người.
người ngồi trên chiều mà bốn đao đơn sẵn, họ quỳ lạy từ già người. Lúc người đã bị chém bốn đao đềm tăng xắc người tại nhà thày Phúc-Nhặc. (1)

Đối ấy ai bất được các linh-mục Việt-Nam hoặc Pháp đều được thường 100 nén bạc. Cha Vinh chạy trốn vào rừng về phía Kế Bảng, nhưng người không công-giao thấy vậy đềm lòng thương người, dân người ở nhà của họ cho đến lúc anh em bốn đao có thể dân người di trốn nơi khác Cha Tân chạy trốn về phía Hướng-phương. Cha Chiếu Linh-mục Việt-Nam cả niên nhất chạy vào Trung, cha Hạnh giả làm người bán can, nhưng vì người đồng vai ấy không rành nên đã bị phát-giác và phải chạy trốn.

Thừa-Sai Guérard đào một hầm trú nằm tại Xóm Chè bằng ngày có người đem cam nước tới cho người trong nơi hieu quanh. Trong hoàn cảnh như vậy mà các Thừa-Sai vẫn có phương pháp hoạt-dòng.

2.— Các Đức Giám-Mục La Mothe và Longer.

Đức Cha La Mothe cũng có một cái hầm trung tâm như thế. Ngày 22-12-1798 người ra khỏi "Đình" của người để đi phong chúc cho các thây. Mặc dù tình này đã được giữ rất kín nhưng nhân-viên chính-phủ Tây-Sơn cũng biết được và đang lúc bất động họ đã bắt được Đức Giám-Mục. Họ cương-quyet đem nap người cho quan, nhưng cũng cho người biết, vì lòng nhân đạo họ sẽ tha người nếu người nap cho họ 300 lượng bạc. Ba trán lang bạc, một số tiền quâ to lớn đối với anh em công-giao vung ấy, họ phải đi quyền tiến trong các họ đào xung quanh và trong lúc đó bốn cuộp, vì chính những nhân-viên ấy là nhưng tay an cuộp sângh nghệ, lè ra phải ở lại lang như vậy đã hùa lại dem Đức Giám-mục nap cho quan vì thắt ra họ sợ người công-giao chuẩn bị cho chở họ một voz.

Trong lúc đi đường có gặp nhiều người phụ-nức, vì vậy bắc này nên nói rằng, nên bốn cuộp cho Đức cha nghệ chán tại một nhà

gần mé sông. Nhà này là nhà của một người công-giaó. Đang lúc ban đêm do anh cho Đức Giám-Mục dùng bốn cựộp đi tìm truyền để có thể đưa người qua sông, người lại độ cùng một người công-giaó, đã tự ý nhận chim truyền xuống sông.

Đồng thời một số các bà các ông kéo đến với kwî-giôí, họ lấy giấy bùa vào lòng các tên cựộp nhận-vers của chinh-phủ; các chú mà sống được cùng nhô-lanh chân chạy trốn. Đức Cha La Mothe ra khỏi nhà giữ sự hoan hao của anh em gió-hửu. Họ lấy long che người và kiểu người lên núi. Gió-hửu còn bắt được s tên khác và bắt phải trả lại tất cả đặc mà chúng đã cựộp của Đức Cha.

Một bốn cựộp khác cũng lấy đồ dùng chỉ dụ cím dao vua ra, bắt Đức Cha chinh Longer; ông Trần-thủ (1) hỏi họ các bịnh-si công-giaó trong tỉnh và ra lệnh cho họ phải đi gii-phong Đức Cha, bốn cựộp lot lucrôi và được đến đến ông Trần-thủ, hòm ấy đến luốt chúng chịu don một bùa xứng đáng.

3.— Thừa-Sai De la Bissachère.

Nhưng không phải ông quan nào cũng có lòng thiên-cám như ông Trần-thủ. Thừa-sai De la Bissachère tron & trong một cười lão mà theo lời dânj dời ấy chỉ có quỹ ma mới đó.

Từ bô bên ra đến, cười lão phải tôn đến 4 tiêng đồng hồ, ở nơi Đây rất hiu quanh, cứ 10 ngày có một người đánh cả mang đó đến cho người. Người đã ở trong nơi này 7 thằng. Lúc các quan biết được người đang tron tài đây các ông phải 17 chiêc thuyen và 300 bịnh lịch đến vài cười lão, cảm các thuyen buôn hoắc đánh cả & các cười binh gian đó lưu thông, ai không tuân lệnh sẽ bị xử tử. Đang lúc đên tôi nhiều tiêu đối đa đỏ bỏ lên cười lão và tìm cách để trở lên núi ở giữa cười lão. Đang lúc cha De la Bissachère làm le người đang mang sông người đi xin Chúa cho bôn dao cửa người được bên đó. Lễ xong người nói với các thây giang người đi xem thuy linh sẽ đi đến lơi nào, khuyên các thây tron cho kỳ và báo các thây nhăn một linh-mục Việt-Nam trả

(1) Không biết ông tên gì, và ở tỉnh nào?
ÉTAT ACTUEL
DU TUNKIN,
DE LA COCHINCHINE
ET DES ROYAUMES
DE CAMBODGE, LAOS ET LAC-THO
PAR M. DE LA BISSACHEIRE.
Mémoire qui a résidé 18 ans dans ces contrées.
TRADUIT D'APRÈS LES RELATIONS ORIGINALES
DE CE VOYAGEUR.

PARIS
A la librairie française et étrangère de GALIGNANI,
66 rue de la Verrerie.

1812

10. — Quyền kỳ-sử của Thùa-sai De la Bissachère. Thùa-sai đã sống 18 năm ở Việt-Nam. Nhờ những tài liệu của Thùa-sai chúng ta được biết rõ đôi ông chính trị và tôn giáo của dân-tộc Việt-Nam dưới đời Tự-Sơn. — Kỳ-
sử xuất-bản ở Ba-Lê năm 1812.

GIAI ĐOÁN III.
DUỐI ĐÔI NHA NGUYỄN (1800-1933)

Duối đôi nội nhà Nguyễn Giáo-Hội trải qua những năm bình an, những năm chiến tranh, những năm cắm cạo và sau những năm cắm cạo là thời kỳ kiến thiết.

PHẦN THỨ NHẤT

BA MUÔI NĂM BÌNH-AN (1800-1830)

CHƯƠNG XV

NHỮNG NĂM BÌNH AN DUỐI TRIỀU GIA-LONG

I.— GIA-LONG ĐÁNH DUỐI TÂY-SƠN RA BẮC


(1) Laurant: «Histoire générale de la Société des Missions» II. 1819.


Từ lúc thành Huế lot vào tây Nguyễn-Vuông, Cinh-Thịnh ra Bạc rồi sao em là Nguyễn-quang-Thùy đem 30.000 quân vào giữ cửa Nhạt-Lệ, Bửi-thi-Xuân vở cửa Trần-quang-Diéu cùng đem 5.000 binh sĩ vào giúp.


II. — TÀY-SƠN THẤT TRẦN

— Các tướng lãnh Tây-Sơn bị bắt.

Sau lực Hà-Nội lọt vào tay Gia-Long Bùi-thị-Xuân đi vào rừng, đã gặp nhau, hai vợ chồng cùng cười một con voi. Quân của

2. — Gia-Long xử đái tàn-nhiên với tử bình.


Người bị xử trước nhất là vua Tây-Sơn: Cạnh-Thịnh.

Mỗi cửa cha mẹ và những người thân thích phải quật lên, hai cơt Quang-Trung và bà vợ đều bị bê gậy và chặt đầu. Làm như thế có ý nhục mọi cha mẹ Cạnh-Thịnh, và theo đi dần, họ tin là con cái cháu chat của Quang-Trung không còn hành-phúc, sung sống nữa. Bề tương các hai cơt xong, lý-bình dức xưng vương vào một cái sọt roi anh em bình-sĩ được lệnh thay phiên nhau tiêu vào sọt xướng ấy. Xong phải đâm ra tro roi đem sọt tro ấy để trược mất Cạnh-Thịnh.

Theo thời tục, trước khi xử người lý-bình đơn một bữa com thỉnh-soan. Cái mâm đơn cho Cạnh-Thiênh là mâm đơn cho nhà vua. Em của Cạnh-Thiênh, Nguyễn-quang-Thiệu can anh và bảo: gia-dình
ta thiếu gì mà phải đi ăn mà muốn của người; sau lúc an
com lý-hình kháong Cánh-Thịnh và một vài người bị xử khác vì
số họ chịu rủ hoàng-dé Gia-Long. Rồi binh-sĩ chạy đến bước chân
và tay Cánh-Thịnh vào bốn chân của bốn con voi. Lực voi đã kéo
đút ra khỏi thảm thế một đई thật, Cánh-Thịnh còn quay lại nhìn một
lần chốt cái sọt đường xưởng của ông bà. Thành hình Cánh-Thịnh bất
trước làm 5 mãnh; mười mãnh đều được treo ở 5 chỗ trong thành
phố Huế. Có linh canh gác canh thân để cho người ta khỏi cúi
những miếng thit ấy, vi phải để cho thit ấy thoái có đi mới cho
qua đến an.

Con trưởng Trần-quang-Diều hôm áp ngày xưa; ông đã xin Gia-Long
tha cho mẹ già ông 80 tuổi không còn có thể làm «hài» để Quốc-Gia
dược... và bà này đã được tha.

Con chinh mình Trần-quang-Diều chỉ biết chém. Con của Trần-
quang-Diều, một cô gái thủy-my, duyen đang, mới có 15 xuân xanh
sống bị án xử-từ l Lúc cô thiếu-nữ thấy con voi đến gần cô, cô run
lon và có kẻ một tiếng thật-thanh nức-nở khóc van-nài mẹ của cô:
«me, me cứu con ». Bùi-thi-Xuân can-dám bình-tình trả lời: « Làm
sò mẹ có thể cứu con được, vi chinh mẹ cũng không cứu được mẹ,
con nên noi-gương thấy con, chết con hon sống với hon người này». 
Nhieu khán-gia cảm-dòng uóc-ao muốn cứu cô, và bộ ngoại mạt
hoặc ché mặt lúc con voi lấy voi tung có bé len không trung.

Đến lúc nửa-tưởng Bùi-thi-Xuân bị xử, nửa-tưởng không chút
sét, đi thẳng đến con voi, bình-lành la lón tiếng bảo bà quy xưởng
cho voi tum lấy bả cho dễ, nhưng bà chẳng chịu nghe. Máy ông
phải kinh-kịch con voi khá lâu nó mới chịu tung bà lên. Truóc
bì xử, bà đã cho người mà mùa lừa quan sát lấy thân thế. Vi bà
bạn không phải tran-trưởng lúc bị voi giám xác. Chỉ có bà Bùi-thi-Xuân,
ng Trần-Quang-Diều và Hoàng-thần Nguyễn-quang-Thiều giữ được
binh-tình và không doi sắc mặt trước lúc bị xử.

Binh-sĩ muốn cho được can-dám dã lấy tim, gan, phôi của bà để
tử-chi đem cho lên cấm thú có ý phát bả về cái tôi đã làm
cho Nguyễn-Anh và bình linh của ông run lên, khi bà vây thành Trần-Ninh.

Cả phải biết qua những hành động đa-ma này, để có thể hiểu tất cả những nơi như-nhà và vô nhân-dạo của người công-giao phải chịu sau này.

III.—NHỮNG NĂM HÒA-BỊNH

Nơi chiê tròng nước được chăm dứt và đồng-thời việc bất đạo cùng được ngừng trong một thời-gian.


Lúc vừa lên ngồi Gia-Long tuyển-bô an-xá cho tất cả các Tây-Sơn nhu hơ đầu hàng trong năm ngày.


(1) Schreiner: "Les Institutions Annamites en Basse Cochinchine". I. 185.

262
đã cập bến Hà Nội, Tất cả 7 chiến đêm bị đốt (1) nhưng cùng không thấy nước Anh rồi bội-thuởng gì cả, vì lúc ấy có lệ nước Anh đã làm tướng về lực-lưỡng thực-sự của Việt Nam. Vì Việt Nam đã cố lấn đọa ông toàn-quyền Anh ở Án-Dơ (2).


Lực ở giữa, Gia-Long trái lại với thời-tục Quốc-Gia, chơn ông hoàng-Dâm con của một bà vợ lẽ lên nội ngôi. Các quan triều-dình ngủ can, vì theo luật con Hoàng-Từ. Cỉnh được lên nội ngôi vua Nhung Gia-Long đã dại-dốt không nghe lời ngủ can chỉ-lý ấy.


Gia-Long không phá hoại đạo Công-giáu nhưng cùng không năng động Công-giáo.

---

(1) Schreiner: «Les Institutions Annamites». 1. 188.

(2) Faure: «Mgr Pigneau de Béhaine». 223.
IV.—GIA-LONG VỚI GIÁO-HỘI CÔNG-GIÁO

1.—Gia-Long với hằng giáo-sĩ.


Mặc dù trong lúc vũa mới lớn, mặc việc bình đạo đến lúc gần chết vẫn còn giữ được lòng đạo. Còn về việc ông Hoàng có chịu phép rửa tội hay không, điều đó không thể qua quyết được (2).

Mặc dù không giúp đạo Công-giáo, nhưng Gia-Long cũng tỏ ra lòng biết ơn đối với các giáo-sĩ.

Lúc vũa tới Huế Gia-Long tắt tâm đối di thấm Giám-Mục Labartette mà Gia-Long chưa bao giờ gặp và đối xù với người biết sống kính nhất. Tù lúc Bá-Đa-Lạc phải Labartette đến miền Trung, Labartette luôn luôn phải

(1) Trân-Trọng-Kim: « Việt-nam Sử-lược » 400.


264
trọn tránh khó số, bây giờ không những được tự do mà còn được nhà vua hậu đại. Vì tin tưởng quá sớm vào lòng thành thật của Gia-Long, Giám-Mục Labartette đã viết:


Năm 1802 lúc Gia-Long đem quân đến Nghệ-An, Giám-Mục La Motthe và Thùa-sai Đê la Bissachère có đến chào mừng Gia-Long (1) vua cùng tô lòng rất thịnh tình với các Ngài.


Vi phải trung dụng khu đất Thi-Nghè để làm vua lúa, Gia-Long trích một số tiền để đối nhau thể Thi-Nghè qua Gò-Váp gần làng Bá-Da-Lộc. (3) Năm 1800 đã đặt này gồm tất cả các xut đạo ở về phía Bạc Saigon.

Gia-Long cũng đề cho cha Chính Liệt ngồi nhà thờ của Bá-Da-Lộc

(2) Louvet : « La Cochinchine religieuse », II. 12.
(3) Ô Saigon dân chúng gọi là làng Bá-Da-Lộc là làng Cha Cả.
với 100 bình-si lo việc canh gác dinh Giám-Mục. Vua còn thue viết lại trên gấm bài điều văn và gọi về gia-dinh Bá-Da-Lộc.


2.— Sắc dụ nhục mạ đạo Công-giáo (1784).


266


Vừa tiếp các Sư Trung-hoa xong, Gia-Long tát cá về kẻ kinh-dớ Huế. Ngày 4-3-1804 Gia-Long ra một chỉ dụ mà các Thừa-Sai chờ đợi từ 3 tháng nay, Gia-Long tự phong cho mình là thây cả thường phạm và tự mình định đoạt về tất cả các việc về Tôn-giáo.

Trước hết sắc-lệnh xác định những ngày Quốc-Khánh trong năm mới lạng phải mừng một cách linh-dình trong thể và về phán sự người dân phải đồng góp trong những dịp lễ ấy.

Về tôn-giáo:
2. Cấm không được sửa chúa chiến lực chúa có phép ông Trần-Thủ trong tỉnh.
3. Cấm xây dựng thêm những chúa mới để thờ thần.

Do đó từ nay trong các tổng, các lang có nhà thờ của người Công-giao chậm sửa chữa hoặc xây-dựng lại những nơi nhà thờ đã bị hư nát, còn cất nhà thờ mới ở những nơi chưa có, tùy nhiên cảm hận ». (1)


V.— ĐỜI SỌNG CÔNG-GIÁO DƯỚI ĐỜI GIA-LONG
(1800-1820)

1.— Hội Công-Dòng 1803.


Sau đây là những con số các Thura-Sai đã ghi lại, vào năm 1800:

Địa phận Đông Bắc-Việt có 140.000 công-giáo, 41 Linh-Mục Việt-Nam, 4 Thura-sai một Giám-Mục. Địa phận Tây Bắc-Việt: Có 120.000 công-giáo, 65 Linh-Mục Việt-Nam, 6 Thura-Sai, một Giám-Mục.

Địa phận Trung và Nam-Việt: Có 60.000 công-giáo, 15 linh-mục Việt-Nam, 5 Thura-Sai, 1 Giám-Mục.

Tổng-công Việt-Nam vào năm 1800 có: 320.000 công-giáo, 119 Linh-mục Việt-Nam, 15 Thura-Sai và 3 Giám-Mục. (1)

2.— Lòng sọt sảng của giáo-hữu.

Nhờ những báo cáo, những thư từ của các Thura-Sai đời ấy chúng ta biết được một vài nét của Tôn-hữu đời đầu thế-kỷ 19. Từ năm 1800 đến 1830 giáo-hữu có lẽ ít tăng số, nhưng họ được giáo-hữu một cách chu đáo hơn và họ làm việc, thờ phượng một cách thường xuyên, nhờ thế lòng đạo của họ cũng được sâu hơn, chúng ta có cảm tưởng như 30 năm bằng yên ấy là những năm đơn minh để chịu một cuộc thử-thách lâu dài.

Bọn đạo đã bằng hài sưa chửa các thành đường, các việc thờ phượng đều được làm một cách công khai, các anh em bèn lưng dòng-dào đến thống công, và nghe giảng dạy, nhờ vậy họ đã bỏ được một mơ nghi kỳ đời với Công-giáo.

(1) Louvel : « Les Missions Catholiques au 19e Siècle ». 207.
Điều mà họ trách người công-giáo hôm că là không làm lễ kinh tế ăng bể, tơ tiên. Lúc bọn đạo phải bất bố, sống trên rằng rửa hoắc trong hàng sầu, điều vu cáo ấy còn có thể hiểu được đôi chút, nhưng lúc được tự do-hành đạo, không cần phải giữ đạo một cách chung lén, bọn đạo đã đi dứt tất cả nghệ oai nghiêm và cảm động của Giáo-hội. Lúc được tin một ông quan công-giáo cấp lạc độ đo một tại Cái-Nhum vua và cả triều đình đã đến dự đám tang của ông, các ngôi đã công nhận đạo công-giáo bộ ngoài tất cả những cái gì đã doan và biết tôn kính ông bà Tổ tiên một cách nghiêm trang.

Có những ông quan đã nói cách trong răng « Người Công giáo không ăn chai, không trầm cười. Mọi người chỉ cười một vỡ mà không sờ đến vỡ người khác. Họ ngày thường và đơn sơ không muốn làm hại người xưng quanh mình. Một đạo sresultado được cách an ơ của con người như thế phải là một đạo tốt hơn đạo của chúng ta. » (1)

Đi nhiên trong số những người công-giáo có những con chien ghê làm những việc người lại luôn thường đạo lý, nhưng đâu phải vi họ theo đạo Công-giáo mà họ làm điều xấu. Và lại chỉ có một số ít là chien ghê lỡ cũng không phải là đai dại số Công-giáo.

3. - Hạng Giáo-sỹ.

Vào thể kỳ 19 trư ra các giáo-sĩ Tây-Ban-Nha & địa phận Đông Bác-Việt các thừ-sai đến giảng đạo & Việt-Nam toàn là người Pháp. Ở Pháp lúc ấy mới qua con cách mạng thành thứ không thể gọi các Thừ-Sai đến Việt-Nam để thay thế nhưng Thừ-Sai đã mặt hoắc đã quá già cả.

Năm 1809 Đức Cha Doussain qua đời và trong mấy năm tiếp cùng có nhiều Thừ-Sai khác mật nữa. Năm 1812 ở địa phận miền Nam chỉ còn có 3 Thừ-Sai: Đức Giám-Mục Labartette, cha Chinh Địa phân, Jarot và Thừ-Sai Audemar, ở Bắc Đức Cha Longer chuyển chức Giám-mục cho Thừ-Sai Guérard. Địa phân Tây Bắc lúc ấy chỉ còn có 3 Thừ-Sai tuối tác.


(1) Louvet : « La Cochinchine religieuse » II. 14,
SOUVENIRS DE HUE

COCHINHIEU

PAR MICHEL DUC CHAIGNEAU

PARIS

IMPRIMERIE IMPÉRIALE

1867

CHƯƠNG XVI

MUỘI NĂM BÌNH AN DƯỢI TRIỂU
MINH-MÃNG (1820-1830)

I.— MINH-MÃNG VỚI NGƯỜI NGOẠI-QUỐC

Năm 1821, chiếc Le Larose đưa Jean Baptiste Chaigneau đến Huế với chức lãnh sự Pháp ở triều đình Việt-Nam, Minh-Mạng, theo Michel Đức Chaigneau, tiếp xúc ông cách lãnh l蹦 mà dù là dùng nghiêm lề ngoại giao. Minh-Mạng lấy làm bằng lòng vì Chaigneau trở lại Việt-Nam và hứa sẽ xử dâí với Chaigneau như xưa-dâí với một quan đại thân (1).


Đó là những dip làm lợi cho thành-thể và tỉnh-vương nước nhà, nhưng Minh-Mạng lạc hậu bò roi những dip quyết hóa ấy.

II.— MINH-MANG VỚI LÉ-VÂN-DUYẾT

Lé-vân-Duyệt là một người rất có thế lực, vì ông là một chiến sĩ can đảm và cùng là một nhà cai trị giàu kinh nghiệm. Dân sở ông ta nhưng thành thực mạnh ông vì ông có tâm lòng thằng thân, Gia-Long đất để tất cả sự tin cậy nơi ông.


Minh-Mãng ngoan-có chăng nhưng không nghe lời Duyệt lại làm ngược hận lại ông khuyên.


Người ngoài quốc như Anh, Pháp, Thái-lan, Miên-điện (1) biết ông và khám phục cách cư-xứ của ông — "Lê-văn-Duyệt làm tổng-trấn ở tỉnh Gia-Dính, có uy-quyền lớn mà lòng người ai cũng kinh-phục, chỉ vì ông ấy làm quan vua, tỉnh khi nóng này nhiều khi ở chỗ triều đường, tau đối không được hợp thế, Minh-Mãng lại làm không được bằng lòng, nhưng ông ấy là bậc khai quốc công thanh, cho nên cũng làm ngược di. Đến lúc ông mất, Minh-Mãng bái chức tổng-trấn thành Gia-Dính và đặt chức tổng-dộc như các tỉnh & ngoại Bắc" (2).

Đến lúc Lê-văn-Duyệt mất Minh-Mãng trả thú một cách rát tế bèn. Biết Minh-Mãng không đưa Lê-văn-Duyệt nên bốn quan lại trong triều đình mê tông hột vua và đồng thành lên an Lê-văn-Duyệt đến 7 tớ. "Tôi Lê-văn-Duyệt nhờ từng cái tóc mà kẻ cùng không hét nổi ra đầu long dử có bồ quan quích mà gieo thây, cũng là đằng tớ. Song nghị hận đã chet lâu và đã truy đào quan trước, xuống khóa trong mà, không bỏ gia hình. Vậy cho tổng-dộc Gia-Dính đến chỗ mà bán, san làm dật phằng và danh 100 roi trên mớ (3) khác đã đừng bìa ở trên mà viết to những chử "Chỗ này là nơi quyền yểm Lê-văn-Duyệt phục pháp" (4). Lời dụ này là chuẩn-lực tổng-phất cho mỗi tỉnh mới đảo để cho ai này đều biết triều đình xử rát công, rõ ràng cái cần ba thụroc mà nghiêm như riu búa nghĩa nhu (5).

---

(3) Cưltru: "Histoire de la Cochinichine française", 43.
(4) Nghĩa là: chờ tên hoạn to quyền Lê-văn-Duyệt chịu phép nước.

III.— ĐỜI SÔNG CÔNG-GIÁO DUỐI ĐỜI MINH-MÃNG TRƯỚC NĂM 1830

I.— Tỉnh-hình công-giáo ở Việt-Nam.


trước lúc lên ngồi sẽ bát chuột các hoảng đế Nhật-Bộn «Ta ghét đạo của người Âu-Châu. Ta sẽ cấm và trừ cho triệt dạo ấy».(1)


2.— Điểm không lỡngh.

Vào năm 1823-1824 các thừa-sai theo đội những cuộc bốn-cái ở triều-dính, Minh-Mạng tỏ cho các quan canh-thần hay cần phải điệt «Tà-dạo». Vào ngày Nguyên-dấn 1824 các thừa-sai đến yết-kiến và

(1) Louvet : «La Cochinchine religieuse. II. 27.
(2) O.F.M : dòng thành Phan-xi-cô.

— « Tàu Hoàng-Thuỷ, Đức Tiên-Đế không bao giờ bất ép hại thân làm một điên như thế, hà-thần sẵn lòng chịu phạt và sẽ không bao giờ trông cây nêu.

— Ta mến khanh không vì thế mà trừng-phát khanh, nhưng khanh nên biết rằng, tư rằng về sau các linh-mục Âu-Châu sẽ không vào nước của ta, nhưng ông hiến đăng ở trong nước thì không sao, nhưng ta không muốn thấy các ông khác đến nưa. Hính như nước chúng ta không phải là một nước lớn, một nước có văn-hoa sao? Kanh làm ta hỡi-then lúc khanh đi tìm những đào-trường Âu-Tây».

Trước hôm ấy vãi bà, em của Minh-Mạng (2) đi ngủ chơi ở trong thành-phố Huế gặp một cái trai trong trại; ông Hoàng nhận ngay là một nhà thơ công-giao; ông ta đi lực khắp trại và tìm thấy một tướng Đức Mẹ trong một cái thùng; lập tức ông ta chởi-rủa người công-giao và nói với những người hỗ-vệ theo sau ông: « Nhà này sẽ dụng làm sân-khâu ». Rồi tuyên truyền cho chức-dịch trong lang phải đơn-dep sân-sướng để vào ngày sau nước các tài-tử đến mua hát.

Các chức-dịch trong lang toàn là người công-giao chỉ còn có cách « Đi-dạo vi thuyệt-sách ».

3. — Chỉ-dục năm đế 1825 — Lê-văn-Duyệt can-thiệp.

Một hôm một quan cận-thân tàu với Minh-Mạng nên dùng phuong-

(1) Souvignel : « Variétés Tonkinoises ». 260.

(2) Có lẽ là Kiên-An.
pháp của các vua Nhật-Bồ để tiêu-trừ công-giao. "Cần gì bắt chước, ta có phương pháp của ta hoàn-bỉ hơn phương-pháp của các vua Nhật".


Diểm thứ nhất có thể thì-hành một cách dễ dàng với người ngoại-quốc vào Việt-Nam, thường thường phải vào đường bên vì thể chỉ cảm các tài Âu-Châu vào cửa bên tạt nhiên là thưa-sai cùng không vào được. Chính lúc ấy hai thưa-sai Jaccard và Régereau tìm cách để vào Việt-Nam mắc đủ linh-trạng canh-phòng cửa bên rất ngắt.


(1) Louvet : "La Cochinchine religieuse" II. 41.
Num-Xuân-Thọ : "Phações-Thạnh-Giản". 44.
Điểm thứ hai: cần phải tập-trung cả thuộc-sai vào một địa-diểm,
như thế họ sẽ không còn có thể giữ được lo việc giảng-dạo. Minh-Mạng
bảo trợ lúc các ông Vannier và Chaigneau về Pháp, ông không còn có
thông-thông-na và ở trong triều-dinh ông muốn có những người thông-
thái nên ông mời nhiều các thuộc-sai. Như vậy các ngài sẽ có một địa-vị
khả-quan và như thế sẽ có ảnh-hưởng trong triều-dinh và trước mặt
giáo-hủu.

Các thuộc-sai Bắc-Việt vi ở xa, và Minh-Mạng ít biết đến nên các
ngài có thể trọn-trầnh được, nhưng các thuộc-sai ở Trung và Nam
không thể nào trọn được. Thừ-sai Taberda đến Huế trước nhất khi
dến Gagelin và một cha dòng Thánh Phan-xi-cô, giáo-si Odoric. Lực vua
mới đến Minh-Mạng bắt tra-hồi các ngài không khác nào tra hỏi các
tử nhân.

Ba ngày sau có sắc-dự để các ngài trú-ngu tại đình các đại-sứ
(1) gọi là Cung-quán mỗi thuộc-sai có 6 người giúp việc, lương-bông
của các ngài ngang hàng với lương một quan Chinh-Nhi-Phạm (2).
Các ngài vân có tự-do đi lại. Minh-Mạng ham thích đi-du, nên mua
nhieu bàn-do ở Âu-Châu, ông ubô các thuộc-sai đích những bàn-do ấy.
Mặc dù phải làm việc trong đền vua, các thuộc-sai không quên mục-dích
của cuộc-dối riêng họ. Thường các ngài làm việc cần-cù đến khuya để
làm đẹp lòng vua và cùng để đánh đổi chút thi giờ rảnh thảnh việc bốn
đảo. Nhưng sau các ngài không còn có tự-do đi lại, mỗi lần đi đâu phải
có phép và có lệnh đi theo sau. Để che giấu ac-y của mình, Minh-
Mạng đã trao-tặng cho các ngài vân-bằng và công-khai bảng các
ngài làm quan triều-dình. Một ông đại-thần theo lệnh vua mang đến
cho các ngài những giấy tờ ấy, các tử-nhanh nhất đinh đúng điệp này
dể có mặt nhà của Minh-Mạng. Thừ-sai Gagelin hỏi ấy với nói tiếng
Nam thơ, say mê cho các thuộc-sai khác trả lời cho quan đại-thần


(2) Lamogé: «Histoire générale de la Société des Missions étrang-
gères» II. 530.

Chẳng những Gagelin tự chờ không nhận chức-tuọc, mà còn từ chối lê-vết nhà vua giờ đến nua.

Quan đại-thần cũng như những người tùy tổng của ông đều lấy làm lạ, không hiểu làm sao các người lại đem đến tự chối những chức-tuộc cao-sang mà biết bao người thêm khát. Quan dùng mưu bất cãi người nhàn: "Các người cứ nhận những văn-kiện này đi và có muốn kinh-nại thì sau bày kinh-nại."

Theo thời-tục sau khi nhàn các văn-kiện ấy các thura-sai phải cho người cầm long che các người lúc các người hai tay cầm sắc của vua ban, nghiêm-trang, trình-trọng bước từng bước động để trên bàn thờ, bước lúc lui ra, phải xả sắc của vua để tỏ lòng tôn-trọng quyền-bình nhà vua.


Minh-Mạng không trả lời mà cùng không thay đổi trạng-thái.


Langlois cũng nói tình hình như trên. Và lại có nhiều quan-chức công-giao & Bác-Việt, nên các thừa-sai mới được bình-an như vậy.

Đông lực ấy các thừa-sai ở Nam bị giấm.long, các thừa-sai ở Huế không đảm đi đâu cả, vì nên các ngài đến nhà tham gia-hư, gia-hư ấy sẽ bị tọ-cáo, nhưng một lúc đã làm quen với những người lính gốc, các ông này sẳn-sáng để cho các ngài đi ra các họ đạo làm lè các ngài chú-nhất. Giăo-hư không quên dứt tiền cho các lĩnh cảnh một cách cẩn-mật. Đềm lè sinh-nhất 1827 có hai tên lĩnh gốc một cách chiu-dào tu-thật của thừa-sai Gagelin đãng lực các ngài hành-lê trong hai họ đạo, gần kinh-dô Huế.


(1) Lê-văn-Duyệt về Huế chỉ có mục-dích bệnh do các Thừa-Sai hay là nhàn dĩp đi trình-bầy công-tác ở Kinh-Dô, Lê-văn-Duyệt bao chửa cho các ngài. Xem:

Cultrru : «Histoire de la Cochinchine Française ». 43.
Louvet : « La Cochinchine religieuse ». II. 43.

IV.— NẾN TU-PHÁP DUỐI TRIỀU MINH-MÃNG


1.— Pháp-dính.

Duôi dời Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức, các tù-nhân dài đã số là các người công-giao, họ được đưa đến tra hỏi ở tại các pháp dính sau đây:

Phủ Thùa-Thiên, Dính hộ Hính và toà Tam-Pháp.
A.— PHÚ THÙA-THIÊN.


Ở Việt-Nam chúng ta về thời này cũng như về các thời trước các quan chức nội trên cũng là những ông quan tòa, vi vậy các việc phảm đến luật nước, luật tỉnh đều thuộc quyền tỏa an Phú phân xử.

Việc rao giảng đạo công-giao là một trong tôi tiêu theo sắc dự của Minh-Mạng và Tư-Dực, vi vậy, nhiềuguời công-giao, linh-mục Việt-Nam, hoặc Thừa-Sai ngoại quốc không chịu «quá khó» đều được dân tới Phú.


Phía trong trại có một cái bè, chính quan ngồi trên cái bè này để

(1) Vérue largement développée.
(2) Mandataire du Ciel.

284
xử tội nhân, & phía dằng trước trái có một cái sân, thường thường tôi nhân được dân đến sân này để tra hỏi.


Chính ở trái Phủ Thừa-Thiên, 73 người công-giao làng Dương-Sơn và Thừa-Sài Jaccard được giải đi lên xu.

B.— BỘ HÍNH.

Theo luật Việt-Nam, Bộ Hình chỉ được xử những tội nhân đã được dưa qua các toa án & Phủ; Bộ Hình chỉ có việc hüy án, hay là đồi án năng ra một án như hôn, hoặc ngược lại. Tuy nhiên trong những trường hợp đặc biệt hoặc trong những trường hợp tội trạng khác thường, hoặc vì lệnh riêng của nhà vua có những nơi chỉ dưa qua Bộ Hình mà không qua Phủ. Thường là nỗi của các linh-mục hoặc thừa-sài rao giảng đạo công-giao, hay là những người tín-hữu bị bắt ở gần kinh thành Huế.

Toà án này gồm có ông Thường-thủ Chính án, tức là Quan Thường, hai ông cỏ văn gọi là Tham-tri và Thi-Lang.

Muôn vào Bộ Hình phải vào cửa Đông-Nam mà dân quem gọi là cửa Thường Tự, đi dể 600 thước sê gặp một con đường trực gạo với con đường chung ta đang đi, và song song với con đường ngang się có một dấy nhà đại, nơi đây là trụ sở làm việc của lực bố: Bộ Hình, Bộ Lại, Bộ Họ, Bộ Lã, Bộ Bình và Bộ Công. Trụ sở của Bộ Hình ở về phía đông. Cách thức hoat động & Bộ Hình cũng giống sạch thường hoat động & Thừa-Phủ hay & Toa Tam-Pháp.

ơ noi Pháp-dinh, quan Thường ngồi trên một cái bè cao, hai bên có các ông Tham-Trí và Thi-Lang, và viên thuế-ký làm việc. Những người bị cáo không được vào trong Pháp-dình nhưng chỉ dùng ở ngoài

(1) Soldats estafettes.
sản ở bắc cấp trước Pháp-diên. Xung quanh người bị cáo dùng chyển
săn các binh linh cảm roi hoặc cảm các khi-cự để tra tấn. Mục đích
của các quân-tòa là làm cho các người bị cáo nhận tội mình và khai
tên những người đang lọa. Quân tòa ngồi ở trong Pháp-diên, hỏi
người bị-cáo người này dùng ở người trả lời vào. Có một đôi khi
ho được dùng, thường thường là phải quỳ hay là nam sập xuống
đặt, tay chân phải cột chặt vào nọc, nếu người bị cáo trả lời một
cách không rõ ràng binh linh lập tức được lệnh tra tấn người bị cáo
cho đến lúc họ trả lời một cách đầy đủ.

Trong không gian Huế và Rôma xa nhau ngần dặm, trong thời
gian Minh-Mang và Nêron xa nhau ngần năm, vậy mà giữa Nêron
và Minh-Mang giữa Huế và Rôma đã có những điểm giống nhau là
lưng: ở Huế cùng như ở Rôma thường thường người ta tra tấn một
tối nhăn để cho tội nhân ấy nhìn nhận tội của mình, những đến
lúc người ta tra tấn một người công-giao, mục đích không phải để
người công-giao nhận "tội" vì họ vẫn luôn luôn tuyên bố mình là
môn đệ của Chúa Giêsu. Nhưng mục đích cuối tra tấn người công-giao
& Huế hay ở Rôma, đối Nêron hay đối Minh-Mang đều có ý ép họ
chơi các tội mà người ta cáo họ. Họ cứ chơi dạo, họ cứ bỏ dạo, họ
cứ nói đó là hối họ không có dạo là được tự do ngày.

Hoặc theo dạo công-giao là một trong tội thì tòa phải phạt không
người không bỏ dạo mà ngày cả những người đã bỏ dạo, việc
bỏ dạo có nghĩa là đã theo dạo, theo dạo là lời đến luật nướcc, một lúc
da lời phán, tất nhiên là đã có tội, mà có tội thì phải có hình phạt
căn xứng với tội đã phạm.

Hoặc theo dạo công-giao là một việc tốt hay ít ra là một việc
không tốt không xấu, thì sao lại đứng vô-lực để ép ứng người tin hữu
xuất-giao? Trong hai trường hợp, hành động của các quân lớn không
dựa trên một nguyên tắc lý luận xác đáng nào cả.

Đã được dẫn tới Bộ Hình để xử Thùa-Sai Marchand, Họ-dinh-Hy
và Thùa-sai Duclos.
C.— TÒA TAM-PHÁP (1).

Tòa Tam-Pháp tức là tòa án tối cao của Quốc-Gia Việt-Nam. Gọi là Tam-Pháp vì tòa này gồm ba tòa:

Tòa Đại Lý-Thị (2).
Tòa Đô-Sát (3).
Tòa Bộ Hình (4).

Tòa Tam-Pháp xét xử những việc đã đề lên vua, các án từ hình can được vua phế chuan, mỗi có giá trị. Tất cả những người bất mãn về quyết nghị của Bộ Hình hoặc của Phú, có thể biểu kiến đến Tòa Tam-Pháp, tòa thường làm việc về mùa Thu (5).

Trước Pháp-diên có một sân rộng và noi đây có một trống lớn để báo hiệu giờ làm việc của tòa. Nhưng ai muốn biểu kiến đến tòa Tam-Pháp đánh ba tiếng trông thật mạnh và thật chậm, tiếp theo những tiếng trông nhẹ và làm hồn. Lúc nghe tiếng trông một nhân viên của Tòa đến lo biển bàn rồi trình lại quan tòa, nhưng trước lúc làm việc ấy nhân viên phải buộc người đánh trông và đếm giảm tử tế nưa là cho đến lúc đã biết rõ người biểu kiến nài đó là ai. (6) Rồi mà người đánh trông biểu kiến nai, đánh sai, hình phạt mà anh ta phải chịu ít nhất là 100 roi (7).

Ngài ra việc xử những vụ biểu kiến-nài và duyệt lại các án phải trình lên vua một đổi khi tòa này cùng phải xử những nó đặc biệt do

(1) Le Tribunal des Trois Pouvoirs.
(2) Le Tribunal d'appel au Roi.
(3) Le Tribunal des Censeurs.
(4) Le Tribunal du Ministère de la Justice.

287
lệnh vua truyền như nỗ của An-Rề Trần-văn-Trồng và của Thừa-Sai Joseph Marchand.

Luôn tiên cũng nên biết những sắc dụ cảm dào, trừ ra những mất dụ, đều được treo ở tại Phú-Văn-Lâu (1).

2.— Lào Xá.


A.— TRẢI VÔ-LÂM. (2)


B.— CUNG-QUÁN. (3)

Hồ sơ nói về dinh này trước nhất là một lát thư của Thừa-Sai Gagelin viết năm 1828 lúc ngôi bị giam giữ tại đây (4).


(2) Casterne des Voltigeurs.
(3) Palais des Ambassadeurs.
(4) Annales de la Propagation de la Foi. IV. 363.


Năm 1828 nhờ sự can-thiệp của Lê-văn-Duyệt, các Thùa-Sai được phong thịnh.

Năm 1832 Jaccard bị giam tại Cung-quán, sau một năm Odoric lại được dẫn về Cung-quán và năm 1846 lịch-sử còn ghi sự hiện diện của Giám-Mục Lefèbvre tại nơi đây.

— PHỤ THÙA.


Nhưng giáo-hư đều được dẫn đến giam ở nơi đây kể đến từng trạm nhưng không thể nào biết đích danh của những người ấy được. Nhưng ta biết chắc chán 73 người công-giao làng Dương-Son đã bị tại Phủ Thùa-Thiền.

— TRÁN PHỤ (2).


(1) Roux : « Vestiges religieux et profanes du Vieux Huế ». 34.

(2) Prison des Prévenus.
Trần-Phủ hay Trần-Vũ chỉ dài-dời canh gác các tú phạm, sau chú Trần-Phủ chỉ nhả tú giai nhưng người ấy.

Dài-dời canh gác gồm có 150 binh-sĩ (1).

Năm 1833 Thùa-Sai Gagelin phải giam tại Trần-Phủ.

Năm 1833 Tư-Dực mất, Tư-Dực lên kế vị, nhưng Tư-Dực sau ba ngày đã bị trệt-phế và phải giam với tất cả gia đình của ông ở Trần-Phủ. Thành-Thái con của Tư-Dực là một trong những người bị giam.

Sau vài ngày Tư-Dực được đem về dinh Tôn-Nhora và phải nhốt trong một phòng nhỏ, nơi đây ông bị giam dời, con Thành-Thái và các anh em của ông phải ở tại Trần-Phủ lâu tháng. Lúc Thành-Thái chiếm lại được ngai vàng, ông ra lệnh phá hủy lao-xá Trần-Phủ để xóa đi tất cả những ký-niệm đen tối của gia đình anh em ông.

Những người bị giam nơi đây thật là khổ sở, vi họ thiếu tất cả cơm ăn áo mặc, và tất cả các lao-xá, trước và Khím-duồng các tú-nhàn phải tự túc lấy, dù là có Kê ngậm đấm mà tối cũng vậy.

Nếu người tú-nhàn muốn sống phải đem theo tiền bạc hoặc nhờ một người bà con đến ở gần để lo liệu cơm xúc-xứ? Thùa-Sai Miche đã để lại cho chúng ta vài nét rõ-rệt về cuộc sống ở trong Trần-Phủ:

« Lực tôi ở tại Trần-Phủ (2) có một người tù Cao-Mên phải giam và không được lãnh lương thực gì cả, các anh linh gác thây vậy thường hôi, cho phép anh ta dùng những hạt cơm cháy cỏ dinh lại trong nơi với điều kiện anh ta phải làm giao và nấu cơm cho họ. Viên sir-quan can-thiệp với quan tòa để cho anh tù Cao-Mên này được hướng cơm, xúc-xứ. Để thường cung của vị sir-quan tốt bụng, ông tỏa ngấm sẻ đánh roi sir-quan vì đã đem lòng thường những người có tội.»

Một hôm Thùa-Sai Miche phán tran với quan tòa rằng: «Quan đã lấy tiền của chúng tôi, quan đã bán đô đắc của chúng tôi, đã vậy mà quan lại không nói chúng tôi, quan không có quyền giam tôi

---

(1) Roux : « Vestiges religieux et profanes du Vieux Hue ». 37.
(2) Annales de la Propagation de la Foi. XV. 531.
chúng tôi khi mà chúng tôi chưa bị ảnh ỉ. Muốn cho công bằng các quan hoặc phải trả tiền cửa lãi cho chúng tôi, hoặc quan phải nuôi chúng tôi». Ông quan toà mới trả lời với thừa-sai bằng một câu bắt hủ: «Các ông không còn tiền hà, các ông hãy khơi đạt mà an ». (1) Nếu các ngại không được bền chất giúp đỡ có lẽ các ngại đã chết đôi ở trong Trấn-Phủ.

Lúc một người tù-nhân vừa bước vào Trấn-Phủ, việc thụ nhất là phải đăng cho ông cai tù và ông bèp một chai rượu, và nền bậc và câu trảu. Những cái sự an than ấy đâu có được lâu dài, cuối tháng các ông cai và bèp lại đổi phiên, tù nhân lại phải đăng lê vật.

Ô Â. Đồng chúng ta, đời sống bình-sì thời xưa có nhiều điều khác với đời sống bình-sì hiện giờ.

Nếu hiện giờ người bình-sì có trách nhiệm cạo-quy bào vệ non sông đạt nước, thời xưa kia người bình-sì ngoài công việc bào-về đạt nước, họ còn là một kẻ làm những việc nặng nhọc, làm tội tổ hậu ba vua quan. Họ thường nói: «an cóm vua thì phải làm việc vua».

Những linh ở Trấn-Phủ ngoài ra cũng việc mà vua quan bắt làm, họ phải giữ tù, người ta cùng nhau thấy sự hiện diện của bình-sì ấy ở Bồ Hinh và ở các pháp-dinh. Ông nói đây họ đâu phải là những khẩn giả, họ biết bình-sì th.auto. Ông quan toà chỉ làm đâu một cái là họ hiếu phải dùng kim nóng hay kim người để đi vào ta thợ người bị cáo một cách rắn nghiêm, họa lúc phải đúng roi may đánh vào mình người tội nhân cho da thợ bại lên tương mình. Sau cùng chúng chính người linh đản tư nhân đến pháp trướng, chính anh ta chật nhu hoặc thật cọ, hoặc vài ra tương mình tự chỉ còn nóng hôi của bùn-mần.

Đưới đời Thiệu-Trị những chủ linh giữ hồn «cuộp» lại tro nên những anh giữ chứ cửa nhà vua. Từ lúc Thiệu-Trí muà cựu ở Pháp về, đầy cựu cũng được hạn hành như các Thừa-Sai, giảm lại ở Trấn-Phủ.

(1) Annales de la Propagation de la Foi, XV 523.
Đủ hàng người bị giam ở Trần-Phủ, vì Thừa-sai cho biết người có nhiều bàn động lao từ người thương dân đến ông Tổng-Dực.

Nhưng những người tù-nhan đã làm cho Trần-Phủ cũng như Khâm-Dương nơi tiêng phải chẳng là các tù-nhan công-giao?


Ngày 19-5-1857, họ được dân đến toà án ở Trần-Phủ để khác chử vào mà cửa họ. Bên mà phải lý-bình khác thiên tình, nơi mà họ phải lưu đầy, bên mà trái khác chử "Tả-Đạo". (2) Xong họ phải dân đến Khâm-Dương để chờ ngày lên đăng đến nơi đặt xa la.

Một tháng sau 16 binh-sĩ hộ vệ bà Hoàng-Thái-Mâu cũng bị bắt giam tại Trần-Phủ và cũng bị dân đến Khâm-dương sau lúc đã bị khác chử tả đạo vào mà.

E.— KHÂM-DƯƠNG. (3)

Lực một người bị cáo và đập lên án, người bị cáo gây được dân đến giam ở Khâm-dương. Nếu bị lên án xử tử người tù-nhan sẽ ở tại Khâm-Dương để chờ vua y án, vi tát cã các án lý-bình phải được vua duyệt-y rồi mới đem đi xử, nếu bị xử án lưu-day tù-nhan cũng phải giam ở Khâm-dương trước ngày dân đi, hay nếu bị án tù chung thân, người tù-nhan sẽ ở Khâm-dương cho đến chết.

Khâm-Dương được xây ở gần phía tây thành nơi ở giữa các Tây-Bắc mà dân thường gọi là Cửa An-Hoa và Cửa Chinh-Tây.

(2) Xem ảnh số 1.
(3) Prison des Condamnés.
Khám-Dương dön Gia-Long gọi là Nguc-Thất (1) vi thể tên công-khai của lao-xá này là Khám-Dương Nguc-thất, lao-xá còn đúng mãi đến năm 1900.

Khám-Dương gồm có những nhà hai tầng bằng gốm, từng trên bit kin mít chỉ trừ có một cửa nhỏ để đi vào, bao lâu có tú phàm ở trong, cửa này phải luôn đóng, nên ở từng giảm không có ánh sáng mặt trời và thiếu bạn khí sạch, hòn nưa thường pháng-phát trong phòng này một thứ mùi khó chịu do hơi người xông ra. Tất cả tú nhàn ban đêm phải ngủ tại đây và phải công vào vòng sát. Lúc đó công tát cả các tú-nhàn rồi, nhạc gác khóa cửa lại và rút thang đi.

Ban ngày tất cả các tú-nhàn phải xuống trái dưới, trái này trong trái không dược bể che mưa nắng.


Các tú-nhàn cùng như các binh-sĩ canh gác nhìn một dòng thân-hộ goi là ông Võ hay là Chú Nguyễn.


(1) Maison d’arrêt.
Các binh linh gác Khâm-Dương thời sơ của các tướng Tây Sơn như một vị thân và xin chỗ tướng cho họ tìm thấy lại những tù vượt ngục, vì nếu không tìm ra thì chính mình họ phải chịu binh phạt thay thế tù-nhan đã trốn.

Về phần phía tù-nhan họ cũng thờ ông Vô hay Chúa Nguyện đề xin thân che chở và làm nhẹ bớt sự đau khổ của họ ở Khâm Dương ngục thật.


Đối Triệu-Trị các Thùa-Sai Berneux, Galy, Charrier, Lefèbvre cũng bị giam ở Khâm-duông.

(1) Ann. de la Prop. de la Foi XV 528.


Bị giam & Phú Thừa- Thiêng, & Trần-Phù hay ở Khâm-Dưong người công-giao vẫn luôn to bỏ mặt hân-hoan, vui-vẻ. Dante đã nói: "Vào đây thì hãy bỏ hết hy-vọng" (2) những người công-giao vào nơi đây tran-trẻ hy-vọng, và trong giây phút đầu thường họ đã lập di lập lại với nhau: "Hây can-dâm, anh em chúng ta sẽ đoàn-tu với những đang tiến-nhan bất-diệt, vẹ-vang của chúng ta" (3).

3.— Pháp-trường.


A.— CÔNG CHÉM.

Muôn đến Công-chém phải ra khỏi Thành-Nơi rồi theo Quoque

(1) Xem danh sách đây dự trong Vestiges religieux et profanes Vieux Huế trang 64 của J. B. ROUX.

(2) En entrant ici quittez toute espérance

(3) Ann. de la Prop. de la Foi. XV 514.
tổ số 1 đi về phía Bắc (thành Huế) chúng ta sẽ gặp một cái chợ gọi là chợ An-Hóa, cách chợ Đảo 100 thước có một nhà ga cùng gọi là ga An-Hóa, chiều chạy vào mà chúng ta gặp trước nhất sau lúc bỏ ga An-Hóa, chiều chạy ấy là Công Chém.

Chính Y-si Simon Phan-dác-Hóa bị tràm quyết ở Công Chém ngày 12-12-1840.

B.— CHỢ AN-HÓA.

Bị xử ở nơi đây Thay Giăng An-Rê Trần-văn-Trong, Quan Thội-bắc Hồ-dĩnh-Hy, ông cai Phanxicô Phan-văn-Trung và ông Giuse Lê-dáng-Thi.

C.— BÀI DÀU.


Thừa-Sai Gagelin mà người Việt gọi là Hoài-Hóa phải xử vào ngày 17-10-1833 ở Bái-Dầu gần chợ Đính.

D.— HỘ THỌ ĐỨC.

Hộ Thọ Đức mà ngày gọi là hộ Trương-An là một Hộ xuong kia phiên tỉnh vào bậc nhất trong nước. Gọi là Hộ Thọ Đúc vì năm 1614 Jean de la Croix, một người công-giao Bồ-dào-Nha đã đến ở nơi đây lập xưởng dúc sung cho nhà vua vì thế nơi đây gọi là Thọ
Đức (1). Ông dùng một nhà thơ, thường thường nhà ông là trụ sở của các giáo sĩ dòng Tên. Dưới đội Hiền-Vương năm 1676, Giáo sĩ Jean Cardoso Giám-tình dòng Tên đến ở tại nhà Jean de la Croix trong hò Thọ Đức và đã có 8.000 bốn đảo đến trong hò này biểu tình hoan-họ người, nhận đimp người đến thầm giáo-khu miền Nam (2).

Vậy mà hò Thọ Đức đã trở nên Pháp-Trương để xử tử những người công-giao, thậm y nhà vua là làm cho người công-giao khai phá.


Sau lúc đã có một quang niệm về hoạt động của Bồ. Tư-Pháp dưới đội Minh-Mang và cả: vua kẻ vế, chúng ta thấy bộ này đã áp dụng jurisprudence để trừng trị không những trúng giao, trúng cướp mà nhất là những «dân ngũ, mười quan theo đạo Da Tố.»

PHẦN THỨ Hai

NHỮNG NĂM KHỞI LỬA

CHƯƠNG XVI

NỘI CHIẾN ĐƯỢI TRIỂU MINH-MANG

I.— NỘI CHIẾN Ở BẮC-VIỆT

I. – Lê-Duy-Lương.

Lúc Gia-Long thống nhất Nam Bắc, thành thượng lừng lẫy, Cao-Mến

(1) Cadière : Bulletin des Amis du Vieux Huế — Octobre 1924
Le quartier des arènes : Jean de la Croix et les premiers Jésuites.


Vài tháng sau Lê-Duy-Lương vi ch่อง không nổi đào binh hoảng gia do tổng đốc Nghệ-Tĩnh Tập-quang-Cự chỉ huy, nên đa bị bắt, động cui giài về Huế.

Đồng thời Minh-Mạng truyền bắt giòng đổi nhà Lê đem đầy vào Quảng-Nam. Quảng-Ngê, Bình-Đình cử chia cho 15 người ở một huyện và phát cho 10 quan tiến và hai mâu ruộng để làm ăn.

2.— Nông-Văn-Văn.

Lúc Lê-văn-Khôi chiếm thành Gia-Đình, Minh-Mạng cho lệnh bắt tất cả những người thuộc họ hàng Lê-văn-Khôi về kinh đô Huế trí tôi. Nông-văn-Văn, anh y của Lê-văn-Khôi, bị quan triều-đình bắt bỏ nơi lên đánh quân chinh-phủ tại Tuyên-Quang, Thái-Nguyễn, Cao-

Bằng và Long-Son, tự xưng là Tịch-chế Thường-trưởng-quận và bát viễn tỉnh-trưởng phải thích chủ vào mặt rằng: «Quan Tỉnh hay ăn tiền của dân» rồi đuổi về (1).

II.— NỘI-CHIẾN Ở NẤM-VIỆT

Lê-văn-Khởi và Thừa-Sai Marchand (Cô Du).

Đất Nam-Việt là đất nhà Nguyễn đã khai sáng ra và cùng ở nơi đây Gia-Long lập nên cơ nghiệp, xây mà chính ở nơi đây là cái tổ chưng chính quyền nhà Nguyễn đối Minh-Mạng.


(1) Trần-Trong-Kim: «Việt-Nam Sử-Lương», 443.

Nếu không có sự nói đến điều ấy cùng không lẽ gì, vì hồi ấy những người chỉ chèp sự đều phải theo lệnh vua chèp, như có lệnh vua Tự-Dực, các quan vua trong triều đình mới chèp sự Việt-Nam từ đời thường có đến đối Hậu-Lệ nơi là Khâm-dình Việt-Sự, có lệh của Minh-Mạng, Trịnh-hoa-Dực mới chèp tập Gia-Dinh Thống-chi.


Một việc lịch sự như việc Bá-Da-Lộc giúp vua Gia-Long chiêm ngai vàng mà không được nói đến, hường nữa là việc Minh-Mạng thù tiêu chi đầu và hai cháu. (3)

Vậy theo lời truyền-khẩu Minh-Mạng vì sự mất quyền, tim kẻ làm tuyết tốc nhánh Hoàng-Tư Cành, Minh-Mạng án ớ với chi đầu,

(1) Đào-văn-Hội: « Danh nhân nước uhà ». 37.

Louvet: « La Cochinchine religieuse » II. 87 gọi con của Hoàng-tư Cành là An-Hoa.


(3) Chaigneau: « Souvenirs de Huê » 8 (1) và 268.
thể rồi vợ Hoàng-Tử Cạnh, góa chồng mà lại có thai. Minh-Mạng lên án của mẹ lần con; nhưng vì là Hoàng tộc nên được ân huệ chọn cái chết của mình, ân huệ ấy gọi là 'tấm bao triều điện', người bị xử được chọn hoắc 3 thưóc lửa hồng, hoắc một chén thuốc độc hay là một thanh guom. (1) Ai chọn 3 thưóc lửa hồng, sẽ bị thắt cổ, chọn thanh guom sẽ bị đâm hông.


Trong 6 người bị bắt động vào cùi đem về Huế có một 'inh-mục' người Pháp tên Marchand, một người Trung-hoa và một đứa con của Lê-văn-Khôi mới eó 7 tuổi tên là Lê-văn-Viên. (3).

Một vĩ sưu-gia đã qua quyet Linh-Mục Marchand muốn làm ubur Bá-Da-Lộc (4) giúp đỡ Lê-văn-Khôi để lập nên một nước theo đạo công-giao, và sau đầy là lý-luận của những nhà sưu-gia ấy:

(2) Trân-Trọng-Kim: "Việt-Nam Sử-Lược" 447.
(3) Đạo-văn-Hội: "Danh nhân nước nhà" 44 (1).
(4) Schreiner: "Abregé de l'Histoire d'Annam" 121.

Trước hết không có một hổ sọ nào do đó có thể quả quyết Marchand muốn trở nên Bả-Đa-Lộc đôi với Lê-văn-Khôi. Lời quả-quoyet ấy chỉ là một giả-thuyết do ở sáng-kien của Schreiner bia ra, và giả thuyết ấy hoán toàn & ngoại sự thất. Những tài-liệu lich-sử chắc chắn (1) cho chứng ta biết:


Và lại chứng ta nên nhớ, họ gia-nhập không phải với tình-cách công-giáo, nhưng với tình-cách một người dân thành thực yêu nước

---

(1) Louvel: «La Cochinchine religieuse» II. 80.
muốn giải-phóng anh em đong bạo lương cùng nhử giáo khởi cái
đạch của nhà độc-tài Minh-Mạng.

Nếu công việc cách mạng ấy là một điều lợi thì cái lợi ấy không
thể dỗ vào người công-giao được vì đại đa số các bình-si cách-mạng
là những người không công-giao, trong số 1994 người bị giết chỉ có 70 người công-giao, trong số 70 ấy có 40 người dân bá và tre
con chây trơn vào thành lục Trường-Minh-Giảng dân quân Hoàng-gia
dến (1).

Nếu có lợi thì lợi cùng không phải là lợi của người công-giao
phải mang lấy hết về họ là thiếu-số, đáng khác họ cùng không dung
lành đạo phong-trào.

Đang lúc người công-giao bị Minh-Mằng và các toà-tá của ông
bát bó thì Lê-văn-Khoi hứa sẽ che-chở, tốt nhien họ rất bị câm-dọ
theo Lê-văn-Khoi. Một vài người công-giao bị giam ở Huế, hoạc
những người công-giao ở Cao-Mên hay ở Thái-Lan tự-y họ gọi met
phái-doàn đến Chantabun để xin Đức Giâm-Mộc đứng trong đó và
lại Sài, nơi ngày Lê-văn-Khoi sẽ dòng tiếp người. Chiete thuyễn cua
phái-doàn công-giao ấy bị bắt ở Hà-Tiền, bức thư gọi cho Giâm-Mộc
Taberd bị tịch-thu và những người công-giao này bị giết sacht. Thế

(1) Louvet: « La Cochinchine religieuse ». II. 84-85. Về con số
này các tác-giả nói khác nhau.

Chassigneux : « Histoire des colonies françaises et de l’Expansion
de la France dans le monde. Volume V. l’Indochine-Paris 1932 ». Trang
874 nói chỉ có 1.200 phien-loan bị giét.

Lê-thành-Khoi : « Le Việt-Nam » nói có 2.000 phien-loan bị giét.

Taboutet : « La geste française en Indochine ». I trang 311 nói
trong số 499 người phải xịt có 66 người công-giao. Vây mà Nguyễn-
An-Quê trong quyển « Histoire des pays de l’Union Indochinoise » đã
nói met cách khó khéo để cho độc-gia làm tướng rất có nhiều người
cong-giao bị giét trong thành Phien-An. Ngày là người-văn : On
Ullera en tout 1831 révoltés dont beaucoup de chrétiens en un seul
Mâ-Nguy » plaine des tombeaux.


---

(1) Lê-thành-Khôi: « Le Viêt-Nam » 341. Joseph Buttinger trong « The Smaller Dragon » Frederick A Praeger, New York 1958 trang 323, (48) đã phê-bình Lê-thành-Khôi rằng: Lê-thành-Khôi không đem tài-liêa nào để chừng-mình lôi ông quả-quiết « Lê-thành-Khôi is of the opinion that Marchand aspired to a position with the rebel leader similar to that Pigneur de Béhaine had with Nguyên-Anh, in the hope of creating a dissident Catholic kingdom in Cochinchina, but he offers no proof for his statement ».

(2) Louvet: « La Cochinchine religieuse » II. 82 - 83.

Nhớ là thứ cười người viết cho Đức Giám-Mục Taberd chúng ta được biết thêm nhiều chỉ tiết. (2)


Các sĩ-quan đại nhô con chỉ hù cho họ may lâ có giống lâ có của Constantin(3) nhưng con tư chối (chính cha Phừóc dâ có lân nói cho họ biết về lâ có Constantin) và viến lý rằng nếu Chúa không định


Taboulet : La geste française en Indochine I. 332.

(2) Louvet : « La Cochinchine religieuse ». II. 82 - 83.

(3) Cò của Constantin có hình Thánh-Già.
cho họ thảm traran, đạo Công-giao sẽ bị tiêu diệt, v.v... Họ báo bày giới họ tín tuồng vào Thiên-Chúa và như thế họ chỉ có thể thảm traran.

Đa một tháng nay ông Nguyễn-Sơáì có gọi một phần đoạn công-giao sang Thái-Lan và có yêu cầu con viết thư cho Đức cha đề xin Đức cha về lại Sài Gòn. Bây giờ con đảm xin Đức cha cứ ở yên tại trụ sở mình. Con ở đây sẵn sàng chịu mọi sự tấn khó do việc chăm đạo và chiến tranh gây nên.

«... Hôm qua bộ (quân hoàng-gia) phá nhà thờ Chợ-quan, giáng giã trong xúc này là một việc cướp bóc... Bây giờ không làm sao mà trơn được... Ông quý ta sẽ nói con là dâu đang phiền loan nhưng không hề gì, miễn là họ nói sai.» (1)

Nhưng lời Marchand nói trong thư cho chúng ta biết trạng thái của người nat thiết không muốn những tay vào chính trị, và cũng biết người ta vụ cáo người về sau này.

Hôm mồng 8-9-1835 là sinh nhật Đức Mẹ, đang lúc Lính Mục Marchand hành bình, người nghe tiếng vào vang trời đầy đất của quân đội thảm traran đàng tràn ngập như nước vào Gia-Đình sau hai năm rưỡi vậy thành. Lục Marchand đang cơi áo lẽ, một viên sĩ-quan của quân đội hoàng gia để với một tiếu-dời. Anh này danh vương hùng người một cái rắt mạnh để nói người ngoài lăn ra. Lập tức lính tráng chạy đến x前端 lại và bọ người vào trong một cái cùi như một con thú. Cái cùi này bè dài một thươc, bè rộng 60 phần và bè cao 80 phần thành ra ngại phải luôn cả mình lại.

Lúc vào thành quân đội hoàng gia đã làm những việc tấn ác không khác gì quân đội công-sản ngày này lúc chúng dùng vũ-lực chiếm đóng các vùng của các nước tự-do. Chỉ trong mấy ngày quân đội hoàng

gia đã biết biết bao là nhân mạng. Họ đã nghệ thuật truyền giặc này là giặc công-giao, họ chắc sẽ biết được một số lớn người công-giao. Nhưng thật vong họ chỉ tìm thấy trong số ấy rất ít người công-giao. Trong những người bị bắt, người ra Marchand còn có linh mục Phước, cha Sœur Quan một người Trung-Hoa tên là Mạc-tấn-Giai và con của Lê-văn-khối là Lê-văn-Viên mới có 7 tuổi.


— Ứ tôi muốn chết với thấy tôi nên tôi mới xin đi theo.

— Ông đổi cơ nền lòng cảm-xúc của mình, quay lưng cho câu nhớ, nhưng câu này cùng không chịu thua, câu phục xuống đất và lên di theo để chết với thấy. Ông quan đánh lòng lấy câu roi máy để đủi câu nhớ cơ tạm lòng vàng ấy.

(1) Cũng có tên là Bồn Bang, xem B.S.E.I. 1899, 1er Semestre 1er Fascicule trang 34-37.

(2) Schreiner: Abrégé de l'Histoire d'Annam 120. (1)

(3) Mathieu Đức: Hạnh Á Thánh Giuse Marchand (Du), 151.
Ngày 15-10-1835 Marchand đến Huế cùng các tù nhân khác và người phải giám ở trại Võ-Lâm. Ngày 16 lĩnh kẻo người ra khỏi cửu, mà người đã bị nhốt hơn 5 tuần và giải người ra họa Tam-Pháp.


— Khóng, tôi không phải là Phú-Hoài-Nhan.

— Ông ấy bấy giờ ở đâu?

— Tôi không biết vi đã lâu chúng tôi không gặp nhau.

— Ông đến trong nước này từ bao lâu?

— Từ 5 năm nay.

— Trong những năm đâu ông ở đâu?

— Trước hết ở Lái-Thiêu, sau tôi đi ở nhà những người mà nay họ đã chết cả rồi.

— Ông có giúp Khối làm việc không?

— Khóng, ông Khối đã dùng vu-lạ bắt tôi vào thành Saigon. Tôi không biết gi đến việc chiến tranh. Tôi chỉ biết câu nguyên với Thiên chúa và hành lê.

— Có phải ông gửi thư qua Thái-Lan và cho các họ đạo ở Đồng-Nai (miền Nam) để yêu cầu họ giúp philanthan không?

— Ông Khối đã bảo tôi làm những tôi khước từ; tôi cho lý là đạo tôi cần làm điều ấy và thế chét chẳng thể làm điều họ yêu cầu tôi. Tuy nhiên Khối vẫn đem thư đến tôi kỹ những tôi đã lay những thư ấy bỏ vào lửa.

Ngày hôm ấy chỉ tra hỏi đến đó, mặc dù họ đã đưa những dụng cụ tra tấn ra trước mặt cho người xem nhưng không có làm khó người; xong người lại dán người vào cửu.
Đến lượt bốn tướng của Lê-văn-Khoi bị tra hơi, nhưng tướng này một phần bặt-mắn về thái độ của Linh-Mục Marchand không giúp họ thành công, một phần hy vọng sẽ được nhà vua tha nên họ cáo ông cõi đạo xui dàn đầy loạn, vì họ biết Minh-Mạng ghét người công-giao.


Tối 17-10-1835 Marchand được dãm đến toạ Tam-Pháp; một lỗ lửa môn chiếu ánh sáng ghép nên cả gian phòng. Trong lỗ sáng cây những


(3) Nguyễn-văn-Quê: « Histoire de l'Union Indochnoise » 141.

Ngày 19-10-1835 người phải điệu một lần nữa ra trước tòa, lần này không biết tra-tấn vi phải dương sức cho người song đến ngày tử-bình.

Người và hai người "đồng-lông" với người, con của Khôi, một câu bé miệng còn hơi sữa, phải ăn "Lạng-tri". Theo pháp-luat: Việt-Nam phải xử những người bị án lang-tri hay bại-dao theo phương-pháp sau đây (2). Trước hết người lý-bình xem từng miệng thịnh cho đến lúc người bị xử chết còn xung, nếu người ấy là nam, lý-bình sẽ cất co-quan sinh-dục, nếu là một người nữ lý-bình sẽ dùng vai giăm co-quan ấy lại, tiếp theo lý-bình mở bụng để lôi ruột. Họ lồi tử từ để cho người tử-nạn nên chừa chêt cùng ru từ chết vi họ không được phép chệt lãnh. Và sau đây là bản án của Thùra-Sai Marchand:

"Tây Dương Ma-Sang, kể là Đành-Du là gia-Tô Giáo-trưởng phế người Khôi; da chịu tội có việt thur xin Hồng-Mao và Xiêm sang giúp người-hắn. Lệnh truyền xử bại-dao ".

(1) Vây mà Lê-thành-Khôi viết trong "Le-Việt-Nam" 342 (35) rùng: "Rien de comparable, on le voit, avec les bouchers de l'Inquisition..."


---- Schreiner: "Abrégé de l'Histoire d'Annam". 120 (2)."


(1) Histoire des pays de l'Union Indochinoise 144—147.
(2) Lịch Sử Việt-Nam IV. 111 (1).
kinh-dỗ Hứ. Cùng chính nơi đây ông đội Phao-Lô Tông-việt-Buông bị xử.

Vi Marchand là linh-mục công-giao nên sẽ phải xử một cách ghê gớm hơn các tội-nhân khác, đó là một lệnh của « Thanh-Tô nhân Hoàng-Dế! »

Lúc đến pháp-trường, hồng linh khôi cảng người đi ngay giữa một lò lửa lớn tử nghiệp Marchand rùng mình đầy-dửa lúc nhìn thấy những khỉ cù dưng đi tra-tấn người sau tuan trước.

Thấy vậy dân-chúng cười lên một cách hài-hước. Lúc nghe tiếng hiệu hai người linh chuỗi chạy bên thị-a-sai không cho người cu-cựa, đông thời 5 anh linh khác chạy đến lò lửa rút ra 5 cái kim lớn kep vào 5 chỏ khác nhau ở mông và bắp vẹ. Vì thị-a-sai ngắn thì rơi lên một tiếng nào-nuốt. Từ những nơi bị kim kep tả lên một lần khỏi khóe mặt thắt ngực. Lúc kim đã người dân họ mới bước ra, chạy từ lò lửa nau lại cho nóng để hánh hình lần thứ hai.

Quan-Tóa sung-sướng hồi vi thị-a-sai rằng:
— Vi sao trong đạo Công-giao các ông móc mặt người gần chết?

— Không bảo giờ, không bảo giờ tôi thấy làm như vậy.

Vi ra dựt cấu trả lời linh tra-tấn người một cách dâ-man như lòn thêu nhất, lộ kim đã người và cần phải nuông do quan lại hồi cấu thứ hai:

— Những cấp vỏ chống trước lúc cười nhau, đến trước bản thơ làm cái trò gì?

Vi thị-a-sai rằng hết sức mình trả lời rằng:

— « Đợi vợ chúng denounced để xin vị linh-mục công-nhân và bạn phép linh cho việc hồn-phôi của họ trước mặt anh em giáo-hưu ».

Lần thứ ba linh lại làm cái công việc tổi-ác như lần trước. Và trên thân xác của ngoài hồng linh đã in 15 thường-tích năng-nê — Quan lại tiếp-tuc hỏi vi Thị-a-Sai:

312
— Các ông có làm những điều quái-gớm trong lúc tiếc trừ và nhà thơ không?

Với một giọng nhở và khàn khàn, Thùa-Sai trả lời:

— Không, chúng tôi không làm điều gì quái-ác.

— Vậy ông đã cho họ ăn cái thử bánh gì đến nồi họ trung thành với đạo đến thế kia?

Vì sợ vị Thùa-Sai tát thò trước lúc tú-hình nên phải ngừng việc tra tấn, nhưng chúng ấy cùng dầu hiệu và đã nói lên một cách hùng hồn sự vô tội của vị Thùa-Sai. Cái tội phỉn loạn hay là tội chính trị chỉ là một lời vu cáo tram trông làm bình phong che giả cứu lòng ghen ghét mạnh mẽ của Minh-Mạng, đối với các linh-mục công-giao.

Trong lúc Thùa-Sai Marchand chịu cực hình cách đáng nơi thể, thì các « Tù phạm » khác kể cả cấu hé 7 tuổi con của Lê-văn-Khôi, ngồi trên càng của mình để xem cái cuốn phim rừng minh ấy. Nhưng cuốn phim ấy chỉ là cuốn phim phụ trước lúc chiều cuốn phim chính, lý bình don cho tất cả các tù nhân một bửa cơm vì đó là một cựu-lể trong pháp luật Việt-Nam. Lức thấy một người vô tội phải tra tấn cách độc ác, ông quan có nhiệm vụ hành hình không khỏi khinh-phúc và thương rốt, ông kêu một người linh và nói:

— Hỏi ông Tây xem ông ấy có muốn ăn gì không?

— Cám ơn, tôi không muốn ăn gì hết, rồi vị Thùa-Sai cảm trĩu tâm nghĩ cầu nguyên xin cùng Thiền-Chúa cho người có đủ can-dâm chịu đựng tất cả những hình khoẻ đến giây phút cuối cùng.

Lúc các « Tù phẩm » đã dùng bữa xong lý bình bỏ vào miệng họ một hón sợi roi buộc ngang một que tre để họ khỏi chữa rửa lúc đau đớn lên đến cực độ.
O' tai noi xu, ly-binh dong nam cay cot (1). Luc da chuan bi xong xui, ho loi cac toi nhn den va buoc tay vao mot thanh go ngang lam hinh Thanh-Gia. Hai nguoi ly-hinh dung hai ben toi nhn, sau lung ly-hinh co nhung binh-si cam san nhung chiec roi may de kich-thiec ly-binh lam phan suc cua ho cho chu dao vi ho nang bi cam do thuong xot toi nhn luc ho phai hinh binh mot cach man ro nhur trong truong-hop này.

Thura-Sai Marchand bi buoc vao cot thu hai, hai ben ngoai là hai ly-hinh mot anh cam kim, anh kia cam con dao phay, mot hoi trong vang len giua von tri buon them bao tin gio xu 'Toi Nhân' sap bat dau. Luc tieng trong da im, ly-hinh gi kim vao nguc vi Thura-Sai va xe hai mieng thit og ngang vu roi lieu xuong dit.

Say mau, hon ly-hinh cot og phia dng sau hai mieng thit to xu, vi Thura-Sai xua quy v va dua mot nhn len troi de xin Chua ban thm on suc manh, cac ly-hinh lai gi sau gong kim va bap ve, roi hai mieng thit nua roi ra khoi than the duoi lat dao phay. Tho roi dau vi Thura-Sai tu tr nieng xuong nguc, tho mot cao nhng hon ca平均每 dng tu dao da den chon Thi-en-Dang hanh-phuc. Luc ay la 7 gio sang ngay 30-11-1835. Cung trong gio ngay cac linh-muc khap hoan cau luc hanh lê da doc loi Thanh Kinh cau lien-tri Isaie: 'Xinh tot chung nay, chân ca ke tu phuong xa den rao gia ng lê Phuc Âm Hòa-binh!'

Luc vi Thura-Sai da tat thô mot ly-hinh chât dau ragi, roi kho trong mot chièc thung thay vo. Xong cong viêc ay ho coi giay buoc og hugg va og cảnh tay roi lat sap xuong dit, ly-hinh chât than minh vi Thura-Sai nur chât mot khuc go, nghia là ho chût theo bê doc roi moi chût theo bê ngang.

Th the là cuơn phim chinh caa lich-sước den dây hâ mãn.

(1) Louvet: 'La Cochinchine religieuze' II. 92 chl noi den 5 oct vi có mot trong da chet luc bi tiem.
Các ban tề phạm của người gồm cả câu bé 7 tuổi con của Lê-vân-Khôi toàn mô hỏi (1) mâu lúc họ mục kích cái chết vô cùng thể thương của vị Thùa-Sai, vi đó là hình ảnh cái chết của họ.

Sau lúc xử người ta lướm các phần thân thể trong một chiếc thùng rồi đem vất ở nơi ai diẹn. Đâu Thùa-Sai được đem đi các tỉnh về treo ở các chỗ ba ngày cho dân chứng xem; xong bố vào cõi đất xay. Hội truyền giáo ngoại-quốc Ba-Lề không giữ được một điều nào của người trong ra một lạy thư người viết cho Giám-mục Taberd và bức họa Việt-Nam dien-tă lại Narendra từ nam của người.

Số đỉ cần phải di sau vào chi tiết cuộc tư-nạn của vị Thùa-Sai vi cần phải biểu rõ hai sự kiện lịch-sử.

Thứ nhất Minh-Mang là một bạo chủ, một ông vua khát máu, người công-giao vi thế mà đã có tác giả kêu ông là Néron của Việt-Nam (2). Gọi ông là Thánh là nhân đạo tử tế là đi người lại lịch sử vậy.

Thứ hai vị Thùa-Sai Marchand là một đẳng tử đạo, Tòa Thánh Vatican đã cần thân tra câu bố sở của người vị có tiếng đồn người là phiền loan — Lời tuyên bố của Tòa Thánh công nhận Thùa-Sai Marchand là một Đàng tử đạo.crt hết mọi sự bố nghi của chúng ta về điều này. Vì Thùa-Sai đã được Đức Léo XIII phong chúa phước ngày 27-5-1900 (3) Á Thánh năm 1900.

(1) Chứng ta nhận thấy hình khối lang tri ở đây có khác mình khối lang irl có-diễn đã nói ở đoạn trước vi cần phải tra-lăn
(2) Thùa-Sai một cách đặc biệt hơn
(3) Lễ kinh nhở ngày 30-11 hàng năm.
PHẦN THỨ III

NHỮNG NĂM CẢM ĐẠO

CHƯƠNG XVII

CAM ĐẠO DUỐI TRIỀU MINH-MẠNG
(1830–1840)

I.— Ô TRUNG VÀ NAM-VIỆT.

I.— LÝ DO CẢM ĐẠO


Vì vậy các linh-mục công-giáo phải xühr không phải vì giảng đạo nhưng vì họ là những gián đếp, nhưng người xühr được dân nói lên chống chính quyền ».


(2) Túc-giả có ý nói sẽ của Summi Pontificatus
Quan-niệm trên có nhiều chỗ không đúng với sự thật.


(1) D.C. 1940 trang 168. l'Eglise et les Rites Chinois. — S.I. 15-4-1940
(2) Louvet : « La Cochinchine religieuse » II. 82 — 83.

Ô Bắc-Việt năm 1860 Lê Phùng chiến bâu hết miền đông bằng Bắc-Việt rồi đến quân vây Lang Sơn. Ông Trần-Thủ Lang-Son sống lại để chống nơi Phượng như dân công-giáo dưới sự tự đó của linh-mục Trần-văn-Lực công tác chút chê với Lê-Phùng (2) để chống chính-quyền.


Các vua Chúa Việt-Nam không cầm đạo vì cuộc tin, lời quá-quyết này trái với sự thực.

Nếu không phải vì cuộc tin sau bất người công-giáo phải chịu đáp Thánh-Gia, phải đặt những thơ But (4). Hội But có linh thiêng làm cho những tên "giận dịch" những tay sai ngoại nước trở nên những người yêu nước tha thiết chẳng? Nếu những người công-giáo cưc-quyết

(1) Launay : "Monseigneur Retord et le Tonkin Catholique" 224.
(2) Olichon : "Le Baron de Phát-Diệm", 59-60.
(4) Sắc đư cảm đạo của Minh-Mạng năm 1833 và 1838.
không bỏ đạo, sao lại ra lệnh khác hai chư Tà-Đạo hoặc « Hợp Hoa-Lâm Đạo » vào mà những người ấy? (1) Phải chẳng việc cuối tìn?


Nhưng hỡ so trên đây chúng mình không phải vị những lý do chính trị những vị những lý do tổn giáo, việc cuối tìn mà các vua chúa Việt-Nam đã hứa dự bắt đạo. Sự cuối tìn này là động cơ thực đẩy các ông chem giết người cộng-giao.

Giản-diep, bán nước, tay sai của dịch (3) chẳng qua là những danh từ bình-phòng che đẩy tới ấy ghé giết người. Những cái bình phòng ấy dù số đây đến đâu cũng không cho nói con mắt sáng suốt của những sự-gia hoàn toàn khác-qua.

II.— TÌNH HÌNH CẢNG THÁNG (1830-1833)

A.— Kiến-nghi của triều-dinh.

Minh-Mạng muốn bắt đạo nhưng lại sợ mang tiếng nên ông mồi rốn khéo bắt các quan triều-dình làm kiến-nghi gọi lên vua xin cảm đạo cộng-giao trong toàn quốc. Và trước mặt dân Minh-Mạng hứa chỉ cảm đạo

(2) Xem chương IX số IV.2.

Sau lúc phong thịnh tắc từ nhân theo lời yêu-cầu của tâ-quan Lê-vân-Duyệt Thùa-Sai Jaccard lại bị bắt lần nữa.


Được tin Minh-Mạng sắp mừng lẽ từ tuần, Jaccard xin phép Minh-Mạng tổ chức những ngày lễ cầu nguyện cho Hoàng Thượng. «Tát cả các Tôn-giao đều cầu Trời khẩn Phật cho ta, lẽ nào người Công-giao không làm như vậy?»

Sung suốt việc lời công nhận ban chính thực này, Jaccard tổ chức trong 8 ngày liên tiếp những lẽ nghi trọng thể xin Thiên-Chúa ban cho Hoàng-Đế những an ủi mà ông rất cần để cải trị dân, anh em công-giao tập-trung ở nhà thờ, cầu nguyện cho Minh-Mạng, anh em bên lương chạy đên dòng đao như ngày hối, trong số đó nhân thấy nhiều ông quan đại thần, người cháu của Minh-Mạng và người chi cạnh của ông.

Tất cả những người đến xem đều công nhận người công-giao cùng là những người dân lương-thiên như các người dân khác, trong dịp này họ lại thấy rõ lẽ nghi Tôn-giao oai nghiêm, thư tự chứ không ổn so tót bưng như lẽ nghi của các Tôn-giao khác.
Lúc nghề tin ở kinh thành Huế được tự do hành đạo như thế, trong các tỉnh các làng giáo hữu cùng như các linh-mục làm đường là vua đã đòi y. Trong một thời gian ngắn, các linh-mục đi thăm tất cả các họ đạo. Đây là những ngày bi đao sau cùng của Giáo Hội Việt-Nam trước con sóng gió.

8. Vụ khủng bố làng công-giao Dương-Sơn (1831-1832).


Jaccard và lý-trương phải ăn xử-tử, phó lý phải đày chung-thán, bị bệnh-si trong lành bị lọt cấp bậc, phải khổ-sai sau khi chịu 100 lọn, các người khác sau lúc đem di phó nặng, nếu là dân ông; phải chịu một trăm đòn và mang gông hai tháng, nếu là phụ-nữ chỉ chịu 100 đòn và miếng phải mang gông.


(1) Xem chương XVI số IV. 1. A.
cùng chi đến Việt-Nam để kiểm kê sinh nhai bằng cách bàng ngày di giảng tạ-dạo, lửa đói dẫn đến đến ».


Minh-Mạng uesto-uốc về sự tạo bạo của vi Thừa-Sai, sau lúc cho người chế quyền sách, Minh-Mạng gọi sách lại và ông thưởng thụ bổ Lê được lệnh mới Jaccard đến trình-dien tại văn-phòng của Bồ

— Ông quy xuống.

Jaccard, vi xua nay vốn được các quan kinh-nế-tướng là ông thưởng thụ điều-cợt và vi Thẻ Jaccard không quy.

— Không phải là việc điều-cợt, dấy tôi thay mặt Hoàng-Dệ. tôi bao ông quy xuống.

— Thừa quan lớn, tôi sẵn sàng vàng lời quản.

— Ông đến trong đất uốc của Hoàng-Dệ để giảng: đạo Công-giao, ông đã bi an xù từ những đức Hoàng-Dệ đã khoan họng them thụ cho ông, sao ông to gan giữ sách đạo, lại còn ghê gớm hơn nữa là cho Đức Hoàng-Dệ mujcn cách ấy! Ông mang them met tôi mới, nhưng Đức Hoàng-Dệ vẫn còn khoan họng đối với ông, tha cho ông met lần nữa, nhưng đúng có sa ngã lại. Tôi đã đốt sách đạo của ông, ông còn có sách đạo nào nữa không?

— Còn, tôi còn nhiều sách nữa.

324
- Ông đi dột những sách ấy đi.

- Tôi sẽ không bao giờ làm điều ấy.

- Nếu ông không muốn dột ông cứ đến hay lại cho tôi, tôi sẽ dột cho.

- Tôi không có thể nạp mọi ông cũng không có thể dột. Lúc nào quan lớn sai tôi làm một việc mà đạo không cần tôi sẽ làm ngay.

- Thì ít ra ông giàu sách ấy đi và đừng cho ai muốn cả.

- Điều ấy tôi cũng không thể hứa với quan lớn, tôi tho một Thiên-Chúa, tôi giảng đạo Thiên-Chúa, bao lâu tôi còn thờ là tôi còn giảng đạo.

Nhận thấy rằng không thể bắt ép với Thùa-Sai được, ông quan nói:

- Tôi sẽ tin cho Hoàng-Dế biết ông đã tuân lệnh Hoàng-Dế.

- Quan lớn tau với Hoàng-Dế thế nào thì mắc quan lớn, nhưng nếu quan lớn tau tôi đã dột sách đạo tức là quan lớn nói dối.

Vài ngày sau nhớ người bảo trước người đã chuẩn bị sẵn sàng, quan hỏi người:

- Ông còn có Thánh-gia và những dụng cụ dụng trong việc thờograms không?

- Thùa quan lớn có.

- Vậy ông đem nạp để dột tất.

- Nhưng mấy ngày trước đây quan lớn đã dột sách của tôi, lời quan dạy, tôi cắt kín các đạo và tôi nhứt thiệt không nạp ấy.

- Giữa ông và tôi, ông nhìn nơi như vậy được, nhưng ông phải ông không thể nói vậy với các quan.
Tới không biết phải ăn nỗi làm sao nữa. Tới kính các quan, nhưng tôi thiết-trường không có điều gì đáng trách trong lối tôi nói cage...

Ngày mai ông sẽ phải đến trước hội đồng các quan, ông không thể trả lời như vậy được, ông sẽ trả lời cho họ biết, ông đã gọi các đa đào về Tây ca rồi và không còn giảng đào nữa.

Thua quan, quan biết là có luật cầm nỗi đời. Có sao tôi sẽ nói vậy? Còn việc thế giáng đào, điều ấy tôi không thể làm được.

Vậy ông sẽ bị án xử tử.

Tới đã bị lén ăn một lần thứ nhất rồi không có điều gì tôi ao ước Hơn là được lén ăn một lần thứ hai...

Thôi, tôi van ông, nếu ông còn có đó nhà đào thì ông hãy hủy cho tôi, ông không sợ gì, nhưng tôi sợ nếu người ta tìm thấy đó thờ trong nhà ông, chính tôi phải chịu trách nhiệm.

Mình-Mằng biết Thừa Sai Jaccard cùng lấm, không sao lay chuyện được truyền cho đa cấp để người yên, nhưng từ ngày ấy người ta canh gác người một cách nghiêm ngặt hơn trước.

Mặc dù chưa có sức lèn cảm đào, nhưng đã có nhiều chuyện xảy ra, lấm cho người công-giao phi lo sợ. Để lập công trạng đối với nhà vua, các quan cho lèn đất phá nhà thờ. Nhiều lần theo ghi chép Cồ-Lạc европей lạy riêng đất của người Công-giao, vi những lần ấy biết chắc chắn chính-quyền sẽ không trúng tri hội.


328

— «Ta truyền lệnh cho tất cả những người trong nước phải tuân lệnh ta, chỉ có bộ Sái-lang công-giao là không chịu theo, ta truyền lệnh thắng tay đánh đập, tra tần, xé ra từng manh nhưng tên ngoại có, không chịu chả đập Tháp-ty-giá (1).»

III.— SẮC-DỤ CẢM ĐẠO TOÀN QUỐC (6-1-1833)

Lúc Minh-Mạng nhận thấy hoạn-cảnh thuận tiến đã đến ông ra chỉ cảm dạo:

— Ta Minh-Mạng, sau đây là lệnh của ta. Đã từ lâu nhiều người Au-Châu đến giảng dạo Đa-Tô, lure đối dân đến, đây chúng có một Thiên Đàng Hòa ngữ, chúng không thờ Phật, không thờ ông bà, thật vô dạo, họa nữa chúng dựng những nhà thờ, trong đó trại gai ra vào trên, mục-dịch chúng là quyến ru-phu-nư dân bà, chúng còn mục sát những người dâu ốm! Thật là một dịu trái với luôn thường dạo ghét (2).

Vì vậy ta truyền cho tất cả những người đi dạo từ quan đến, nếu sự quyến thị bày thắt lòng bỏ dạo. Các hàng quan lại phải xét xem các giáo ở nhất mình có vang theo thường lệnh không? Và họ phải dùng trước mà đảm chần lên Tháp-Giá. Còn các nhà thò và các nhà ở của Giáo-

(1) Louvet : « La Cochinchine Religieuse » II. 54.

(2) Không hiểu vì hình ỷ hay vô tình mà Nam-Xuăn-Thọ trong dọn về cảm dạo tháng gieng 1833 bỏ cự dọn trên này : Xem Phan Thành-trạng 45.
si thì phải triệt để phá diệt hết. Sau này còn có người phạm tội theo đạo ấy, thì trường phạt rất nghiêm để cho triệt gác tà đạo ».

A. - Phần ứng của các Thừa-Sai.

Ông Trần-Thủ tỉnh Biên-Hoa truyền lệnh cho Đức Giám-Mục Taberd ở Lái-Thiều phải đi bộ về Huế, Giám-Mục nói với Trần Thủ rằng:

- Cũng như các Giám-Mục trước; tôi đâu phải là kẻ thủ-dịch của Hoàng-Đế sao, ông xứng đại với tôi như một người có tôi?

- Phải, nhưng xua kia khác bày giờ khác, tôi làm sao được.

Tâm thời ông Trần-Thủ yêu cầu Đức cha ở lại Chủng-viên Lái-Thiều để chờ ngày dưa người về Huế. Ông lúc ấy Đức Giám-Mục Taberd hỏi các Thừa-Sai lại tỉnh cách đợi phó với thời thế.


B. - François Isidore Gagelin Kinh từ-dạo (17-10-1833).

Ông Trần-thủ Binh-Dịnh muốn cho có công-trạng với Triệu-dình, làm một tờ báo cáo trong đô đăng từ ca tung đăng đa khéo lập mẫu để hát

(1) Louvet : « La Cochinchine Religieuse » II. 62.
được một kể dịch thu lời bài; « Tày-Dương Đạo-trưởng » Gagelin, được giải về Huế, có hai người dạy tors của ông Trần-thủ Bình-Bình theo sau, lúc ngang Cửa-Hàn, hai anh dạy tors chạy trên mặt, từ lúc ấy Gagelin phải mang gông. Lúc tôi Huế người phải giám & Trần-Phủ. (1)

Jaccard và Odoric visions ở tại Cung-Quán, hai ngoài đến thám Gagelin ở trong tử và đầu dọn lúc thấy Gagelin phải mang gông. Được tin phải xứ-tử, Gagelin viết thư cho Jaccard nhờ Jaccard tin lại cho Hội Truyền-Giao cho cha mẹ người ở Pháp. Ngày 17 tháng 10 linh dân người ra cửa Đồng-Ba, công-giao và không công giao kéo nhau đông dào đi xem và họ xì xào với nhau: Mốt người vô tội như thế kia sao lại bị xử?

Thật ra họ ít thấy ai được dân dàn đi từ-dào, nhưng Minh-Mạng sẽ làm cho dân kính-thành làm quen với cảnh man rợ ấy: Di trước người có một anh linh rao lơn cho dân chung hay: « Tày-duong đạo-trưởng HồÝ-Hóa có tôi rao giảng tà dão Gia-Tĩnh & nhiều tình trong nước; vì thế nó bị án thật có ».

Lúc tôi Bái-Dâu, Gagelin bình tĩnh ngồi trên chiếu chiều mà bồn dào với kinh người đã trải ra cho người. Lý bình cót tay người vào một cọc phía sau lưng họ quảnggiày vào cơ, rồi lúc tiếng lên hoặc phát, 6 linh mới bèn kéo thật mạnh, người tát thò díu đàng vào khoảng 8 giờ sáng.

Theo qu vọng anh hùng của người sẽ còn biết bao nhiêu thừa-sai khác và giáo hữu sẵn sàng để mà không thể chỗ dào. Gagelin được dúc Lé XIII phong chánh-phúc ngày 27-5-1900 (2).

C.— Tổng-việt-Buông từ dào (23-10-1833).

Không những hàng giáo-sĩ Việt-Nam cũng như ngoại-quốc can-nhim không biết sô các mình khó mà ngày càng những người giáo-hữu

(1) Louvet : « La Cochinchine Religieuse » II. 64.
(2) Lê kinh nhớ ngày 17-10 hàng năm.
đó là một điều vinh dự cho Giáo hội Việt-Nam. Đội (1) Phao-Lô Tông-việt-Buồng bị bắt giam & Trần-Phủ hồi tháng 12-1832 với 6 binh-sĩ, các ông đã bị tra tấn một cách ghê gớm trong 18 tháng liền.

Có nhiều lần giáo-hữ đen thầm ông, ông nói rằng: «Đêm cho tôi một cái giếng hồn, vị xỉn của tôi còn nề... Người ta ít đánh dép, tôi muốn người ta đánh dép nhiều hồn nữa kia». Những câu nói ấy cho ta biết rằng thái tâm hồn của ông. Đội Buồng phải bị xử trạm-quyet ở họ Thọ-Dức. Lúc ấy nhà thờ của họ phồn thịnh này đã bị phá, 6 người binh-sĩ và người thong-nginx con của đội Buồng cùng bị án tử-binh, những án của các ông được dời lại một thời kỳ sau.

Lúc được tin phải bị xử, Đội-Buồng binh tạnh từ già các bản Đông lao. Chính những linh tráng xua kia ở dưới quyền ông đến ông đi xử. Ngày hôm ấy đã 5 giờ chiều nên tất cả quan-nhan đều đến thật để đến nơi kêu tôi, Đội Buồng phân bị trói, phân phạt mang xỉn không thể để lanh được mới nơi đâu rạng: «Các ông-chi, gi mà đã lanh thê kia, tôi biết đường mà, chúng ta không lạc đâu». Lúc tôi nói, trớ da nhả nhẽm tôi, vì lúc ấy đã tháng 10 đường-lich. Dưới áng sáng rung-rinh của ngôi duốc Đội Buồng nhìn một lần cuối cùng những mãi nhà của những người thân thuộc ở cạnh nhà thờ họ Thọ-Dức, trong số ấy có nhà của người con gái của ông, lúc visions tôi nói, ông quan có phân sự xủ Đội-Buồng nói với ông rạng:

— Buồng, ông không phải tuồng cửop, cũng không phải tuồng loan, ông không có tôi đi ngoài ra tôi theo đạo Công-giao, ông hay xuất giáo rồi hoảng thương sê tha cho ông, và hoan cấp bậc lại cho.

— Không, tôi dằng đi đến đích của đạo tôi, tôi không muốn

lùi lại. Xong Đại-úy xin vai phút để câu quả về, trong giấy phút yên lặng và cảm động ấy, Tổng-việt-Buong sáp mặt xưởng đất, câu xin Chúa sức mạnh chiến đấu trong giấy phút cuối cùng. Lúc đọc kinh xông, lý hình dừng sau lung ông, tuột gươm chém vào cô ông một lát thật mạnh (1).

Trong ba ngày lý hình bại đầu đăng từ đảo trong nhà thờ sup để của hô Thơ-Dúc. Xác của Đại-Buong đã được đem đến tang tại Phú-Cam. Tổng-việt-Buong được dâc Léo XIII phong chăn phước ngày 27-5-1900 (2).

D.— An-Rê Trần-văn-Trọng từ đảo (28-11-1835)


Trong vũ xù của Thừa-Sai Marchand, các quan để ý đến vụ An-Rê Trọng: Các quan cho Trọng chon lựa một trong hai: Xuất-giao

(1) Louvat: « La Cochinchine religieuse ». II. trang 74 nói Đại-Buong chịu chém ở trên nền nhà thờ hô Thơ-Dúc nhưng thực ra linh không bao dâc Đại-Buong đến tận nhà thờ ấy vì troi đã tơi, lại muốn đến nhà thờ phải qua một cất cầu không được chúc-chúc làm nên linh dữ xúc ngay ở giửa đường, trước nhà cửa người con gái Đại-Buong. Ném Roux « Vestiges religieux et profanes du Vieux Huê » trang 76.

(2) Lê kinh nhớ ngày 23-10 hàng năm.

(3) Trần-Minh-Tiét — Histoire des Persécutions au Viêt-Nam 10e Million nói là Andreé Trần-văn-Trọng.
hay là phải trầm quyet. Trong nhất định chịu trầm quyet. Ngày 28 tháng 11 lý hình dân Trong đến cho An-Hoa vì phải xử nơi đây, mẹ của Trong chạy theo con, an ủi con giùm vô cùng đức tin để được phục tổ dân.

Lúc đến nơi pháp thường lý hình dân con cho "Tù phạm". Ngoài An-Rê Trong còn có hai tên trạm; Trong không nhận được thị giờ để câu nguyên. Sau bừa con ấy lý hình xếp cả ba tù phạm vào một hàng; An-Rê Trong phải ở giữa hai người trực cuộp cùng như xua kia Chúa Giêsu tử nạn giữa hai người trực cuộp. Trong mỗi có hai mươi bốn tuổi đãu. Đức Giáo-Hoàng Léo XIII phong An-Rê Trần-văn-Trong lên chức chánh-phúc năm 1900. (1)


(1) Lê kinh nhỏ ngày 28-10 hàng năm.
hồ được đếm phơi ngoài trời, lúc năng cúng như lúc mưa, mỗi ngày vào buổi sáng, tất cả đều phải một trận đồng xe đa và cả ngày học không được an một chút gì.

Lần khác bình-sĩ cảm mệt đầu gồng và kéo bùa các « Tù Nhân » bước qua Tháp già; các tù nhân rán kết sức để khối phám đen mình Chúa, đang lúc ông Trần-Thù đưa mình trên một chiếc gối bông trên một chiếc bể hốt thau, ông cười ngọt ngào lúc thấy các tù nhân khóc nức nở vì họ không chống cự nổi nên nền phải bị kéo bùa qua Thánh già.

Thái-Lan biết Việt-Nam đang yêu thể vì có nội loạn và biết lòng dân chán ghét Minh-Mạng mỗi xua quân qua danh Nam-Việt. Ông Trần-Thù Châu-Đốc đã tổ ra can-dám lúc hánh hạ người công-giáo, lại hên nhất lúc phải chòng với quân Thái-Lan; chửa cần dám được cả những ông đã cao bay xa chạy lúc bộ đội Thái tranh toí.

Trước khi chạy ông không quên lên án xữ tụ người công-giáo cho hạ đa. Vì gặp không có đủ thì giở để tháo gòng ra, nên quan mỗi ra lệnh cua có những người còn mạng gòng cho nó lãnh, nhưng chỉ cua được có năm mạng thì quan lơn phải chạy, quan còn dầy giở tạt cả những người còn sống sót nhưng bày tội của ông, nhân-đạo bốn ông, họ giải-phòng cho tất cả tư nhân, nhưng những người này bị quan đồi Thái-Lan bất về làm tù bính ở Vọng-Các.

F.— Giâm-Mục Taberd.


Nhưng ở Thái-Lan Taberd cũng không gặp được sự bính-an mong muốn. Vua Thái-Lan vi những mục đích chính-trị tiếp sued trước các Thựa-


Đang lúc mâu người công-giáo lại làng chạy trên non sông đất Việt, Giám-Mục Taberd và các Thừa-Sai tự nơi xa-xôi ngâm đăm,

(1) Pinang hoác Penang.
(2) Tràm-Trọng-Kim «Việt-Nam Sự-Lược» trang 458.
(3) .Louvet: «La Cochinchine Religieuse» II. 79.

Vi người tự xét tình thể hiện tại người lại về địa-địa không những có hai cho người và nhất là-cho toàn-thế Giáo hội Việt-Nam, nên người phải Giám Mục Cuénol đến thể người. Trong những năm cusí cùng người làm cuộc tự điển Việt — La-tinh và La-tinh — Việt, công phu và có giá trị. Người từ thọ tại Calcutta năm 1840, đối mặt quay về đất nước Việt-Nam nơi đã uổng mâu con cái thiêng-liêng của người.


G.— Giám mục Cuénol Thẻ.

Giám Mục Cuénol đến Việt Nam để kịp thời bằng bỏ những vết thương của anh em giáo hữu. Trong & Gò-Thi tại tỉnh Bình-Dĩnh người không thể đi thăm các hộ đạo, nhưng người đã gọi những thống điều đi khắp nơi để co-vô các linh-mục và các thầy giảng. Không có một việc gì xây ra trong địa-địa mà người không biết đến, linh-mục cũng như giáo hữu cảm thấy mình được nâng đỡ và nhờ thế họ thêm can-dám.

Việc căn nhất là phải tăng so các linh-mục Việt-Nam chỉ có các người mới có phương-tiện để giúp đỡ anh em giáo hữu trong những lúc tìm cách bắt đạo. Vi thế người đã đem về địa-địa hai linh-mục Việt-Nam và năm 1835 đã phong chức cho 10 thầy giảng.


**IV.— SẮC-DỤ CẢM ĐẠO 1836**

Trong sắc dư này Minh-Mạng đảm rêu rao với dân chung Việt-Nam rằng Thùa-Sai Marchand công nhận tất cả tội lỗi, và những hành động quái ác trong dạo Đa-Tô.

« Các Thùa Sai dùng một thủ bành để quyền rụ dân chung và bắt họ phải giữ dạo tối cùng. Các người công-giao mức mặt, nhưng người già chết rồi đem trơn với tương để làm thuốc...»

Trong lúc làm phép hồn phối thiên đường có xảy ra những điều tâm muội ». Và đề nghị ngưa các Thùa-Sai lên lút vào trong nước.


Ra sắc-dụ ấy tức nhiên là khuyễn-kích các quan phải sáu biết bắt dạo, vi thể lực sắc-dụ vừa ra, bèn dạo biết sức khỏi sợ, vậy mà sắc-dụ ấy đã có những kết quả bất ngờ: Các quan sợ phải bị liên lụy, đã làm hết sức để huy bổ những cuộc truy nab người công-giao."


336
Có lần quan sai linh đến nhà người công-giao báo tin cho họ biết trước sẽ có nhân viên đến khám xét nhà họ. Cũng như vậy mà trong hai năm Giáo Hội Việt-Nam đã được bùng yen một phần nào.

A.— Thưa-sai François Jaccard Phan.


B.— Tôma Trần-văn-Thiên. (4)

Nói đến Tôma Trần-văn-Thiên là nói đến một vị anh-hùng mà không


(2) Jos. Trang « Việt-Nam công thần hiện thành » 41.

(3) Lê kinh nhở ngày 21-9.

(4) Cosserat: « Rosae annamicae » 34.
một người công-giao Việt-Nam nào mà không biết tôi. Lịch-sử đã kể lại vài nét trong cuộc đời của Thiên. (1)

Tôi-Ma Trần-văn-Thiên sinh tại Trung-Quận (Quảng-Bình) năm 1820, trong một gia đình cận-kiem, nhưng giả cứu của thiêng-liêng, vi đã được biết đạo từ hai đời.

Trong lòng thành sách câu, Thiên-Chúa đã gieo mầm ở kêu gọi làm linh mục.


(1) Đ.M.H.C.G. 1949 trang 81.
25.— Quản quân dân các vị từ đạo đến pháp trưởng
quất tháo làm rung-dộng cả cống-duòng: "Đêm nó ra đánh cho nó biết thân" Dưới chân muro đôn, Tô-Ma vẫn bình-tĩnh thấy máu mình vướng-vai trên nền gạch, câu liên nói: "Ôi hạnh phúc thấy tôi được đỏ máu vi Chúa".


Tô-Ma hét lòng cảm ơn Chúa đã ban cho mình một vị linh-mục, để chia vui sẽ buồn để nhóm lòng can-dám trước những bình khó đang chờ đợi câu nay mai.

Ngày 16 tháng 8, hai cha con lại bị dẫn ra pháp trường, và chịu một trận đòn rào-rệt.

Một hôm đang lúc hai cha con chuyền vân cửa ngục bồng bềnh, may cướ đỗ như tiến vào hội thâm Tô-Ma, nghe biết tiếng câu, các câu cho mình sẽ lối đạo với thấy. Không nên không giữ câu cải-tạ qui-chính. Thế rồi các câu dem hết mọi lẻ thanh-hiện, để làm câu bỏ đạo. Tô-Ma không dập lại một lời. Nơi chán các câu gạt-gù bước ra, vừa đi vừa làm-bầm: "Người già bất-cấp". Sách nói không sai. Mỹ nhân nho-si ra rói, hai cha cùng nhìn nhau lòng sung-sướng...

Bàn án có hai đề vào Kinh. Ngày 18 tháng 9, vu Méd-Măng
quắt tháo làm rung-dộng cả công-duong : «Đêm nó ra đánh cho nó biết thân » Đưới tranh mura don, Tô-Ma vẫn nhìn-tình thấy mau mình vương-vãi trên nền gạch, cầu liên nói : « Ôi hành phúc hãy tôi được đỗ mau vì Chưa ».


Tô-Ma hết lòng cảm ơn Chúa đã ban cho mình một vị linh-mục, để chiều vui sẽ buồn để nhộm lòng can-dám trước những bình khó dang chord đợi câu nay mai.

Ngày 16 tháng 8, hai cha con lại đi đầu ra pháp trưởng, và chui một trên đơn rào-rięt.

Một hôm dang lub hai cha con chuyện văn bản của ngục bong hé mọ, my cu đọ noh tiện vào hỏi thẩm Tô-Ma, nghe biết tiếng câu, các câu cho mình sẽ lọi đao với thấy Khong nêu không g icy câu chỉ-ta qui-chinh. Thế rói các cu dem het mo le thanh-hien, de lam câu ho đao. Tô-Ma không đập lại một lời. Nội chán các câu gđt-gụ bước ra, vưc di vưc làm-bân: « Ngu-gia bắt-cup ». Sách nói không sa. Lý nh đa no-so ra ra, hai cha con nhìn nhau lòng sung-suông...

Bản án ca hai đe vào Kinh. Ngày 18 tháng 9, vua Minh-Mạng

341
châu phè. Một người dân-bà đạo-dục vào nguc đâu tin. Hai cha con vui mừng chờ ngày chịu xữ (1).


Tôi quan đã don cóm sẵn cho người bị xữ, vị vò quan mới Tô-Ma vào, Tô-Ma nhìn cha Jaccard và hỏi người có đúng không? Vị thurma-sai lúc đầu, Tô-Ma nói: «Con cùng không, cha con ta sẽ gặp nhau trên Thiên-Dàng».


Sau khi dự được cuộc khởi-hoàn của đồ đồ, cha Jaccard cũng được một hãng-phúc như đồ đồ của mình.

Tô-Ma Trần-văn-Thiện được dúc Léo XIII phong chánh-phúc ngày 27-5-1900. (2)


(2) Lẽ kính nhỏ vào ngày 21-9 hàng năm.
V. - SÁC DỤ CẢM ĐẠO (1838)


Dự còn nói rằng: «Phải giữ đạo Da-Tô để được lên Thiên-Dàng sau lúc chết. Thi xem Tây đường đạo, trường Marchand và Cornay (1) ông trùm Hiền và ông trùm Hải có lên Thiên-Dàng sau lúc này ông chết không? Các ông này đã chết cách nhục nhã, và sau các ông đã được đền ở đầu đường xò cho. Đó là số phận những bổn người đã rêu rao có một cuộc sống đôi sau. Cá chết ghê gớm của bổn này đã chứng mình sự đợi trá của lời rao giảng của chúng."

Trái lại các lĩnh-mục Việt-Nam Duyệt và Kiến đã cha đập tháp tự dưới chân, các ông hoàn toàn được tự do và hạnh-phúc. Xem thì biết đầu là hình khổ hoa ngữ, đầu la vui sống Thiên-Dàng? Sau lúc đã căn nhắc như thế, nếu còn có kẻ tự họ trùng lên để cầu kinh, nhưng kẻ ấy là những kẻ dối mìn, và ngoại cỡ.

Nếu các quan không dùng nhưng hướng mình để bất các ông cai-tông, và lý thường thì hành, nếu các ông này không sớt-sảng dạy dân sau thời hạn đã chỉ định là một năm nếu còn gặp trong nước những người công-giao ngoại có, không những phải phạt những người công-giao ngoại có mà còn phải phạt những người có trách nhiệm dạy đó họ. »

Sácre đủ này đã sinh ra nhiều điều thiết hại cho công-giao. Đâu đâu các quan cùng bất người công-giao xảy cát chưa chiến, đâu đâu các cụ

nhà nghèo cũng mở lớp dạy người công-giao. Nhưng đối với các quan
cũng như đối với các cụ nhà nghèo, anh em công-giao cứ lè trước
mặt các cụ nhưng nên bậc là hộ được miễn xây chữa, kẻ phải theo
dĩ học lớp đi đàn.

Đâu vậy các quan cũng gọi báo cáo về kinh do để trình với
Minh-Mang rằng: « Lời dự hùng hồn của Đức Hoàng-Thượng đã
lời kêu đồng báo công-giao, họ đã xuất giá để theo đạo của nhà vua! »

A.— An-Tông Nguyễn-hữu-Nâm và Phê-Rơ Nguyễn-khác-
Tự từ đạo (1).

An-tông Nguyễn-hữu-Nâm là người ở Dinh-Cát, Quảng-Trị.
Năm bị bắt một lần với hai người con gái và vợ ở Dinh-Cát. Hai
đưa con gái, một đưa 10, một đưa 14 tuổi. Cả gia đình đều được
lệnh xuất-giao, nhưng không một ai tuân lệnh ấy. Quan truyền phải
dành vào chân hai cô bé để ép hai cô bỏ quyền qua Thánh-Gia.
Hai chán bẩm tình như hai cô vân không bỏ quyền qua Thánh-Gia. Lý hình
mới kéo bừa hai cô qua, vì là phải yếu, làm sao chống lại được Bên
vụ-phu, hai cô phản đối kịch liệt việc họ vưa mới làm. Quan rất ca
người sự can đảm của hai cô và tha cho hai cô về.

Còn ông An-Tông Nguyễn-hữu-Nâm vi không bỏ đạo, nên đã
bi thật có ngày 16-7-1840. Cùng với ông Nâm, ông Phê-Rơ Nguyễn-
khác-Tự, một thầy giảng của Giám-Mục Dumoulin Borrie cũng được
phúc từ đạo. Hai ông đã được Đức Léo XIII phong chân phục ngày
27-5-1900 (2).


Thùa-Sai Delamotte bị bắt cũng với y-sĩ Simon Phan-dác-Hòa tại

tên là Quỳnh-Nâm.

(2) Chân phục Nguyễn-khác-Tự lê kinh vào ngày 16-7 và chân phục

(3) Cosserat: « Rosae annamicae » 40.

344.


II.— CẢM ĐẠO Ở BẮC-VIỆT

Không những anh em công-giao & Trung và Nam-Việt đã tổ ra anh-hùng trong thời kỳ Minh-Mạng bắt đào, mà nhất là các anh em công-giao & Bác-Việt đã làm vinh-dị cho Giáo Hội Việt-Nam không phải là ít.

1.— Sắc dự cảm đào 1833.

Linh-Mục Phêrô Lê-Tuy.


2.— Sắc dự cảm đào 1836.

Nam 1836 Minh-Mạng ra một sắc dự cảm đào, sắc dự này khuyến-khiêng các quan bắt đào rào riết hơn. Nhung các quan cũng làm lỡ đi cho vi bốn đào mua chúc sự tự-do hàng-dào bằng cách nap tiền cho quan đăng. Tư-Phủ Hưng-Yên bị cách chức vì không bắt được cha

(1) Lễ kinh nhở ngày 12-12.
(2) Lễ kinh nhở ngày 11-10.
Viện; Trần-thủ Trịnh-Quang-Khanh phải triều về Kinh và phải mang quá nặng lội, vì thế các ông lại thi nhau bất báo để lấy tiếng với triều-dình.

A.— Thư Sai Jean Charles Cornay Tân và thầy giảng Xavier Cœur.

Thư Sai Cornay bị bắt hôm 20-6-1837 tại Bầu-No trong tỉnh Hưng-Hóa; xử này có 500 bồn đào. Người bị bắt chỉ vì tự thú cả-nhân chứ không phải vì lục ấy các quan sột sang bất báo.

Một tương cười bị đuổi ra khỏi làng Bầu-No và sau khi bị giảm tù, ông tương muốn trả thù làng Bầu-No và báo cho các quan hay làng này đang oa-trùm một « tên Tây Dương đào Trường ». Các quan làm ông không thể nghe lời tương cười. Biết là không xin chuyển, anh ta mới đổi chiến-lược. Vợ anh ta đến Bầu-No giã với xin học đào, nhưng với mục đích xem cho chắc ở Bầu-No có « tên Tây Dương đào Trường nào không ». Lúc biết chắc có Thư Sai Cornay ở Bầu-No đã mời đem khi giới đến giải ở gần nhà Thư Sai Cornay rồi đi báo cáo làng Bầu-No là ông phien loan do một « Tây Dương đào trường » tổ chức. (1)


Được tin Cornay bị bắt, Minh-Mạng giao Thư-sai cho các quan xử theo nào thì xử. Cũng như Thư-sai Marchand, các quan bắt người phải nhận tới phiên loan, nhưng làm sao người có thể nhận tội mà

(1) Launay : « Mgr Retord et le Tonkin Catholique » 103.

Nhận thấy việc Thùa-sai rất có can đảm, họ ca tung sự can đảm ấy bằng cách mọc gan của người roi an sống, họ tin an như vậy sẽ có can đảm như Thùa-sai. Cúng việc mục đích ấy lý hình liên mâu nơi thành trưởng lực đã chất đầu người. Người được Đức Léo XIII phong chẳng phúc ngày 27-5-1900. (1)

B.— Giám-mục Dominicus Henares Xuân, Ignatio Delgado Hy và thầy Phanxicô Đồ-văn-Chiều:


Đầu năm 1838 Trinh-Quang-Khanh bắt được bốn bục thơ của Giám-Mục Delgado và của Giám-Mục Henare, các người đều thuộc về địa-phận Đông-Bắc, Trinh-Quang-Khanh đã lập công với triều-dình mới gọi những bục thơ ấy về Kinh. Minh-Mạng cho ông Trần-thủ một tháng để bắt cho được hai Giám-Mục Tây-Ban-Nha; nếu không, sẽ bị cắt chức và phí

(1) Lễ kính nhớ ngày 20.9 hàng năm.

(2) Launay : « Monseigneur Retord » 112.

Giám-Mục Henares cũng bị bắt cùng với thầy Đơ-văn-Chiều. Lúc lỳ-hình dẫn Henares và thấy Đơ-văn-Chiều đến nơi xử thầy này nơi với quan rằng: "Thưa ông lớn, tự bè tôi đã nhận ông này làm thầy của tôi, ông đã nuôi dưỡng và dạy dỗ tôi, nếu tôi nên thân người cùng là nô có ông của ông. Nhưng tôi không biết làm sao mà trả ơn ông, vây xin quan lớn cho tôi được quay về nhà thấy tôi; quan lớn hãy chim đầu tôi trước để thầy tôi biết tôi hoàn toàn nghe lời thầy tôi rán ngày ". Quan chấp-thuần lời yêu cầu của thầy Chiều — Lủy binh chim đầu thầy rồi đem cho Đúc Giám-Mục Henares, người cũng kinh dura hai tay trước lỳ đầu của đó để mình rồi nữa mất lên trời dằng của lề còn dân địa miếu ấy cho Thiền-Chúa. Xông Đúc Giám-Mục mới bi xử. Hôm ấy là ngày 20-6-1838.


Giám-mục Henares Xuân Delgado Hy và thấy Đơ-văn-Chiều đều được Léo XIII phong chân phục ngày 27-5-1900.

(1) Ravier: "Sự-Ký Hội Thánh" III, 392,
(2) Lệ kinh nhỏ chân phục Henares ngày 26-6, Delgado ngày 11-7 và Đơ-văn-Chiều ngày 20-6.
C.— Linh-mục Nguyễn-văn-Hạnh và Vư-văn-Duệ từ đảo (1)
Linh-mục Duyệt xuất-giao.


Linh-Mục Duyệt đến lúc chết cũng không nhận tội lỗi của mình (2).


Cả ba người công-giao này đều thuộc về địa phận Tây-Bắc. Khi

(1) Cosserct : Rosae annamicae 200 và 237.
(3) Louvet : « La Cochinchine Religieuse » II trang 110.
22 ngày thành từ vị đảo địa phân Tây đàng ngoại Kê Sê 1906 trang 10; 36; 39.

349
Linh mục Giacobê Mai Nam nghe tin cha Duyệt xuất giáo người mới phân năn rằng: « Đại quá, có dip tốt đến tôi mà lại không biết dùng ». Các quan bất người bỏ dao, người thưa lại rằng: « Tôi đã giảng đạo làm sao tôi dâm bỏ dao, tôi đã dạy anh em giáo-hữu thì chết chẳng thể bỏ dao, vậy mà quan dạy tôi bỏ dao sao ? »

Ông trùm Nguyễn-Bích là cha vợ ông Lý Nguyễn-huy-Mỹ, ông đã già gần 70 tuổi, lúc mới bị bắt ông rất nao núng, nhưng cha Nam đã khuyên bảo ông, ông mới được vui mừng. Con rể ông cũng khuyên ông: « Xin thấy suy, thấy đã già cả, chẳng trợn sóng lâu, một là thấy phải chết bệnh đoạn phải thế nào không rõ hay là thấy phải xữ về dao, thấy sẽ chắc cha anh phúc muôn đời. Nếu có ai nê việc suốt sống phải chẳng là con, vi con còn trẻ trung khỏe mạnh, con ca một tương lại tuổi sang, song con bàng lông hy sinh đời thành xuan con cho Chúa, hoặc thấy có sợ phải đồn thì con xin thấy đừng lo, con sẽ xin chịu thay cho thây. Khi các quan tra hỏi hai ông ấy, Lý Mỹ thưa thay cho cả hai, khi hai quan dạy dân đồn, ông Mỹ chịu phân công ông xong dùng dạy không nổi, mà còn chịu dân để và vẫn còn xin chịu thay cho ông bỏ vợ mình.

« Thấy tôi già yếu, xin các quan thương mà dánh tôi thay», tức thi Lý Mỹ nam xuống mà chịu trả đồn khác. Trong vòng 40 ngày Lý Mỹ phải chịu hơn 500 đòn.

Các quan lớn nói ngọt với ông rằng: « Ông con vợ, còn con, còn của cải chủ quyền, lại là người trẻ trung và có chủ nghĩa nhất trong lang, ông con có thể sống lâu cả «quá khoa» trước mặt quan rỗi về nhà, tự do giờ đão như trước cùng được». Lý Mỹ mới lể phép trả lời: « Băm quan lớn: tôi biết đạo Công-giáo là đạo thật nên tôi không thể bỏ được, không thể bao giờ nhà đập Thánh-Già được. Ai muốn bất quan lớn đập trên đầu trên có vua đã ban chức trước và phát bông lộc cho quan lớn, thì quan lớn chịu chẳng ? Còn sự tôi còn thành xuan tôi chẳng xem sao, vi tôi chết già hay chết trẻ thì cùng phải chết ; nhưng chết vì đào có gì vững đẹp và hạnh-phúc cho bằng. Còn vợ con tôi yếu
chúng nó thất, song tôi còn có hy vọng sum họp với gia đình thân mến của tôi & trên Thiên Đàng. Quan bảo tôi hãy bắt chước những người bố đạo đã xuất-giao, nhưng quan nhận biết rằng họ là những tên lịnh đạo ngụ, có bảo giới quan khuyên các binh-sĩ bắt chước các quan nhân đạo ngụ không?

Vở ông Mỹ bè con đến thăm chúng, đã khuyên chúng dùng lo đến vở con làm chỉ, Chúa phứ họ thì bà sẽ nuôi đường sẵn sóc các con đến khỏi lén.

Đưa con gái của ông lên 11 tủi трon nhà đi, và sau nửa ngày đường có bè chẳng sợ gì binh-sĩ canh gác, có đến nhà tù khuyên cha rạng: Thấy đây sẵn sàng chết và nhất-dịnh dùng chà đập Thanh-Giả.

Đưa con trai của ông mới lên 9 cũng hờ người nội lại với ông hay can đảm chết vì đạo, đề được hành-phúc Thiên-Dàng.


Chính-phủ Hoàng Gia còn phải rên nhiều Kum chém, đánh nhiều gây thất cứ, nhưng cũng không thể nào mà thu tiêu Công-giao cho sạch được. Cả ba đều được Léo XIII phong chẩn-phúc ngày 27-5-1900

(1) Lễ kính nhờ các chẩn-phúc ngày 12-8.
E.— Giám-Mục Pierre Dumoulin Cao các linh-mục Vô-dòng Khoa và Vinh-Son Nguyễn-thế-Diệm từ đạo.


(1) Lauanay: « Mgr Retord et le Tonkin Catholique » 121.
(2) 26 Đăng Thánh Tư vị Đạo về 3 địa phần động ông Thánh Dungmũ 55, 78, 167.
(3) Cả ba vị đã được đích Léo XIII phong chánh-phục ngày 27-5-1900. Lễ kinh nhỏ ngày 24-11.

3. — SÁC DỤ CẤM ĐẢO 1838 (2)

Cuối năm 1838 vì muốn bắt đào một cách đủ-dôi và có hiệu quả, và muốn cho dễ truy-nã người công-giao, nhà vua ra một chỉ quyết-liệt, phải thiết lập chưa miêu, hết mọi người dân bắt phản nam nur già trẻ phải chung tay chung sức vào việc xây cất nhà thờ tür, rồi hàng năm cứ đến những ngày lễ đà chỉ định, phải đến chưa tháp hương và chắp tay vâi lạy.


(1) E2 Đờng Thánh Tır vi Đào địa-phận Tây Đàng ngoài. Kê-Số, 1906, trang 167 ; 199 ; 211.
(2) Xem trang 343.
(3) Trịnh-Việt-Hiền : « Mưu Tır đào trên đất Việt-Nam » 40.
(4) Cosserat : « Rosae annamicae » 212.
Xử tại Cửa Thuận các binh Augustin Phạm-việt-Huy và Nicolas Bùi-dạc-Thể (1) tất cả đều thuộc địa phận Đông-Bắc.


Lúc quan xử cha Khoan chả đập Thanh-Giá, người trả lời rằng:

— Việc quan báo tôi làm không hợp-lý.

— Sao lại không hợp-lý? Ơng chả đập Thanh-Giá ơng sẽ được sống, ơng không đập ơng sẽ chết, vậy mà ơng báo tôi dấy ơng làm không hợp-lý à?

— Thưa quan lớn, phải chăng quan lớn chỉ là một người hèn-håt nên lực trong nước có giác, quan báo vua, vì nếu quan đánh giác trong hàng-ngũ quản-dội Hoàng-Gia quan sợ sẽ có ngày chết vì giác. Về phần tôi, tôi chịu muốn ơn của Vua cả Trên Trời, làm sao tôi có thể bố Vua tới dạng khi tôi có phần sự phải chịu chung đau cho người?


(2) Launay: « Mgr Retord » 140.
Lúc đi đến pháp-trước, linh-mục Khoan và các thầy Giảng của người hùng hổ hát bài cắm tả Thiên-Chúa. Tiếng hát vang khắp neo đường đã đem lại sự phấn khởi cho những tấm hổ của những người công-giáo sáp mực kích một cảnh dần máu của những người cùng tín ngưỡng của họ.

Có một người công-giáo tên Nguyễn-văn-Hà, bị mưu sát đã lâu, anh câu cũng cha Loan, chinh xuan Hà-Nội, bị xử Ngày 5-6-1840 và anh đã được sáng mắt (1).

Lúc linh-mục Giuse Nghị và các bạn người bị hành hình máu me lại lang khắp minh, quan truyền lệnh cho anh em công-giáo đến kiểm thương tích của người, các anh em công-giáo hả hê chạy đến quy dựôi chân các tử đao, rồi cùng kính hiệp xét thương của người. (1) Không biết ngày thứ sáu Tuần Thánh họ quy xuống hổ 5 dâu Thánh của Chúa Giêsu từ nản.

Tất cả những nạn nhân trên nay đã chết một cách oanh liệt khiến đồng-bào lương cùng như giáo phái biết liết cả từng. Nếu ta thêm vào con số nạn mạng đó con số hơn 400 nó nhà thò, nhà chủng-viên, nhà chung, nhà xù, nhà đồng bị phá huy tan tành, ta có thể ước lượng được con số thối bại trong vài ba năm, và ta thấy rằng nó không phải là không đang kẻ và đã khiến nhà vua bài lòng đổi chốt vì thấy công việc của mình làm không đên nổi thất bại.

Đang lúc hạm hổ bắt đao trước rồi ra mau chóng điết được «Da-Tô l đao» như chưởng trinh đã phác-hóa. Không ngờ qua năm 1841 nhà uá bị ngã ngựa chết đem theo xuống mặt cái hận muốn đồi không sao phát rưa đi được. (2)

---

(1) Launay « Mgr Retord » 140.

4.— TÌNH HÌNH GIÁO-HỘI BẮC-VIỆT TRONG NHỮNG NĂM BÂT ĐẠO (1833-1841) GIÁM-MỤC RETORD


Ôi Quảng-Bình có 17.617 người bổn đào. Bổn đào trong tỉnh này nhẹ đa hay thay đổi, đó là một trong những lý do mà Giám-Mục Borie, các linh-mục Diệm và Khoa phải biết bất cứ nơi đây.

Ôi tại Hà-Tĩnh và Nghệ-An có 45.364 bổn đào. Bổn đào trong hai tỉnh này là những bổn đào sốt sắng nhất trong địa phận.

Tỉnh Thanh-Hoa chỉ có 13.000 bổn đào, phần đông là những người đơn sơ và ít biết lẽ đạo.


356
Hôm 4-8-1839 từ Rò- Ма Đức Giáo-Hoàng Grégoire XVI gọi thư ca tưng Giáo-Hội Việt-Nam và khuyên-kích anh em bôn-dào vùng lòng giũ đạo.


Lúc đoán gần chiếc ghe đã thuê, thấy ghe chưa nhỏ neo và không có một đầu gi là sắp đi xa cả, Thùra-Sai Retord toan lên ghe, ông thuyên trừng tức choi và nói: «Ba lần tôi đã xem bói, ba lần Bà Cổng chưa linh thiêng tức chơi không cho tôi dựa ông đi». Và nài mà cùng vở ốc, Thùra-Sai Retord tung bừng trớ về lại địa phận. Lúc người và các tay từng tôi là mặc tron đặc ngày cha Fernandez đã bị bắt; người trong thấy vòi có hàng người ở bênleasedương. Người dầm dập cua người đi trực dựng lại nói: «Chá ở lại đây để con đi thâm thình». Anh này vừa đi tôi có mái bốóc, thi hàng hiện mặt hơn người ở trong bụi rậm ưa ra la lối ghê sợ: «Đờ không nên chút đầu chung đi».

Cả cha lần con chạy bán sống bán chết, không còn biết đầu là phương hướng, họ lâu mới biết dân làng mặt trời, chạy theo cha con ngoài mà bỏ trôi là an trôi.

Lần khác người may mắn hơn vi người đã đi Manila bằng yên vào sự nos ngày người đã được tận-phong Giám-Mục. Về lại Bác-Việt là một việc nguy hiểm, mặt lát gum không những có thể làm roi mùi Giám-Mục của người mà còn làm roi cả đầu người nữa.

Người hy vọng rằng Minh-Mạng mặt, Thieu-Trí sẽ thay đổi chính-trị, nhưng sau lúc nhận thấy Thieu-Trí đúng thì giờ giải trí bằng cách sau tâm các Thùra-Sai và linh-mục bán quốc, thì người phải kiểm cách đối phó, nhất là lúc nghe tin các Thùra-Sai Charrier, Galy, Berneux thuộc Bác-Việt, các Thùra-Sai Miche và Duclos Bình-Dịnh bị bắt giải về Huế.

Người chưa bao giờ thấy công-án Việt-Nam đã lập chien-công oanh liệt bằng lúc bây giờ.

Nhận thấy tình thế người ngập cua Giáo-Hội Bác-Việt, Giám-Mục Retord đã gặp truyền chức cho giáo-si Tây-Ban-Nha Hermozilla và chu Thùra-Sai Phap Gauthier, ba dân Giám-Mục này cương quyết hướng dân anh em công-giao đến ngày vinh quang thắng trâu cua Giáo-Hội Việt-Nam,
III.— PHÁI-ĐOÀN PHAN-THANH-GIÂN SANG PHÁP (1)


(1) Delvaux : B.A.V.II. 1926 trang 69-80
1928 trang 257-264.
(2) Olichon : Les Missions. 400.
BíALLOWNie có lịch sử trên và sự hiện diện của nhiều chiến-thuyên của Pháp ở biên Trung-Hải không phải là không có ảnh hưởng đến việc cai-trị của Minh-Mạng, Minh-Mạng đã mở mặt, và đã nhanh nhất cách chưa cậy, nhưng mở chưa Nho cũng như những vù-khi của nước Tàu sẽ không còn có sức giúp ông chống lại những đại-bác khắc lừa của bọn « mỗi Âu-Châu ».


Đồng thời báo chỉ Pháp phản-dối việc tiếp phái-doàn Việt-Nam.

Có phải những lý do trên đây đã khiến Louis Philippe từ chối không tiếp phái-doàn Việt-Nam ? Louis Philippe từ chối không tiếp phái doàn chỉ vì những lý do chính-trị, mà những lý do chính-trị ấy không thiếu:

(1) Launay : Histoire générale de Missions étrangères » III, 81.
(2) Trần-Trong-Kim : « Việt-Nam Súc-lụrc » 465.
(3) Nam Xuân Thọ : « Phan-Thanh-Giản » 46.
26.— Phan-thanh-Giản

Ảnh chụp lúc ông đi sứ ở Pháp và Tây-ban-Nha
Ảnh này hiện giữ tại Museum de Paris số 10,608.

- Ngày 28-2-1822 Chaigneau xin Minh-Mạng cho chuyên-trIBUTES tàu Cleopatre được ợt-kiền, Minh-Mạng cùng từ chối. (1)

- Ngày 11-12-1824 không chịu được sự bắc đái của Minh-Mạng, lãnh sự Jean Baptiste Chaigneau và Vannier xin hồi hương.

- Bougainville dẫn 2 chiếc tàu Thétis và Espérance đến đầu ở Cửa-Hán, có mang theo một bực thư thò thư hai của Pháp-Hoàng Louis XVIII xin được ợt-kiền Hoàng-Đế Việt-Nam, nhưng Minh-Mạng từ chối.

- Năm 1826 Engène Chaigneau nhận viên tòa lãnh sự Pháp không được phế phế của Minh-Mạng để vào Việt-Nam.

- Năm 1830 Engène Chaigneau đến Cửa-Hán để chở dập đến Huế, nhưng Minh-Mạng không cho phế.

Sau lúc Minh-Mạng đã nhiều lần từ chối không nhận thư và lãnh sự, Pháp-Hoàng Louis Philippe trả đầu hàng cách tự chối không tiếp phải-đoàn Việt-Nam là một lý di nhiên, vậy mà có nhiều sự-giả giả làm ngơ không biết đến những lý do này (2).


(1) Pham-văn-Son Việt-Sư toàn thư 605.
(2) Cullot : « Histoire de la Cochinchine Française » 46.

363
IV. MINH-MÃNG TỪ TRĂN (1841)

Đặng lúc Minh-Mãng tung hoành ngang dọc sáu bái Công-giáo, thì cũng một cái, Minh-Mãng té ngửa chết (1). Không-Từ đã dạy trong Minh-Tâm Bửu-Giám:

«Vi thiên giả, Thiên báo chi đi phước, vi bất thiên giả, Thiên báo chi đi hoa», làm lành Trời trả phúc, làm ac Trời trả hoa. Tiếc một điều: Minh-Mãng thông nhỏ mà không nhỏ lời dạy ấy, đạo Công-giáo mà Minh-Mãng thê sê tiêu-diệt cho tận gốc tận nguồn, thì chỉnh Minh-Mãng phải tiêu-diệt còn đạo Công-giáo chẳng những không tiêu-diệt mà lại bành trướng thêm. Năm 1830 là năm trước thời kỳ cầm đạo, ở Trung và Nam-Việt, chỉ có 60.000 người công-giáo, đến năm 1840 nghĩa là sau 10 năm cầm đạo só người công-giáo đã vọt lên 75.000 (2). Đó là chưa nói đến cái còn số không lớn của anh em công-giáo ở Bắc-Việt.

Xưa nay các sứ-gia Việt-Nam chúng ta, lực viết về Minh-Mãng chỉ duy theo « Gia-Đính Thống-chi » hay là « Liệt Thanh thuyết lực tiến biên » hay « Khâm Định tiêu bình trướng kỷ phù khấu phương lược ». Nhưng phỏng sạch lịch sử này đều viết theo lệnh của Minh-Mãng (3). Lê đi nhiên các ông


này chỉ viết về bộ mất, nghĩa là những cái gì hay họ của Minh-Mạng hoặc của các vua chúa nhà Nguyễn, nếu các ông có ông lịch-sử, đảm viết đến những điều không hay của «Liệt Thành» các ông sẽ phải trình phất, hoặc rất có thể bị án xữ-tử.

Vì vậy muốn khách quan, không những phải kể cuộc họ của nước nhà cần phải kể cuộc các sứ-gia nước ngoài đã nói về Việt-Nam và Minh-Mạng.

Phần đông các Sứ-Gia ngoại quốc đều công nhận Minh-Mạng là một ông vua thông-minh, nhưng hầu hết các tác-giả ấy đều tỏ cáo hành động tàn bạo của Minh-Mạng và gọi ông là Néron Việt-Nam (1).

Cùng vi lý do ấy mà từ Bác Chỉ Nam đã có những cuộc đẩy loạn chống lại chính quyền của Minh-Mạng. (2)

V.— ÁN CỦA LỊCH-SỬ

Nam 1816 Gia-Long chọn Ông Hoảng-Dâm con của vợ lẽ (3) làm thái tử. Một ông trung quan và tài quan muốn can vua vì Hoằng-Tự Càn chê di nhung đã con con là Hoằng-Tự Dân vì theo lệ diệt-tôn được làm vua.

Nhưng Gia-Long trả lời rằng: Khi ai có nọ mà chế di người ta cứ con nó mà đổi nọ, đầu có đổi cháu, nên Gia-Long nhất định không nghe các quan. Hai ông quan to gân ấy là Trưng quan Nguyễn-văn-Thành và

(1) Cultrœ : «Histoire de la Cochinchine Française» 37.
Launoy : «Histoire générale des Missions étrangères de Paris».

III. 83.

(2) Xem trang 257, Nội chiến dưới triều Minh-Mạng.

Tả quan Lê-vân-Duyệt (1).


«Lực trong nước từ vua quan cho đến chỉ dân sư ai ai cũng lấy cái » «lý thượng ấy làm phải, làm hay hon cả mà lại thấy có người bổ di theo» «đạo khác, nói những chuyện mà lúc bây giờ lại không may người hiểu» «rõ ra thế nào thì tất là theo ta đạo, làm hìng cái phong tục hay của» «minh. Bởi vậy vua moi cảm, không cho người trong nước di theo đạo mớii».

« Một ông vua nghiêm khắc như Đức Thanh-Tô mà cảm không được, » «thi tất là phải giết. Trong khi cảm và giết như vậy, là trường mình làm» «bốn phân làm vua của mình chử có biết đâu là mình làm sự thiết hại cho» «đân cho nước».

(1) Ravier : «Sư kỳ Hội Thanh». 513.

(2) Trần-Trong-Kim : «Việt-Nam Sử-Lược». 426.

366
"Và bao giờ cũng vậy, hễ người ta sùng-tín một tôn-gía nào thì cho tôn-gía của mình là hay hơn và cho người theo tôn-gía khác là thưa nghĩ gì với mình, rồi hễ có quyên the là làm thế nào cũng dùng cách mà hà hiếp người khác đạo với mình...
Ngày trước vua Philippe II (nước Tây-Ban-Nha) vua Louis XIV (nước Pháp) giết hại bao nhiêu người trong nước. Mà chắc rằng lúc ấy các ông ấy cũng thường là mình làm điều phải, chữ có biết đâu là mình làm điều trái.

Vẫn biết rằng sự biết đạo là sự không lành, nhưng phải hiểu cái trí não người Việt-Nam ta lúc bây giờ không hiểu cái tôn chỉ đạo "Thiên-Chúa ra thế náo, cho nên đâu không phải là vua Thánh-Tô nữa" thì ông vua khác cũng không chắc đã tránh khỏi cái lối biết đạo (1)."

TheoNguyễn tác Nho-Gia thông phải theo cha, tôi phải theo vua, ai trái với cái đạo ấy là phải tội nặng đáng giữ. Nguyên tác này có điều phải, nhưng cũng có điều sai tùy từng trường hợp, chữ không phải lúc nào cũng đúng.

Trong một gia đình, người cha cần mẫn làm ăn, đức độ, con có bổn phận theo cha, tập những đức tính của cha, nhưng nếu cha là một tay bởm giết người cười cặp của hiếp dân, hỏi người con có bổn phận bắt chước những hành động của cha để cho trọn bổn phận với đạo Nho không?

Và lại đạo Nho không có dự đoán như vậy, chính Khương-Tư đã nói: "Sử phụ màu coi gián, kiền chỉ bằng tòng, huu kính bất vi, lao nhì bất oán". Nghĩa là khi cha mẹ có làm điều gì làm lởi con phải tìm cách âm đềm điều đáng mà can-ngăn, thấy cha mẹ không nghe thì lại kính mà không trái lại, đâu có phải điều đâu đồn khó học cung không oan giận. (2)


Con phải theo cha, tôi phải theo vua.


Thứ nhất: Ra lệnh cho 50 quan trực thường xuyên ở mỏ của Bá-Dạ-Lộc.


(3) Louvet: «Mgr d'Adran», 310.


Hạ thân mất rồi, Hoàng-thượng muốn làm gì thì làm, nhưng bao lâu ha-thần còn sống, Hoàng-thượng sẽ không làm điều ấy.»


(1) Louvet: «La Cochinchine religieuse». II. 49.
(2) Louvet: «La Cochinchine religieuse». II. 43.
(3) Lê-văn-Duyệt có ý như lại Bả-Da-Lộc đã chia giao cho Nguyễn-Anh và quân lĩnh của ông lực Nguyễn-Anh chạy trốn lang thang ở Vĩnh Thái-Lan. Xem trang 231.


Ô' Đức năm 1520 Luther ông tổ đạo Thề-Phấn hò bão các chúa trong nước di cưp phá các nhà thờ, nhà xư và tu-viên công-giáo. (1)

Charles-Quint một ông vua công-giáo phải xử dụng vũ-lực để đep loan mắc dù ông không di đến kết quả mong muốn.

Ô' Anh vua Thề-Phấn Henri VIII đã dùng vũ lực để giết hai người công-giáo, trong số những người bị giết có cả Giám-Mục Fisher và ca một ông tế-tướng triều đình Thomas More. (2)

Ô' Pháp quan đôi Thề-Phấn đánh công-giáo, Vua Henri IV là tỉnh dỗ Thề-Phấn thẳng đạo bịnh công-giáo ở Arques và Ivry nhưng không thể lạy Ba-Lê vi Tây-Ban-Nha cứu-viên quan đôi công-giáo.

Những dòng lịch-sử trên cho ta biết hoàn cảnh củ Philippe II và Louis XIV: Hai ông dùng vũ-lực để dàn áp Thề-Phấn vi Thề-Phấn đã dùng vũ-lực thú-tiêu công-giáo. Đời hai ông cai-trị tuy trong nước Thề-


Phản đại thật-thế nhường các nước xung quanh như Anh, Hà-Lan, Đức là nhường nước Thổ-Phân rất giàu mạnh luôn luôn hai ông phải can dự với nhường nước ấy.


Các Tác giả sau đây đã làm về sự kiến lich-sử này:


Schreiner: « Les Institutions Annamites », I. 191

« Abrégé de l'histoire d'Annam 2e édition » 118.


CHƯƠNG IX
CẢM ĐẠO DƯỚI ĐÔI THIẾU-TRỊ (1841-1847)
1. ĐÔI SÔNG CÔNG-GIẢO Ở TRUNG VÀ NAM-VIỆT

1. TÌNH-HÌNH CHÍNH-TRỊ DƯỚI ĐÔI THIẾU-TRỊ:


Dù vậy Thiệu-Trị không huy bỏ những dư cảm đào của Minh-Mằng ông cùng không xui giục các quan bắt đào. Thoát nạn mạng của Giảo-hưu đều ở trong tay các Quan.

Trong đời ông cao trĩ, ông phải đặc biệt đề y đến vấn đề giặc thâm với Cao-Mến, Thái-lan và Pháp.


Thiệu-Trị mất năm 1847, làm vua được 7 năm tho 37 tuổi, mất biểu là Hiện Tổ Chuong Hoàng-Đế. (2)

(1) Louvet : La Cochinchine religieuse II. 119
(2) Trần-trọng-Kim : « Việt-Nam Sĩ lục » 469.
Một gác chuông ở Gò-Thi, ảnh của Auguste Sajol trong Croquis Annameses xuất bản ở Ba-Lê năm 1902.
2. HỘI CÔNG ĐỒNG Ở GÔ-THỊ (1841)


Không những Cuénot đã chấm nom hàng giáo-sĩ, người còn chấm nom cho con chiến bản đào một cách an can.


Thường thường người giáo-bturtle đã vi trò tàn mà xuất-giao, Đức Giám-mục sẵn lòng thay mặt Chú-a thì thụ sự yêu duôi của người giáo-bturtle ấy, nhưng
với điều kiện là phải làm cho một người lương theo đạo công-giáo. Để cho được chóng nhập vào đạo chiến của Chúa, trong một thời gian ngắn, giáo-hưu cũng gàng giới thiệu đủ số người lương muốn theo đạo công-giáo. Mỗi năm người tin cho biết hơn dưới đây giurtles được giải nhất về việc truyền-giao vì thể các họ miền Nam đã tranh nhau làm việc tổng-dỗ.

Khoảng năm 1814 trong toàn đại phá 5.706 tre em được chịu phép rừa tội Các ba phước Mê Thạnh-Gia đã tổ ra can đảm la thương, trong những giờ đến tội nhất của những năm bất đạo, các bà không sợ gì cái chết, các bà cụ từng hối hiếu người dưới sự che chở của các Thiên Thần họ thú di vào những lang nghịch đạo nhất, để rữa tội cho các em ngoại đạo gần chết, và luôn tiên phán phát thưa men cho những người đâu ôm.

Có những anh em bên lương làm vào cảnh kinh khốn khó không thể nuối con được nên giao con cho một gia-dinh công-giáo trong lang nuôi nấng. Đảm nhận nuôi một đứa trẻ lại còn phải trả tiền cho cha mẹ nợ, là một việc tội kềm, nhưng lòng hy sinh bậc-áì của công-giáo đã bất họ hy sinh nhận nuôi đứa nuôi, để nó được nhập vào đại gia-dinh công-giáo. Lòng bậc-áì sâu xa ấy là một bài giảng hùng hồn về sincere sống và hoat động của Giáo-Hội, và biết bao nhiều người thiện chí đã theo đạo Công-giáo cũng chỉ vì bài giảng sống động này.


(1) Louvel: «La Cochinchine religieuse» II. 128.
3. THÂY SÀU ĐO VÀ ĐỒNG BÀO THƯƠNG
Ô KONTUM (1842)

Đã từ lâu đức Giám-Mục Cuénot cố ý định rao giảng Tin Mừng cho các đồng bào miền Thượng phía Tây Trung-Việt. Điều ấy có nhiều điều lợi, ngoài ra việc đem ánh sáng cho dân Thượng, các linh mục sẽ được một nơi an lành vững chắc trong những năm cấm đạo. Vì Giám-mục chưa biết nơi ấy là nơi thương lầm chung chung khi nên người cũng có ý định lập nơi ấy chúng-viện và nhà muội.

Năm 1839 người gọi nhiều thấy giảng lên miền thương mà hối ậy chúng ta gọi là «xứ Mới». Các thấy bão cáo lại cho Đức Cha và người đã ra lệnh cho hai Thiệu-Sai Miche và Duclos đến giảng đạo.


— Người ta không số chết lúc người ta chỉ làm những điều lành.
— Ư ơi, vây không giữ luật nhà nước, nếu các ông là làm điều lành hay điều dừa?
— Tài sao quan trách tôi một việc mà chính Minh-Mạng đã sai các quan làm. Quan không nhỏ sao, năm người Minh-Mạng gọi các quan sang Pháp (1) họ đã đập lên đất Pháp cũng như chúng tôi đập lên đất Việt-Nam. Tài sao các quan có quyền đi trên đất Pháp mà tôi không có quyền đi trên đất Việt-Nam. Ông giả các ông ấy và chúng tôi chỉ khác có một điều là: các ông


Hai Thùra-Sai bị bắt nhưng Đức Giám-Mục Cuénot không nhận lòng. Người sai thấy phu phó-tể Do tiếp tục công-tắc mà hai Thùra-Sai đã bỏ lở đạo. Thấy Do đã du-học ở trường Pinang 7 năm, giữ chức giáo-sư tại đó hai năm, tình thấy hiện lành vui vẻ, khiêm tốn ổn hòa, hay nhìn hük, cũng can đảm chịu khó làm việc nên lúc học cũng như lúc làm việc được mọi người kính nể, yêu vì. Trước lúc thấy Do lên đường đến miền Thượng, Giám-Mục Cuénot đã phong chức phó-tể cho thấy, để thấy vi ơn Chúa Thánh Thần, thề khôn ngoan mành mê gánh lo việc Chúa (1).

Thấy Do có ý gia làm người buôn bán, nhưng những người buôn bán thì ấy phải có giấy thông-hành của quan trên cấp cho mới lên được đồn Thù-Ngür. Thay trạc trở. Thay muốn làm một người phụ xe cho tiến việc. Thay có iáo học quan lãnh, an tắc trách ruoi, giả kẻ khó khăn đến với một người buôn bán kia tên là Quyên, năn nỉ xin làm phu gánh đồ, kiếm ít của để thân. Ông Quyên ung thuận giao cho thấy việc chăn heo nâu bèp, ngoài phần sự chăn heo nâu bèp chủ còn bát thấy mang gánh nặng. Lức ấy đang lên

mienie Thương rất gay go, phải trở trở qua ải mà còn phải sợ nơi hùm być thườ injustice. Thấy Do là con hà khá giả xua nay mãi miệt đẽn sách, nèn thương dứt chẳng đi đâu, đồng khi hai lãnh rừng lại còn bị chửi mắng. Lực tâm nghi, khi bàn dũng hánh say mê giấc diếp, thấy Do lăn vào nơi ăn khâu quê; gọi kinh nguyên trăm ngần lâu giờ để xin ông trên troilig. Đình các làng Thương thấy có gang hòi han hộc tiêng, làm quen với các tre con, tội lui thân cạnh với kế cả và làm anh em với chủ làng đề đề nhở và trong việc truyền giáo. Sầu thương như lạc ở giữa dàn thiếu só, phải cự khoản gian nan, nhớ vậy thấy đã biết phong-túc thủy-tho水利工程 nói ít nhiều. thấy Do lui vào Binh-Dình báo cáo với Đức cha Cuénot.


Tháng sau Đức Giám-Mục sai thấy Do dẫn hai Thùa-Sai Combes và Fontaine lên miền thương. Các ngại đi đến đéo Màng-Mang, bị một dân gọi ruột. Mạnh ai này chạy mọi người một ngày. Cha Combes đợi non nên dân với cử dưới rìet, thấy nguy đến nơi, người một quàng non lại, với mặc sure chỗ đập tan nét, và Thùa-Sai như thể thoát được cái chết với cha. Đến sáng sau lúc mọi người tìm gặp nhau, kể thì trảt chàn, người thì đâu sút trần, quản đào rạch ruột tã toì.

Đoàn giáo sĩ trở về Binh-Dính nghỉ nửa tháng rồi vắng lệnh Đức Giám-Mục lên «xứ Mối». Lần này các ngại tôi lang Hoxtrong bàng yên. Ông chế


Lúc thấy Sâu Do đã bớt đau; các ngai lại bằng rừng thằng tôi Kongsolong (2). Nơi đây bốn cha, các thầy và các chủng-sinh ở xóm


kit trong một khối nhỏ giữa rừng. Các người và phải nằm đạt rất lạnh, vì thuốc thang không cố nên thường bị sột rất nặng: mặt bóng, da vàng, bung to, mà có trọng chằng ra hình người.


Sau những năm làm việc và-va thấy Sâu Do trở về Bình-Dịnh chi chịu linh-nuộc năm 1853. Cùng trong năm ấy, người trở về lại Bahnar, cha Do là người có công nhất trong việc tuyển-giao ở đạt Thương (2). Chính Cha Dourisbourne cùng như dân Bahnar, công-nhanh đủi ấy.


(1) Louvel : trong đoạn nói về việc truyền-giao ở miền Thương không nói đến cha Do, nhưng chỉ nói đến các Cha Combes và Dourisbourne. «La Cochinchine religieuse». II, trang 145.
Tình người thôn dã tận lòng đồng không ưa cây cây, nên chính cha. Do tập cho ho cây bừa gieo vào gặt hai và luyện tập chúng chịu khó làm ăn và trách việc đi-doàn.

Xua kia người Thương chỉ đúng hai tây phát rung, tia lửa, nên không đủ ăn, họ không đầm bát trái bố cây bừa, vì sơ thân phát, thấy người Thương hay tin đi-doàn như vậy, chính cha Do biểu chú giúp và đẩy tô bát trái bố cây tia lửa, đến mưa gạt được nhiều lửa, nhiều Ngô mà không thấy thân giăng tai hoa xuống cho ai hết, chúng liên kế nhau đến xin cha Do giúp cho chúng cắp trái, đối bố để làm rừng; vắng lơi ngoài, dân Thương làm ảnh có két quả, hay gạt mưa và chẳng còn phải tung đối như xua.

Cha. Do cùng dân người Việt-Nam lên lập gia cư đồng ở đây và trông sê làm lương sống cho thế dân về sự kính Chúa yêu người.


4. THỤA-SAI PHÁP VÀ GIÁM-MỤC LEFEBVRE ĐƯỢC PHONG THÍCH


381
Thiệu-Tri gọi thư đi các tỉnh tin cho dân chúng hay: « Pháphp Hoàng lúc biệt tối trọng của các ông Tây Dương Đạo Trường đa phải một ông quan Môi đến van naï hoàng-de Việt-Nam tha chúng. Hoàng-Dệ khowan hông tha cho những với điều kiện là chúng không được tái phạm ».

Việc ông Lévêque can thêp để đổi chính-phủ Viet giao trả lại các Thùa-Sai Pháphp là một việc không trách ông ta được, người cùng một nước từ nhân phái cứu giúp nhau trong những hoan cảnh khó khan.

Ngoài ra Đức Giâm-Mục Lefebvre cũng được trả lại tự do. Lefebvre làm Giâm-Mục phó của Đức cha Cuénot, người có sóc địa phận miền Nam và người thương đạt tự sơ ở Cái-Nhum.


mới trả Giám-Mục Lefebvre cho thuyên trướng. Ông này đưa Giám-Mục về Tân-Gia-Ba.


5. MATHEO LÊ-VĂN-GÃM TỪ ĐẢO


386

— Nếu ông bỏ đạo, tôi sẽ viết thư ngay cho Hoàng-Đế, như thế ông khỏi phải bị xữ.

— Xin quan cứu đem tôi đi xữ, vi tôi nhất định không bao giờ sẽ bỏ đạo.

— Ông không có tội gì hết, chỉ vì ông là công-giao nên ông phải bị xữ, hãy bỏ đạo đi là yên thuận.

— Bấm quan lón tôi là người công-giao tôi đã giữ đạo ngày từ hồi còn thơ ấu, tôi sẽ không bao giờ bỏ đạo dù phải chết cũng không.

— Vậy thì hãy đi đến pháp-trưởng, chính luật nước xữ ông chưa không phải tới xữ ông. Tôi rất thương-vì cho vợ con ông.

Mathéo Gǎm hồn bỏ đi đến nơi xữ, ông đã xứng Choi nhiều lần & trong tù. Trên đường đi đến Chợ-Quán, Gǎm nom thấy vị linh-mục đã đến thạm ông & trong tù.

Ông cứ dâu xưởng đang lúc vị linh-mục một cách khinh đạo dưa tay ban phép giải tội cho ông. Thế rồi Gǎm quyet xưởng cầu nguyện trong một chốc lát rồi ra dâu cho lũ hinh thì hạnh phần sự.

Mathéo Lê-văn-Gǎm được Đức Leo phong chánh-phúc ngày 27-5-1900 (1)

6. PHÂN CHIA ĐỊA PHÂN (1844)

Lúc Đức Giáo-Hoàng Grégoire XVI còn là một vị Giáo chủ & Bố Truyền-Giao người muốn chia địa phân miền Nam mà xưa kia gọi là địa phân Đặng Trong ra nhiều địa phân. Trước năm 1844 địa phân miền Nam

(1) Lẽ kính nhớ ngày 11-3 hàng năm.
gồm các tỉnh ở phía Nam sông Gianh nghĩa là hầu hết các tỉnh ở Trung và Nam-Việt, tên vội do địa phận Cao-Mến bấy giờ. Theo lời yêu cầu của Tòa Thành, Giám-Mục Cuénot chia địa phận miền Nam ra làm 4 địa phận: Địa phận Huế (1850) gồm các tỉnh Quảng-Bình, Quảng-Trị, Thừa-Thiên được đạt dưới quyền của Đức Giám-Mục Pellerin. Địa phận Qui-Nhon (1844) gồm các tỉnh còn lại của Trung-Việt, Đức Giám-Mục Cuénot cai trị địa phận này. Địa phản Saigon (1844) gồm cơ lục tỉnh Nam-Việt đạt dưới quyền cai-trí của Đức Giám-Mục LeFebvre và địa phận Cao-Mến (1850) được tách ra khỏi địa phận miền Nam.

7. NHỮNG NĂM CUỐI CUNG CỦA THIẾU TRÌ (1847)


Lapierre và Rigault de Genouilly đem bái chiếu thuyên La Victorieuse và La Gloire đến thì oai ở Cửa-Hàn. La Pierre gọi thư phân đối hành động đã man của chính-phủ Việt đối với các Thừa-Sai và yêu cầu Việt-Nam nối gường Trung-Hoa để chờ dân chúng tự do hành đạo Công-giao (1). Thiếu-Trì một tháng sau mới trái lời. Trong


_Maybon: «L'Histoire moderne et contemporaine du pays d'Annam» 142.(1)_

388

Đoàn chiến-thuyên Việt-Nam gồm 5 chiến toàn và 100 chiến ghe bao vây hai chiến tàu Pháp. Lapierre thấy thế mới gọi một sỉ-quan đến tin cho trụ lãnh của chúng ta hay rằng: "Nếu các ghe không ngừng lại ông sẽ cho lệnh bán". Nhưng quân ta không dặm xá gì đến tôi hậu thương do nên quân Pháp mới khắc đành vào chiến thuyên Việt-Nam. Lắp tức Việt-Nam bán trâu. Sau cuộc hai chiến ấy hai chiến-thuyên Pháp đã ra đì và đì lại nhiều hiệu quả tại hai.


Việc một thấy giảng dựa thương cho thủy-thúc ngoại-quốc để phát giác mưu đồ của chính-phủ Việt-Nam đối với họ, là một hành động thiếu khó khăn ngoại.

Lúc được tin hại-quận Việt-Nam thất trận & Cửa-Hìn, Thiệu-Trí nói

(1) Louvet La Cochinchine religieuse. II. 167.

Thiệu-Trị bị sọt và mất hơp 4-11-1847. Thiệu-Trị có 29 người con. Người con cả tên là Hoàng-Bảo không được lên người nhưng người con thứ tên là Tự-Dực được cảm quyền cai trị.

II. ĐỜI SÔNG CÔNG-GIÁO Ở BẮC-VIỆT (1841-1847).

1.— TỰ DO HÀNH ĐẠO


Tôi đầu Giám-Mục Retord cũng cho dùng một cái chổi bằng rom và


Chỉ những người từ cừp, những kẻ có trong tôi mới được xứng tôi với Đức Giám-Mục », lập tức có 50 người bao vây toa giải-tôi của Giám-Mục và sự xứng mình là kẻ trống tôi hồn ai hết.

Nhiều lúc người ta tin cho Giám-Mục hay có 5 hoặc 6 người cùng lòng hằng muôn an-nân trở lại, Giám-Mục Retord mỗi đúng đến những phương pháp lén lao, những phương pháp này sẽ vô hiệu quá nếu giáo-hư-không lòng đào, Giám-Mục cho biết người sẽ ban pháp lành cho toàn thể anh em ho-hư trong lăng và người sẽ làm để câu-nguyên cho họ, những các ngại từ tôi không ban pháp lành cho con cái của những người không chịu di xưng chịu lê và các ngại cùng ngãm sẽ không làm lê theo ý câu-xin của họ. Nếu phương pháp ấy không có kết quả, người tin yên cho bốn đào di đang Thạnh.
Giá đề xin Chúa làm cho kẻ cùng-cogi được trở nên mềm-mại, lời kinh của họ còn cầm-dòng họ lời khắc-thần của dân Do-Thái & bèn bội sòng Babylone.

Trong nhưng ngày lẽ trống các giáo-huu tập-trùng đồng-dạo như ngày hồi. Giám-Mục Retord hành-lê ngơi trôi ở trên mặt bục cao. Thế rồi trước lúc bế-mạc các cuộc viếng thăm của các linh-mục họ còn tổ-chức những cuộc riêng kiến linh-dình trong-the. Dân-tộc Việt-Nam chúng ta đã những cuộc hội-hop tung bùng, những mâu sác rực-rỡ: Có quất, chèng-trống, thanh-la, pháo lệnh, guom-giao bằng gő, son đồ ma vàng... Tất cả những thứ ấy tạo ra một cảnh sáo-nhết, sấm-ướt và lời kêu dân chúng đến dực như những cuộc lễ nghi còng-giao...

Lúc các Thùa-Sai bộ xú ra di cuộc đối trùm-lắng trở về lại với anh em giáo-huu, họ vớt lề dừa các Thùa-Sai ra tận đâu lạng, một nhóm chúng 25 đến 30 người dừa các Thùa-Sai đến xú lấn-cận, thường thường các ngài đi ban đêm, giáo-huu cắm dọc soi đường, họ vừa đi vừa hát vang cả một giống trôi. Dân làng trong thấy xi vao to nhóm với nhau: « Ông Chúa dạo dằng di qua».

Vào dịp lễ Sinh nhật năm 1844 Giám-Mục Retord phong chức nhö cho nhiều thầy, những ruộng cốt ngày mai của Giáo Hội Bắc-Việt.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁM-MỤC RETORD LIÊU

A.— Trong đầu ở Hoàng-Nguyễn.


Một vài tháng sau thửa-sai André Castex đến Bắc-Việt, theo lời yêu cầu của Giám-Mục Retord người mang theo thuốc trị bệnh đau mùa. Đàn tọc Việt-Nam chúng ta chưa biết đến thứ thuốc này vì thế mỗi năm bệnh đau mùa đã gieo rắc sự chet giuraa dân chúng không phải là ít. Việt-trong đầu theo lời yêu-tế Áu-Châu đã được đem áp dụng tại Hoàng-Nguyễn.

B.— Thừa Sai Titaud.

Trong ba năm Giám-mục Retord đi viếng thăm địa-phận từ tỉnh Sơn-Tây cho đến Thanh-Hòa. Người đi đến đầu bốn đảo cùng thì nhau đến tiếp các công khai và lòng trọng.

Sau người có đến Phùng-Khoan một họ ở giữa Hà-Đồng và Hà-Nơi, lúc ấy ở Phùng-Khoan có đến 4 Thừa-Sai trong số đó có Thừa-Sai Titaud đang lúc các người đang don hành lý để đi nơi khác, chỉ còn uông với nhau một thên trả tiền biết có người tất tả chạy đến tìm Giám-mục cho biết ông chạnh lòng đang dẫn một đoàn người cảm được gây đi đến. «Vậy thì chúng ta đừng từ lại nơi nhỏ tiêng, và cứ tiếp tục uống trả.» Bông có tiếng gọi của roí đoàn người trên vào nhà, Giám-Mục Retord lanh như con sóc chịu ra cứu hộ phốc qua đường rồi chạy trốn vào khu vực khác trong lang. Thừa-Sai Titaud không may phải bất. Tất cả các phụ-nữ lúc ấy đã trở nên những chiến—
sĩ đề giải phóng Thùa-Sài nhưng ông chánh tổng đã không khiển dân Titaud vào giữa một làng ngoài. Đang lúc đó, Retord với 15 người đến họ Kê-Sắt và tìm cách giải phóng Titaud, bọn họ vi sợ Giám-Mục phải bị bắt nên ngần can ngại và xin ngại đi ăn lãnh một nơi kin để họ an đặ tìm cách giải phóng cho Thùa-Sài Titaud. Lúc ra đi người đề lại một số bạc hầu chuộc tự-do cho Thùa-Sài.

Thế rồi ngày mai lại, giữa sự bỏng ngắc của người, giáo hữu sung sướng kiểu Thùа-Sài Titaud trên một chiếc vồng, đến gặp Giám-mục Retord. Suốt cả đêm bọn đó đã văn nài ông chánh tổng dennối ông lấy làm cảm động và nhất là lấy làm sung-sướng nhân lấy 16 nền bạc mà giáo hữu đã cho đi vào tay ông. Nhân thây 16 nền bạc là một số tiền khá quan trọng họ muốn giữ lại số tiền này; họ cạo với quan trên: ông chánh tổng đã vô cố, xâm nhập nhà dân sự và đề lên tiền hồi lợ, lúc phán xử, quan trên đã hiểu tất cả câu truyền và yêu cầu ông chánh tổng trả 5 nền bạc cho Giám-mục Retord, và 5 nền cho giáo hữu.

C.— Kinh Lạy Cha.

Giám-Mục Retord không những ham giáo thiệp với anh em giáo hữu người còn ra giáo-thiệp với anh em bên lường, họ phục người với người nơi tiệc Việt thào, đã thể lại thông nho, một hóm quan đến thẳm Giám-Mục với tất cả lẽ nghi, ngoại việc đăng quạ còn phải đọc một bài diễn-văn.

Lúc nghe xong bài diễn-văn, Giám-Mục Retord tỏ lơi cả người, ông quan chấp hai tay trước việc và ngực lia li mắt to vẻ cảm động hai lòng. Giám-Mục Retord lại nói tiếp rằng: "Quan đã viết một bài tuyệt bút", thế rồi Retord đọc thuộc lòng bài diễn-văn mà ông quan vừa mới đọc. Ông này lại làm cảm phục trí nhớ của Giám-Mục, ông nói:

"Thùa ngoài. Tôi chỉ là một kẻ ngu dốt đối với ngoài, đọc thuộc một bài diễn-văn khó hơn là viết bài diễn-văn ấy ra."
Tới đã đọc lại bài diễn-văn của quan xin quan chiếu cố đọc lại bài diễn-văn của tôi.

Thế rồi với một giọng trang nghiêm Giám-Mục Retord đọc kinh Lạy Cha bằng tiếng La-Tinh. Lê tự nhiên ông quan không hiểu được chữ nào và xin miên khôi phải đọc lại.

Giám-Mục Retord cúi vò và nói: «Vậy thời chúng ta hãy nói qua câu truyền khérc.»

D.— Lộc Thổ (1).


III.— PHẦN CHIA ĐỊA-PHÂN


Mặc dù là trong lúc cấm đạo Giám-Mục Retort cùng đã tỏ cho Đức Lê phong chức một cách lòng trọng có tật cả là 20 linh-mục Việt-Nam, hai Thura-Sai và hai Giám-Mục, nhưng kẻ tàn giám-mục. Đền dù Lê có đến 10.000 người công-giau và nhiều anh em bên lường, sau cuộc phong chức tật cả những người ấy đều được mọi dự tiếc, phất đồng đến 1.900 bản mỗi bản là một mâm 6 người (1). So với có đồng được một bữa tiệc to lớn như thế là như sư dạng cúng của bô-đao. Tối lại có những cuộc rượu đếnidot pháo bong, mừng đức Tân Giám-Mục. Tật cả những lệ nghi tùng hưng ấy chứng-mình một phần lòng sợi sảng và mở đạo của dân Việt và nó là một nguồn an ủi cho các Thura-Sai sau nhưng năm lao nhẹ truyền-giao.

CHƯƠNG XX

CẨM ĐẢO ĐƯỜI ĐỜI TỤ-DỨC

I. — NHỮNG NĂM ĐẦU TIÊN CỦA TỤ-DỨC (1848-1858)

1.— ĐỤC-DỌ CỦA TỤ-DỨC.


(1) Launay : «Mgr Retord et le Tonkin Catolique» 195.

Đình-thần của Tự Đức có những người trung-liệt như Phan Thanh-Giản, Nguyễn Tri Phương, các thứ-sai hỏi ấy đã ca-tùng tài-dục của hai ông. Dướng trước lịch-sử Tự Đức đối với hai ông chỉ là một nhận xét tinh (2).


Các đình-thần bây giờ là những hàng người như thế cả. Trong số đó có những người đã di ra nước ngoài trong thấy cảnh thượng thiên hạ về nơi lại thì các cứ ờ nhà cho là nơi bây làm bội mất kỳ cường, như năm 1866, một người công-giao, ông Nguyễn Trưởng Tổ sau lúc đi du học ngoài-quốc đã làm may bài điều trên kẻ bất cái tính thế nước mình và cái cảnh trưởng của các nước người rồi xin vua hãy mau cái cách mỗi việc không thì

(2) Schreiner: «Abrégé de l’histoire d’Annam» 126.
nước mắt. Vua giao những tổ điệu rắn ấy cho các quan duyệt-nghi. Đình thần cho Nguyễn-Trương-Tô nói cần, không ai chịu nghe. (1) Ông Tô chỉ là một trong lớp người thanh thục yêu nước muốn cải cách đôi sòng quốc gia cho kịp thời, nhưng ông Tô cũng như những lớp người khác, nào Nguyễn-dức-Hậu, Nguyễn-Diệu, Nguyễn-Hiếu, Đình-văn-Diên, Lê-Dinh, Phan-Liêm, Bùi-Phùng điệu bị đình-thần can trở.


Lực vua mới lên ngôi Tự-Dực đã an-xá cho những tú-nhan trong đó có rất đông người công-giao.


Cùng trong thời kỳ ấy người công-giao đang chờ một sắc-dư nhbin

(1) Trần-trọng-Kim «Việt-Nam sử-lược» 474.

2. Sắc Dữ Cấm Đạo 1848

«Đạo Gia-Tô trước kia hai vua Minh-Mạng và Thiệu-Trị đã cấm, thật là một tà đạo, vì ai theo đạo ấy, không còn thơ phượng tổ tiến, lại lúc mất những người sắp chết để làm thủ tục nước phép để mề hoặc lòng người, họ còn làm nhiều điều dị đoan ghê gớm nêu, vậy các giáo-si người phương Tây là kẻ có tội nhất, thì buộc đã vào cơ nó mà ném xuống bể, ai bắt được một người thì thường cho 30 nén bạc. Các giáo-si bản-quoáy tôi nghèo hơn các thưa-sai thì trả hồi sẽ có bò điều làm lỗi không, hằng không chịu bại đề khác chủ vào mất và đem dạy vào những chỗ nước nước đó.

Những người dân theo đạo mà không chịu bộ đều là những đứa ngu dốt khốn nạn bị mấy giáo-si lure đòi, vậy travam về lòng thường dân, truyền không nên chém giết hoặc đem dạy hoặc bò tơ những kẻ ấy nêu, các quan chỉ nên trừng trị nghiêm ngắt rồi lại cho về quê quán ».

A.— Tỉnh-hình Tôn-giáo địa-phan Sài-gòn (1850)


Dù sao các Thưa-Sai cũng phải ở lại với đoàn chiến, sự có mất của các ngại rất cần để cống-tác với hàng giáo-si Việt-Nam.


B.— Tính-hình Tôn-Giao ở đia-phận Huế.


C.— Tinh-hính Tôn-Giáo ở Biên-Phận Hà-Nội 1850.

Tu-Dực cũng như các vua nhà Nguyễn khá, phải tiếp đón sứ Tầu đến phong vương. Trong dip này chính-phủ Việt-Nam tôn kém không phải là it. Trước nhất phải dựng lên những nhà đóc theo đường hoang đốc theo bộ sóng để tiếp đón sứ và những người hầu hạ. Lại đặt nhiều thuyền để đưa các ông lúc các ông muốn đi đường thủy.

Theo các sứ có 400 linh cảm gươm giáp. Lúc các sứ đi đường bộ đến phải lo cảng các ông và dân cũng phải lo chuyên cho tất cả những đốc đắc. Trong những đốc ấy ngồi nhất là những bao đạt. Đất này hốt tận bên Tàu rồi cho vào bao mang theo các sứ để lúc các sứ nắm bay ngồi vẩn ngự thủy mùi thơm tho của đất nước quê hương (1). Mặc dù được dân chúng đón tiếp như thế, nhưng các sứ vẫn tỏ ra khinh người Việt-Nam.


Một vài tuần sau các người lại tổ chức ở Vĩnh-Trị. Ngoài ra Giám-Mục Retord mai dây lại có hai Thura-Sai Schœffler và Legrand de la

Liraye. Ông chánh tổng lợi dụng cuộc hội họp đông đảo để đào mồ các người công-giao. Ông muốn gây khó dễ cho họ; ông mời một ông quan cao cấp đi đào với ông đến nhà thờ. Ông cũng biết cuộc đi đào này làm cho các Thùa-Sai và anh em công-giao nghị nghĩa không phải là fict. Quan tổ ra lịch số trong lúc tối thâm, ông ta nói rằng: "Tôi biết & dạy có 3 người Âu, tôi không có acid y bất 3 người ấy ".

Tuy vậy nhưng dân công-giao cũng dem gao com và tiến bắc dằng cho ông chánh tổng: Lục nhìn lề vật chẳng đáng bao làm ông nói: "Việc này là một việc hệt trong, các ông ở-trú 3 Thùa-Sai Âu-châu, nếu các ông muốn được an thân ít ra phải nộp cho tôi 30 luồng bắc"). Dân công-giao mọi unearth sét đến sở phân nghêo khó của họ, nhưng quan nhạt quyết nhà ra 30 luồng bắc. Biết vậy, Giám-Mục Retord ngần can dụng thương-thuyết với ông chánh tổng, nhưng nếu thương-thuyết, phải thương-thuyết với những ông quan lớn, vì nhà rằng có chết chim, thì chết & bề kinh như một chiếc tàu lớn còn hon là chết chim & trong bình đều như con ruồi, con mồi.

Nghĩ thế trong một tháng không có chuyện gì xảy ra, nhưng sau thồi gian ấy chánh tổng nhận thấy là dân có đào đã không thêm nhiều cây gì đến ông nữa; ông mất miệng meio ngen nên ông báo cáo lên cấp trên. Được tín các Thùa-Sai cháy tren. Sau lúc lệnh đến 3 ngày 3 dêm trên mặt nước, các người vào trên & lạng Kế Náp. Giám-Mục Retord và hai Thùa-Sai bị bao vây, không làm thế nào có thể thoát vòng vây được. Trong việc giở, & Vinh-Trị đã có tín Đức Giám-Mục Retord bị bắt, lập tức dân công-giao 6-at kéo nhau về Vinh-Trị và nhất quyết giải-phòng các Thùa-Sai. Người thì lo thương thuyết kể lo tìm phương pháp vào lạng Kế Náp. Lạnh lẽ như những con mèo rừng họ bò đến các nơi Thùa-Sai bị giảm, rồi trong lúc để tôi họ diu các người vào những lùng có rãm-ráp rôi cụ tiền về phía bên đó. Lúc vừa ra
khôi lang, các Thùa-Sai xem thấy từng đoàn người đang dừng ở phía bên đó, thế là song, tiến tới hay tháo lui đều có thể bị bắt lại một lần nữa. Dàng lúc lo sợ các người nghe một tiếng gọi đó, Giám-Mục Retord nhận là tiếng quen của một thầy giảng: các người đã được cứu thoát.


D.— Bệnh dịch tả năm 1850.


(1) Launay : « Mgr Retord » 216.
câu xin Chúa cho mau qua những ngày khó khăn. Bọn đạo lại tập họp trong các thành đường như những năm thiêng linh. Các Đức Giám-Mục yêu cầu con chiến binh đạo chọn cart những xác chết mà không ai sẵn sóc đến.

Tại Kinh-thành Huế bốn đạo dâra xác với tất cả lề nghiêng-gia có không ai dám phá rầy. Thánh-giàm mà xua kia họ giữ kín nay họ biên ngang mang Thánh Già đi đâu, tiếp theo là hai hàng bốn đạo vữa đi vữa dốc kinh rồi đến linh-cưu và vị linh-mục mà so các phép theo sau.


3. SẮC DỤ CẢM ĐẠO 1851


Anh em công-giáo đã hồi y kiến các Giám-Mục và các ngại khuyên chỉ nên trông cây vào Chúa không nên nhung tay vào việc chính-trị.

(1) Launay : « Mgr Retord » 225.

(2) Louvet : « La Cochinchine Religieuse » II. 182. nói có đến 1 phân muội dân chúng chết vi dịch-tả nghĩa là đã có đến gần 2 triệu người chết trong toàn quốc Việt-Nam.}

404
Hoàng-Bào, và những người tä chăn của Hoàng-Bào đến xin Đức Giám-Mục Pellerin giúp ông chòng lại Tự-Dức nhưng Giám-Mục Pellerin đã trả lời mình bạch rằng: "Người cung-giao không lại đó vua chúa, ở đâu họ cũng muốn là những kẻ trung thành với nhà vua, Hoàng-Bào sẽ biết đến lòng trừng-thành của họ nếu ngay kia ông được lên ngồi trị vì". (1)

Cuộc âm mưu của Hoàng-Bào bị vỡ lò và những người thủ-lĩnh phải trầm quyet, Hoàng-Bào phải ăn lượng trĩ những Tự-Dức đã đói ra ăn ấy ra ăn tu chưng thành, nhưng Hoàng-Bào tự tử. Xác của ông đã được bộ vào trong một chiếc hồng đơn sơ, lúc hạ xuống huyệt Tự-Dức cho lệnh lấy đã lập huyệt rồi mới lấy một với nấm đặt lại lên trên, đó cũng là cách làm si như người quá cỡ.


"Đạo Gia-Tò là một đảo của Tây, đảo này cắm thör cùng tổ-tiền và but thành. Đề lựa-bíp nhân-tâm và mè hoạc tín-do, đảo thường nặng nói đến Thiên-dàng và nước Thánh. Nhưng ai đã rào giảng đảo này vài biết lứt nước không dung-thưới những sự sai-lầm như thể, nên mới triwb-bây cho dân-chưng hình-tính của Gia-Tò chịu động dinh để xui giục người người nộc sần-long chét mà không bờ vào.

(1) Launay : « Mgr Retord » 231.

405
Dưới đổi Minh-Mạng đã có nhiều sâc-du cảm rất ngọt đạo này, mỗi lần người công-giao không chử bò đạo đều bị phát. Đối Thiếu-Trí không một người công-giao nào được tha chỉ trừ những người già cả ở rìu.


Ta, Tư-Dục luôn luôn trung-thành với nguyên-tác mà ta đã đem ra thi-hành ngay từ lúc ta mới lên ngôi, ta đã quan-sát, đã nghiêm-cửu những hành-dòng, những phân-doàn, những sác-lịnh của ta. Ta đã ra chỉ-thi cho các quan Thường-thu nhiều-kết kiên-nghi của cơ-mật-viện xin cảm tà-dào Gia-Tô:

Để làm sáng tỏ chính-dào cần phải bất và liếng xuống sòng tát cả các Tây-Dương đao-trưởng, các đao-trưởng Việt-Nam, đủ chúng nó có chà đập hay không chà đập Thập-Tự-Giá; phải chắt chung ra làm hai đề cho hết mọi người đầu biết sự nghiêm-ngất của luật nước chúng ta.

Vì thế ta truyền cho các quan phải đưa sâc-du này ra thi-hành, những thi-hành một cách can-mặt không cho dân-sự biết tỏi. Từ rày về sau nếu có những Tây dương đao trưởng lăn lút vào nước đề quyền-rủ dân-sự; những ai phát-giac hoắc bất đấp đem nap cho các quan sẽ được Thường-tâm lang bắc và nữa gia-tài của kẻ nào đã chưa chúng nó, nữa phần còn lại sẽ bò vào quy chúng.

Những kẻ nào đã oa-trù Tây dương đao-trưởng, bất luận nhỏ hay lớn, đã giữ trong một thời gian văn hay dài đều phải bị chặt làm hai rì
dem liễu xuống sáng. Chỉ trước những trẻ con chưa đến tuổi khôn lớn; chúng chỉ phải lưu đầy đất... Khâm thú ». (1)

4. PHILIPPHÊ PHAN-VĂN-MINH TỪ ĐẢO (1853)


(1) Louvet: « La Cochinchine Religieuse » II, 185.

Những người cùng bị bắt sẽ chịu 100 đòn roi được tha về nhà. Nhưng Tự-Dức không yên và đã án phạt-lưu ra án xử tử chịu theo sắc độ 1851. Lục đánh người đến pháp trường có nhiều liên đi trước và độc bản án cho dân-sự nghe: "Thầy Minh đã dẫn theo tà dạo, Hoàng-Dệ lên án trăm quyết thay và truyền lệnh giãn đầu thay xưởng sòng." Độc cẩu ấy xong anh linh khỏi lên nức-nở với anh là người công-giao. Lục đến pháp trường ông乐意 trướng lãnh tên là Phương trại tên đất một chiếc chiếu và một tấm nệm để cho người ngồi. Philiphe Minh cẩu-nguyên đối mặt nhìn lên trời, sảng to vì vui mừng và trống-cẫy. Những người dụng xương quanh nghe rất rõ người tham thi: "Lạy Chúa xin thương xót đến con, Chúa Giêsu hãy ban cho con sức mạnh và can đảm để con chịu khổ, vì sự vinh sang Chúa, Maria mẹ con, hãy phù hộ con."


Ngoài ra còn có Thầy Giảng Giuse Nguyễn-văn-Lưu và 6 người, chức cịch & họ Mæc-Bác-Trà-Vinh. Lưu và tạt cả các ông đều bị dấy ra Bắc. Lưu lấy làm đau đơn khi nghe tin có 4 người bố dào để được lui về lại gia đình,

(1) Lẽ kinh nhớ ngày 3-7 hàng năm.


Giuse Nguyễn-văn Lưu được đức Pío X phong chân phước năm 1909 (1)

5. CĂM ĐẠO Ở BÌNH-DỊNH VÀ Ở HUẾ (1853-1854)

Ở Bình-Dịnh ông Trần-Thủ rất ngặt dối với anh em công-giáo. Chính ông đã dura dẩn Tự-Duc vào con đường cảm đạo. Đây là chỉ-thi của ông quan này trong tỉnh Bình-Dịnh.

— Một gia đình công-giáo, về ruộng đất chỉ có quyền giữ 300 thước vuông, nếu có hơn nữa; các phần trăm sẽ thuộc về lang.

— Người công-giáo không có quyền giao-dich thương mại với anh em bên lang.

— Không có quyền sâm thuyễn để buôn bán, không có quyền lên miền Thương và không được phép kết bạn với người không công-giáo.

Ở trong những lang công-giáo nhà nước sẽ phải den một ông thày để dạy cho họ lễ nghi của các đạo Bût, đạo ông bà v.v... và chính người công-giáo phải chịu tiền phí tôn để nuôi thày ấy.

Trong năm 1854 có 9 thày giảng phải bắt giam, mỗi thằng ông Trần-Thủ bắt phải dẫn họ đến ông và lần nào ông cùng khuyến giục họ xuất giáo nhưng vế họ tự chiêu nên tất cả đều phải an đây hoặc khó sai chung thân.

(1) Lẽ kinh nhớ ngày 2-5.
Trong số ấy có 5 thế giảng phải gọi đến Saigon, Ông An-Re Năm Thương đã 70 tuổi, ông là một trong những người bị bắt, trước khi ông đã có công giữ gìn Giám-Mục Cuénot ở trong nhà ông trong những năm cầm dao, ông đăng tiến của đề lo việc thơ-phường. Lúc đến Saigon ông được hành phục gắn Giám-mục Lefebvre tại Thi-Nghệ, lúc đến Mỹ-Tho ông duôi sức và tư tràn tại nơi đây.

Năm Thương được phong lên Á-Thánh năm 1909.

Dìa-phận Huế vào thời kỳ này phải gặp nhiều khó khăn, nhưng không ai bị tù hoặc bị xử tử.

6.— GIÁO-HỘI BẮC-VIỆT TRONG THỜI KỲ CẢM-ĐẠO (1851 - 1855)

A.— Thừa-Sai Augustin Schœffler Đông và Louis Bonnard Hướng từ đạo (1)

Thừa-Sai Schœffler Đông bị bắt tại Sơn-Tây ngày 1-3-1851 và một tháng sau người phải xự. Quan xuat hai đối quân và hai con voi hờ vế người đi đến pháp-trưởng. Vì quan sợ rất có thể giảo-hưu đến giao phòng cho người. (2) Lục đến nơi phải xự theo lời nói của lý bình, người côi áo, người quý xưởng đọc-kính rơi nói với lý bình rằng: « Viêc mà anh phải làm hãy làm lệ di ». Chính là lời Chúa Giêsu đã nói lúc Giu-Đa đến bắt nộp ngại.

Lý-bình run tay chém người đến ba lát mới đứt đầu. Xác của người bốn đạo đã đem chôn trong làng Bạch-Lộc.

Năm sau ngày 21-3 Thừa-Sai Bonnard Hướng bị bắt tại Bơi-Xuyên gần Kẻ Bàng rơi bị giam tú ở Nam-Đình. Các quan tra hỏi và đánh đòn

(1) Có chỗ viết là Bonard. Cosserat trong Rosae Annamicae 167 viết là Bonard.

(2) Ravier : « Sứ-Ký Hội Thánh ». III. 537.
cho được biết người ở những làng nào, nhưng người đã trả lời với quan rằng: « Các ông lớn cứ đánh mặc ý, đừng trông tôi nói lỡ nào làm hại bốn đảo. Tôi đến nước này có ý làm phúc cho người ta, không có ý làm hại ai cả ».

Quan lại nói với người rằng: « Ta đâu có ý làm hại người giáo-huru ». 

— Thế sao quan muốn biết tên những người ấy?

Quan cười với cùng lý rồi lại nói với Thùa-Sai rằng: « Ông quá khứa rồi sẽ được về Tây. »

— Tôi sắn lòng chịu roi вот con họ làm điều quái gở ấy. Tôi đến nước này không phải để xuất giáo làm gương xấu cho bốn đảo. Quan làm sỏ vào Kinh tẩu rằng: « Hả thần đã trả lời tiên tử phạm núi, nó là Tây đường đạo trướng nó có mùi dại, râu rậm, tóc ngắn, mặt vàng, và da tráng, nó là giống người khác xa ta làm... Nó can nhiều tôi và dang xử tử ». Tự-Dực y án và ra lệnh trim quyết Thùa-Sai Bonnard (1). Cả hai Thùa-Sai Scheffler Đông và Bonnard Huống đều được được Lê XIII phong chẩn phúc ngày 27-5-1900 (2)

B.— Ông Khâm-Sai Bác-Việt Nguyễn-dàng-Giai (3)

Đang lúc Nguyễn-Trí-Phương làm khâm-sai ở miền Nam, miền Bắc được giao phó cho Nguyễn-dàng-Giai.

Nguyễn-dàng-Giai là một quan được Tự-Dực tin dùng và dân-sự yêu mến. Ông có một tâm lòng quảng đại và tình tính hòa nhã. Theo chính sách của ông, ông bất tật cả những người bị phạm phải nhập ngũ và di

(1) Ravier: «Su-Ky Hội Thánh ». III. 538.

(2) Lê kinh nhỏ ngày 1-5 hàng năm

(3) B.S.E.I. 1928. T. III. số 2 trang 76.

«Bấm quan lớn, tôi viết thư này để lên quan lớn là một việc tốt gan, tôi là một người ngoại quốc, một người Pháp, một Tây-Dương đào trúng, vi phạm luật nước, đảm lân lục sống ở trong nước này đã hơn 20 năm nay.

Tôi tự tổ-giac tôi với quan lớn, phải chẳng là một việc táo bạo vì theo pháp luật quan lớn có quyền giết tôi. Nhưng vi biết đến đức-dề và lòng thường xót cảm quan lớn đối với người công-giao tôi chỉ biết đạt lòng hy vọng của tôi ở nơi quan lớn.

Chiều theo Pháp-luat chúng tôi là những người có tội, nhưng quan lớn biết rõ chúng tôi giáo-si, chúng tôi chỉ biết hy-sinh toàn-dồi chúng tôi để đem hành-phúc cho nhân loại. Tôi rất trống cây người sẽ chấp thuận lời đề nghị của tôi.

Sau đoạn nhập đề ấy, Giám-Mục Retord trình-bày cho ông khâm-sai biết trình-bày hợp của linh-mục Cảm bi giam tù, nhất định chết còn hơn bỏ derail...

Rời người viết tiếp:

«Bây giờ linh-mục già cả ấy theo lệnh của quan phải ra trận để đẹp giấc tàu ở và phiên-loạn; tôi công nhân việc ấy là một việc có ích lợi chung và linh-mục Cảm rất lạy làm hạnh-phúc phượng-sự Tổ-Quốc, nhưng quan lớn cũng nên thương đến linh-mục ấy là một linh-mục đã có tuôi và không hề biết đến việc bình-dao, vì vậy tôi dám xin quan lớn thương đến thân phận kẻ già yếu và miễn cho linh-mục ấy khỏi nhập ngũ...”

C.— Hoạt-dộng Tứ-Thiên và Văn-Hóa của Giáo-Hội Bắc-Việt (1851—1855)

a’) NHÀ THƯỞNG PHUNG VỊNH-TRỊ.


Ngài dựng giữ trai một người nhà thờ, mối Chúa-nhat có một linh-mục đến làm lê; noi đây có một thầy giảng ở thuong trực được truyền nom moi vièc. Phần đông những bệnh nhân đã tự y xin theo đạo và họ muốn ở đói song một cuộc đời bằng an sau lúc chét được hành-phúc viəh-vien.


b’) HÀN-LAM-VIỆN.


ży, họ cũng biết và hiểu đào nên không lạ gì Hàn-Lâm-Viên đã dọa nhiều người về con đường Đức Tin.

C') NHÀ-IN VĨNH-TRỊ.


D.— Hạng Giáo-si Bắc-Việt. (1846 - 1855).

Mục dù Giáo-Hội Bắc-Việt đa trái qua những năm tháng cảnh cảnh những giáo-hội vẫn bành-trưởng mạnh-mẽ.

Năm 1846 địa phần Tây-Bắc chia ra làm hai đinh-phàn : Địa-phàn Hà-Nội và địa-phạn Vĩnh. Nắm ấy địa-phạn Hà-Nội đã có đến 117.000 giáo-bửu. Đến năm 1855 địa-phàn có 140.000 như vậy mỗi năm trung-bình các linh-mục đa triệu tiền từ 500 đến 1.300 người.


Các linh-mục Việt-Nam ở Bắc cũng như các linh-mục ở Nam dâ tổ ra rất xứng đáng với công việc của các ngày, và không thể nào chai cay được lòng đào đức và trị khẳng ngovan của các ngày.

Cũng nhờ các ngày mà Giáo-Hội Việt-Nam đã dường đầu với giống tổ bất đào một cách mạnh-mẽ và bền giai.

7. TỤ-DỨC PHÂN VÂN

Năm 1851 Tụ-Dức hạ một sắc-dư cảm đào ngạt, nhưng ai biết cứ giữ, giáo-si truyền đào văn còn thấy lén trọn và cử dạy đào trong dân gian
Làm sao bây giờ, cha le giêt bểt, mà làm sao giêt cho hết lòng tín-ngưỡng. Tự-Dực dù có tiếng là vui vả, văn học sáng suốt cũng phải chịu không phượng diet lòng tín-ngưỡng của con người. Cục chung đã phải xuống để hồi ý kiến của các quan xem phải đối phó thế nào (1). Chúng ta nên nhắc lại hai quan kinh lược miền Bắc là Nguyễn-dâng-Giai và kinh lược miền Nam là Nguyễn-Tri-Phương (2) đa không công bố sắc dụ năm 1851.

Trước lúc ra một sắc lệnh quyệt lợi các quan triều-dinh đã bán cải trong 3 năm.


Có những quan xin chắt đau tật cả những Thùa-Sai, đánh đơn các linh-mục bân quốc; chcò tiểu các thái giảng và các thái đại chủng-viên.


(2) Schreiner : « Abrégé de l'Histoire d'Annam » 125.
Nguyễn-văn-Giai làm một tổ trình cò mục đích xin vua Tư-Đức kinh sư tục do tín-nghưỡng nhưng ông không muốn làm cho Tư-Đức phải khó chịu; tổ trình cũng có đoạn trung sư thật, nhưng cùng có đoạn rất sai, chủ tâm của Nguyễn-dáng-Giai là làm cho Tư-Đức nhận sự thật và ngừng cuộc bất đạo. Sau đây là lời lẽ của ông thường trong tổ trình ấy:

«Đạo Da-Tô là một tả-dạo, đạo này đã lừa dàn và sıra lại bao sự xấu sa cho dân chúng như lời Hoàng-Đế đã tuyên bố. Vậy đạo này không phải là một đạo mới tran lan trong dân chúng Việt-Nam. Những người dân công-giao bây giờ giữ đạo vi cha mẹ, tổ tiên họ đã có đạo; số của người công-giao giả trễ, nam phụ lão ưu có đến 100.000 người; không phải trong vài tháng, vài năm mà chúng ta có thể sửa lại sự sai làm của chúng ấy người!»


Vì vậy không lạy gì mà họ nhất định không xuất-giao. Cái điều đáng sợ là một ngày kia vi nhân thấy bao nhiêu người công-giao tốt lành, nhiều kẻ sẽ xin đi đạo.»

Nếu chúng ta đúng vwords, họ sẽ hàng long chết và kết quả là trong nước con dân của Hoàng-dệ phải khổ cực và việc bất dào sẽ là một cơ cho ngoại ban lầm hãi đến nước nhà của chúng ta.

Hỏi rằng có nên cho người cổng-giao được hoàn toàn hành dào không? Không, vì như thế miền Á-Dông này sẽ phải ngập tràn những điều ái u, làm lạc của Âu-Tây, và về sau sẽ không có phương-sách để điều nhũng điều làm đúng. Phải làm thế nào bây giờ?

Những ai là đạo cử, bất buộc họ phải đi khai, dân sự, bình-si hay nhân-viên của chính-phủ đều phải khai để có thể biết đích xác còn của các người cổng-giao trong mọi quân hoặc trong mọi làng mới tỉnh; những nơi toàn cổng-giao ta sẽ để họ yên, với những người cổng-giao sống ở lơn giưa người lương chúng ta sẽ tập trung họ lại một nơi và cảm o không được sống lơn lớn với những người không cổng-giao, một lúc trước thì chúng ta sẽ không penal có bị phái rồi đâu. Đối với những người giả-giao-hưu trở nên chịu kém sẽ bị truy-tố và phải lên an lừ đày, những người ta vào dào Cổng-giao cảm ngạt không cho họ theo dào gì; nếu sau vắc quan tìm được những người dám theo dào Da-Tô các quan hãy la nhở những tên phiền loan và áp dụng những Lê Luật trừng trị phiền
loạn. Chánh tổng và lý trưởng nào đã dùng thủ cho những người ấy cùng sẽ bị phát như vậy.

«Về phần các Thưa-sai, phải áp dụng những luật lệ hiện hành đối với họ để có thể phá triệt gốc ông của ta đạo.

Làm như vậy những người công-giao sẽ sống bình-an, không bị ai phá rầy, đồng thời người gốc Sự xã-xã sẽ bị tiêu-diệt; dân-sự thấy điều lánh thì bất chước, muốn sửa-chữa những điều lỡ-lắm của dân can phải làm những điều lánh, điều thiên. Sự thật không thể phá hủy nó được trái lại điều ta điều xấu, tử nó, nó phải đi đến chỗ diệt-vọng. Chúng ta hãy hành đạo của chúng ta, hãy làm sáng tỏ đạo của chúng ta dân hối, ta đạo sẽ biển tan cùng như tuyệt biến tan dưới ánh-sáng mặt trời. Rồi nước chúng ta sẽ được giàu mạnh và phủ-s cường, trong giấy phút hàn-hoàn mọi người sẽ dưa hai tay đánh trống vô bùng. Đạo chúng ta sẽ càng ngày càng thẳng-tất và đạo Công-giao sẽ càng ngày càng lu mờ.

Nhưng tin-dối công-giao sẽ nhìn nhau sừng-sốt với họ bè lè loi trong xã hội và sẽ an lành trò vè với chúng ta mà không cần phải dùng đến vù lục» (1).

To trình của Nguyễn-dâng-Giai thật là khéo léo mắc dã chủ dụng nhiều sai-lầm, nó to ra ông có thiên chỉ, giúp người công-giao. To trình cùng không ngăn căn được sự tiếp tục cảm đạo.

8. SẮC-DỤ CÃM ĐẠO 1855 (THÁNG 9)


«Các quan o triều được ban là một tháng, các quan ở các tỉnh 3 tháng để xuất-giao. Nếu chúng thủ hết thì lối chúng sẽ được tha bằng không chúng

(1) Louvet : «La Cochinchine religieuse » II. 200
sẽ mất hết cấp bậc, sẽ trở nên một tên bách đánh, và sẽ phải trừng trị chung theo pháp luật.

Đàn-chúng và binh-sĩ trước 6 tháng để bỏ đạo. Nếu chung tuân theo kế-luật, chung sẽ được sống bằng yên, nhưng nếu về sau chung bất tuân không thể than, chỉ đầu là lòng chung chưa đứt ta-dạo chung phải trong phật.

Người cống-giác, dù có hay chịu đến đâu cũng không được dự những kỳ thi, và không được một chức-phận gì ở trong làng, trong tổng. Nếu mệnh lệnh này ra, mà có kẻ không tuân, người ấy sẽ phải trong phật.


Nhiều tên đã bị bắt quả-tang đằng lưng chung báo tin cho Tây dương đào-trưởng, vậy mà cũng còn có kẻ làm ê tác công việc bắn-thưu ấy. Từ nay về sau bất được những tên như thế, ta ra lệnh phải dem xử nó...


Ta truyền lệnh cho tất cả các quan lớn bề phải đi kinh-lựơc trong địa-hạt của mình, xem-xét và dạy bọn ngu dàn để chúng trở về đạo cao cả của Đức Tiên-Dié.

Phải đốt tất cả các nhà thờ, nhà xứ, hay nhém các hàm các hàng, cấm bọn giáo-hưu không được tiếp-trung, tất một lối hay dùng tất cả mọi phương tiện để tiêu-diệt tà-dào . . .

Như vậy ta hành-dộng theo công-bằng và nhân-dạo. Từ nay dàn sẽ biết sợ và sẽ không còn dám oa-trù bọn còn-dở ; sẽ không còn có người dưng thứ cho bọn có tội vậy nữa... Chúng ta sẽ thay ngày dân bỏ đằng lắc quay về đằng chánh » (1).

Sắc-dụ của Tự-Dức tung ra như sấm-sét, anh em công-giao lúc nay bọn lúc nào hết, đã biết chất hàng ngũ sau lương các vị thủ-lành của họ. Để đối phó với sự tan bạo của Tự-Dức, họ chỉ có dức tin sát để bên giai.


Sắc-dụ năm 1855 có về gắt gao, những người phải giết chiếu theo sắc-dụ ấy cũng không phải là ít, lịch-sử đã ghi tên ông Hô-dình-Hy.


Vài ngày sau lúc Giám-Mục bỏ địa-phận Huế đi Pháp, một ông quan lớn trong triều, ông Hô-dình-Hy bị bắt. Ông là một ông quan vần, tổng

(1) Louvet : « La Cochinchine Religieuse ». II. 206.

(2) Louvet : « La Chinhchine Religieuse » II. 256.
tam phạm với cấp-bặc Thái-bắc-tự-Khánh (1). Ông bị bắt vi ông là công-
giao nhưng trong triều-dinh già vở lấy có là ông đã giao-thiệp với các tau
người-quốc ông đã gởi con ông du dọc & trướng Penang. Tự-Dực ra lệnh
tra tấn ông để bắt ông nhìn nhìn tới lời, bắt ông quá-khoa và bắt ông khai
tên nhưng ông quan, nhưng binh-sĩ có đào cho biết sở các lĩnh-mục Việt-
Nam và người-quốc, Hỏa-dình-Hy nhất định không bỏ đào; nhưng vi phạm
tra tấn đã-man nên ông có khai một đôi điều lâm lây đến các anh em
công-giao khác, vi lời khai ấy, 29 người công-giao phải bất trong sở. Ảy có
12 người xuất-giao còn 17 người kia không lạy chuyện.

Ngày 30-4-1856 Tòa lên án truncate Hỏa-dình-Hy, 17 người kia
phải án lưu-day và hạn hành được khắc hai chữ tâ-
do vào má. Có 4 người
khí-chùm khó binh đây đến quân, đã bỏ đào, nhưng chỉ bỏ lúc đó thôi, sau
bọn ông lại xưng bỏ các ông không thể nào bỏ đào, cả 4 ông này cùng phải
kết án như 17 người kia, chỉ trừ có 8 người xuất-giao, trong sở đó có 4
bọn ông quan, bọn ông này phải mất hết cấp-bặc còn 4 người kia thướng dân,
dược trả về nhà sau lúc đã lãnh mòi người 100 roi.

Về phần quan Thái-Bắc Hỏa-dình-Hy vua phê ràng : Hỏa-dình-Hy trùm
kia chỉ là một viên liễu-sy, làm mò lên đến quan to trong triều. Nói da

(1) Mạc-dù Louvet trong Histoire de La Cochinchine Religieuse. II
58 (1) việt ràng : « Il était mandarin de première classe » Hỏa-dình-Hy
không phải là một quan thuộc chinh nhất hoặc tổng nhất phạm, vì nếu
ông thuộc chinh Nhất phạm ông phải lãnh chức Căn-chinh-diện đại-học-sỉ
độc vân-minh đại-học-sỉ, vô-hiền đại-học-sỉ hay là đăng-các đại-học-sỉ ;
ng cùng không thuộc về tổng nhất phạm nên thế ông phải là. Hiệp-biện
đại-học-sỉ.

Ravier trong quyền Sũ-ký Hội-Thánh III. 539 và Trịnh-việt-Hiện
ông Mậu-tử-dào, trang 45 cho biết Hy là một quan Thái-Bắc. Vậy Thái-
theo quan chế là một quan văn tổng tam-phạm. Muôn hiểu phạm-cấp

421
dám khinh thì luật nhà nước và theo tà-đạo mà không một chút ăn năn hối cải. volont theo nữa nó đã tín-đạo gọi con nó du học ở Tân-Gia-Ba (1) nó đã đi thăm ten đạo-trưởng Oai (2) bàn bạc về chuyện liên-lạc với tàu Pháp. Rõ ràng nó là một dừa nob tâm, nó đăng chet nghin lần. Ta truyền phải chém dâu nó để làm gương cho kẻ khác.

Ta ra lệnh cho 5 quan & triều-dinh và 15 binh-sĩ dàn Hồ-dình-Hy đi vọng quanh thành-nơi 3 ngày, mỗi ngày một lần lúc đến các chỗ và các nơi công-công phải rao cho dân chung biết rằng:

Hồ-dình-Hy đã phảm tôi theo tà-đạo, nó là một kẻ phień-loạn, nó bất hiệu với cha mẹ, nó vi-phảm luật-lề nhà nước và thê nó phải án tử, bốn công-giaáo tin-rằng, nhưng ai chet vi đạo những kẻ ấy được phúc Thiên-Dàng; có thật như vậy không? Chẳng ai biết được những biết chắc một điều là Hồ-dình-Hy phải tra tàn cực-bình, Da-Tô của nó dâu, sao không tôi cứu nó!

Cần phải rao khắp mọi nơi cho dân chung biết theo đạo chẳng được ích gì. Hơn nữa ta truyền phải dân dàn Hồ-dình-Hy 30 trường & các ngày ba đường. Sau lúc đã dân nó ba ngày xung quanh thành sẽ chém dâu nó đi, như thể bốn công-giaáo sẽ lấy làm tử-nhược và cải dục về lành.


(1) Ông truong Penang.

(2) Linh-Mục Oai dâ bi vu-câu liên-lạc với tàu ngoại-quốc.
Lúc ấy có một người mang theo một chiếc chiều và một chiếc nêm, Hy ngồi trên chiếc nêm ấy binh tình hút điều thuộc cuối cùng, xong ông dùng dây rũa chân, sửa soạn tóc tai áo quấn cho lịch-sự rõi sờt-sảng quy xưởng cầu nguyên... Lúc lý-hình đã sần-sạng thì-hành menh-lệnh Hy báo họ chờ một chút nữa. Lúc ấy một linh-mục Việt-Nam lần lần ở trong dân-chúng, Cha Hạnh, nhăn ông, ông hiểu cái nhỉn ấy và với tất cả lòng sờt-sảng ông thà-thể xin người tha tội cho ông một lần cuối cùng rồi ông diễm-dám đưa đầu cho lý-hình chêm.

Hồ-dình-Hy được phục Pio X phong chẩn phuc ngày 2-5-1909 (1).


Bọn họ không bắt được cha xú, nhưng họ đã lấy được sô danh sách các bốn đào và nhất là số các kế trên tổng. Sô này còn quy hơn những bài liệu của gian-diệp nhà vua. Vì thế cơ nhiều người bị bắt mới Giám-Mục Retord không dọ tiến ra để mua chức lại.


(1) Lẽ kinh nhở ngày 22-5.


Linh-Mục Lê-bảo-Tỉnh bị giám tử phải trăm quyet hôm 6-4-1857: lúc chém người lát thứ nhất, thằng g ruơn của lý hình gai, nên phải lạy một cái khâu. Thay vậy quan xét rằng đó là đầu linh-mục này về tôi phải chét oan và tôi đến ông thếp hưỡng nên câu khẩn vọng-linh của người đã về nơi chín suối xã tôi cho ông. Người đã được Đức Pia phong chân phục ngày 2-5-1909 (1)

9. SẮC VỤ CẤM ĐẢO 1857

Nhận thấy những sắc-dự trước chưa đem lại kết-quả mong ước Tư-Dục ra một sắc-dự nữa hy vọng sẽ tiêu-diệt được công-giao trên toàn côi Việt-Nam.

«Tà-Đảo Da-Tô đã tan toả nước Tà được nhà Minh do Loi-Mã-Dâu (2) rao giảng. Về sau đào ấy được truyền đến nước chúng ta trong đội nhà

(1) Lề kinh nhỏ ngày 6-4.

424
Lê Dạo có những tín đồ trong bộ dân ngư làm nghề chài lưới & ven bờ biển; bộ dân ngư vi đơn sơ và học nën đã bị giáo sĩ dùng tiền và dùng mưu đồ đánh lừa. Giáo sĩ đã mua những kẽ hạch để cắt yếu lúa dùng nhà thơ làm việc thơ phương và rao giảng tâ-dâo. Đàn chúng mưu quang nghe lôi dụ đồ của chúng. Đàn hội lý thuyết tâ-dâo tranh ngập toàn quốc và hiện giờ ước chừng 4 phân nửa dân chúng của ta phải tìm nhiễm tâ-dâo ấy. (1) Dạo này có nhiều tín đồ & giuka các quan và bính sĩ. Nếu chúng ta không thảm trưng thì cái bệnh dịch này sẽ tran kháp trọng nước.

Sau lúc đã nhạc lại những sự cố gắng mà Tự Đức và các tiền-dâo đã dùng để tiêu diệt dâo công-giao, Tự Đức trách nặng lời các quan đã ảnh tiến hội-lo để dụng thứ người công-giao.


Đối với những kẻ cùng đấy bất-khang chúng ta sẽ cõ-gang đối với họ thêm một năm, sau năm ấy, những dâu bất tuân kỳ-luật nếu là dân áng chúng ta phải trừng trị, nếu là dân-bà phải đi làm tổ-tô các quan, những ông lý-trườn làm chủ toàn phần-sự của mình và dâc cõ-gang dâu bốn người góc ấy về đàng chinh sẽ được trong thường, trái lại những ông lý-trườn bệnh mạng sẽ phải mất chức.»

Sắc-dự này chỉ nói về người thường dân công-giao. Tháng 10-1859

(1) Tự Đức tình sai, thối ấy & Việt-Nam trong 50 người dân mới có một người công-giao. Xem Louvet: «La Cochinchine Religieuse», II.249. (1)

A. — Tỉnh hính Tôn-Giao địa-phận Huế.

o) ÔNG TÚ LỆ (1858).


426
Những người bị cáo không hay biết gì đến lá thư kia, chỉ quyết liễu và phải trả tận đa man. Lý hình bát 19 người công-giao quá-khóa, bốn người đã tuân theo còn 15 người kia nhứt diệt không chịu.

Tú Lê vui mừng vì công việc được thành phần kết quả, và trong lúc hành hoan Lê đã nói thách người công-giao rằng: «Tôi đã nghe nói không mới ai có thể tiêu diệt Giáo-Hội, tôi muốn biết lợi nói ấy có thực hiện hay không».

Những câu như thế và các lời tuyên bố khác của Tú Lê đã khiến các quan nghi ngờ ông ta. Các quan rẽ lệnh cho Tú Lê phải xuất-giao. Lê liền chối đạo để đứng như uông nước, các quan truyền cốt Tú Lê vào nóc tra tận thứ cho biết Lê có phải là người đã việt bức thư kia không; ông ta vừa ném có một roi, đã la hoàng hơi tủy thứ chình ông ta đã sáng tác ra bức thư kia.

Hai ngày sau các người bị giam được tha về nhà, trừ những người công-giao. Trong số đó có 5 người chết vì tra tận, các người khác phải dạy ra Bác.

b) PHANXICO PHAN-VĂN-TRUNG TƯ-BÁO 1858 (1).


— Thằng kia, có phải may công-giao không?
— Phải, tôi là công-giao, tôi sẵn sàng đi đánh quân địch để bảo vệ đất nước, nhưng không bao giờ tôi chịu bỏ đào.

Người ta dân Trung về tử để lần trong 3 lần, mỗi lần 50 roi Trung văn không chịu bỏ đào nên phải án trăm-quyết.

(1) Trần-minh-Tiệc, Histoire des Persécutions au Viêt-Nam 10e édition.
105. Có chớ nói là Trấn-văn-Trung.
Ngày 16-10-1858 Trưng được dán đên con chở An-Hoa nhưng quan ân báo chở khoan xừ vì có hai quan lớn trong triều văn đồng xin Tư-Đức ăn xá cho Trưng. Đến 8 giờ tôi mới nhận được tin của vua. Không những vậy đây phải chem đầu Trưng, vua còn phát hai ông quan đâm xin ăn-xá cho Trưng.

Ban sáng lúc đầu Trưng ra pháp-trường có một linh-mục đi theo để giải tỏi cho Trưng, nhưngREN lúc tôi người không còn ở đó nữa, Trưng quỳ xuống trên nền đất, xin lý hình lấy với gạch một hình Thánh-Già trên cỏ để tôi cho mọi người biết Trưng là một người công-giáo tôi cũng, xong Trưng nghiêm mình cho lý hình chem (1). Phản-vận-Trưng được dúc Piò X phong chẩn-phúc ngày 2-5-1909 (2).

c) NGUỘC ĐẠI CÔNG-GIÁO.


(2) Lệ kinh nhờ ngày 6-10 hàng năm.
(3) Louvet: « La Cochinchine Religieuse » II. 261.

428
minh đã sáng tác ra những bài thơ để tự an ủi trong những lúc quan của mình thật tranh & Cửa-Hàn. Trong những thời ấy ông gởi binh sĩ Pháp là còn đã, lại mới và còn hon thê nâu ông gởi là chờ, lýnh, trâu (1). Các quan cùng theo những tuần điều ấy và cũng đã viết ra những bài hát hũ như bài của ông Trần-thủ Nam-Dinh Nguyễn-dình-Hùng (2).


B.— Tỉnh-hình Tôn-Giao địa-phin Trung Bắc-Việt.

0) GIÁM-MỤC DIAZ AN VÀ GIÁM-MỤC GARCIÁ XUYÊN TỬ-.DAO.


(1) Louvet : "La Cochinahine Reiligieuse" II. 261.
(2) Xem trang 432.
(3) Marcos Gisport — Historia de las Misiones Dominicanas, 523.

Lính điều Đức Cha ra dinh làng, 튄 vào cây ngay trước sân dinh, giáo dân được tin đầu nau chạy đến, trong thậy Đức Cha ai này đều rung rung sa le.

Đức Cha đồng lòng thương doan chiến, người khuyên giáo-hưu hãy yên-tâm trở về để người đi chịu hy-sinh vi Chúa, mọi việc có Chúa quan phòng dinh liêu.

Khi thuyen đưa người đến Nam-Dính quan Trần-thủ vi sợ quan Khâm-sai nên truyền lệnh giám giữ nghiêm ngặt. Trong nguy-thất Đức Cha vẫn cầu-nguyện và làm việc tương-bắc-ai, viết thư từ yên-ủi con chiến và cầu-nguyện để người đuổi sức hy-sinh...

Sau hai tháng giám giữ, nhiều lần người đã hung-biện can-dâm giáng-giái dào-lý và chôn cống-thương khiến cho các quan vua tực giận vua cảm-phúc... Ngày 20-7-1857 lệnh trong kinh truyền xử trấm, linh điều người ra pháp-trương, Đức Cha bình-tình cầu-nguyện cho riêng mình và cho doan chiến đang trải qua những ngày gian-nguy đau khổ.

Nghe tiếng chìeng báo-hiệu, lỵ-hình vung guom chém mạnh, đầu người roi xuống đất mâu vọt lên cao như hình câu vông; quan truyền bỏ đầu người vò sọt vật xuống sông Cái.

Lúc ấy có người lồng chạy vào thấm mâu Đức Cha, quan liên truyền giám vào nguc.
Sau đó người thuyên chia mở được đầu Đức Cha đem cho bà Maria Ái. Bà vui mừng đem nhìn cho xã, người đem nhìn Đức Cha Garcia, Đức Cha theo lệ phối công-giao đặt kính trong nhà thờ (1).

Ngoài Đức Giám-Mục Diaz còn có Đức Giám-Mục phó Melchor Garcia Sampedro Xuyên về sau phải bắt và phải xử với hai thầy giảng Tiếp và Hiệu tại Bây-Mậu gần Nam-Đình. Lục đến lượt phải xử Đức Cha, đao-phủ bắt người nam ngư ra kéo tây chân cảng ra bên cọc dồng sánh lớn gốc. Đao-phủ thứ nhất chặt đầu gọi chân, đao-phủ thứ hai chặt đầu gọi Tây... Đang lúc chiếu cựu bệnh người chỉ biết kêu tên Chúa Giêsu để lý hình chặt chân tây theo lệ quan truyền. Đâu đem bèo ở Cửa Nam thành Nam-Đình và sau thả xuống sông. (2)

Cả hai Đức Giám-Mục đều được đức Piô XII phong Chân phước ngày 1-11-1951 (3).


---

(1) T.T.B.M. 1951 trang 809.
(2) Marcos Gispert — Historia de las Misiones Dominicanas. 530.
4) NGUYỄN-DỊNH-HƯNG (1).

Ông này là một tay kẻ nghiệp xứng-dáng với Trịnh-Quang-Khanh. Ông cho quân liên-tiếp di vay các làng có đạo dot phả các trường Vịnh-Trị Hoàng-Nguyễn, Kỳ Non, tích thu hết của cãi tiến nông của hồn-dao rồi giao họ về gian & Nam-Dinh. Lúc ông ta thay có người công-giao "quá-khoa", ông bắt những người này cầm roi đánh những người bắt khăng 55 roi, và đánh vào Thanh-Giá 5 roi cùng chí rủa những lôi ban thiu. Xong người "quá-khoa" phải dot hưởng thơ Tây but thân trước mặt các quan và the không tin đạo Chúa Giêsu, lại phải làm tổ bỏ đạo cho quan giữ, sau hết trước lúc được tư-do phải mang gông và làm những viéc bèn trong thành đã ba tháng mới được tha về nhà.

Có một dời linh có đạo quân thường đã truyền danh 800 dơn (2) lại còn đông gông đông xương. Quan thường cũng gián một người dân bà góa nuôi linh-mục Khánh trong tụ, quan truyền hễ bắt được đã sẽ dòng đỉnh vào thảm-tử như Đức Chúa Giêsu vậy. Không như Nguyễn-dinh-Hưng giết kẻ có đạo nhưng còn phi-bàng đạo bằng những lôi 8-9, dạy chỉ xin trích lại những đoạn sách sẽ nhất:

"Ô những người bán-hưởng quy-quộc ta, sao lại dại dốt đến noi theo lê thoi đạo tay đây mà bỏ lê phá tê-tong truyền ? Trong bay nào có ai đã xem phương Tây ? Phân-ta khi còn trẻ đã sang buôn bán bên ấy (3) Thế thì ta nói thật : Trong cả phương Tây chỉ có 17 làng to

(1) Trịnh-Việt-Hiện : "Mả tử đạo trên đất Việt-Nam ". 53.
(2) Ravier : "Sự-Kỷ Hội-Thành ". III. 543.

C.— Địa-Phận Hà-Nơi (Tây Bắc-Việt).

3) TRÂN LUT 1857.

Đặng lúc quan quân làm bố bắt đạo thì một việc bắt ngơ xây ra và làm ngưng việc cấm đạo trong một thời gian ở miền Bắc: một tranh lụt chưa từng thấy đã đánh vỡ các con đề, nước sông trên ngập khắp nơi và dòng bằng Bắc-Việt đã hòa ra một biên mệnh mộng. Lằng mạc biên ra trên mặt biên ấy với những lũy tre xanh rì, với những tóc nhà lá tạo toì, tiếp theo tranh lụt này, một tranh bão ngày lê Đức Mễ lên Trời đã gieo biết bao tai hại giữa dân chung. Nước ngập trong năm sau tinh kễ dài toì hai tháng (2). Tất cả mùa màng đều hư hỏng, lúa trừ trong kho phải ậm ướt không thể dùng được.

Sau tranh lụt ấy nhân dân dời khất lâu ngày, có những người chỉ còn sống con mình để khơi phải thấy nó hap hỏi và chiều đoi! Đêm denn phải canh phòng nghiêm ngặt với những bèn người dồi khắt tới chịu đốt nhà rồi cướp cúa.

(2) Launay : « Mgr Retord ». 287.

b) THÁI ĐỘ CỦA GIÁM-MỤC RETORD ĐOÀI VỚI CÁC CUỘC NỐI LOAN:

Cùng trong thời kỳ này có các cuộc rối loạn ở Hưng Yên và Hải Dương, có những người công-nghiệp đã tự hỏi có nên giúp những người đang chống lại chính phủ bất đà tôi không? Nhưng Đức Giám-Mục Retord đã ngăn can việc đó cùng như người đã ngăn can anh em giáo hữu dùng những tay vào việc ân mưu gây loạn của ông Hoàng Bào. Cử chỉ của Giám-Mục Retord cùng như Giám-Mục Gauthier đã làm cho Tư Đức bớt một gánh nặng. Nếu thế tình Giám-Mục Retord và Guathier chống lại chính phủ Tư Đức các ngài đã ra lệnh cho 500.000 giáo hữu của các ngài cần khá giờ chống lại triều-dình, không hiểu bô đối Hoàng-Gia có sức mà chống lại không? (1)


---

(1) Launay: « Mgr Retord ». 293.
Olichon: « Le baron de Phat-Dieɪm ». 59 - 60.
Núi Voi, nơi đây người được tin xù Kê-Bằng bị vậy, 3 chúng sinh, 14
anh em giáo-bưu phải bị bắt giam. Nhà đông các chi em Mến Thành-
Giá và nhà thơ phải tan phá. Chỉ trong vài tuần, 12 nhà thơ và 12 nhà
xứ phải triệt hạ. Từng trận giáo-bưu phải ngồi tù nhưng không đâu bằng ở
Ngọc-Đường có hàng trăm người phải thiệu sòng hoặc phải chém. (1)

II.—CHIẾN-TRANH VIỆT-PHÁP (1858-1862)

1. LÝ-DO CUỘC CHIẾN-TRANH GIỮA VIỆT-NAM VÀ
LIỄN-MINH PHÁP-TÂY

Nhiều sứ-gia đã tiếc cho Việt-Nam để mất nhiều cơ hội giảng hòa
tốt đẹp với nước Pháp. Nó như thể thì cùng phải, nhưng xét kỳ thi
cách đâu. Việc cả nước không phải là một lý do, nó chỉ là một cơ hội,
một thác cơ công khai người Pháp vin lấy một cách để đặng để chiêm nước
Việt-Nam (2) có bất-_dò hay không bất-_dò rói cùng di đến chỗ xung đột
nhau vì quyền lợi.

Và lại bất đâu từ thế-kỷ 16 các nước Áu-Châu đi chiêm đặt tại ở
Á-Châu, Phi-Châu và Mỹ-Châu. Chúng ta đã thấy các nước Bồ-Dào-Nha,
Hoa-Lan, Tây-Ban-Nha tranh giành nhau những mạnh đặt ở Viễn-Đông để
lướt Anh khai phá đặt ở Án-Đô rồi ngon trònut luôn cho đến sau
cuộc đại-chiên 1939-1945 mới nhã Án ra. Lễ di-nhiên Pháp cùng bi
samment và tìm đường đi kiểm đặt dai, vì cái dúc vong kiểm đặt tại nền
ho đa dóm ngó đến Việt-Nam.

Lịch-sử cho chúng ta biết năm 1818 nhân danh Pháp Hoàng Louis XVIII,
Kergariou đi chiec Cybèle đến yếu cầu chinh-phủ Việt-Nam thì bánh biến-

(2) Launay : « Mgr Retord ». 299.

(1) A.R.M. 15-5-1954 trang 15. La situation de l’Eglise catholique au
Việt-Nam.

Nhưng hồi nuốc Pháp có quyền can thiệp để bênh vực những người đồng hưởng của họ bị chém giết cách tàn nhân không? Điều này chúng ta không choi cải được, các Pháp kiểu Gagelin, Marchand, Cornay, Jaccard, Dumoulin Boric, Schaeffer, Bonnard, Cuénot, Vénard, Néron bị giết còn các giáo-sĩ khác phải đào hầm trọn tránh ở trong rừng trong núi để giăng đào, những tên này được các báo chí Âu-Châu đăng tài làm lóng người nào đồng lúc hỗ biết đên những hành động dâ-man của vua chúa Việt-Nam.

Vi chinh-phủ giữ những người Pháp kiểu nói trên nên nuốc Pháp nhận thấy có trách nhiệm phải can thiệp.


Cùng trong năm 1856 một chuyện thuyên của Pháp, La Capricieuse lại đến những cùng không đếm đên kết quả nào.

(1) Xem trang 232.

(2) Schreiner : «Abrégé de l'Histoire d'Annam ». 115.

Được thư nhà vua mới giải, tháng 7-1855 Tự-Dực hạ thêm một sắc dụ cấm đạo công-giáo, và cho lệnh giết & các nơi công cộng những câu xì máu người ngoài quốc: « bon Pháp sáu như chỏ và chay tron như đế ». (1)


- Những giờ Tây-Ban-Nha và Pháp có những nguyên vong khác nhau. Chinh người Pháp cũng công nhận khi Tây-Ban-Nha giúp Pháp đánh Việt-Nam, Tây không tham vong chiếm đất dai Việt-Nam, nhưng họ chỉ muốn trả thù xứng đáng cho những người động hưởng của họ bị giết cách đã man. Pháp trái lại có ý định chiếm thuộc-dịa (2). Nên việc chính-phủ Việt-Nam sát hại những Pháp-kếu nơi trên đa là một dip tốt cho họ khai chiến với Việt-Nam. Trong thời cuộc như thế, nếu Tự-Dực sáng suốt họ hóa tất sẽ anh em công-giáo cảm khi giới đồng lên đòi kết để được sự hưởng dấn của triều-dình chồng lại xâm-lăng, nếu Tự-Dực thực hành được sự

doàn-kết ấy, ngoại quốc sẽ khó lòng mà xâm chiếm non sông xưa sá của chúng ta.

2. GIÁM-MỤC PELLERIN SANG PHÁP (1858)


Câu trả lời của đội Trung cho biết người ta có thể theo Chúa mà không cần phải theo Pháp.

(1) Louvet: "La Cochinchine Religieuse", II. 229.
Trần-Trọng-Kim: "Việt-Nam Sư-lực", 489.

(2) Louvet: "La Cochinchine Religieuse" II. 228.

(3) Louvet: "La Cochinchine Religieuse" II. 265. và V.N.G.S. I trang 432.

438
Về việc Đức Giám-Mục Pellerin cầu cứu Pháp, nhiều sự-gia đã bàn tôi.

Xét về phương diện pháp-lý nếu một người buôn bán, một người thám hiểm, một người đi du lịch hoặc bắt cụ một người thường dân nào trong lúc bị người nước khác uy-hiếp cách vô lý họ có quyền kêu gọi đến chính-phủ họ che chở, thế sao ta từ chối cái quyền ấy & nơi các vi Thừa-Sai & trong trường hợp này? Là một người công dân của một nước, vi Thừa-Sai có quyền kêu đến chính-phủ của họ can-thiệp trong những trường-hợp nói trên.


Trước hết nên nhớ rằng không cần gì phải có chính-phủ Pháp che chở moi có thể rao giảng Phúc-Âm, chúng có là từ năm 1533 các linh-mục Bổ-Dào-Nha, Ý-Dai-Lợi, Tây-Ban-Nha đã đến truyền đạo ở Việt-Nam cũng bij bất bò, nhưng có bảo giờ họ kêu cầu đến chính-phủ họ là những chính-phủ công-giao vậy mà các giáo-sĩ ấy cùng đã làm cho bao người ở nơi đất Thiền-Chúa.

Hơn nữa việc cầu cứu ấy không ích lợi gì mà còn có hại cho Giáo-Hội Việt-Nam. Giám-Mục Navarette trong cuốn lịch sử Trung-Hoa đã nói cách nghiêm khắc rằng: "Những ai cầu đến sự che chở của quan đòi Âu-Châu rằng ràng quan đòi Âu-Châu chỉ biết giúp đỡ và bảo vệ họ, nhưng nên nhớ rằng quan đòi làm việc tôi hại trong một ngày thì phải có 20 Thừa-Sai giảng dạy trong một năm mới mong sửa chữa được tai hại về đường luân-lý mà họ đã gây nên (1).

---


«Thi dụ Giám-Mục Pellerin sau khi trốn khỏi tu Đà-Nảng xung tẩu về Pháp đại tổ bày tinh-thể nước Việt-Nam cho hai chính-phủ Pháp và Tây-Ban-Nha biết và yêu-cầu chính-phủ đó đề quan sang chiếm nước ta».

Quá-quyết như thế Phạm-văn-Sơn đã với dẫu cả năm, nếu có một hoặc hai vị Thùra-Sai đã hành-dộng như ông nói, thì đẳng lực đó biết bao vị Thùra-sai khác truyền-giao một cách vô tư không hề biết đến chính-trị, hàng này lại là đại đa số.

Chúng ta cùng nên nhớ rằng, nếu triều-dĩnh ta không có giữ hai người công-giao thì đã chắc gì Giám-Mục Pellerin yêu-cầu chính-phủ Pháp can-thiệp, và lại lý do hoạt-dộng của Giám-Mục Pellerin trước nhất là một lý do tôn-giao.

3. CỮA-HÀN THẤT-THỦ (1858)

Tháng 7-1858 trung-tuong Pháp Rigault de Genouilly và đại-tá Tây-Ban-Nha Lazarote đem tất cả 14 chiếc tàu chiến hơn 3.000 quân vào Của-Hàn bắn phá các đồn lũy rồi hạ thành An-Hải và Tôn-Hải. Triều-dĩnh


A.R.M. 15.5-1954, trang 15. «Le dévouement et l’héroïsme de ces apôtres peuvent être cités en exemple. Toutefois l’attitude ambiguë de certains d’entre eux qu’ils ne nous appartient, en aucune façon de juger ici, apporte des arguments à ceux qui accusent les missionnaires d’avoir préparé le chemin à la colonisation française».

440.

Nguyen-Tri-Phuong lap don lien-Tri, dap luc dai tu Hai-Chau cho den Phuc-Minh roi chia quan phong gui (1).

Quan Phap nhận thay nhung dai-bac cua Viet-Nam o Cua-Han toi-tan hor nhung dai-bac o Trung-Hoa, nhung chiec dai-bac ay dat o tren hai banh xe; muon di chuyen rat de-dang. Sung-ong toan la sung hieu Phap, hoac hieu Bi. Thuoc dan mua cua Anh do Huong-Cang hoac Tan-Gia-Ba cho toi (2). Rigault de Genouilly nghi tin co 10.000 binh o Hue toi tiep-vien phan lai thay Viet-Nam chong gui co quy-cu, nen khong dam ten danh Kinh-Thanh Hue va ngay-ngo ong cho quan cong-giao den phu-lyc cho ong. (3) Giamp-Muc Pellerin luc ay dang o tren chiec tau chien Nemesis (4) yeu cau trung-tuong Rigault de Genouilly tien danh Kinh-Thanh Hue (5) nhung trung-tuong khong dam va cu chinh doi.

Doi mai khong thay nguoi cong-giao den tiep tay, vi ho dau co phai la nhung nguoi pho Phap nhu cac ong tuong, lai phan beth dich-ta da gift hai 200 binh-si cua doan vien-chinh, trung-tuong de loi cho

(1) Tran-Trong-Kim : « Viet-Nam Sua-Luc » 489.

(2) Cultru : « Histoire de La Cochinchine Francaise ». 62.

(3) Louvet : « La Cochinchine Religieuse ». II. 228.

Tran-Trong-Kim : « Viet-Nam Sua-Luc ». 489.

Giám-Mục Pellerin đã đánh lửa, thế rồi Đức Giám-Mục về chừng-viên Pêng ngang tại Mâ-Lai (1).

4. SAIGON THẤT-THỦ (1859)


Quân Pháp vào cửa Cân-Giô bắn phá các pháo-dài ở hai bên sông Đồng-Nai rồi tiến lên đánh thành Gia-Đính.

Ôi Gia-Đính có nhiều binh-khí, nhưng quân lính không luyện-tập, việc vô bì bố trẻ-nái nên khi, quân Pháp ở Cân-Giô tiến lên không có quân đủ,

(1) B.S.E.I. Tome XIV Numéros 3-4 trang 50 (4).

Schreiner : «Abrégé de l'Histoire d'Annam» 198.

442
Vũ-duy-Ninh với-vàng từ di các tỉnh lấy binh về cứu-viên, trong hai ngày thành Sài-gòn mặt. Pháp và Tây-Ban-Nha lấy được 200 khẩu súng, 8 vận ruồi kỹ thuật súng và 18 vận phát lăng, còn các binh khí và thóc gạo thì không biết bao nhiêu mà kể.


Cuộc triệt-thoái của Pháp ở Cửa-Hàm có một, ảnh hưởng không hay đối với quân-dội viễn-chinh Pháp.

Được tin quân đối với Cửa-Hàm, Tư-Dúc gửi đi khắp nơi trong nước tin cho dán biết quân đối của ông đã đuổi bốn mươi trong chay trốn, sau đây là lời le của Tư-Dúc:

«Bốn chúng nó đã đi, bốn mươi phương Tây đã đi, chúng chỉ biết làm điều xấu xa, chỉ có mục đích làm lởi cho xự sợ chúng. Chúng đã đi, bốn quái ác chỉ biết ăn thịt người và mặc da người. Chúng là bốn cuộp vung về và nhút nhát, bịnh sỉ dũng-câm của chúng ta đã đánh đuổi chúng, chúng chạy như chó, đuổi quá quý gia hai chăn. (1)

Nhưng vì chúng còn có thể đến phả phếch nên chúng ta phải chuẩn bị trước. Phương-pháp chuẩn bị cấp tốc là tiêu-diệt tả-dạo, như thế bốn mươi sẽ không có ai giúp đỡ, sẽ không còn có ai tiếp-tế (2). Đối chúng sẽ bô chay.

(1) Schreiner «Abrégé de l’Histoire d’Annam». 149.

Vì vậy hãy giữ cho sạch bộ đạo trường, bất gián tạt cả bổn thủ-lành công-giao; công giao đến hãy bất chung xảy chửa học kinh thơ Phật, hãy truyền lệnh cho hết mọi người, dân ông dân bà, giáng thờ chúa Đáp Thánh-Già, ai làm chong lái hãy đẩy nó đi...

Dân chúng sung sướng đọc những lời lẽ của Tực-Dực. Đằng lức người công-giao sống trong đầu-thương và túi-nhục, người Pháp đã đến làm cho số phần lòng dòng của họ lại càng lòng dòng khó khỏi bổn.


444

5. HÒA-UỐC 1862

Trước tình thế nguy- ngập triều-dình Huế lấy làm lo sợ, sai Phan-Thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp và linh-mục Đặng-dức-Tuân vào Nam để lo việc giảng-hoa với nước Pháp (1).

Ngày 25-5-1862 đầu bô của Thuận- An, chiec Forbin của Pháp ra đón và đưa đến tiến Saigon.


Chúng ta thấy rõ cuộc viễn-chinh của Pháp là một cuộc chiêm cứu đất dai chư-dâu có một mục-dích hoàn toàn đạo-dức và tôn-giáo (2).

(1) S.I. 1943 trang 66.

(2) Louvet : « La Cochinchine Religieuse », II. 245.
Sở đi triều-dinh Huế đã chấp-thuận những điều kiện năng nề ấy vì ngoài Bắc có nơi chiến. Tư-Dức muốn ránh tay với Pháp để trừng-trị phiền-loạn (1).

6. NƠI CHIẾN Ở BẮC DUỐI ĐỐI TƯ-DỨC

Dưới triều Tư-Dức đã xây ra nhiều cuộc nơi chiến. Ở Nam chinh-phủ phải đương đầu với giặc Pháp, ở Bắc có giặc Tam-Dương, giặc Châu-châu, giặc Khách và giặc Lê-Phương. Chỉ nói đến giặc Lê-Phương vì giặc này có liên quan đến Lịch-Sử Giáo-Hội Việt-Nam.


(1) Marchant de Trigon B. A. V. H. 1918 trang 217-252.


(3) Trần-Trong-Kim Việt-Nam Sử-lược trang 502 cho những biến-cổ về đối Phượng là việc xác-thực, trái lại Schreiner trong quyển Abrégé de l’Histoire d’Annam trang 24 cho biết không gì mờ mờ bằng đối của Lê-Phương.

410

Một vài sự-%a cho việc Lê-Phương nội lên chống chánh quyền Tư-Đức là một chứng có lịch sử cho biết người công-giao là những bên phiền loạn làm tay sai cho ngoại quốc.

Phượng là người công-giao nhưng không phải vi danh nghĩa công-giao Phượng đúng lên chống chánh quyền Tư-Đức, nhưng Phượng đã vi danh nghĩa con cháu nhà Lê hồ hào dân chung đánh lại Tư-Đức vi dân Bác văn còn quyền luận nhà Lê, cùng vi lý do ấy trước kia Phượng tên là Tư-văn-Phượng lúc khởi nghĩa đánh quân triều đình đòi tên là Lê-duy-Minh. (1)


Năm 1860 Lê-Phương chiếm hầu hết miền đông bằng Bác-Việt và đem quân về Lang-Sơn. Ông Trần-thủ Lang-Sơn sẽ làm sao chống nội Phượng nội dân công-giao liên-kết với Lê-Phượng? Đã không liên-kết,

(1) J. Trần-công-Huân — Tiêu-sự Cự Sâu Trần-Lúc trang 42.
(2) Schreiner: "Abrégé de l'Histoire d'Annam" 241.
người công-giao dưới sự điều đặt của linh-mục Trần-văn-Lực công-tác chất chế với chính quyền địa-phường để chống lại bình gia của Lê-Phùng (1).


Việc bắt đạo chỉ là một dip chử không phải là nguyên nhân khiến người ngoại-quốc xâm chiếm đất nước chúng ta. Nguyên-nhan chính là lòng dực-vọng muốn mở mang bờ cõi thuộc địa.

III.— NHỮNG NGÀY ĐẾN TÔI CỦA GIAO-HỘI VIỆT-NAM (1858—1862)

1. TỈNH-HỊNH CHUNG

Cần phải có một tài hùng-biện của Thành Tiên-Tri khỏe-than Jérusalem

---

(1) Olichon : « Le Baron de Phái-Diểm » lrang 59-60,

2. CÁC SẮC-DỤ CẢM ĐẠO (1859-1860)

— Sắc-dụ cảm dạo 1859.

« Tà-dạo của người công-giáo đã đếm lại biết bao điều tai hại. Chúng không thể liệt Tà-dạo này vào hàng các tôn-giáo dị đoan khác mà chúng ta ứng thụ đỗ trong nước, phải luôn luôn cảm dạo Tà-dạo này. Nhưng ai theo dạo Công-giáo lập thành một xã-bội riêng biết, mắc đủ

chúng nó không công-khai đưa lên chính chánh quyền nhưng trong thầm tâm chúng tha thiết với người ngoại-quốc.


Cùng trong năm 1859 có các sạc-lệnh bắt các sĩ-quan công-giao ở trong bộ đội.

B.— Sạc-du cẩm đạo 1860 (17-1).

«Từ lâu đạo Da-Tô đã vào nước chúng ta và đã làm mediocre dân chúng, đã có những sạc-du rất nghiêm khắc cấm tả-dạo, mỗi lần có tên công-giao nào bị bắt chúng ta đã trừng trị nó, vậy mà vẫn có những bọn người ngụ ngoại mưu quạng như định không chịu xuất-giao.

Lực tảa bọn mọi rõ ở trong nước chúng ta, vò có chúng đã đưa sự loạn lạc trong các tỉnh Quảng-Nam và Gia-Dĩnh, nhưng chúng đã không đi đến một kết quả nào, ban đầu chúng muốn liên lạc với chúng ta, và đã kiểm nhưng yêu cầu chúng ta kinh trọng sự tự-do tín-ngưỡng. Rồi chúng không có mục-dích gì khác ngoài mục-dích này.

Những kẻ thù-lệnh của bọn chúng đã tương rạng vì lối yêu cầu ấy chúng ta sẽ hủy-bỏ những dự cấm đạo, chúng ta biết chắc chúng nuôi ý tưởng ấy thấm kín ở trong lòng. Chúng ta cần phải trừng trị chúng một lần nữa cho chúng biết mặt. Chúng ta cần phải rè lua tốt ra khỏi cơ lùng, người lương dân với bọn còn đó, chúng ta phải tiêu-diệt tất cả những vòng-ròng xa xa của chúng. 450»
Còn những kẻ có những ý tưởng phân đong chính ta phải tiếp trung chung vào một làng cho người canh giữ cẩn thận, trừ khi giặc cả; dân bà con mặt hay là những kẻ ăn ốm hoa trong làng trong xóm... Như vậy ta đã chỉ rõ phải bắt giữ những ai, phải tiếp trung những người nào. Có những làng gồm toàn bèn còn dở này, có làng phân nửa là còn dở, có làng bèn chung chiếm só ít, nơi nào mà chúng chiếm đa số hay bắt giữ tất cả bèn chủ đích của chúng cũng như tất cả các dân bà thường đi mang thư tự tin tức, trong những làng nào mà bèn chung chiếm phản thiếu só dân chung các làng ấy có đủ sức canh gác chung được.

Nhưng điều Trâm vừa truyền là những điều thục phẩm-vi riêng của các tri-buyện. Các tri-buyện còn phải làm só các trí em trên 15 tuổi phải kiểm điểm chung vào những ngày nhất định để cho biết chúng có mặt trong làng hay đã đi nơi khác, nếu có thể nào vắng mặt, lập tức phải phát người canh gác và bắt các người này tìm kiếm cho ra kẻ vắng mặt, bằng không các người canh phải chịu tội thay thế. Tri-buyện nào chênh mảng trong việc này cũng phải bị phát. Như vậy chúng ta sẽ phân chia người lành ra khỏi kẻ dở.


«Bọn công giáo là bèn còn dở, không thể nào mà đưa chúng về đảng hay neo chinh được, chúng dùng những dân bà xây kết mà chúng gọi là mah-nû, là bà phục để giấu giếm các đó thờ, đề đưa thư tươi và tin tức từ

Sau cùng, cuối năm 1860 Tu-Dực hạ một sắc-đụ quyết liệt có ý tarn mat người công-giáo khắp trong nước, đây là phương-pháp cuối cùng. Ban đầu Tu-Dực còn dục đưa chưa muốn hạ sắc-đụ này vì nó sẽ sinh ra nhiều rơi loạn trong nước, nhưng sau cùng ông ta quyết định mặc dù các quan triều dinh ngan can.

Sắc-đụ này khá dài, đây xin bố ra ngoài nhưng lời lẽ bàn thiu mà Tu-Dực dùng để mắt sát đạo Công-giáo, và chỉ ghi chép lại những khoản chính:

Khoản 1: Tất cả những người nào, mang tên Công-giáo, dân ông dân bà giâ trì, khó nghèo hay giàu sang đều phải tán mất sang các làng bên lương.

Khoản 2: Tất cả các làng bên lương đều có trách nhiệm canh giựt những người Công-giáo, cứ 5 người lương giự một người giáo.

Khoản 3: Tất cả các làng Công-giáo đều phải phá hủy; vườn trước nhà cửa sẽ chia cho các làng lân cận, những làng này phải chịu thuế về đất vườn mình lành.

Khoản 4: Phải chia re người dân ông Công-giáo ra khỏi người dân bà Công-giáo, các người dân ông sẽ được gọi đi trong một tỉnh và các người dân bà trong một tỉnh khác đế chung không còn có thể sum họp, còn cái se giao cho các gia đình lương nội nặng.

(1) Các bâ phải làm tốt tổ chung thân trong gia-dình các quan.
Khoản 5: Trước lúc tan mật phải khác hai chữ Tà-dào vào mà các người dân đồng, dân bà, contre công-giao, và cùng phải khác ten tổng và huyện chúng phải đẩy tới ngoại hâu chúng không trọn tránh được.

Cái tình cánh giáo-hưu Việt-Nam từ trước đã thể thương thì bây giờ lại càng thêm tăng tốc.

Dù vừa thoạt ra, mọi người có đào đều rừng rội chân tay. Đầu dây vang lên những lời than-văn vô cùng bi đát: Chớ gọi vua biết chúng tôi ngày đi cho xong lừng thô thì chắt mà chẳng thể sống khốn nạn, sống nhức nháy đường này!

Vua quan trọng cả nước đồng tâm làm khốn người công-giao trạm đường nghỉn cách không thể tạ ra cho hết được.

Đang khi mọi nơi, các nhà chưa kể có đào phải thiêu đốt cháy ngọn ngụt, thì & huyện ly, phù ly, tỉnh ly hay các nơi lưu đồ; các quan truyền làm tung trạm nhạt tó, nhạt giam. Trong khi người bên lương hỏi hướng gia tài đến sẵn kế theo đào, thì người công-giao từng nghỉn từng vùng lũ lụt kéo nhau lên rừng lên núi hay chui rúc xuống thủy, hay đi điều vào từ dòng tổng cumb, xích xích hay đi dây lên rừng xanh núi đó, sông cuối đời khó saí (1).


bức phim ghé gom diễn lại các cục hình mà các vị anh hùng từ đạo đã cam chịu để trung-thành với Đức Tin, với Thiên-Chúa.

C.— Phân-Sáp (1861).

Trong thời kỳ bát đào dân chung thuong dùng chủ phân sáp để chỉ hình phạt của người công-giáo, phải tận mắt vào các làng ngoại, chiếu theo sắc-dự của Tự-Dức ra năm 1860.


Trước mặt chúng ta diễn ra một cảnh thường-tâm; tử, những trẻ con còn буду mưa mẹ cho đến những cụ già da nhăn mà cóp, tất cả đều phải bắt dân đến huyện đến phủ v.v...

Nơi đây đã có những thơ chuyện-môn cầm những miệng mà sánh nhơn sắc, có phán-su khác vào mà người công-giáo, hai chủ tà-dào. Mâu chuyện lại lang, tiếc khóc dân bà con trực đôi vang thốn xóm, đăng lúc dân lang vui cười rủ nhau đến xem khoái trà là thuong. Tắt cả bấy nhiêu người phải giam trong tình-duồng học huyền-duồng. Trong 8 ngày nếu chủ tà-dào khắc o trên mà hiên ra rõ ràng thì không sao, nếu hai chủ ấy hiên ra quá mờ, quản lại tuyên lệnh khác hai chủ tà-dào một lần nữa.

Trong thời kỳ này Giáo-Hội Việt-Nam đã hành-dien vi lòng can đảm, gian đa của các tín hữu. Có một người công-giáo bị khác tủy như các người khác, nhưng nhất định không chịu để chủ tà-dào trên mà mình vi như thế lại
nhục cho đạo. Anh lấy một con dao cắt hai chử ấy đi, người ta khác lại
anh lại huy đi, sau cùng quan cho anh ta biết anh phải để hai chử tả-dạo
nơi mà, bằng không quan ra lệnh chem đầu anh. Anh sẵn sàng đưa đầu
cho lý hình chem.

Mười hai năm sau, nghĩa là vào năm 1873 lúc đã tạm yên, các Thừa-Sai đến Việt-Nam các người có hạnh-phúc được gặp những người bốn đạo
bi khác tự, các người khâm-phục lòng động-cảm của những vị anh hùng ấy.
Việc phân-sâp các người công-giao vào những lang bèn lương đã gây ra
những lơn-xơn lón trong Xa-Hội Việt-Nam hồi ấy. Cứ năm người lương
canh một người giao. Làm sao kiếm cho ra chỗ ở cho người công-giao ấy.
Thường họ lưa tạt cả người công-giao như lưu một bày trái, vào những
cái chuang rừng lớn. Nhưng chuang trái còn có phần đất mài tranh, còn
chuồng nhỏt công-giao không mái nhà cùng không phần (1). Trời mưa thì
năm trên bốn, trời nắng thì ngâu đất khô. Ban đâu dần làc còn thay phiên
canh gác, nhưng sau để khỏi nhọc met, họ đê cho người công-giao chét
dôi, chét khắt, còn những ai sống gai, đan lang cứ việc lạy đủi, lạy gậy
dánh cho như tử, rồi chưng lên thêm với quan :

« Bốn Đa-Tô đã chết vì thọ bệnh (2). Như thế mới ro ai hiệp ai, ai
dân áp ai. Vây mà Đạo-trình-Nhất không đem xia gì đến những sự
kiên lịch-sử, đã đâm vont rằng : « Già-o-dàn ý-thể mãi ông, có, ông
sá của mình để bắt nạt anh em đồng loại bèn lương. Do đó mà đói bèn
thạnh ra sự danh giấc thù-nghịch lẫn nhau » (3).

3. TÌNH HÌNH ĐỊA PHÂN HUẾ (1858-1862)
— Giuse Lê Đông-Thi Tư Đạo (24-10-1860).

Thường người ta gọi là ông đối Thi, nhưng chính thức Lê Đông-Thi

(1) Louvet : « La Cochinchine Religieuse » II, 279.
(2) Louvet : « La Cochinchine Religieuse ». II 279.
mang cấp bậc tướng đường về cấp bậc đại-uy. Tháng 8-1859 với sự phái bắt
giam đội Thị xin từ chức và về làm án yên ổn tại gia đình, nhưng vì anh
em bên lương trong lang bào cáo, Thị phải bắt ngày 29-1-1860 cũng với
các anh em binh-sĩ khác, trong số đó ông ở cấp bậc cao nhất; ông đã khuyên
anh em can đảm chịu cực hình. Hasta tuần tháng 7 triều đình lên án xử tử
Lê Đăng-Thị, nhưng mai đến cuối thu mới đưa Thị đến phá-phưởng.
Trong thời gian chờ đợi ấy Thị phải giam và mang gông rất nặng, ông
lắm bệnh và rất lo sợ chết trước lúc được hành-phúc tử vì đạo. Trong
lúc đó một linh-mục Việt-Nam đã đến thắm đới Thị và cho ông xưng tội,
một thầy giáo trao mìn Thanh Chúa cho ông.

Ngày 24-10-1860 quan Đến để nghỉ với Thị một lần cuối cùng nên
xuất-giao nhưng Thị đã quyết-liệt tự chối. Lúc đến Thị đến chợ An-Hoa (1)
là nơi phá-phưởng, linh-mục Thanh lần lần ở trong dần chúng đã giải toà
cho đới Thị một lần cuối cùng. Đới Thị quy cầu nguyên một hồi lâu xong
lý hình bắt ông phải nằm sập mặt xuống đất thì mới chúng quàng một sợi
giây vào cơ chia ra bai bền kẹo thật mạnh, nhưng giây dứt chúng phải thay
một sợi giây khác bền hơn và kẹo cho đến lúc Lê Đăng-Thị tắt thở (2).
Cùng trong ngày ấy một anh cuộp đã được Lê Đăng-Thị dạy đạo ở trong
tù, phải xứ chém. Lê Đăng-Thị được dực Pio X phong Chân-phúc ngày
2-5-1909. (3)

B. - Bắt giam các Chúc-Dịch (1859-1860).

Vào cuối tháng 10-1859 các nhà chúc-trạch được lệnh bắt giam các
chúc-dịch trong các họ đạo. Ông vùng Huế tạt cả những người quá 50
tuổi đều phải bắt giam, cộng số tử nhân tăng lên quá đông, nhà nước không
thể chiều họ một hốt cơm nên địa-phận lại phải lo việc nuôi nấng các ông.

(1) Roux: « Vestiges Religieux et profanes du Vieux Huế ». 69, 72.
(3) Lê kinh nhớ ngày 24-10.
Đội rất lo vì tự nghĩ chính phủ muốn chặt cả các người công giáo, nhưng lực này cũng chưa phải là lúc nhà vua muốn tiêu diệt công giáo, đang lúc ấy quan trên đang cho tập hợp các tù nhân và tuyên bố với họ rằng: «Đả tử là Hoàng Đế gọi đến Cừa Hán nhiều gian dị, họ cho biết có nhiều đội cho và linh mục ở trên tàu, còn các ông mắc dù các ông không đi theo Cừa Hán, vì các ông không làm sao đi được nhưng các ông cũng là lúc còn đó như chúng và đang chém đầu. Nhưng đức Hoàng Đế nhân tử, Hoàng Đế còn chủ đối các ông, hiện cho các ông một phương pháp để chược lại danh gia mà các ông đã làm mất. Và sau đây tôi cho có ông biết phương pháp mà Hoàng Đế chỉ dạy. Các ông sẽ chọn một phải đoàn đi Cừa Hán, đến đây các ông sẽ khốc lục thanh trước và cho người Pháp biết, họ đã gây nên sự đau khổ cho người Công giáo, vì người Pháp đến để cứu các ông, tất nhiên họ sẽ thương xét đến số phận của các ông và họ sẽ rủ quân lũi. Như vậy một lúc được thái bình không những Hoàng Đế sẽ tha thứ cho các ông, mà còn honor nửa, ngại sẽ ra sắc dụ cho tự do hành đạo.»

Thấy rõ mưu mô quỷ quyt của nhà vua, nhưng người công giáo sáng suốt ấy đã biết rằng: Dù thành công hay thất bại việc họ giao tiếp với người Pháp sẽ là một cơ cho nhà vua vư câu một lần nữa, các ông trình trọng tuyên bố:

— Chúng tôi đau phái là những người tại mất, người Pháp sẽ không đếm xỉa gì đến chúng tôi, và cùng có lẽ họ sẽ bàn xà vào chúng tôi. Nếu chúng tôi muốn tiến đến gần những chiếc tàu của họ.

— Nếu các ông sợ chết các ông nên biết rằng ngày bây giờ đây, Hoàng Đế có thể truyền lệnh chém đầu các ông.

— Vậy chúng tôi sẵn sàng để Hoàng Đế chém đầu chúng tôi với chúng tốt đi Cừa Hán cũng với ict, họ sẽ không nghệ chúng tôi.

— Các ông cứ đi, có gì mà sợ, nếu các ông đi mà không
có kết quả gì, các ông sẽ về đây, trả lại nếu các ông không đi, Hoàng-dế sẽ không dung thứ các ông.


Đêm mong 2-7-1861 Linh-mục Gioan Đoan trinh-Hoan 74 tuổi (1) và

Mathieu Nguyên văn-Phương đã ở trong rừng bị bắt với 7 bốn đảo khác, phải trả tiền gạt gáo nhưng không người nào khai điều gì làm hại đến người khác chỉ hung nên đến việc chối đảo. Vị linh-mục và ông Phương phải án xử tử, các người khác phải tự chung thân. Cha Hoan nhờ sự hiện lãnh, người đã thu phục được các lời canh gác, và họ đã sẵn lòng để đáng cho người được thông công với các anh em giáo hữu. Trong 5 tháng bị giam, người dùng thi giờ giải tỏi cho anh em giáo hữu.

Nhieu lần người được trước lẻ chừng lên ở trong tù, và chính linh-mục Hoan cùng đưa mình Thanh Chúa cho các tù-nhân khác nữa.

Ngày 25-5 hôm trước lúc phải đưa đi xử, người còn đi tham viếng các bạn tù lăn cuối cùng và người đã khuyên bảo họ:

— « Giờ cuối cùng của cha không còn xa, về phần các con, các con ở lại trên trong gián đau khổ này, các con hãy trung-thành và hãy cầu nguyện cho cha, để cha hoan-toan vang theo menh-lênh của Chúa. »

Một vài phút sau người được kéo đến tòa, quan cho người biết một cách công-khai, an của người. Tời lại người còn giải tỏi cho một vài người và người khuyên bảo anh em giáo hữu đang phải giam tù. Lức trôi mò mở sang các tù-nhân các phòng khác được dẫn tử-giả linh-mục Hoan. Người tuyển-bò với anh em bán đảo rằng: « Chúng con hãy bắt chước cha, như Cha đã bắt chước Chúa Giêsu, lúc đến lượt chung con, chúng con hãy đi theo dường lối này. »

Quan đến gọi người để dẫn người đến pháp-trương. Trên đường người gặp linh dân ông Mathieu Phương. Lực ra đến cửa thành quan cho phép bà con và bạn hữu dần cho các người của lót lòng. Nhưng linh-tráng vì muốn cho lành công chuyển, đánh-duối họ.

Lúc đến nơi pháp-trương hai đang kỳ xuống trên một chiếc chiếu mà bốn đảo đã đem tôi. Quan hỏi vị linh-mục muốn kỳ hay phải rời người vào cốt.
«Với ích, tôi sẽ quý và tôi sẽ không nhây động, nếu tôi không muốn tự-do chết, tôi không đến đây làm gì, hãy ban cho tôi một vài phút để tôi cầu-nguyện».

Người người mặt lên trời cầu-nguyện rồi giờ tay giải tôi lòng lành cho ông Phương. Ông Phương cũng xin quý và khơi phải trỗi. Đến phút cuối cùng, hai người con trai của ông và người con gái, đến khóc lóc tiến-biết ông.


4. TÍNH-HÌNH ĐỊA-PHÂN QUI-NHƠN (1858-1860)

A. Tinh-hình chung trong địa-phận.


LA COCHINCHINE
RELIGIEUSE

PARIS
ERNEST LEROUX, ÉDITEUR

quốc-thuộc với ngoại và 3 ngoại khác mà ngoại đã rửa tôi cho. Còn bắt đạo ở đi dưới một thời-gian rồi lại trở nên quyết liẹt hơn trước.

Kể từ nỗi cần phải bắt ngoại công-giao để làm thuốc che đản cho quân-dơi Việt-Nam lúc Pháp gây chiến, kể khác nội chính-phủ sẽ chém đau tật cả các ngoại công-giao trong một ngày mà Hoàng-Đế sẽ chỉ định.


Trong thời kỳ cầm đạo ngặt như vậy dĩ-nhiền các bà phuộc phải tan mật, các bà phải về lại gia dinh. Nhưng các bà đều có chịu ở yên, các bà đã hy sinh để giúp địa phận, bằng cách đưa thừ tử, tin tức, và giúp đỡ những tử nạn. Sự hoạt động của các bà đã làm cho công-an dể ý.

(1) Louvet La Cochinchine Religieuse II. 276.
Trần-thủ Bình-Dỉnh biết vậy ra một chỉ-thi bát ép các bà kết bàn.
Nhưng các bà đâu có điểm xỉa đến cái chỉ-thi vô luận lý ấy, các bà cự việc làm phân sự mình không một chút sợ hãi, mặc dù các bà đang ở vào một tình cảnh khó khăn.


B.— Linh-mục Đặng Đức-Tuấn. (1)

Đối với vua Tự-Dực và với triều-dình, đạo Thiên-Chúa là đạo đi-đoạn, là tà thuyết ngu hoạ nhẫn tận xuí dân phân quốc và tung theo giặc.

Muốn sửa đổi những quan-niệm sai-lầm ấy linh-mục Đặng Đức-Tuấn, làm một tập điều tranh to bấy ngàn nguyên rồi đi vào tỉnh Bình-Dỉnh, chằng được yên người lui ra xú Nghia-Mân tru trọng nhờ một thương dân hơn 10 bùa. Đằng buội thiện hạ xơn xao gặp người là mặt, lang bất ngay giải đến huyện Mạ-Dức. Sau lởi khâu-cùng quan huyện soát trong lung của Tuấn gặp một tập điều tranh 6 trang, trước những lởi nói hung hấn can đảm, lây sự gạt gáo, quan huyện đoàn ngay ra Tuấn là một ông đao trường, tôi lại doi Tuấn hỏi chuyện, người nhẫn nhẩn người là linh-mục. Lập tức quan huyện làm giấy đem Đặng Đức-Tuấn lên tỉnh-dương.

Quan Bố và quan an truyền cha Tuấn bước qua ánh Thánh-Gia, cha không chịu, các quan lại tra hỏi nhiều điều, và bắt viết tờ khai. Cùng vào trong thời kỳ này có hai quan ở Kinh đến Bình-Dình quan sát tỉnh bình địa phương. Tỉnh dướng đưa 6 trang điều tranh của Đặng Đức-Tuấn cho các quan xem, các ông phê ngay điều tranh phân-mình phải dằng triều-dình,

(1) B.A.V.H. 1918 Le Traité de 1862.
nếu tình đường không dầm sáo, hai quan sẽ sợ thay; tiếp có lệnh cho đối đẳng Đức Tư-Tuấn vào để các quan xem diễn mạo và hỏi đối lý kiện. Vì linh-mục được göre gõng mồ xỉnng. Tình đường gợi bàn điều-trần và lời khai của cha Tư-Tuấn về co-mặt để đăng vua Tư-Dúc.


Phan thanh-Giản báo rằng: Nay vua truyền mới đạo-trưởng về triều để xét hai điều: Thứ nhất nghe trong đạo Công-giao có nhiều điều khó hiểu, hai là do nguyền có gì mà Tây-dưởng đến đây quy rồi làm năng, thay cứu sự thật tướng khai.

Linh-mục Đặng Đức-Tuấn đã phán giải hai vấn đề quan trọng gây bão tại hai lớn lao trong thời kỳ bấy giờ. Sau đây là lỗi lê của người.

Phan thanh-Giản truyền cho Đặng Đức-Tuấn viết vào giấy nạp Bồ, đoạn bài triều, quan dara linh-mục về nguyệt thật chở lệnh trên, qua hôm sau, Phan thanh-Giản đối Đặng Đức-Tuấn vào hỏi lâu giờ rồi mới nước thật dài từ tế. Phan thanh-Giản cho biết trong triều còn nhiều quan có ác-cấm và họi nghi với đạo. Ý triều-dình và nhà vua cùng muốn làm loại những các tính hàng đăng sợ tàu xin ơ cay nghiệt. Nay đạo-trưởng đã đến đây, phải
làm thêm ít tập điều Trần nư, nội rõ cần nguyên, đề triều đình cứu xét.

Ngày sau lúc đã đọc xong bài điều Trần, Tư-Dực hạ lệnh truyền mở gông, giải xếng và ban thưởng Đặng Đức-Tuân, trong triều ngoài quản, quan quan dàn sư thấy việc đi kỳ điều ngại tiện. Sau sắc dụ Phấn-Sáp 1860, cả lần tù ở Huế chất nhì những con nhà giáo hữu. Cha Đặng Đức-Tuân thưa ơn huệ, đi thăm céc bốn đào bị cám cốt & Thừa-Phủ, Cung-Quán, Trần-Phủ và Khách-Dương.


Tư-Dực căng trì hoãn, càng thấy biễn. Miền Nam bị chìm, miền Bắc bị loạn, Vua có ý muốn hòa, cha Đặng Đức-Tuấn làm thêm hai tập điều trần. Tháng 3-1862 Đặng Đức-Tuân đăng lên hai tập điều trần ấy và Tư-Dực dạ thuyên theo những lời yêu cầu; ông hạ chỉ thị nam phủ lão âu và cho họ lui về quê quản.


466


C.— Giám-Mục Cuénot Thề (1861).


Giám-Mục ở trong hâm với hai chung-sinh của người. Sau hai ngày mòt dem vi quá kihat nược và biết quan quân sẽ không bỏ nhà bà Lựu nếu chưa bắt được người nên người tự nọp mình. Lính vua trong thây người họ đọ xò đến, chôm lấy người rồi buộc chấn tay người như một con thú. Nhưng ông quan chi - huy có lòng nhân-dão hơn, truyền lệnh cõi giây ra và mỗi người ngồi cùng chiều với ông ta. Hai cấu học sinh cùng phải mang găng và tạt cả, nhưng người ở trong hai nhà lăn can. Ngày

(1) Nhờ là thư của Cha Herrenct mà chung ta biết chi tiết về cái chết của Đức Cha Cuénot Thề, xem La Salle des Martyrs du Séminaire des Missions étrangères-Paris-Charles Douniol, Libraire-Editeur 1865 trang 450.
mai lại dục Giám-Mục phải nhốt trong cự và điều lên tỉnh đường...
Tháng 10 là tháng mưa lụt, có nhiều chỗ nước lên đến lưng người kheo nên cự cũng phải ngập nước. Đã thể một trận mưa rào làm cho sự di động đã khó lại khó thêm. Chiều, chần, so quan vốı sách, chính trong trạng thái ấy Giám-Mục phải tổng vào tù. Người bị bịnh kết lý và ngày 14-11-1861 người qua đời, sống 34 năm ở Việt-Nam, không hề ném được một ngày bình-an.

Lúc người vừa tất thọ có một ngày, giây ơi triều-dình Huế đến truyền phải chem đầu người ngay lập tức, thương-tình phải giải người về kinh-do để xử, nhưng ông Trần-thù Binh-Dính không chấp-thuần:

— Chem làm gì, vì ông ấy đã chết, buộc xác ông ta vào bon cây que rồi đem đi chôn là yên chuyện. Nhưng người công-giáo bị cảm tử muốn góp tiền để mua một quan-tài xúng-dáng cho người, nhưng cấp trên không cho phép. Mặc dù Giám-Mục Cuénot không đội mâu nhưng người cũng đã chịu biết bao nhiều nỗi tàn-toan vì dạo, Giáo-Hội cũng công-nhận như vậy. Sau dầy là bàn án:

« Tây-duong đào-trường Thế (1) đã lăn lút trong nước chúng ta gần 40 năm nay, y đã giáng dạo và lừa dối dân chúng. Bị bắt và tra hỏi, y đã thừ nhận tất cả tội lỗi. Là ra phải chem đầu y, rồi bèi lên ở chỗ, nhưng vì y đã chết trong tù, ta truyền phải quang xác y xuống sông ». 


(1) Thế là tên Việt-Nam của Giám-Mục Cuénot.
Lễ kinh nhớ ngày 14-11 hàng năm.


5. ĐỊA-PHÁN SAIGON (1859-1860)

A.— Tinh hình chung Địa-Phân.


B.— Phaolô Lề-văn-Lộc từ đảo (1859).

Lúc nghe tin quân đội Pháp đã đến Vũng-Tàu và đang tiến lên đánh Saigon không những quan quân lo sợ mà nhất là những người giáo hữu đang phải giam tù. Họ có thể bị lối ra ngược để chịu chém lúc nào không
hay. Ông trong tử Gia-Bính lúc ấy có một linh mục trẻ tuổi tên Lê-văn-Lộc (1). Người bị bắt tại Thi-Nghè hôm 13-12-1858 nhưng chưa có thời gian để dem vu của người ra xử. Lúc nghe tin Rigault de Genouilly đem quân từ Cửa Hàn đến đánh Gia-Bính lập tức các quan lên án xử tử linh mục Lê-văn-Lộc.


Vào hồi tháng Giêng năm 1859 quan quân đến vây họ Đậu-Nuốc tỉnh An-Giang. Được tin, Thùa-Sai Pernot báo cho Quí chạy trốn nhưng người lại báo Thùa-Sai Pernot đang ở đó phải chạy trốn còn người không lo sợ, vì không có một đầu giếng cho quan quân biết người là Linh-Mục.

Quan đến nhà ông Lê-văn-Phương lúc ấy làm trùm họ và bắt ông phải nạp Tây-Dương đạo-trưởng. Phượng trả lời không có một Tây-Dương đạo-trưởng nào ở trong nhà cả. Nhưng quan lại hỏi rằng:

— Đạo-Trưởng ở đâu?

Lúc nghe vậy Quí trả lời ngay: « Tôi là đạo-trưởng. »

— Không phải là, hãy nạp cho tao Tây-duong đạo-trưởng.

— Không có Tây-duống đạo-trưởng nào ở đây cả, chính tôi là đạo trưởng tôi là làm hành giang đạo cho những người muốn nghe tôi.


(2) Lê-kính nhớ ngày 13-2 hàng năm.
Vì cha Quý đang còn thanh-mién tria-trẻ nên quan không nghe lời khai của cha. Quan mới hỏi một đứa nhỏ, con nuôi của Phùng, đánh nỏ máy rồi và bất ngờ chỉ Tây-Dương Đạo-Trưởng ở đầu.


— Ông có vang lệnh vua bỏ đạo không?

— Tôi giữ đạo của Thiên-Chúa, dù quan có lên án tôi thế nào, tôi cũng bàng lòng chấp-thuận.


Sau lúc đã giải tôi chính người cùng quý xuống an-nần tôi-lợi của mình.

Sau ba tiếng thanh-la, lý-hình chém đầu người, lát thú nhứt chỉ làm người bị thương, mới đến lát thú từ đầu người mới lại khá xắc. Còn lý Phùng phải thất cố, Phùng là người can đảm nhất trong vùng; lúc tôi nói xử, Phùng nói lớn tiếng với các ông đứng trên ở giữa dân đồng
người, truyền cho con ông phải căt xác cha Quí một cách xưng thang. Cả hai đã được đức Fid X phong chánh-phúc ngày 2-5-1909 (1).


Bà Bề Trần Martha Lành phải đánh nhiều lần, tổng cộng bà chịu hơn hai trăm roi, mỗi chiếc roi đều có rất & đâu mệt đánh vào, làm da thịt bay lên từng miếng, hai lân được đến về tử, người ta trưởng rằng bà đã chết, nhưng Chúa ban-sức mạnh cho bà để bà sống lại trong sáng. Bà mất năm 1882.

Bà Elisabeth Ngô cũng không hiểu can-dám, một hôm, ông Trần-Thủ truyền đánh bà đến nơi bà bát-tính, ông Trần-Thủ không thể nào bắt bà bước qua Thánh-Già khi bà còn sống, ít ra lúc chết bà không còn từ chối được: ông truyền cho linh kế cái xác chết bựa lên Thánh-Già, nhưng lại thay, bà lập tức tinh lại rồi bà ôm lấy Thánh-Già và la lớn tiếng: «Chúa Giêsu muốn nam» (2).

Ông Trần-thủ tức đên chảy bọt miếng mà cũng không biết phải thôi-phó với bà thế nào nữa.

(1) Lễ kinh nhở cầu hai vị nhằm ngày 31-7 hàng năm.

(2) Louvet : «La Cochinchine Religieuse», II. 287.
Trong dịp này chúng ta nhìn thấy dân-bà can-dâm hơn dân ông. Với hai bà phụ nữ quan còn bắt 5 người chứ-dịch ở họ Cái-Mon. Ba người bỏ đạo; chi có hai người trung-thành đến cùng.

Ông lý-trưởng Gioan Hòa đã tổ ra xưng-dàng làm kẻ dân anh trong lang; trong ba lần tra hỏi ông ta đã lành 82 roi; lúc ông mề man không còn biết gì nữa, ông đã băng long bỏ đạo, lý-hình vưa mơ cói trở trống ông. Ông lại tuyên-bô ngày rằng: «Ông quảng thể nào bỏ đạo được và ông yêu-cầu cho ông nghĩ và ngày trước lúc ta tiến ông. Tục tôi đến cục-dĩ, nhưng ông Trần-thủ cùng để cho ông Gioan Hòa nghĩ, không đâm truyễn đánh ông ta, vi thân hình ông chỉ còn là một vết thương lớn, đành ông và roi nữa là hồn ông bay về nơi «Chín-Suôi». Lúc giải ông đến phả-trừong để xử, ông hùng-hơn cắt nghĩa, giảng đạo-ly cho quan quan có mất.

Quan-an nhìn Hòa và thét lớn rằng: «Mày là một tháng dân của vua miệng mày con nhà gao của vua sao mày dân nơi có thiêng-dàng hòa-ngục và có Thiên-Chúa?»


Người anh-hùng thứ hai là một người quê ở Cái-Mon tên là
Phêrô Nghêan, lúc đến tòa-an, Nghêan không có vẻ gì là sự-set cả. Ông đã lãnh 80 roi nhưng không chối đạo.

— Mày có phải là đạo trường không mà cùng đầu thế kia?

— Không tôi chỉ là một người nhà quê, mặc dầu, không bao giờ tôi bỏ đạo.

Nghêan đã giũ lời, lúc chối dây ông không chút cho lý-hình khiến ông vào tù, nhưng muốn tự mình đi vào tù và đã để lại sau ông những đường mâu đâm, chứng-minh lòng trung thành của ông với đức tin và đồng thời mâu  Aydın nói lên tất cả sự dã man của kẻ bất đạo.


Nguyễn-vân-Lựu sinh năm 1812 tại Gò-Vấp, tỉnh Gia-Đình.

(2) Lễ kinh nhớ ngày 24-4 hàng năm.
F.— Sát hội Công-giao Chợ-Quan (1859).

Ngày ở Chợ-Quan một hò đạo ở bên nhà Thanh-phố Saigon, văn có người công-giao phải bất. Phao-Lô Hạnh quê ở Tân-Triều, nhưng đến ở Chợ-Quan phải cáo vì liên lạc với quan đối Pháp ở Saigon. Hạnh chết biết, vì thực ra Hạnh không biết gì đến điều đó, quan truyền lệnh lấy kềm trả tấn và bất Hạnh phải xuất-giao, anh nhất định tự chối nên phải trầm quýet hôm 28 tháng 5 năm 1859 tại Chứ-Hóa (1).

Hạnh là người giáo-hư không ngừng mầu cho làm, nhưng đã đến tối bàng cái chết của Hạnh — Phao-Lô Hạnh được đức Pío X phong Chân-phúc năm 1909.


Xuân là một người giáo-hư ở Thử-Dực, ông chẳng những là một y-sĩ tài giỏi, mà còn là một người công-giao nhất thành, thường những quan ở Saigon trong lúc sau ông đều phải chạy mọi thấy Xuân. Lúc bể đối Pháp chiếm Vũng-Tàu, thấy Xuân được mọi lên Saigon chửa bệnh cho

(1) Notice sur les Martyrs de la Cohinchine Occidentale, 9.

475
quan kinh luợc, Xuân dâì mang dũng cụ nhà nghĩa đến Sài-gòn và quan khai bênh với y-sì Xuân một cách ngô nghĩa như thế này:


Sau hai tháng bị giam, vào cuối năm 1860 Triệu-dình Huệ gọi giải vào Nam; ông Xuân phải tranh quyết vì không bỏ đạo hơn nữa vì ông đã gọi con đi du học ở Pê-nang (1).

Ông phải deo gông và phái ba lần điều đi qua chợ Biên-Hòa giữa những tiếng chửi rủa hè la của dân chúng, sau lúc đã đi vòng quanh chợ ông Xuân được dâì lên dobr Đất Sơi để chịu chém.


H.— Sát hại công-giao Bà-Rja.

Sau lúc quân Pháp chiếm Biên-Hòa tàn quân Việt-Nam chạy về Bà-Rja, nơi đây có hơn 700 người công-giao bị giam trong 4 nhà tù. Trong số đó có 400 người dân ông phải giam tại thành-phô Bà-Rja; cách đó 200 thước, một nhà tù khác giam 135 người dân bà và trẻ con, ở Long-Diên

(1) Về sau con câu y-sì Xuân vé một bênh bát trị nên không được làm link-núc; Thîra-sai Louvet trước lúc viết quyển La Cochinichine Religieuse có đến gặp người con ông tại Biên-Hòa.
cùng có nhà tù giám 140 người dân bà công-giao, tất cả những người bị giám đều phải khắc tử.


Lúc ban đầu, lúc mà các bên đạo còn có tiền nong và cưa dùng, linh canh tỏ ra rất thân-tính với họ, nhưng về sau họ không còn gì nữa linh mới ăn ở cay-nhigit với tù-nhân. Các người tù phải nằm trên đất s Armour; vi lúc ấy về mưu mạo, nhiều người đã yêu sơn nền chịu không nổi, chết rủi rứa, kẻ còn lại, phán đúng mà bình kiểm-iệt. Tất theo các linh canh cảm ngắt không cho họ ra khỏi tù để làm việc vì sinh cần-thiết. Một mươi khó chịu xông ra khắp nhà tù không sao trấn dược.

Ngày 7-1-1862 Đò-Dọc Bonnard tiên về Bà-Ria, lúc quân Pháp chỉ còn hai cây số thì nhà tù, họ phải tro-li vị tro-li tội, đường lại bẩn bì và quân-tội Việt-Nam chấn đánh. Nửa giờ sau, từng nhóm lửa ở các nhà tù làm sáng rực cả châu-thành Bà-Ria. Sáng mai lúc quân-tội Pháp đến họ nhận thấy hàng trăm xác chết đều như than. Trong số 300 người dân ông công-giao chỉ có 10 người chạy thoát. Trong ba nhà tù giám các dân bà, và trẻ con công-giao, các người linh canh nhận-dạo hồn, họ đột nhà tù nhưng đề của tù mồ để cho tù nhân có thể chạy trốn; giây phút này người nào cũng phải hoảng-hốt chen lấn nhau ra, và lại nhà tù chỉ có một lối độc nhất, dạng lúc ngọn lửa hoành-hành dưới chân họ, các người dân bà phải ra tung người một vì ông đời muốn khám tung bà, để bóc lột tất cả những gì họ còn có trên mình, vi thể 160 dân bà và 50 con trẻ phải bị chết thiếu; trong số 700 người bị giám chỉ còn 250 người sống


6. ĐỊA-PHẦN HÀ-NỘI

A.— Giám-Mục Retord lý-trén.

Lúc Giám-Mục Retord trọn thọá tại vùng Bút-Sơn trong vùng Núi Voi với thừa-sai Charbonnier và thừa-sai Mathevon, các người cũng không được an đáp với các quan được tin, đem 700 bình-sĩ bao vây làng Bút-Sơn (2). May các người lành chẩn chở trên vào hàng trong núi, lúc ấy vào khoảng tháng 6, vì vậy các người phải rốt át, nhưng cũng phải chịu vay. Thường các người đời cơ hao ban đem, phải đi chăn không trên đa vôi, phải rõ răm mới tìm ra lợi thọá, trong một tháng trôi rục từ hàng no đến hang kia, hay nằm giữa rừng xanh trên đất rốt.


Đến Đồng-Bầu, tình thế cũng chẳng được yên lành, nên sau 15 ngày anh em công-giao lại lên núi làm lễ cho Giám-Mục Retord, các thừa-sai và những người tùy tôn. Nơi đây các người không làm lễ được, hàng ngày đọc kinh nhất khóa chung, đọc sách Phúc-Ẩm rồi làm việc xác như thường rau cỏ, hay dàn thúng như Giám-mục Retord,

(1) Laünay : «Mgr Retord » 298.

Được tin Đức Cha mất, bốn đảo Đông-Bầu đưa xác người táng tại làng và 10 năm sau xác người được đưa về Kê-Sơ, Trú sơ mới của Đức Giám-Mục địa-quận Tây Bạc-Việt.


phải trớ-ảnh nhiều nơi vì con chiến đã trở nên chỉ số tìm bắt người. Giám-Mục phó Theurel xướng án trọn duỗi hàm chất hối, và có lần phải trọn trong hàm 17 ngày gần như chết Nghệt.

Vua lại hùa: Kể nào bắt nộp Tây-duong đao-trưởng thì đúng kẻ 30 lang bậc còn được làm lãnh bính. Lời hùa ấy làm kẻ tham tham tiến hàng-hải sẵn bắt các thưa-sai rát ngắt.

B.— Lồng Bột-Dông.


C.— Phao-lô Bột, Thùa-Sai Néron Bác và Vénard Ven Phao-lô Mối. PHAO-LÔ BỘT:


480
THÚA-SAI NÉRON BẠC.


THÚA-SAI VÉNARD VEN (2).


—— Bấm quan lớn không biết quan lớn nghịn tin này ở đâu, tôi làm chuyện sự này chẳng có, Giảm-Mục Retord là người khôn ngoan, không có thể làm điều cẩn thế ấy; chính mặt tôi đã xem thư chừng của người và Giảm-Mục đã khuyên bảo giác-hưu dùng giây mình vào việc ấy.

Chỉu theo lẽ thường, quan bắt Thùa-sai phải xuất-giao. Thùa-sai Vénard phảinhất cối để gắn cua dinh quan Thường ; hàng ngày quan phạt 3 đồng tiền để mua đồ ăn cho người.

(1) Lẽ kinh như ngày 3-11 hàng năm.
(2) Trở chu: « Le Bienheureux Théophane Vénard » 407.
Giám-Mục Theurel sai cha Thịnh đến thám người, có một người bốn dạo tên là Hương đưa cha vào. Thùa-Sai ví chưa bao giờ gặp cha Thịnh nên hỏi rằng: "Ông này là ai?". Hương thưa: "Ông này là Thầy Cà, tiếng ấy bốn dạo có nghĩa là linh-mục, nhưng bốn Hương hiểu là con của một gia đình, tuy nhiên cha Thịnh cũng run lên vì sợ, may Hương lành trí phà tro nên chẳng ai biết cha Thịnh là linh-mục. Nhờ thế cha Thịnh giả vờ đừng xem cụ rỗi giải tội cho Thùa-sai Vénard, cha Thịnh trao một bình nhỏ đừng mình Thánh Chúa, cho một bà đảo dúc, nhờ bà này trao lại cho Thùa-sai Vénard. Vénard mừng quá cháu mình thành Chúa cho đến núa đem rỗi mọi chiu lẻ. Thùa-sai phải giám lâu mà không có an trong kinh ra, quan Thượng lấy làm lạ; Thùa-sai viết thư cho Giám-Mục Theurel rằng: "Hằng ngày ông chạy qua mắt tôi mà chẳng phải ăn tối..."


PHAOLÔ MƠI (2).

Phaolô Mơi là một thanh-nhiên ở làng Hoài-Yên tỉnh Thanh-Hoa, lúc bị điều tội quan, quan có thiên-cảm muốn cứu Mơi.

(1) Lễ kinh nhờ ngày 2-2 hàng năm.

— Đập ảnh ta sẽ cho một nền bậc.


7. CÁC ĐỊA-PHÂN ĐỒNG THÀNH ĐÀ-MINH (1858-1862)


dao. Thức thế, chín ngày sau hai Đức Cha chủ xứ, tôi lượt các cha Phère Quang, Phère Trác, cha Gioan An Phère Thạc (1).


Sau ngày hai Giám-Mục được phục từ dạo Đức cha Hilario Alcazar Hí, phu-tá Giám-Mục dieta-phan Đông, trở về sống với đoàn chiến, nơi guồngrray Cha Estevez Nam cũng lần về giúp cha chính Rianho Hòa dieta-phan Trung.

Chúng ta nên nhớ sac chỉ tháng 8-1861 được tuân hành từng chu trong toàn cõi Việt-Nam. Nhưng tháng cuối năm 1861 sang năm 1862, còn xung quanh cả chủ nhà hòa nguy như nâu các quan hà thanh Tư-Dực, họ có thể trách ấy Đức xem ai trong họ thì-ánh chỉ-đụ kiến một cách tàn ác nhất và ai trong họ biết được nhiều tin hữu hơn.

Riêng về dieta-phan Trung cha Manuel Estevez Nam viết:...Tháng năm năm nay (1862) Vua Tư-Dực ban bố sắc lệnh truyền chém đầu mọi người dân ông Công-giao từ 10 tuổi trở lên... Bốn dạo nam phu lão sư đã bị bắt quả 40 hay 50 ngàn. Cuối tháng năm 1862 sắc lệnh tung ra và được tuân hành lập tức, dân công-giao kể gào thêm thê, Quản Trần-Thụ Nguyễn-dình-Hưng đã to ra da-man đến e éxito...

Như các nơi khác khi các bố dạo đi phán-sáp, quan còn cho phép bán nhà bán cỏ để lấy tiền chỉ tiêu, nhưng trong tỉnh Nam-Djah, người công-giao phải đuổi ra khỏi nhà, trói từng lớp 5 người, chỉ cho đem mấy năm giao ăn đủ chúng hai ngày.

Lúc Lê-Phùng nơi lên, Trần-thụ được lệnh đem quân đi đánh, nhưng phải bai tran, Nguyên-dình-Hưng liền cáo bệnh về tỉnh và thụ-oăn người

(1) Marcos Gispert: Historia de las Misiones Dominicanas — 608, 609.
công-giao. Lúc đó & Nam-Đinh có 300 bốn đạo bị giam, ông truyền không được tiếp tế lương thực cho những người này.


Đang lúc Nguyễn-dình-Hưng ta bỏ mửa gurm chem giết người công-giao ở các phụ huyện, các quan cùng bắt chưóc gurm của ông ; bốn đạo phải chet hàng trăm, kẻ thì phải chem, kẻ thì phải thiếu-sinh trong ngục, hoặc có kẻ nào thoát giây mà hãy ra ngoài, lý-hình cầm gurm giao gì họ vào lừa cho chet. Có một lần 150 người bốn đạo phải xur một lúc, nhưng các lý-hình chưa tiến nghề, khi đã chem di chem lại 20 người thì bỏ các kẻ khác xuống sông, nhưng və sông nhơ bép, có kẻ lại được lên bò, họ đi bạt, bước lại từng hai người một roi bỏ xuống giòng cho chết sạch.

A.— Gióm-Mực Jeronimo Hermosilla Liêm (1).


Vừa đặt chân lên đất Việt-Nam, Cha Jeronimo được đạt tên là Cha Vong, nghĩa là «Trọng-Mong». Cha Vong bước chân lên Việt-Nam chính nơi đây dào Công-Giao đang bị bạch hai không khe ip. Trong khi giao-

dàn tận mặt, Cha Vong là người duy nhất để sức mạnh và nguồn an ủi đến cho họ.


Công-tác đầu-tiên trong đổi Giám-Mục của Đức Cha Vong là liệu có ngày một số linh-mục để đổi phỏ vị tỉnh-thể.

Ngày 29-6-1841, người truyền chức Phò Giám-Mục cho Cha Romualdo Jimeno (2) tại làng Cao-Xá thuộc tỉnh Hưng-Yên. Sau đó, người lại truyền chức cho 7 vị Linh-Mục bàn quốc.

Vi công cuộc bất đao mỗi ngày một gạt gào nên người phải bô tên «Vong» một tên rất quen thuộc với họ Vua Quan để nhận tên là «Liêm».

Ngày 1-4-1849, Đức Cha Liêm lại truyền chức cho hai vị Phò Giám-Mục và 4 linh-mục bàn quốc tại nhà thờ Đồng-Xuyên. Đây là lần thứ nhất sau ngày Tự-Dức lên ngồi mới có một lê Truyền-Chức công-khai long trọng.

(1) Marcos Gispert : Historia de las Misiones Dominicanas — 469.
Dự cảm dạo năm 1859 của Tư-Đức húu thăng quan tiến chức cho kẻ nào bất đắc Tẩy-Giang Đạo-Trưởng và húu thướng thêm 300 lang bạc, nên nhiều người trong dân chứng tham chức trước tiến bạc, lần lởi, rình mò tìm bất cắc Giáo-Sĩ.


Khi bốn địch áp tới, Thầy Khang liên nhò cậy sáo đỉnh chống cụ. Nhưng Đức Cha Liêm khuyen can Thầy cùng như Chúa Giêsu đã khuyen can Thánh Phêrô: « Con đường có hành động gì chống trả, hãy phó mặc Thánh thế Chúa ».


"Nơi xữ dâ trai ra sau chiếc chiếu, ba cái chăn. Ông Thánh Liêm làm phép rồi ra quì bên một cái chăn. Ông Thánh Vinh và Ông Thánh Bình quì bên hai chăn kia cùng một hàng. Các quan đồng ba cái cọc trời ba Đặng lại. Một Đặng một cọc chặt làm. Chị thơt bi trói tìm bấm và ruột máu. Lúc ấy các quan độc bàn ăn sau đây:

"Đạo-Trương Tây-Giang trả bính giáng đạo để cừp nước ta. Vì thế các Ông này phải xự tử và đạo Da-Tô bị cấm!"

"Rồi có tiếng phát từ loa: Bồ dân chúng, nếu thấy người nào tổ về xót thương hoặc thầm lấy máu nhưng người bị xữ này, thì lập tức phải bắt lấy nap cho quan thâu.

"Sau ba hồi chiến đấu lên, ba người lính vung kiếm chém đâu ba Đặng một trát.


"Người ta lấy ba cái chăn bốc ba xác thành để nằm tại chổ, còn ba cái đâu, thì quan truyền cho dân dia-phương đem bảo ở bên đó Hân và canh giữ hết ba ngày Lê bảng sông" (1).

Hoàng hồn đá buồn xướng trên dòng vàng, nhưng người ta còn

*(1) Sách Truyện Bọn Thánh Tứ Việt Đạo tại Tỉnh Hải-Dương 1861, Phú-Nhai 1928 — Trang 97.*
quay quân chống quanh ba cái đầu của ba vị tử đạo. Giáo dân muốn cuộc lấy đem giữ đi, nhưng bình sĩ cash phòng căn mặt.

Lực ấy có viện Chánh-Tông tên là Ôngnh, sẵn có cảm tình với người công-giao đi ngang qua bên do Hán, Ông thấy ba cái đầu lâu của ba vị tử đạo bị bêu trên cánh cây. Ông với trọ về báo tin cho giáo-hữu xứ Yên-Dạt. Anh em công-giao xứ Yên-Dạt nhờ Tổng Ôngnh vận động thường lại đầu các vị tử đạo. Tổng Ôngnh nhận lời. Ông đơn mặt bộ quân chính sẵn mọi binh lính có nhiệm vụ canh gác ba cái đầu, đến ngày hết tại nhà Ông.

Anh em quan nhân đang đối bưng và lúc ấy cùng đã chịu tận, nên nhận lời ngày. Các ông gọi ba cái đầu các vị tử đạo bỏ về một cái cót, đem đến nhà ông Tổng Ôngnh, để khi an ủng rồi, sẽ bỏ trói sống.

Bùa cùng ngon lành với rượu nồng hào-hảng, anh em bình-sĩ ăn uống say sưa tùy-lúy... Thưa dập có người lên lấy ba cụ chuối đánh trảo ba cái đầu các vị tử đạo. Tổng Ôngnh chỉ áo đang mắc ra, ngồi lấy ba cái đầu, rồi với vang đem xuống thuyền chờ về xứ Yên-Dạt. Theo một vài sự-lịch (1) đem hôm ấy, trôi tôi đến như mưa, nhưng thuyền của Tổng Ôngnh rướn sang lên bàng một thứ ăn sáng huyền-diệu do ba cái đầu các vị tử đạo phạt ra. Lạ lùng hơn nữa, là mỗi khi đi ngang qua một chiếc thuyền nào khác, thì ăn sáng huyền-diệu ấy lại tất đì cho đến khi vượt qua, mới lại rướn sang lên. Cái áo của Tổng Ôngnh gọi đầu của các vị tử đạo sau này đã được Ông ta dùng để chữa bệnh cho ba đứa con của Ông khỏi bệnh đầu mùa và cứu giúp được nhiều người khóe tại nạn.

Ngày 20-5-1906 Đức Piô X đã phong Chân-phúc cho Đức Cha Liêm. Năm 1911 tức là 50 năm sau, khi các Đặng chịu tử đạo bài cốt các Đặng mỗi được ruộng về đến Thánh một cách cực kỳ long trọng.

Và từ đây, hàng năm cứ đến ngày 6-11 lê kính các vị Tứ-Dao quen gọi là lễ Đền Thánh Hải-Dương, người ta lại được dâng nhận thấy lòng sáng kính nhoét-thành của giáo dân Việt-Nam đối với các vị tứ-dao. Từ những miên đồng chua nước mặn, đến những tỉnh thành xa xôi, dân chúng dỡ xó về đến Thánh Hải-Dương.

Nam 1954, các Cha Đồng Đả-Minh đi cư vào Nam, nhưng cũng không quên đem theo bài cốt bốn vị anh hùng tứ-dao. Ngôi Thánh Đưỡng Hải-Dương bị bó hoạn và khu Nam Mẫu, nơi thấm máu các vị tứ-dao đã biến thành trại binh của chính-phủ miền Bắc.

B.— Giám-Mục Valentin Berriochoa Vinh.

Sinh tại Elorrio, Vizcaya, Tây-Ban-Nha năm 1827, được thụ phong linh-mục năm 1851 Berriochoa Vinh tinh nguyên đến truyền giáo tại Việt-Nam năm 1858 và thụ phong Giám-Mục Phó địa-phận Trung cùng trong năm 1858.

Người là vị Tự-Dạo vui tươi: Văn nếp trong hầm trú, tường dâu Đức Cha VINH đã gây lòng năn chí. Người đã thành con người bị quan... Nhưng, không... qua các thư từ giáo tiếp của người còn để lại, người ta phải ngạc nhiên trước một tấm lòng Giám-Mục rất an-bình, đã tinh luyện theo ý Chúa, đã ngập đầy tình yêu các linh-hồn, hằng cảm thông với giáo-dân tận lòng, với các linh-mục, các vị thưa-sai và các con chỉ ai của địa-phận.

Giữa cảnh buôn tẻ, dâu thuong, Đức Cha VINH không một lời năn nỉ, không một tiếng thở than. Người văn thi-hành chương-trình thành-thiền mà người đã tự tháo ra từ hồi niệm thiếu «Chương-trình thành-thiền trong vui tươi và xa-kỳ».

Năm 1861, sắc-chỉ của Tự-Dúc được triệt để thi-hành, từ đồng quê, đến thi xã.


C.— Linh-Mục Phêrô Almato Bìn.


Năm 1854 người chịu chức Linh-Mục và năm 1855 sang truyền-giao tại Việt-Nam.

Trong 6 năm mười nước Chúa giữa con bách đạo dự đối, Chấn-Phúc, Phêrô BÌNH, phải hy-sinh rất nhiều, người phải chạy trốn hết làng neo sang

(1) Lễ kinh nhờ ngày 6-11 (Chấn-phúc Gieronimo Liêm — trang 99.)
làng kia, ban ngày chui rúc dưới hàm hăng hoại trong lùm cây rậm rạp, ban đêm lên xuống thuyền hoặc lội sông ngơi tìm kiếm giúp đỡ giáo dân. Thần xác người rủ liệp vì bệnh tật, lại phải thiếu ăn thiếu mặc. Sau 2 năm cơ sở xứ Thiệt-Nham (Bắc-Giang), người trơn xuống Kẻ-Một, rơi qua Kẻ-Nẻ và ăn nâu tại Thổ-Ninh.


D.— Thày giảng Giuse Nguyễn-Duy-Khang. (1)

Giuse NGUYỄN-DUY-KHANG sinh năm 1832 tại Cao-Mai, xã Trà-Vi, huyện Vư-Trì, phủ Kiến-Xương, tỉnh Thái-Bình. Sớm mới cơm Cha, Thầy ở với Mẹ và đã thừa hưởng của Mẹ một lòng đạo đức sâu xa, một đức tín sống động và một tình tình thương nỗi bất khuất.

Năm 13 tuổi, Khang từ gia Mẹ hiền, tận hiền bận thân trong nhà Chúa, ở với Cha già Nàng, Đông Đa-Minh.


Nhưng conbach bài Công-giao đã phá tan giấc mộng đẹp ấy của người thanh-nhiên, vi truyền Kẻ-Một bị triệt-bá, các chủng-sinh phải trốn chuy nhử dân chım vô-tô.

Một thây một tổ như hình với bông, Giuse KHANG lo liệu hết mọi việc cho Đức Cha, từ việc cụm nước đến những việc

sao viếtthur tù, liên-lạc với giáo dân, đao hâm trù ởn... Cha con cùng nhau chia sẽ mọi vui buồn...

Với bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ và tình cruzong ngợi KHANG đã làm trọn bộ phận một cần-bổ đặc-lic, một viên hò-ve Đức Cha trong mọi hoàn cảnh tao-biên.

Bao nhiêu gian lao nhọc bao nhiêu thấm cận chếch ché mà Giuse Khang duọc chúng kiến hàng ngày, vẫn không làm chút chỉ setbacks đã chịu dũng cua người chiến-sĩ.

Những sự đau xót nhất của người chiến-sĩ ấy là khi thấy Đức Cha LIÊM bị bắt và bị trạm quyet, mà Thầy lại không được chế bên cạnh người.


Sau bao hy-sinh, đau khổ vi Chúa Giêsu, Thầy mới biết kết án tử và phải trạm quyet ngày 6 tháng chạp năm 1861 và duọc Đức Pio X phong lên chân-phúc năm 1906.

8. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH TÔN-GIAO Ở VIỆT-NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1862.


10.000 quan viên trong các bộ phải bắt giam, hơn một nửa đã chết vì đao, kẻ bị chém người bị thiếu sinh, chơn sống hay vút xuống biển, xuống sông, một phần lớn công-giao Bắc-Viết phải chết đói. Lực Việt-Pháp ký kết với nhau ở Saigon, nhận thấy rằng không som thì muôn, phải giải-phóng người
công-giao, nên các quan có ý quen họ một hay hai tuần lễ trong ngược thất. Chỉ bây những ngày họ đủ chết vị dối.

2.000 xú đạo phải bình địa, ruộng đất nhà của người công-giao phải nhường lại cho người bên lương. Từ biên giới Trung-Hoa đến Cao-Mền 300.000 giáo-hữ phải đi phán-sáp; cha mẹ phải đầy đi những tỉnh khác nhau có khi người cha ở Bắc người mẹ ở Nam, và con phải ở trong một nhà của người bên lương.

Tỉnh ra có đến 50.000 bản đạo phải chết (1) vì sắc-đụ phán-sáp. Nhưng ai còn sồng sót, mặt tật cả cửa cải ruộng đất (2). Đây chỉ là bước đầu trên con đường từ nạn của Giáo-Hội Việt-Nam.

IV. — TỈNH HÌNH TÔN-GIÁO VÀ CHÍNH-TRỊ TỪ HIỆP-UỘC 1862 ĐẾN CUỘC TRANH-DẤU CỦA VĂN-THÂN (1868)

1. TỬ-DỨC HÀ CHỊ ÂN-XÂ (1862)


«Đả từ lâu, một lợp người dán theo tả-dạo, mục dù Trăm đã ban lơi khuyến dấy nhưng hôn còn dỗ văn chưa ra khỏi giấc mơ. Lực chung quá-

(1) Louvet : « La Cochinchine Religieuse » II. 295 chỉ trong 4 năm có 115 linh-mục Tử-dạo, con số chung các linh-mục chết vì đức tin trong 300 năm bắt dạo là 200 linh-mục. Như thế cùng đủ hiểu từ 1858 đến 1862 chính-phủ của Tự-Dức đã đem toàn lực để tiêu diệt các « Da-Tô giáo-trường».

(2) Delvaux : « Vie de Mgr Pellerin ».

494
khóa ngoài miệng, chúng chỉ làm một việc đối trả, Trăm đã ra lệnh cho các trấn thủ các tỉnh bắt giữ các chức-dịch cùng đầu, Trăm cùng đã truyền phán-sáp ngay các bổn công-giao trong các làng lương dân để chúng có dịp cải tà quý chính.


Phải trả lại cho người giáo-hưu nhà cửa, ruộng nước, chúng được miễn thuế thân.

Những chức-dịch chưa xuất-giao và những thành niên không chịu bỏ đạo còn phải giam giữ cho đến lúc chúng chịu quá-khóa » (1).

Lúc các bổn-dạo về về tới làng lập tức có sắc-dư khác đến quấy rỗi họ, không cho họ & yên, sắc-dư thứ hai ra lệnh cho các quan cụ bài năm phải dê giáo-hưu đến tòa để khuyên-bảo họ xuất-giao. «Mặc dù ta cho phép dân theo đạo Công-giao, nhưng như thế không phải là ta không có quyền khuyên dân trừ bỏ mà-dạo để theo những lệ lôi của nước nhà».

Ai cũng hiểu thế nào là lôi khuyến-bảo của vua Tự-Dực, khuyên những không theo ta phải tư, muốn khối ngồi tư phải dùng tiền để hồi lỡ quan trên. Nhiều người giáo-hưu trước kia đã chơi đạo, dựng dip này để xung đạo công-khai.

(1) Khoản này cùng chẳng nói nào nào giữ, làng nào cũng lấy làm một nhọc lực phải canh giữ người giáo-hưu nên phòng-thích tạt cả các người này.

Các người Công giáo trong thời kỳ cấm đạo đã trở nên nghèo túng khó so, Tư - Đức cố gắng tìm biện pháp để bất hợp phải sống trong tình cảnh nghèo khó cơ cực; vì vậy người Công giáo không có quyền lãnh một chức vị nào trong-lang, trong tỉnh trong nước. Cùng theo sắc đụ do tận ca những thanh niên trên 20 tuổi phải khai tên để hoắc nhập ngũ hoặc đi làm lao động. Theo luật mới làng chỉ ghi một số thanh niên, và trong số những người đã ghi tên sẽ có một số được tuyển mộ làm hai công việc kể trên, những thanh niên còn lại, sẽ làm việc động - ang ở tại lang, những ví nhà vua chủ mưu phải tuyệt các lạng Công giáo, vua ra lệnh phải khai tên tất cả những người thanh niên trên 20 tuổi và phải tuyển mộ tất cả những người thanh niên ấy.

Đo là biện pháp Tư - Đức dùng để tồn - trường sự tự do tín - ngưỡng theo như Hiệp ước 1862 mà ông đã ký với Tây Ban Nha và Pháp.

Sau cùng Tư - Đức cùng chịu có sẵn sô đạo sau số phận của các Thừa Sai, theo sắc đụ của Tư - Đức, hai Thừa Sai không có phép ở trong một
tình, Thùa-Sai phải ở lại một tình dưới trong một ngôi nhà thuộc quyền ông Trần-Thủ, Thùa-Sai không có quyền vắng mặt trên 5 ngày, và muốn đi đâu phải có giấy thọ-thành của quan. Chỉ những ai có khéo chủ tâ-
đạo trên mà mới được vào nhà tiếp truyền với Thùa-Sai, cảm ngất Thùa-
Sai không được tư-hợp hơn 100 bồn-dáo một lần. Cảm ngất làm việc tôn-
giao ở ngoài nhà đa chỉ dính và cảm giảng-dạo cho những người không Công-giao.

Theo như luân-dĩu của chính-phủ Việt-Nam thời ấy tất cả những
biện-pháp trên là để bảo-tồn mạng sống của Thùa-Sai; vi chính-phủ
Việt-Nam phải trả lời về sinh-mạng cửa các Thùa-Sai trước mặt chính-
phủ Pháp và Tây-ban-Nha, nên chính-phủ Việt-Nam không dám để cho
các Thùa-Sai lưu-thông trong nước. Muốn che chở các ngại, các quan cần
phải luôn theo dõi các ngại, nhưng dù vậy một nửa con rát cũng hiểu
là chính-phủ Việt-Nam muốn ngăn cản các ngại làm phận sự truyền-giao
noi dân-chúng.

Cuối năm 1862 lúc đã đẹp được nội chiến ngoại Bắc. Tự-Dục
muốn sát hại người Công-giao một lần nữa. Các quan đã tuyên-hố rằng :
« Một lúc mà lấy được Saigon rồi, họ sẽ ra tay giết cho tuyệt các loại
Công-giao ». 

2. TỊNH HÌNH TÔN-GIÁO Ở BẮC-VIỆT

Các Thùa-Sai Charbonnier và Mathevon phải bắt ở Cửa Bằng giữa
năm 1861. Lúc dân các ngại đến Thanh-Hoa các ngại phải tra tần dù tuyện,
và phải giảm đội. Thùa-Sai Mathevon đã đơn mình chặt, trở các mảnh áo
của người lại cho Thùa-Sai Charbonnier và xung đột lớn lớn những với hai côi
cách nhau xa. Cả hai phải giả vài vào Huez tháng 6-1862. Khi hai ngại đến
Huez Tự-Dức truyền tháo gòng và phát cho 7 cái áo mới. Đồng thời các
Thùa-Sai Desvaux và Croc cùng đến Huez để yêu cầu Tự-Dức cho về
địa-phận giảng dạo đứng theo trí ý của Hòa-uóc 1862. Nhờ dịp này vừa
gọi Thừa-Sai Charbonnier và Mathevon vào Saigon trả cho chính phủ Pháp.


Địa phận Trung Bác-Việt gồm các tỉnh Nam-Bình và Hưng-Yên phải xốn xao lâu lắm vì các quan cơn bất bờ bón đạo nhiều cách. Từ lúc Giám-Mục Ochoa từ đạo, địa phận này chẳng có Giám-mục mãi đến 1865 Toà Thánh mới ban sắc dụ truyền chức cho Thừa-Sai Cezon.


(3) S.I. 1936 trang 454.

3. TÌNH HÌNH TÔN-GIAO Ở TRUNG-VIỆT

A.— Địa-phan Huế.


Muốn theo dõi hành động của người, Tu-Dực đã gửi năm hoặc 6 câu ảm, con các quan đến tại đình Giám-Mục học tiếng Pháp, nhưng Giám-mục Sobier chẳng lo sợ gì, người đi tham tất cả các họ đạo tại kinh thành, ở đâu người cũng làm những lễ nghi rất lòng trọng quan nghiêm, lương giáo đến như những lễ nhắc đồng đảo như ngày hội. Thì ra Giáo-Hội mà Tu-Dực muốn tiêu diệt lại sống một cách mạnh mẽ ngày tại Kinh-Đô Huế.

B.— Địa-phan Quý-Nhon.

Đức Giám-mục Cuénot mất từ năm 1861 mãi đến năm 1865 mới có Giám-mục Charbonnier đến thay thế, người trước kia đã làm cha chính địa-


Lúc người di chuyển phận bona đảo mưng rớ, những nơi đây cùng như toàn côi Việt-Nam hồi ấy phải đối khát, Giám-Mục Charbonnier hết sức giúp đỡ, mỗi bự sáng lực mở cửa Tòa Giám-Mục cố đến ba bên người đã cùng chết tại đó. Đắng khốc bệnh dích-tá hoành hành gắt gao, các linh-mục phải liên tiếp đi kẻ liệt. Lực được bùng ẩn, nhà Chung lại thiếu có thiếu tiến không sao giúp đỡ bona đảo được, các quan còn làm nhiều kẻ để ngăn cần việc giảng đạo, mặc dù các linh-mục vẫn chịu khổ lâm về việc nên trong một thời gian vẫn các bona đạo lại thành như xưa.

4. TÍNH-HỊNH CHÍNH-TRỊ VÀ TÔN-GIÁO Ở NAM-VIỆT

A. De La Grandière chiêm bao tình miền Tây Nam-Việt.

Theo như hiếp-urc 1862 mặc dù người Pháp chiêm đồng Vinh-Long bona phải trả tình ấy lại cho Việt-Nam và không dự vào việc nội-bộ trong xử nhá, đương-cuộc Việt-Nam có quyền cai-trị và kiểm-soát hoạn-toàn. Triệu-dình phải gọi về những quan lại mà triều-dình sai đi để điều-khiển các
cuộc hạnh-bình và dự-bí trấn phục-thù, hiện trön tránh & ngoại-đo các tỉnh
би, chiếm cứ, và nếu họ ở đó thì chỉ gây ra những cuộc xung-dượt không
thể tránh được. Vói điều-kiện ấy Phap mới trả lại Vĩnh-Long cho Việt-
Nam. Vi tỉnh-bình khó khăn nên, triều-dinh bỏ ông Phan Thanh-Giản làm
Trấn-Thủ tỉnh Vĩnh-Long. Đang lúc đó Trường-Đình chỉ huy anh em
ngũ-hai-quan chỏm lại Pháp. Bonnard về Pháp, De la Grandière đến cầm
quyền binh-bí và hành-chính thay thế.

B.— Sứ-bộ Phan Thanh-Giản qua Pháp lần thứ hai (1863-1864).

Phan Thanh-Giản lại được lệnh dẫn dâu phi-doàn Việt-Nam gồm có
tả tham-trí lại-bộ Phạm-Phúc-Thể và án-sát tỉnh Quảng-Nam là Nguyễn-
Khắc-Dần với 53 tùy-viên trong số có linh-mục Nguyễn-Hoàng (1) và Pétrus
Trương Vĩnh-Ky (2). Phi-doàn sang Pháp có mục-hịch mua chắc lại
ba tỉnh đại biên Phap chiếm cứ. Mặc dù Na-Phá-Luân tiếp việc phi-diễn
rất chiều-trong nhưng sau cùng ông cũng không trọng-thuận. Về lại xứ,
Phan Thanh-Giản được cử làm kinh-lực-sử ba tỉnh miền Tây Nam-Việt.

Lúc & Phap sang, De la Grandière đã có ý lấy nghệ ba tỉnh miền Tây
cho xong, nên viên-cô-ràng: nhàn tự khi trước, nước Pháp sang
lấy Nam-Việt, người bán-xứ thịnh thọa hoang van nói lên chỏm phá, quan
Pháp đánh dep mãi không yên. Ông Cao-Mên lại có Sư Bu Cám-Bô xưng là
con cháu Nặc-dag-Chân nói lên danh vua. Norodom, Suy-phủ & Saigon

(1) S.L. 1936 trang 153. Linh-Mục Nguyễn-Hoàng sinh ở Hu-Tỉnh năm
1839 người được gọi đi học ở Penang, năm 1876 được cử làm Thám-biên
thương-chính ở Hải-Phòng và Hải-Dương; năm 1883 lên chức Hồng-lô tư-
khanh kiêm chức Thám-biên Viên cơ mật, năm 1886 làm quan phá-thể
dại thần mật năm 1909.

(2) Trương Vĩnh-Ky sinh năm 1837 tại Cái-Mơn Bến-.credentials. Học ở trưởng
Penang và biết nhiều thứ tiếng như: La-Tinh, Hy-Lap, Pháp, Anh, Tâu và
Nhật; xem Bào-văn-Hội: « Danh-nhan nước nhà» 126.

C.— Tinh-hình Tôn-Giao ở miền Nam (1862-1868).


Một hôm được tin một viên sĩ-quan Pháp dùng vui-lực để cuộp một cò thiếu-nữ công-giao ở họ Xóm-Chieu (1) lập tức người dùng dây và đỉ tìm con chiến bị soï tha đem về rạng sau lúc đã giảng một bài này lừa. Trước kia ở Cung-quán hay ở Khâm-duường, tại triều-dinh Huế hoắc bày giờ ở trước mặt các sĩ-quan Pháp, người vẫn giữ một thái độ. Lực người nhận thấy sự đối bái đã xảy ra, người nhớ tiếp thồi kỳ cám dào. Rồi dòng giống giáo có thể nghiêm khắc thì những làm cho tâm hồn mạnh mẽ và trong sạch, người luyện tiếp thồi kỳ cám dào vì thồi kỳ hãy đã nung dúc các thiếu-nữ Việt-Nam trở nên anh hùng từ dào chịu đau có làm cho họ thành

(1) Louvet : « La Cochinchine Religieuse ». II. 356.
những cơ gai điểm như lúc hũ القوم đỏ bừng có tam sắc của quân đội Pháp (1).

Bốn năm hòa bình mà người đã chung sống với các người đồng hương của người đã làm cho người già hơn 25 năm sống dưới đổi cảm đao, vì thế người đã xin Tòa-Thanh từ chức Giám-mục. Cuối năm 1864 người trở về Pháp và Đức Giám-mục Miche lên cảm quyền cai quản địa phận Sài gòn thấy thế người.

O) CÁC BÀ PHƯƠC THÀNH PHAO-LÔ (1860).


Các bà luôn luôn kinh trọng sự từ-dỗ tín-ngưỡng của bệnh nhân. Ích gì cho Giáo-Hội nếu những người gia nhập Giáo-Hội chỉ vì bỏ buóc. Muốn cứu rỗi bệnh-viện chính-phủ thuộc đức địa bia ra thác cơ các bà không tồn-trọng từ-dỗ tín-ngưỡng nơi đủ quyền điều các bà ra khỏi bệnh-viện để những chỗ cho các nư y-tá. (2)

(1) Louvet: «La Cochinchine Religieuse ». II. 357.
(2) Phan phát-Huấn V.N.G.S. II trq 439 - 447
b) CHÚNG-VIỆN SAIGON (1).


c) CÁC BÀ DÒNG CARMEL (1861).

Đức Giám-Mục Lefebvre đã có liên lạc với dòng Carmel Lisieux từ năm 1849, nhưng đang lúc ấy vì con hát đao các bà không thể nào đến lập đong tại Việt-Nam, mãi đến năm 1861 có 4 bà đồng lên đường tới Saigon, đến nơi đây các bà chưa có nhà nên phải ở với các bà đương Thanh Phao-lố. Ngoài những nơi khó khăn về đường vật chất còn có những trở ngại lớn về đường tinh-thần. Các bà ở một thế-giới xa lạ, chưa bao giờ có kinh-nghiệm về đời sống tông-dổ ở xứ truyền-giáo, làm sao các bà có thể đao-tạo các thiếu-nữ Việt-Nam theo lệ luật và trí ý dòng Carmel?

Hơn thế nữa các bà không biết tiếng Việt muốn học tiếng cần phải có sách Tự-dien của một nhà sách và Tự-dien dạy tiếng Việt lại viết bằng tiếng La-tinh, các bà làm sao hiểu được, chỉ có một lời thọt lại nhỏ của Thừ-Sài dạy, nhưng các Thừ-Sài vừa hiem, vừa gánh vác rất nhiều công việc, trong quá tháng đao các bà mỗi lần muốn thông công với người Việt phải dùng đầu hiệu; nhưng không làm sao hiểu nhu полож cho hết ý được.

(1) Bạch chư niên. Kỹ yêu — Chủng vién thành Giuse Saigon.
Vì những khó khăn trên và vì thủy thở không hấp, sau ba tháng hai bà đồng Carmel xin hồi-hương vào đầu năm 1862; các bà thuộc về một giáo đoàn lo việc nguyện ngàn độc kinh, lẽ dĩ nhiên là chính-phủ Pháp sẽ không giúp họ một chút gì. Vào tháng sau 1862, hai bà còn lại với 5 thiếu-nữ Việt-Nam đi đến một khu nhà gần Chung-viên, ngày 4-10-1865. Đức Giám-Mục Miche nhận lời khan của bà đồng Carmel Việt-Nam tiên khởi: Marie Louise de Gonzague. Trong một thời gian ngắn dòng Carmel ở Saigon đã trở nên một tổ ấm, vang đôi tiếng cầu kinh liên lỉ (1) của thiếu nữ Việt-Nam đã hy sinh cuộc đời xuân xanh để phụng-sứ Thiên-Chúa.

d) CÁC SU-HUYNH TRƯỞNG THIÉN-GIÁO (1866).


Hồi ấy trưởng của các su-huynh được uy-tín nhất ở Saigon. Các gia-dình công-giáo hay không công-giáo vẫn hoàn toàn tin cậy vào công việc giáo-duc của các thầy, vì thầy rở ở trường các thầy, học-sinh được bảo


(2) Về sau thưa-sai Puginier sẽ được chọn làm Giám-mục ở Địa-phán Tây Bác-Việt.

đâm không những về văn-đế trị-thực mà còn về văn-đế luân-lys. Đặng khác chính-phủ cũng biết rõ các sự-huynh hy-sinh những trường bồng lề chẳng bao nhiêu, nên việc giữ các sự-huynh trong việc tổ-chức các trường là một việc lợi lớn cho chính-phủ thuộc-dịa (1).

e) SÁT HAI CÔNG-GIAO Ở THÚ-DẦU-MỘT (1868).


Ngày 1-7 tất cả những người công-giaio bị bắt hồn qua được đem ra xử trước mặt ông thây ở Thác. Tất cả những giaio-hươi gần đây này nhất định không bạo dào. Tắt cả có 12 người dân ông, 4 người dân bà, và 8 trẻ con. Họ bị vứt xuống giếng sau lúc đã bị chém, nhiều người chỉ bị thương nhẹ, tim cách bò lên những quan của thây ở cảm-giao gì xuống. Chúng đã man đên mỗi lấy giaio rích một dưa nhô xuyên từ dì đến cuối hông dang lực mê nó còn bồng trên tay. (2)

CHƯƠNG XXI

CẢM ĐÀO DUÔI ĐỜI VĂN-THÂN (1864-1888)

Văn-Thân là một hạng người trong Xã-Hội Việt-Nam, có an bốc và

(1) Phan phát-Huện V.N.G.S. II trg 406.
(2) Louvet : «La Cochinchine Religieuse». II. 389.

I.— HOẠT-DỘNG CỦA VĂN-THÂN TRƯỚC LỨC HÀM-NNGHI CHẢY TRÓN (1864-1885)

1. CUỘC ÂM-MUU CỦA VĂN-THÂN Ở KINH-THÀNH HUẾ (1864-1865)


Theo chương-trình tất cả các phần-tự của Văn-Thanh sẽ được vô trang,

(1) Trần-Trọng-Kim: «Vìệt-Nam Sử-Lược.» 521.
xong ho so tieu-diet cac Thura-Sai va cac tin huu cong-giao. Viec sat hai Cong-giao se la man thur nhat trong tan tuong noi loan. Man thur hai se la viec danh duoi nguoi Phap ra khoi Gia-Dinh. Muon cho cong cuoc di den ket qua mong-voe, cong viec ay can phai duoc vua chap thu, nen vua khuoc-tur, vua se bi tru-t-ph.

Van-Thanh chieu-mo rat nhieu bon cuop trong xur va de cho chung co long so-t-sang than-gia cong viec, Van-Thanh noi ri tai voi bon cuop rang: «Dinh Giam-Muc Sohier chua vang, can phai cuop cho sach». Luc ay Giam-Muc Sohier di Phap, chi co mot Thura-Sai tre tuoi o tai dinh la linh-muc Bernard.

Dai-dien cua Van-Thanh gii len vua Thu-Duc mot t or so, trong do ho ke lai tat ca nhung noi khon kho cua nguoi dan tu my nam nay, nao la giac gia trong nuoc va ngoai nuoc; nao la dich-ta, doi khat mat mua, tat ca nhung tai nan ay do bon Cong-giao gay nen vi chung da cau-ket voi ngoai-quoc, vi chung ma Trong xuong hoa cho chung ta. Chung ta con co the gio de ngan can nhung tai hoa bang cach giet cho sach bon Cong-giao, bang khong ve sau nay luc chung tang so va tro nen manh chung ta chi ngoi ma doi chet.


Hơn nữa trong khắp các tỉnh hòn Công-giáo đã làm từng ngần chiếc gông để deo vào cơ những người lương không chịu theo đạo Công-giáo.

Vi những lý lẽ trên, Văn-Thanh yêu-cầu nhà vua cho họ khi-giói đây đã để cứu tổ-quốc làm-nguy, trong tương-hợp nhà vua không ban phép, họ sẽ không thi-cứ gì nữa. Bây giờ không còn là lúc ngâm thơ vinh phúc, nhưng là lúc phải hoạt-dộng (1).

Tờ sở này đã làm vua Tự-Dực khẩu-sợ. Ông cầu-chức các quan ở Huế đã không tin cho nhà vua biết về sự âm-mưu của « hòn Công-giáo ». Vua truyền lệnh cho tất cả các ông Trần-Thủ các tỉnh phải tự mình đi khám xét nhà các người Công-giáo và thu sách các khi-giói dân được tìm thấy. Một tiểu-dợi gồm toàn những binh-sĩ không Công-giáo được to-chức ở trong mỗi một xóm, binh-sĩ phải luôn luôn sẵn-sàng thi-hành mệnh-leah của triều-dinh, toàn-quốc để ở trong trạng thái thiết quân luật, đem đến người ta nghe tiếng trong, tư và, rồi từng đói linh hực rào bước từ throughout này đến thương khác.

Các ông Trần-Thủ kiêm-soát các nhà thò, nhà hòn đào rắt ngất nhưng không tim ra được khi-giói và dân được gì cả, các ông mới tin người công-giáo với tôi. Những vị phán sự vua, phán sán dip làm tiền, các ông truyền lệnh cho bất nhiều người công-giáo đánh đáp cho lời tiền mới thà. Văn-Thanh thấy thế trường là các quan ứng hô phong-trào hô mới dân dot nhà thưa-sai Bernard và dot một nhà thò khác tại Huế. Thưa-sai Bernard viết thư

(1) Louvet : « La Cochinchine Religieuse ». II. 410.


2. TRANG-THÁI CỦA TỰ-DỨC ĐỐI VỚI CÔNG-GIAO

Lúc tram còn niên-thiếu, Tràm đã được hanh kề vì các Tiến-Dẻ để làm phù-mẫu của dân, vì vậy đối với Tràm mỗi người dân trong nước đều là con cái của Tràm. Nhiều khi con cái ăn & tốt lành, nhưng cũng làm lúc chúng an & đang từng xấu xa, việc bổn phận của kẻ làm cha mẹ là phải biết dạy dỗ và sửa phất chúng, nhưng sao khi đã sửa phất cha mẹ phải thường mến con cái như trước. Nếu cha mẹ danh nó là vì muốn cho nó nhanh lớn và hồi cải anzeigen.

Cách đây vài năm Pháp và Tây-Ban-Nha đã đến chiếm cư đất đai của chúng ta, để khống cứ lại, chúng ta tất cả đã phải chịu bạo nỗi khó khăn, các quan đầu với Tràm rằng: "Chính bốn Công-giao về không được tự do giữ đạo đã cấu cấu hai nước ấy" do đó, các ông báo phải phán-sáp, phải giảm tư tật cả những người công-giao để trạnh một tai hoạ lớn loa. Vì báo cáo sai làm và dạy mau thuận tinh thể lại bắp bênh, Tràm không biết đâu là sự thật, nhưng biết phải nghe ai, nên Tràm và các quan đại thần đã dùng những biện pháp nghiêm ngặt.

Tràm là Phụ-mẫu của dân, Tràm nói nào sát hại những người dân, người con trong nước... Có những quan yêu cầu giết sạch dân công-giao, những Tràm không thể chắp thuận một biện pháp như vậy, Tràm đã dùng một biện pháp nghiêm ngặt nhưng vừa phải, là biện pháp Phán-sáp dân công-giao (1). Như thế dân chúng biết lòng Tràm địa lương đến mức nào?

Những người có phần sự phải thảnh hàn sắc-dù của Tràm đây, có nhiều ông quan đã dùng dip này để làm khó dân đến cực độ. Tràm rất lấy làm đau lòng vì những hàn hờ đồng trên, lúc hòa-bình về lại Tràm đã cấp tốc truyền cho giáo dân và quế hướng xử số để giữ đạo của mình.

Đâu vậy ở trong nước vẫn có bè đang, có những đang thấy mình được che chở (2) thành thứ trở nên kiểu càng tìm cách báo thù làm cho

(1) Biện-pháp vira phải, những cùng đã làm cho 50.000 công-giao phải chết.

(2) Tự-Dực có ý âm chỉ công-giao.
cả toàn dân phải than phiên, đang khác (1) ghét chúng và tìm mọi cách để phá hại.

Phần các người công-giaō, Trầm nhận rằng: Công-giaō & vào một tính thể đầu đơn, nhưng dù sao sự trung thành của công-giaō đối với Đạo và luật nước làm Trầm hết sức khâm phục. Trong cách đối xử Trầm sẽ không phần biết lượng hay giaō, nếu Công-giaō còn giữ một mối thù, tức nhanh Công-giaō không theo lệnh vua. Công-giaō sẽ là phiên loạn; đa là phiên loạn thì làm gì còn là Công-giaō nữa?

Hãy lo tập mình đi đến chỗ toàn thiện ngôi hậu Trời có thể nhận lời cầu xin của dân công-giaō. Theo những nguyên tắc công-giaō, chúng ta không nên bắn tên đến danh vọng, đau khổ, khinh chế phi báng.

Còn Văn-Thần, không hiểu các ông đã học ở sách nào để vi phạm luật nước bằng cách tập-trung trong các lạng để giết hại người công-giaō. Các triết-gia đã lên án vültê, các ông không có quyền hoạt-dộng như thế.

Nếu hoạt-dộng vi thú hại nhân, không những người này sẽ nuốt người kia, như cả lón nuốt cá he & ngoài biển, mà có khi sẽ nơi lên chúng chính-quyền, như vậy sẽ gây ra không biết bao là tai hại. Ai sẽ chịu trách-nhiệm về những vụ lồn xôn, phải chăng là Văn-Thần?

Các ông đã báo cáo Công-giaō âm-mưu nội loạn, nhưng vô bằng cơ, cái có bằng cơ là Văn-Thần, người có chử nghề sao lại có thể an & như thế được?

Người Công-giaō đã bị bắc đại, nhưng không phải vì họ không có lơi, vì họ đã theo một thứ đạo khác hàn với đạo chúng ta làm chúng ta nghi ngờ họ. Nay hòa-bình đã trở về lại lòng người công-giaō hành hoạn và họ đã quên hận tất cả những nơi đau-khô nhục-nhã của họ, vậy sao Văn-Thần còn sợ Công-giaō thứ oán? Một người Công-giaō trước

(1) Văn-Thần.

512

Chúng ta nhận thấy trong dự có nhiều điều sai lầm, nhưng có một điều không chợ cái được: Tự-Dức ca-tương lòng trung-thành của người công-giao và công-nhiễm người công-giao đã bị vu oan.


Thế là các quan mặt dip làm tiến vi không được mon men đến nhà các thưa-sai nữa, và đồng thời các thưa-sai được an đã làm công việc mình không còn ai dám đến quấy rầy.

Từ lúc Việt-Nam ký tờ hòa-ước với Pháp, Tự-Dức không bảo
giàu mim cuối. Năm 1862 tổ ông đã trở nên trắng bắc mặc dù lúc ấy ông mới 33 tuổi. Trong sắc-dư ra năm 1867 Tư-Dục đã công nhận vì lỗi của ông nên trở lại giảng hòa xuống cho dân chúng (1).


3. VĂN-THẦN SÁT-HẢI CÔNG-GIAO NAM-DỊNH (1868)

Từ lúc Pháp chiếm ba tỉnh miền Nam Văn-Thanh & Bạc biên như không còn muốn tuân theo lệnh của Triệu-dính Huế nữa, lấy cơ rằng để chống Pháp trong tương-hợp họ để bố len đất Bạc, các Văn-Thanh & những tỉnh Ninh-Bình và Nam-Dĩnh đã lập nên những đối quân lưu-dòng đất được

(1) Louvet : «La Cochinchine Religieuse» II.439.

Người Công-giao khẩn-cứ lại và đã giữ lại hai Văn-Thanh trong số đó có ông Tú-Dương. Tú-Dương phải triều-dình lên an giao giảm bạo những vua muốn xử hoa cả hai bên nên ra lệnh phát cha từ Kê-Trinh.


4. PHÁP Ô BÁC-VIẾT

A.— Jean Dupuis và Francis Garnier.

Đồng lúc việc giao-thiệp giữa Việt-Pháp làm vào giai đoạn khó khăn Jean Dupuis đến làm cho việc giao-thiệp càng khó khăn thêm.

Jean Dupuis là một thuộc-gia Pháp, mặc dù không có lệnh của nhà đường cực Pháp nhưng chỉ được ông bộ trưởng Hải-quan Pothuau và viên toàn quyền Pháp ở Saigon (3) khuyến khích, cương quyết vào sông Hồng-

(1) Morey : « Mgr Theurel » 212.
(2) Ravier : « Sû-Ký Hội-Thánh » III. 569.
(3) Louvet : « Vie de Monseigneur Puginier ». 196.
Hà để mở một con đường thủy lên Vân-Nam. Tháng 11-1872 ông tới Hải-Dương, nơi đây ông gặp viên trưởng Senez chỉ-huy chiếc Bourayne, nhờ Senez giới thiệu, Dupuis được xét-kìen ông Lê-Tuân, Trần-thủ Hải-Dương.

Ông Trần-thủ kinh ngạc: tự không ban phép cho Dupuis tiếp-túc hành-trình trên sông Hồng-Hà, vì chỉ vua mới có quyền ban phép ấy. Sự kinh ngạc từ của Lê-Tuân hợp pháp, Dupuis yêu cầu được nhà đường cuối cùng Việt-Nam vẫn đóng với triều-dình Huế để ông được tiếp tục đi đến Vân-Nam. Nhà cầm quyền Việt-Nam xin Dupuis đổi muốn làm bùa, hai tuần qua không thấy có giấy tờ gì ở Huế đến, Dupuis tự tiện cho tàu chạy lên Hà-Nội, trôi vội luồn lẻ biên hành & trong nước.


Nhà đường cuối cùng Hà-Nội trống cậy Giâm-Mục Puginier đúng theo lý của người khuyên du Dupuis ở lại để chờ giấy phép triều-dình Huế, bằng không

(1) Louvet : « Vie de Mgr Puginier » 197-205.


Schreiner : « Abrégé de l'Histoire d'Annam ». 318.

516


Hòa uóc 1862 đã trở nên và gia-trí vi Pháp đã vi-pham hòa-uóc ấy bằng cách đúng vở lực chiếm luôn ba tỉnh miền Tây Nam-Việt năm

(1) Louvet: « Vie de Mgr Puginier » 214. Thư của Francis Garnier cho Giám-Mục Sohier ở Huế viết tại Sài-gòn dè ngày 6-10-1873 cùng cho chúng ta biết rõ am-muu của Pháp đối với Bắc-Việt. « Il s'agit bien évidemment d'assoir l'influence française aux bords du fleuve Rouge et de préparer au Tong-king un véritable protectorat. »

(2) Tháng 7-1873 Dupré đã nhở Hong-kong and Shang-hai bangking Corporation đế cho Dupuis một số bạc tả 30.000 dông. Xem Louvet: « Vie de Mgr Puginier », 203 (1).


Những hồ-so ấy chứng-minh Phap muốn đúng vô-liêm đề can-thiệp vào nội-bộ Việt-Nam.


Lúc vừa đến Bác-Việt Garnier cho ra một tờ còn-bô trong đó ông xúi giục Công-giáo khieu-nài với ông về cách xử tận tẻ của các quan đợi với họ.

(1) Louvet : « Vie de Mgr Puginier » 212.
(2) Louvet : « Vie de Mgr Puginier » 213.
Theo mặt-lệnh của Dupré, Garnier phải liên-lạc với những người thân nhất để mọi toan một việc làm để Tự-Dực (1) trong lúc đó họ sẽ thưa dịp đặt bản tay lên Bắc-Việt cũng như họ đã đặt lên ở Nam-Việt. Đức Giám-Mục Puginier khuyen Garnier dùng nhiều-linh hoạt-dộng một cách khôn ngoan như vậy, và người ra lệnh cho người công-giao Việt-Nam không được thông công với người Pháp.

Sự-mang của Francis Garnier là duôi Dupuis ra khỏi Bắc-Việt...
Chúng ta thấy rõ nếu Garnier đã di quai sự-mang ấy không phải vì Giám-Mục Puginier đã khuyễn-khai ông, nhưng vì nhà đương-cực Pháp mà Dupré là đại-diện, đã ra lệnh cho ông đặt nền mình bảo-hộ ở Bắc-Việt.


Thế rồi Francis Garnier gởi tới hâu-thứ cho Việt-Nam và hà thành Hà-Nội hôm 20-11-1873. Xong Garnier đi mệt ở các tỉnh được 14,000

(1) Louvet : « Vie de Mgr Puginier » 220.


thần binh trong số đó chỉ có 2.000 Công-giao (1). Không đây một tháng quân đội Pháp đã chiếm Ninh-Bình, Phú-Lý và Nam-Đinh.

B.— Philastre.


Philastre là một người diễm-dăm (3) nhận thấy việc Dupuis và Garnier lấy là những việc bất hợp-pháp; ông liên cho lãnh quân Pháp phải trả lại cho Việt-Nam các thành-trị Pháp đã chiếm cứ và buộc quân-đội Pháp xuống đầu vào Nam.

5. VĂN-THÂN SÁT-HẢI CÔNG-GIÁO (1874)

A.— Địa-phận Tây Bắc-Việt.

Biết trước ngay quân Pháp trít-thôi khi Bắc-Việt Văn-Thần sẽ nói

(1) Louvet : « Vie de Mgr Puginier », 225.


Olichon : « Le Père Six ». 74.


B. Địa-phận Nam Bắc-Việt.


Giám-Mục Gauthier nhân thấy các quan triệu-dính không dùng một phương-pháp nào để ngăn-cản phong-trào giáo-loạn giết bai công-giao người


(2) Louvet : « Vie de Mgr Puginier » 248.


C.— Phát-Diệm —— Cự Sâu.


Cùng trong thời kỳ này, cụ Sâu đã được triều-dình mới về Ninh-...

Bình để thu xếp giảng-hóa giữa Lưỡng và Giáo (1). Dân sự rất lo ngại thấy người về Ninh-Bình, vì nơi đây đã có hai linh-mục bị giết, nhờ tài không-khão của Sáu thu xếp và làm bình-an lại cho dân-chủng rồi người trở về Phát-Diệm giuka sự hàn hoan của giáo-dân: Tự-Dực và Triệu-dình neghe tin giỏi giã ban khen (2). Đặng lực ở ngoài Bác, Văn-Thần tha hö chém giết Công-giao, ở Trung và Nam tam yên, tuy nhiên có một vài quan có ý nhơn dip ấy nói len giết hai Công-giao, nhưng họ cũng không thực-bành được ý muốn của họ.

6. HÒA-UỘC 1874.


Hoa-uộc 1874 có cả thấy 20 khoán. Đây chỉ trích khoán thứ XI nói về Tôn-Giao: (3)

« Nhìn nhận đạo Công-giao dạy dân làm lành, Hoàng-Dế Việt-Nam bái bổ những dự cảm đạo trước và ban phép cho tất cả mọi người dân trong nước được tự do theo đạo và hành đạo.

Vi vậy, các người Công-giao Việt-Nam được phép tự tập đồng đạo trong các Thành-Dương để làm việc phung-su. Công-giao sẽ không còn phải bô buộc vì một lý do nào, làm những việc trái tôn-chỉ của đạo, và cũng không phải làm giây kiêm tra riêng. Công-giao được tham-gia vào mọi công việc công nhưng không bô buộc làm việc gì mà đạo cấm.

Hoàng-Dế cho lệnh huy-bộ tát cả những giây to kiêm-tra người Công-giao từ 15 năm nay. Về thue mà người dân phải đổi xử với người


(2) Olichoc: « Le Baron de Phát-Diệm ». 78.

(3) Schreiner: « Abrégé de l'Histoire d'Annam ». 448.
Công-giao như những người dân khác trong nước. Hoàn-Đế phải cảnh dấn-chúng đứng những danh tử nhạo-bằng đạo và sẽ sửa chữa lại những khoản trong Thập Điều (1), vì trong sách này đã dùng những danh-từ ấy.

Các Giám-Mục và Thùa-Sai được quyền lưu-thông trong nước và trong các địa-phận…


Các Giám-Mục, linh-mục có quyền thuê và mua đất, nhà, có quyền xây cất nhà thờ, nhà thương, trường học, nhà dược-anh và các nhà khác thuộc về việc thờ phượng.

Nhưng của cải của người Công-giao bị tịch thu và hiện đang còn giữ phải trả lại cho người Công-giao.

Nhưng khoản nội về các Thùa-sai, phải hiểu là Thùa-sai Phap hay là Tây-Ban-Nha.

Sau lúc kinh hoa-uộc, Hoàng-đế sẽ ra một sắc-dự để các lang các tổng biết sự tự do hành-dạo do Hoàng-Đế đã ban cho người Công-giao khắp toàn quốc ».


7. PHÁP LẬP NỀN BÁO-HỘ Ở BẮC VÀ TRUNG-VIỆT (1883 - 1885)

Lực Pháp đã ổn định miền Nam mới lo toàn việc thốn tính

miền Bác. Henri Rivière chỉ điểm Hà-Nội một cách bất hợp pháp năm 1883. (1)


(1) Gosselin «L’Empire d’Annam». Paris. 1904. 179. «J’ai du respect pour ceux qui ne sont plus, de l’admiration pour ceux qui sont tombés bravement, mais ils ont récolté ce qu’ils avaient semé et fatalement, leur aventure à chacun d’eux (Francis Garnier và Henri Rivière) devait mal finir, comme elle avait mal commencé, à l’anglaise, c’est à dire de façon déloyale. On a attaqué les annamites en violation du droit, et quand les gens, revenus de leur surprise se sont défendus on a crié à l’assassin».

Trần-trọng-Kim: «Việt-Nam Sư-luộc» 525.
Về vấn đề ngày những tài-liệu lịch-sử không cho phép chép-thuần những ý-kiện của.

a) Myr Freppel trong Ami du Clergé 2-3-1922 trang 183-189.

b) Launay trong Histoire générale de la Société des Missions. III. 518.

II. — VĂN-THÂN SÁT HAI GIÁO-DÂN (1885-1888)

1. Ô BẮC-VIỆT

A. — Địa-phận Tây Bắc-Việt.

Từ lúc vua Hạm-Nghi bị cung-diện chay trốn Văn-Thần khắp nơi nói lên giết giáo-dân một cách công-khai.

Ô Bắc, trong địa-phận Hà-Nội tại xứ Đoài (2), 5 làng có đạo phải chay trốn.


Người vừa trả lời xong còn chúng chấn sòng người, đầu lên xuống, hai chân lại ra khỏi mặt đất, mang một tấm bảng nhỏ có viết mấy chữ: « Bọn theo tâ-dạo sẽ phải giết như thế này. »

Ngày 20-9-1886 có 1000 quân giác bao vây Thanh-Hoa, vì không lấy được thành chúng diệt, các làng có đạo, ở chung quanh Cửa Bằng, có đến 100 hò đạo phải tan phá.

(1) Muôn rõ thời-cuộc loạn lạc này xem Delvaux: « Quelques précisions sur une période troublée de l'Histoire d'Annam ».

(2) Xứ Đoài gồm các linh Sơn-Tây, Hưng-Hoa và Tuyên-Quang.
B.— Địa-phận Nam Bạc-Việt.

o) LÁNG HƯƠNG-PHƯƠNG VÀ CỜN-NẢM.


Ôi xùi Corno-Nảm linh-mục Kiểm gia yêu không chiu họ xù rt, on chạy, người nói rằng: „Giá cả như tôi thể này chẳng thêm sống, tôi chỉ muốn chết thôi.” Lực Văn-Than đề, người đang atz như nguyên với hai học-sinh củ người, chúng lơi người ra khỏi nhà, và đến gần Hướng-Phương chem một lực với hai học-sinh.


b) LÁNG BẢO-NHAM.

Tháng 10-1885 Văn-Than kêu đến hai ba lần bao vây làm Bảo-Nham, nhưng không phạ được; ngày 12-11-1885 có 2.000 quân giải mạng sống ống đến bao vây làm Bảo-Nham, trong lòng chỉ có độ 250 người tráng-kien và tầm khấu sống với giải mắc, qua ngày 13-11 có 10 người Công-giao tử-trần và 20 người phải trong thương. Hơn nửa dân được không, nên thấy tình thế quá nguy ngập, đem đến họ rủ nhau
trần lên núi, bốc vào hang, đến sáng Văn-Thần đột nhập vào làng đốt phá và lấy tre đóng bờ giữ rào núi.


Nghe tin Công-giao Bao-Nham & trong tỉnh trang khôn đồn, Thừa-sai Klinger đem 300 công-giao để giải vậy cho họ.

c) LÀNG TRUNG-NHĨA VÀ XUÂN-KIỀU.


Ở Hà-Tĩnh, có đến 6.000 người bôn đảo chết vì giặc, thừa-sai Satre phái trong thường, thừa-sai Cras từ tran còn có linh-mục khác phái canh gác tập dốt, xây đồn đáp lũy để tự vệ hoắc phái đem quân đi đánh thái cho những làng bị vây. Đang khi các người còn phái đi nước những bôn đảo đã chạy lên núi, dưa họ về làng lo gao, cơm, thuộc thang và chồ ờ.

Cùng trong địa-phan Nam Bác-Việt trong xứ Xuân-Kiều đã xây ra những trận ac-liệt giữa công-giao và Văn-Thần. Văn-Thần có 4000 quân,

Cuối năm 1885 Giám-Mục Croc địa-phận Nam Bác-Việt qua đồi, Đức cha Pineau làm giám-mục cai-trí địa-phận thay thế người.

2. Ô TRUNG-VIỆT

Ô Trung-Việt Văn-Thần đa ra nhiều lịch đề-sát hai Công-giao. « Vì Công-giao, bán dùng Quốc-giao cho xâm-lăng Pháp, cần phải trừ khử được quân tã-dao nội công do, thì tự-nhiên người Pháp thành ra troi yếu thúc như như của một công, không bao, không kep được nữa ». Lại có tổ lịch nói rằng hội quân Pháp đánh thân Hà-Nội chính người Công-giao đa bác thằng cho bình Pháp leo vào trong thành (1).


A.— Quang-Ngài.

Văn-Thần gây bình và chiếm thành, chung giết Thửa-Sai Poirier, Guégan, Garin, đốt phá 10.000 và giết hơn 6.000 bồn-dao. Ô Binh-Dính

(1) Đạo-Trinh-N******************************************************* Nắt : « Phan Bình-Phùng », 38

B.— Trà-Kiều (1).


(1) Teyssere : « Mgr Galibert » 318.

(2) Ravier : « Sà-Ky I gol-Thành » III. 534.
các Vệ binh canh cho căn mật, dùng để đưa vào thôạt được", rồi mọi nơi từ bể đầu lên cả, làm cho binh-sĩ Công-giáo bị vây ở trong toát mỏ-hói vị lo sợ.

Anh em Công-giáo đã đẩy lui quân giặc được nhiều trận, nhưng đến trận thứ 5 thấy Văn-Thần quá đông, không thể nào cùng cụ được, các chúc đích bàn đỉnh ra hàng cho em. Nhưng lực cụ người ra giãn xếp với Văn-Thần chẳng ai dám di.


Đánh trận xong, tất cả các binh-sĩ tay cảm khi-giới, áo quân cơn hoen máu dò đến quý ta on trước anh trường Đựa Me. Cúng có khi đang độc kinh lại phải xuất trận, xong lại trở về ta on.(1)

(1) Phan phát-Huôn. V.N.G S. II trang 560-564.
Sau lục đầu vài sâu ngày, quan giấc rào giấu về mất Bác, chủ tâm của chúng là không cho người công-giao thoát bày là bất Văn-Thanh phải đánh cho rào-riết, vì đã nhiều lần nghe các tướng trên đói Kim-Son trách mông Văn-Thanh hay với bộ trận mà chạy; rào xong chúng lại đúng lên nhiều điểm canh và công-giao thay chúng đem nhiều rơm rạ chất từ Kim-Son đến núi Trọc. Công-giao hiểu ngày là Văn-Thanh muốn dắt lý tre, cần phải tìm biện pháp để ngăn ngừa chúng đem rơm rạ đến gần lý tre.


Diển thời quân & Tính kẽo đến giúp Văn-Thanh, thây nhiều xác chết và nhiều người bị trong thương, bổ chúng khếp và quay trở lui. Trận ấy xong, Công-giao dắt cả rơm rạ, cả hàng giấu và điểm canh. Ông ta thây khởi lên đen ngập trôi, nên ai cũng tưởng Trà-Kiều phải dót.


Văn-Thanh thuận trận mà lại thú dàn-bà con gái, chúng lạy làm khúc nhà

(1) Nguyễn-văn-Tuồng là một kẻ gian, Hoàng-Kê-Viên là một kẻ dối, Ich-Khiêm là một người điên và Tôn-Thất-Thuyết là một kẻ ngu dần.
MONSEIGNEUR GALIBERT

ÉVÊQUE DE...

VICAIRE APOSTOLIQUE DE LA LUCHECHINE ORIENTALE

PAR L'ABBÉE TEYSSEYRE

PARIS

HUE WILLIAMS

LIBRAIRE-ÉDITEUR
34, rue de l'Hôtel-de-Ville
1887

ALBI

HENRI AMALAY

Imprimerie-Librairie
34, rue de l'Hôtel-de-Ville
1887


(1) Teyssyere: «Monseigneur Galibert» 320. 
(2) Teyssyere: «Mgr Galibert» 320. Có giá trị từ 18.000 đến 20.000 phát-tưởng.
(3) Teyssyere: «Mgr Galibert» 321. 
sung xuong ranh... » Nhung ben Cong-giao biet la dich muon gai bang ho nen chung ai ra lay sung. Mot gio sau cong-giao nghe mot tieng bom, dau chì mot vat nang vua roi xuong nuoc, va tu do khong nghe sung ay ban nưa.


Luong-thuc cang ngay cong huem ma phai nuoi nhiieu mieng an, neu cu bi vay mai co ngay se phai chet doi, Thura-Sai Bruyere ban voi cac chuc-dich trong ho that dinh pha vong vay bang cach chiem nui Troc. Van-Thanh cung khong chiu thua, vi cac ong ruoc mot trong rat theo viec tac-chien ten la Ty dem chi-huy luc-luong Van-Thanh (1). Ngay thu 14 luc la sau hai tuan cong-giao bi bao vay, tung Ty kio quan den Tra-Trieu dong nhu kien co. Doi tien Thura-Sai dem quan ra danh mot tran du-doi. Quan cu of Ty quy lung tro lui chay tan loan moc du tung Ty ho het nhay mua thuci quan va chan loi chay. Chii co do 10 binh-si o lai ho-ve tung Ty. Luong binh-si cong-giao den gon, tung Ty cung muon chay tran nhung da muon qua, vi co hai binh-si ruot theo ong, lay guom co ong roi chem dau mang ve Tra-Kieu.

Van-Thanh chua chiu thua, chung dem vo den xap tran; binh-si cong-giao, that la cac nu dinh-si so hu hon, may co mot thanh niem lanh tri cam mot bo duoc xong va chu voi, chu voi thay lua so, dam dau chay ban song ban chet. Sau tran nay Van-Thanh dem bo tham-mu ru duong trong mot ngoi chua.


C. - An-Ninh (2).


(1) Jabouille : Một trang huyệt-lê trong lịch-sự tỉnh Quảng-Trị.

Ravier : « Sử ký Hội-Thanh » III. 593 nói « Ông địa-phận Đông đăng trong (tức là địa-phận Quì-Nhon) mất hai vạn tư bốn đạo, bị Văn-Thanh giết.»

(2) Viết theo những tài liệu sau đây:

Ravier : « Sử- ký Hội-Thanh » III. 593-598.


giao-chiên Thùa-Sai Héry & Đông-Hói góp đến sự ông và dân được để giữ nhà trường.


dán tung gươm giáo, nhảy ủ ra chém giết Văn-Thần tử bui, Văn-Thần chạy về dồn để lại náo bủa dàn, nào súng ống, lương-thực. Văn-Thần tối hôm ấy mất đến 85 mạng.

Ngày 2-10-1885 quân Pháp đánh đại dồn Văn-Thần ở Tân-Sài, vì thế Văn-Thần không còn có sức đọi quân đánh chủng-viện An-Ninh và cùng nhỡ thể anh em Công-giao được cứu thoát.

CHƯƠNG XXII
TÔNG-KẾ TÌNH-HÌNH GIÁO-HỘI
SAU NHỮNG NĂM BẤT ĐẠO


— Cảm ơn ông (1).

Hạm-Nghi chỉ bất, phong-trào Văn-Thần người đi dàn, bức màn hòa bình sup xuống trên sần-khâu đã diễn những cuộc dọ máu lâu dài và ghê sợ.

Chúng ta đã rào bước qua con đường tư-nạn của Giáo-Hội Việt-Nam từ các Chúa Trịnh, Nguyên qua đời Minh-Mằng, Tứiêu-Trì, Tư-

Đức đến Văn-Thanh. Một cuốn phim máu sống động đã diễn ra trước mặt chúng ta: trong đó chúng ta đã mục-kích không những các vị Giám-Mục, Linh-Mục từ Nam chí Bắc, nhưng còn là những ông già, trẻ con, những thanh niên nam nữ hiện ngang 'hy-sinh xương máu' Ngọc hoàng giữ vững Đức-Tín mà Thiên-Chúa đã ban cho lúc chu phế reperc thể.

Chúng đã hành diện với những đang tiến nhan anh hùng của chúng ta. Trong 300 năm bất đao đã có:

100.000 công-giao chết với Đức-Tín trong đó có 200 linh-mục, mà 150 là quốc-tịch Việt-Nam. 340 thấy Giáng, 270 chỉ em dòng Mẹn Thánh-Giá. Ngoài ra còn có 3.000 hộ đão hoặc phải đột phá hoặc phải cuộp bọc (1).

Các con sọ trên đày qua-quyet sức sống mảnh-liệt của Giáo-Hội Việt-Nam. Các vua chúa, quan quyền Việt-Nam đâu có hiệu rằng mỗi lần họ làm dỗ máu người công-giao, thì máu ấy là mắt sống của Giáo-Hội Việt-Nam. Mắt ấy đã thấm nháp vào đời sống đất Việt, đã trở thành thú nhüns sống làm nây nớ cấm một mùa xuan, hoa có tung bung.

**PHÂN THỦ TƯ'**

**NHỮNG NĂM KIẾN-THIẾT (1888-1933)**


CHƯƠNG XXIII

CÔNG CUỘC TRUYỂN-GIAO CỦA CÁC CHA ĐỒNG ÐÀ-MINH TẠI BÁC-VIỆT VÀO CUỐI THẾ-KY XIX

Cuối thế-ký 19, vi chiến tranh và những cuộc bất bồ Công-Giáo xảy ra liên tiếp nên công việc truyền-giao của các Cha Đồ Ðà-Minh Tây-Ban-Nha tại các giáo-phận & Bác-Việt phải tạm thời gián-dояn (1).


Nam 1884 di-a-phận Đồng mặt Cha Lucas Miguel, năm 1885 dia-

phận Bắc mặt Cha Isidro Forondo, trong cùng một năm ấy các địa phận truyền-giao lại được đặc ân đón tiếp 4 vị thừa sai trừ trung và đạo đức, các Cha Bonifacio Garcia, Grégorio Carbajo, Mariano Néreda và Manuel Pérez.

Năm 1886 Cha Nicasio Arellano và José Masip được chỉ định đến truyền-giao tại địa phận Đồng, Cha Arellano về sau kể về Đức Cha Terrés, Cha José Masip còn xin người Pháp tại Hải-Phong trong lâu năm. Cha Wenceslao Fernandez được chỉ định làm Cha chính đồng ở địa- phận Bắc thay thế Cha Isidro Foronda đã mất, đồng thời Cha Isaac Barquero được chỉ định làm Cha chính địa phận Trung và Cha Thomas Guiro làm Cha chính địa phận Đồng.


Riêng về Đức Giám-mục Colomer, Cha Ocio, phù trách ký-sử của địa phận Manila đã có khó khăn một đoạn riếng biết về thân thế và sự nghiệp của người như sau: Người là một thưa sai cần đảm thông thoả tiếng Việt, biết thoả vâng và biết tránh nên nhiều tai nạn cho giáo dân. Nói

thi số các tân-tòng có thể tăng thêm nhiều nhưng phần vi ảnh hưởng không tốt của quân-dội Pháp đến trú tại Hải-Phong, phần vi mất sò nhà cản quyền địa-phương đã tạo ra chống đối các thừ-sai và họ công khai tuyên-bố đào công-giáo đã đem người Pháp đến đặt quyền độ hỗ trên đất nước chúng ta.

Tuy vậy, nhờ sự nhiệt thành và hy-sinh của các thừ-sai, dân chúng vẫn nô nức xin chu cấp phép ở tôi. Năm 1884, sau khi quân Pháp chiếm đồng Bắc-Ninh, các thừ-sai đã gây dựng được một giáo xứ trung bình, có cả nhà thờ lạn nhà xù, qua 2 năm sau, có hơn 300 bốn đạo và thêm nhiều họ đạo xung quanh. Có thể nói được theo đây này, các nơi đều bành trướng mạnh kể cả khu vực của các Cha Thừ-sai Pháp và Tây-Ban-Nha.


(2) Tập số 22.

Từ năm 1888 hòa-binh đã được tài lập trên toàn nơi Việt-Nam chỉ trừ một vài nơi như Bắc-Ninh và Hưng-Yên là những nơi este cuối cùng của những đăng phải chống đối chính-phủ.


Người dân Bác-Việt chỉ được hưởng hòa bình trong một thời gian ngắn, giấc giã lại nơi lề phen phách các địa phận Bác, Trung và Đông Bác-Việt. Chính viễn do Cha Muguruza điều khiển đã bị bao vây trong vòng 8 tháng nhưng Cha cùng với chúng-sinh và dân chúng đã tổ chức hệ thống từ vụ một cách khéo léo do đồ Cha Muguruza đã được an thường hồi tinh vào năm 1901. Tới năm 1903 dân dân chấm dứt những cuộcailure bỏ và chém giết giáo-dân và cùng với năm ấy số dân tăng cường rất thêm. Thật ra từ năm 1884 có ít nhiều công chúc đã cống khai công dối và làm trợ ngại cho việc truyền-giao cách riêng ở Hưng-Yên và Bác-Ninh, nhưng công việc tổng-dổ vẫn đi đến một kết quả tốt đẹp như ở địa-phasis Trung, trong vòng 12 năm Đức Cha Osate đã chính-phúc được 83 làng xã về với Chúa


Có những làng không có một người công-giao nào, và lại trong những làng có người công-giao thì những người ấy thường ở chung vào một khu-vực với nhau.


Trái lại cuộc chính biến Việt-Pháp đã có một ảnh hưởng rất sâu xa trên địa-phasis Bắc và đã ngưng bước tiến của công việc Tổng-dổ trong khu-vực.


Tóm lại, bình an mà dân Việt-Nam được hưởng là một thứ bình-an tương đối. Bình an đó với Giáo-Hội vì Giáo-Hội không còn phải bị cấm cách dân áp một cách công khai như dưới đây các vụ chúa trong suốt 300 năm. Trong khung cảnh bình an tương đối ấy các Thừa-Sai Đa-Minh đã cố gắng tận dụng để thiết lập rất nhiều Giáo xứ tại các địa-phan Đông và Trung Bác Việt. (1)

(1) Muôn có một quan niệm liên-lục về công cuộc truyen-giao của các Cha dòng Đa-Minh tại Viêt-Nam xem :

(a) Chưrong X : Giáo-sĩ dòng Thánh Đa-Mình Tây-Ban-Nha (1676-1773) trang 212.

(b) Chưrong XIX doan III số 7. Tinh hình các địa-phan Trung và Đông Bác-Việt, trang 483.

(c) Phan phất Huyn C.sss.R. Viêt-Nam Giáo-sĩ quyền II trang 367.
CHƯƠNG XXIV

CỘNG CUỘC TRUYỀN-GIÁO CỦA CÁC THỪA-SAI NGOẠI-QUỐC BA-LÊ VÀO ĐẦU THẾ-KỲ XX

Trở về Roma sau hơn 20 năm truyền-giao tại Việt-Nam, ngày 2-8-1650, cha Đắc-Lộ đã trình bày trước Thánh Bộ Truyền-giao về tình hình đã tạo Cộng-Giáo tại đất nước này. Để trả lời cho đôi hỏi của Giáo-hưu mới ngày mới tăng thêm, Cha Đắc-Lộ khẩn khoản nài xin Tòa-Thanh hãy thành lập hàng Giáo-Sĩ bản quốc và gọi đến Việt-Nam một số Giám-Mục.


Chúng ta có thể nói được rằng: giai-doạn cuối thế-kỳ 19 và đầu thế-kỳ 20 là giai-doạn kiên thiệt Giáo-Hội Việt-Nam. Các thừa-sai cũng như giáo dân Việt-Nam đã được lòng hàng-sai ấy, một phần lớn là do hai cuộc tấn-phong Chân-Phúc Tự-Đạo Việt-Nam. Ngày 27 tháng 5 năm 1900 Tòa Thánh đã phong chân-phúc cho 53 vị từ đảo tại Việt-Nam và
nam 1909, hai mot lan nua, Giao-Hoi Viet-Nam duoc hien ngang long trong mong kinh cac vi tu-dao vua duoc tan phong. Trong so co Francois Neron, Théophane Vénard, Laurent Huong, Phèt Doan-van-Vân va vi nur chan-phuc Viet-Nam tiên khởi, Ba Ine Đức tüc danh là Lê-thi-Thanh (1) luc ay còn hon 400 hào so phong Thanh day den 8.000 trang dang còn choi dôi duoc toa Thanh cửu xét.

Việc tồn sủng Thanh Tâm Chúa Giê-su và việc lăn chuỗi Mối-khoi đa som duoc Giao-Dân Viet-Nam yêu chiều và do cùng là nguồn sức mạnh đa luôn luôn thực đây và duy-trôi lòng đạo-bạnh trong các gia-dinh Công-giao Viet-Nam.


I. — CÔNG CUỘC TRUYỀN GIẢO TẠI BÁC-VIỆT (1888-1933)

* Tại nhà Chinh Hội Truyền-Giao Ba-Lê, còn lưu niệm bức thư của Đức Cha Marcou, Giâm-Mục Phụ-Tá Đức Cha Gendreau, tóm lược về công cước truyền-giao tại miền tây Bắc-Việt vào năm 1900 như sau :

« Vi ký-niệm đau xót về cuộc bach hài, văn còn qua moi me trong tri qué doan chien, tương-lai văn còn day de dọa, cac nhà thơ văn là những

(1) Về cuộc đối của các chân-phúc Laurent Huong, Doan van-Vân và Lê thi-Thanh xem : Sách ke tát truyền hai mui hai Deng Thanh tươi đao dia-phán tay đăng ngoài trong nước Annam mà Toa-Thành đã phong chúc Phúc-Lộc ngày 27 tháng Mai 1900 — In lân thứ Hai. In tại Kê Sô 1906.
nha lon duoc xay cat nhu cac chuachien, theo mot loi kien-truc doc nhất trong xu nay.

Tinh hinh tranh-giao co the khach quan hon, neu co an ninh hon. Su that la bon dao phai hy sinh nhieu de lam cho nha Chua them tui dep. cac Thura-sai va linh-muc ban-quoc da phai tu tay xay cat Thanh-Duong ...

Khong ai con la gi ve su thieu sot ve moi mat cuu mot Giao-Hoi vra thoat khoi nhung nam bach hai: thieu noi thuat, thieu nha dao-tao, giao-duc tuoi tre, thieu nhung hoat dong xa hoi bac ai ... Nhung, cac Thura-sai da manh dan, mot dang xay cat cac nha thoi, cac co so nhu chung-vien, nha truong, nha phuoc, nha thuong, mot dang suc tienn cong cuoc tranh-giao giua dan chung, mac dau bao khoe khai van con do de nga n can va pha hoai.

Mot truong hoc, xay cat benh vien va cac cong-tac tu-thien la nhung cong vien ma cac thura-sai ngoai quoc cung nhu cac linh-muc ban-quoc da lam nhung cong vien chinh la rao giang loi Chua.

Muon rao giang loi Chua vien toi can la phai co nhung can-bo, nhung tong do truong-lai, do do hang Giao-si mot mat da lap nhieu Tieu Chung-vien, la nhung noi giao-duc va dao-tao nen nhung vi linh-muc co khao-nang tiep tuc su-mang tong-do ma Chua da giao pho truoc luc Ngai ve Troi, mot mat cac Giao-si ay moi cac Giao-doan nhu Dong Chua Cimu-Thi (1), Dong Xuau-Bech (2), dong Phanhieo (3) den cong tac de mo mang vien tong da. Ngoai ra cac dong nay, tai dia-phan Ha-Noi da co cac ba Dong Kin, Dong Chi em menh Thanh-Gia. Dong nay vao nam 1920 co 17 tu vien

(1) Phan Phat-Huon V.N.G.S. quyem II trang 393
(3) Op. Cit. 382
và quy-tú trên 300 nú tu trong địa-phận Hà-Nội (1), địa-phận Hà-Nội vào năm 1900 vẫn còn đạt Tiểu Chủng-Viên tại Hoàng-Nguyễn và Đại Chủng-Viên tại Kê-Sô.


Tại địa-phận Vinh thọ-sai Massardier thường phân nàn trong 30 năm qua (1900-1930) ít có người trở lại đao công-giao và trong tương-lai cũng không hy vọng gì cho làm vì những trở ngại ngày càng nhiều về phía chính quyền địa-phương. Các quan luôn luôn ngăn chặn những người tổng-giao, Cha Kerbaol Giảm quản địa-hạt Kỳ-Anh đã cố gắng lập thêm một xứ ở EO (2) vi nơi đây xa trung-vọng và có chung 600 bốn đao.


(2) Société des Missions étrangères — Compte-Rendu 1930 trang 133.
Địa phần Vinh cũng ở trong tình trạng thiếu linh-mục, mặc dù nhiều bốn đảo phải đi sang Lào hay vào Nam-Việt tìm kẻ sinh-nhai, số người chịu phép rửa tội trong những năm ấy lên đến 735 người.


Cha Chabert chính xứ Vinh-Lộc đã rủ a thì hơn 500 em ngoại-giao và 300 người lớn, khu vực của Cha có thể co là toàn tổng. Bốn đảo rất tồn sùng Thánh Nước Terexa, Cha Massard còn kiểm tem xứ Bạch-Lộc và tỉnh Son-Tây.

Tại Thị-xa Hưng-Hoa, Cha Vandaele Văn nhận thấy số bốn đảo trong thành phổ tiên triễn ít.


Cha Granger phụ trách miền Tà-Ngạn sông Hồng-Hà, có Cha bàn
xử công tác nhưng vị bốn đạo & rải rác và đường sa xa xôi nên công việc tổng-dổ rất khó khăn.

Tại Phất-Diệm theo nhận xét của Đức Giám-Mục Macot từ 1920 đến 1930 số người chịu phép rửa tội có kém hơn các năm trước, tình trạng suy giảm này có những lý do mà Cha Canilhac đã cho hay: Dân chúng Muốn Khang đã xin trở lại đạo từ năm 1905 dưới đôi Cha Blanchard rồi đến đôi Cha Picot, nhưng năm 1908 họ có vẻ trẻ mãi trong vấn đề học giáo lý, mới tôi năm 1924, các gia đình với một số kỳ-mục trong lang xin theo đạo, các cha mới dạy giáo lý kỹ càng và cuối năm 1926 họ được chịu phép rửa tội.


II.— CÔNG CUỘC TRUYỀN-GIÁO TẠI TRUNG và NAM-VIỆT (1888-1933)

Song song với công cuộc truyền-giao ở Bắc-Việt, các thưa-sai ngoại-

(1) Missions Etrangères — Compte-rendu 1930 trang 146.

Trong thời thế như vậy, còn mấy ai mà có can đảm tổng-giao.

Nhân thấy khó lòng giảng đạo cho người lương, các thừa-sai đếm hết tầm lực vào việc cung cõ các tổ chức các Giáo-Xứ.

Một sự kiện lịch sử được chú ý nhất trong thời gian này là việc khánh thành Thánh đường Đức Mẹ La Vang thay thế cho ngôi thánh đường đã bị phá hủy vào năm 1885. Nhân dịp này có 12.000 người giáo hữu đã đến La Vang dự lễ và kinh viếng Đức Mẹ (1).


Chính những người tấn tổng tại tỉnh Quảng-Trị phải nghĩ tới vấn đề này hơn ai cả, vì tại tỉnh này có hơn 8.000 giáo hữu bị chém, nhân nước hay

(1) Société des Missions Etrangères, Compte-rendu des travaux de 1900, trang 171.
thieu sống; nhưng người nào tràn thoạt được, họ đi lang thang biết xứ và không trọng về lại quê nhà của họ. Vào năm 1910 số giáo dân tỉnh Quảng-Trị đã lên đến 20.000 người nghĩa là con số gấp ba con số giáo hữu còn lại sau cuộc tân sát 1885 (1). Không những tại tỉnh Quảng-Trị nhưng trong toàn địa phận số dân tổng mỗi ngày một tăng thêm, kể từ năm 1920 số người xin học đã trung bình mỗi năm quá 1000 người (2).

Càng ngày tầm trí người dân càng mở rộng để tìm hiểu giáo lý Công-Giáo, nhất là học sinh, do đó Đức Cha Allys đã cố vận động lập một trường trung học tại Huế để gây ảnh hưởng trong giới học sinh, trường lấy tên là Thiên-Hựu (Institut de la Providence) đã được thành lập vào năm 1933 tại trung tâm thành phố.

Đang lúc đó địa-phan Qui-Nhon theo báo cáo của Đức Cha Van Camelbeke vào năm 1900 có một số giáo hữu là 71.000 người và số người lơn трor lại đào công-giáo trong năm ấy đã vượt con số 5.000 người. Trong cuộc kinh-lý tại các tỉnh nằm trong lãnh-vực của địa-phan Qui-Nhon người đã để lại nhiều chi tiết về đời sống công-giáo trong những năm người làm Giám-mục tại địa-phan này. Người đã làm bộ góc lực người đến Đà-Năng vì thành phó này để đổi mới một cách mau le.

Từ ngoài của bé đi vào, hành khách đều chú ý đến ngọn tháp chung của nhà nguyện bênh-viên được xây cất theo một lối kiến-trúc chửa từng được xây ở trong xứ sở này. Bộ Đà Nẵng-Dức Cha đi viếng họ Phú-Thương và Trà-Kiều. Tại Trà-Kiều người đã làm phế một nhà nguyện xây trên một ngọn dồi để đáng kinh Đức Mẹ. Đức Cha cùng có đi đến kinh-lý các họ đào khác trong địa-phan và người nhận xét một

(1) Société des Missions Etrangères — Compte - rendu des travaux 1910 trang 185.

(2) Société des Missions Etrangères — Compte - rendu des travaux 1920 trang 85.

Một con dịch cúm, tiếp theo là một con đội hoành hoành khắp dia-phận. Số người chết trong năm lên đến 3.400 nhân mạng, đồng thời, vi hoan-cánh thực-bách, từng trâm người bỏ xú so-ra đi, nên số người lón chju phép như tôi công với số trẻ em của con nhà giáo-hưu cũng không lại nọi thành bàng. Mai đến năm 1929-1930 tình hình mới ổn định, nhưng các Thừa-sai & dia-phận lại phải đối phó với một vấn đề khác: vấn đề can bộ. Trong dia-phận, & miền duyên hải cũng như ở miền son cucốc số người tôn giáo mới ngày ngày mới đông đảo nhưng số can bộ để hướng dẫn họ lại quá hiềm hoi (2).

Đứng lực đời sống công-giao ở Bắc và ở Trung được cải-tố và binh trưởng thi & Sài-gòn các thừa sai Ba-Lê cũng cố gắng để kiến thiết lại đời sống công-giao ở nội địa. Sài-gòn vào năm 1900 mà chỉ có 8 họ đạo, nhưng mỗi họ đều được tổ chức một cách chu đáo. Họ náo cũng có hoắc trưởng hoạc hoặc có nhi viện, bệnh xá và có nơi cũng có tu-viên cho các địa phương Mèn Thánh-Già. Thoát đầu, đòi với một người vừa mới quan sát và chưa đi sâu vào đời sống dân chúng, họ sẽ làm tưởng là họ đang ở trong một xú Công-giao trim phân trim. Nhưng Chúa sợ ở nội địa có phần sự cùng của Đức Tin 'hơn là rao giảng Đức Tin cho những người ở xung quanh.

(1) Société des Missions Etrangères — Compte-rendu des travaux 1900 trang 162.
(2) Société des Missions Etrangères—Compte-rendu des travaux 1929 trang 112.


Qua các chuong trên chúng ta phải công nhận công cuộc truyền-giáo là một công cuộc cần, các thừa-sai cũng như các linh-mục bàn xù đã có tâm kiến-thiết lại đổi sống Công-giáo bi xao tron trong hơn 300 năm.

CHƯƠNG XXV
CỘNG CUỘC KIẾN-THIẾT CƠ SỞ THỜ PHƯƠNG, HÀNH-CHÍNH, GIÁO-DUC VÀ XÃ-HỘI

Trong những năm kiến-thiết, không những Giáo-Hội đã hoach định một chương-trình rất quy cứ để kiến-thiết công việc tổng-dơ từ Bác chí
Nam, mà Giáo Hội còn quan tâm đến việc kiến thiết các thành đường, các viên mồ cô, trường học và văn động đất toạ khâm sái Vatican tại Việt-Nam.

I.— CÔNG CUỘC KIẾN-THIẾT CÁC THÀNH-DƯƠNG.

Xây cất thành đường là một công cuộc mà các thừa-sai phải bất tay vào ngày để trả lời cho những đòi hỏi của giáo hữu sau những ngày lên lút để giả đạo.


Nhưng trong các ngôi thành đường tại Bắc Việt không có ngôi nhà thờ nào đáng cho chúng cho phải lưu ý bằng ngôi nhà thờ Phát-Diệm ở Cù Sâu (1) và nhà thờ Phù-Nhai, do các cha dòng Đa-Minh Tây-Bản-Nha xây cất.

---


Giót nước và an-ninh trở lại, Cha được bồ nhiêm chính xú Phát-Diệm hơn 34 năm; tổ chức lên một vùng dân cư đông dúc, kiến thiết một thành đường nguy nga tráng lệ và đem lại cho miền K n-Son những cảnh đong phi-nhiêu.
1. NHÀ THƠ CHÍNH TÒA PHÁT-DIỆM

Không một ngôi Thành-dương nào để sở; mỹ-thuật và có màu sắc dân tộc bằng ngôi Thành-dương đăng kinh Thánh Mân-Cai mà Cử Sâu bắt đầu xây năm 1891. Nhà thờ chính tọa Phất-Diệm là ngôi nhà thờ có một kiến-trúc mỹ-thuật vào bậc nhất ở các xứ tranh-giao. (1)

Năm 1875 Cử Sâu bắt đầu xây mô Thánh chính nối dây trong tuần Thánh dàn chưng được dự những lẽ nghi nhạc lạy sự thuong khó của Chúà Giêsu. Mộ Thánh này là một núi đá, nối dây có những tầng đá cao đến 12 thước.

Khu Phất-Diệm trước kia là một khu bùn lây, muốn xây nhà trên khu đất ấy, điều kiện trước nhất, mỏng phải cho chắc. Cử Sâu ra lệnh cho dòng một rừng tre xuống đất bùn ấy và trên rừng tre người đi chinh tung bè gọi ở trong bùn rồi như vậy tre sẽ không bao giờ hư thơi.

Trong lúc xây ở hầm đá Thiên-Dương, cách xa Phất-Diệm 30 cây số hay ở trong Bên-Thủy xa Phất-Diệm 150 cây số có từng trâm cu-ly làm việc để xây cất nhà thờ.

Ở tại hầm đá, công việc làm từ tứ, vì trước nhất phải xếp đá, hoắc nay đá. Xống bố phải để lên những trục bàng giả để vẫn lên đến bên do. Nơi dây đã có những chiếc bè không lỏ để chở đá về Phất-Diệm.

Nếu việc chở đá về Phất-Diệm là việc khốn viếch dura gố từ Bên-Thủy về lại là một vấn đề khó khăn gặp mây. Ở Bên-Thủy có thứ gố quy giờ là gố lim, mua nắng không nứt mà mới một cúng không an được. Gố này rất cúng phải có những đúng-cú riêng mới có thể cựa xẻ nó được.

Ngày nay mỗi lúc ai vào nhà thờ chính-tọa Phất-Diệm họ sẽ quan sát trước nhất là 48 cây cột bằng gố lim. Chu-vi mỗi cột 2 thước 40. Nhưng

(1) Schaller trong « Artisan liturgique » sô 40 tháng J.F.M.-822.

560


Năm 1881 Việt-Pháp giao binh, (1) các quan ở Thanh-Hoa muốn chăn

(1) Trong thời kỳ chiến tranh cũng như trong lúc thời bình hai chính-phủ Nam-Pháp thường hội ý kiến và cạy nhờ nhiều công việc.


Cha Sáu ta thế năm 1899, hưởng thọ 74 tuổi. Lê an-tàng có tối 40.000 người đến tham dự.

Lúc đa có đa phương-tiên, người khôi sự xay hai nhà nguyên. Nhà nguyên thứ nhất đăng kinh Trái-Tim Đức Mẹ đã hoàn thành năm 1888, nhà nguyên ngày đầu 18 thuróc, ống 9 thuróc và cao 8 thuróc, cột kẹo đều bằng đá cát. Phía hai bên bồng nhà nguyên chây doc một dây lan can và một hằng rào tre chấm lòng vào đá hoa. Lúc xay nhà nguyên không phải dùng đến sản cây, nhưng chủ Sâu đa chi-buy đến thợ đập một nui đất nhân tạo để cho thợ nề, thợ chấm có thể làm cống việc một cách dễ dàng. Lục công việc đã xong, người ta kẹo đất ra, tất cả ngôi thành dường dũng vững. Từ năm 1888 biệt bao con bão trap đã làm ngã cây côi nhà cửa, nhưng nhà nguyên Thanh-Tâm Đức Mẹ vẫn đứng, nơi lên cho khách tháp phương đến chiêm ngâm sự vang hiện của Đức Mẹ và lòng sùng kính của cự Sâu đối với ngài.


Lục công việc hai nhà nguyên xong, người mới đem toàn lực lương xây ngôi thành dường mà sau này sẽ là ngôi chánh Thờ Chính Tòa Phát-Diệm.

Cuối năm 1891 người göi đi khắp Bác-Việt nhiều người để mở tụng trám thờ cua và thờ môc, tất cả các người Công-giao trong xủ phải công tác vào công việc xây cất. Nhà thờ đại 80 thuróc, ống 20 thuróc và cao 16
thuộc. Mật tiên gồm có một công địa sở oai-nghiêm có 5 lối vào, đưa thẳng vào 5 cửa lòn của Thanh-Dương.

Xây công này cứ Sáu đa dùng những tầng đa lớn dài đến 4 thuếc 20, cao 1 thuếc 20, dày 0. th. 60. Trên công có 3 tháp lầu nhiều tầng, mái công lợp ngói đó, theo kiểu kiến-trúc Á-Đông. Một Thanh-Giá oai vẹ dùng trên đỉnh lầu giữa, lầu này cao đến 22 thuếc. Hai phía hông nhà thờ không có vách nhưng có những tấm vải có thể cắt đi để cho rồng chở trong những dip lẻ lòn. Người du-lich đến viếng nhà thờ đều ca ngợi lối kiến-trúc Á-Đông của ngôi Thánh dương.

Ngoài nhà thờ Phát-Diệm chúng ta còn phải nói đến nhà thờ Phú-Nhai, nhà thơ Bùi-Chu, nhà thơ Hà-Nơi mà dân chúng thường gọi là nhà thơ Thánh Giuse, nhà thơ chính-tòa Phú-Cam & Huế và nhà thơ Đức Bà & Saigon.

2. NHÀ THORIZED NAME (1)

Lúc hòa-bình trở lại với giáo-dân địa-phận Trung Bác-Việt, Cha chính Rianho Hòa lên chuẩn bị cắt ngồi nhà ngày lên nó đăng kính Đức Mẹ vò-nhiêm tại Phú-Nhai, một lần toàn Tổng Công-giáo và đồng dức nhất địa phương Trung. Nhưng nguyên sở khai đó chẳng bao lâu trở nên chặt chẽ, vì vậy Cha chính Dominigo Munhoz Thính đã phải nói trong ra hỗ trợ,

Đến năm 1881 nhà ngày lên do đã được Cha Chính Isaac Barquero Ninh thay thế bằng một ngôi thành-duường khá đa sở, cất xa hàng gò theo kiểu kiến trúc Đồng-Phương. Năm 1917, vì bị một rắc rỗi, ngôi thành-duường trò nến ngày hiem cho giáo dân đến tham dự lễ vì vậy mới có quyết định xây ngôi thành-duường khác ngày nga, rồng rai gặp đối theo lối gọ-tích. Công việc xảy rất kéo dài 7 năm trôi duôi quyền điều

khánh của linh-mục kiến-trúc sur Phanchicô Romoir Y và đối hội nhiều hy sinh của Đức Cha Phêrô Munhagorri, giám-mục địa- phận Trung, của Cha Chính đồng Đa-Minh Manuel Morenô Trinh, cùng như toàn thể linh-mục và giáo-dân địa- phận nhất là giáo dân Phú-Nhai. Lễ cung hiện Đền thờ được tổ chức long trọng ngày 7-12-1923 do Đức Cha Phêrô Munhagorri.

Trên báo ngày 30-9-1929 đã làm sup đỡ cây thấp và một phần lớn đến thế nhưng nhờ sự giúp đỡ hầu hiểu của các giới xa gần ngợi thành-dương được sửa lại và xây cất hoàn bị vướng chốc hầm trước. Đền thờ dại 83 thước, rộng 28 thước, thấp cao 30 thước. Ngồi thành-dương độ ngay nay còn dưng vướng tại Phú-Nhai, tương trưng cho đức tìu sát đã của giáo-dân tại địa- phận trước những tận cung của cộng-sản vô-thần.

3. NHÀ THỜ ĐỨC BÀ SAIGON

Đức Cha Colombert quyết Định xây dựng thành-dương lớn lao xứng với thành phố Sài Gòn một đô-thị càng ngày càng thí nghệ quan trọng. Sáng kiến của Người được Đô-dốc Dupré ủng hộ và giúp đỡ phương tiện để thực hiện. Trong số các kiến-mẫu do các kiến-trúc sư gió đến, mẫu của Bourard được chọn. Ông này liên đà từ Pháp qua Sài Gòn để dịch thân điều kiện việc xây cất. (1)

Ngày 7-10-1877 Đức Cha Colombert làm phép và đặt viên đá đầu tiên cho ngôi thành dựng xây trên khu đất cao ráo nhất thành phố. Bằng đến ký-niệm cuộc lễ ấy hiện còn để ở phía hữu Cung Thành trong nhà thờ.

Sau hai năm sau thằng xây dựng, ngôi thành - dựng lớn lao tráng lé nổi bật lên giữa một thành phố lúc ấy còn thưa thớt và cùng


564
chưa có nhiều nhà cửa và đình thừ lớn từ dinh Norodom (1) xây từ năm 1868 đến 1875. Nhà thờ dài 93 thuróc, rộng 35 thuróc kể cả hai Thánh-giá, cao 21 thuróc, hai ngọn tháp vuông cao 36 thuróc độ đến năm 1894 xây tiếp thêm hai tháp nhọn, dura hai Thánh-giá lên cao tới 57 thuróc: đó là những kiến trúc của nhà thờ.

Kế về đặc-diểm, thì ngôi nhà thờ kiểu «ro-man» này đã có sức thu hút sự chú ý và ngắm nghĩa của mọi người với những đường nét cân đối, thăng-thần, hùng-mạnh, với những cửa thông hoà, chám vào tương như đường hoa tiết trên vải, và nhất là lời xây gạch trên mầu hương chẳng những không bao giờ phải sắc, mà đến rêu bụi cũng không bám được.

Mặc dù bị nằng gai từ bề từ sáng tới chiều, ngôi nhà thờ lúc nào cũng giữ được một không khí mê diệu đàng ở bên trong, nhờ nghệ thuật đêu hòa mầu sắc, không khí và ánh sáng của nhà kiến-trúc. Lời trang-hoàng đơn sơ, nhưng dễ trang-trí được lgra chọn toàn thơng-hảo trong các ngành sáng tạo.


Những kiến mầu này là tác-phẩm của nhà chế-tạo Lorin ở Chartres,

(1) Đình này về sau gọi là dinh Độc Lập, và đã bị hoán toàn phá-hủy.
một tình nói tiếng lâu đời về nghệ hoa tranh bằng kinh ngũ sắc. Tiếng rằng một số những khuôn kinh ấy đã bị hư hại vì bom đạn trong thời chiến tranh.

Ngoài những phong nguyên nhỏ, chung quanh bến thợ chánh, hai bên hông còn có 14 bến thợ canh, đều bằng đá, mỗi bến thợ là một chằng đường Thành giá chấm nổi trên địa hóa rất công phu và mỹ-thuật. Sau cùng hai ngọn tháp chúa được một bỗ Chương hoa-đam (carillon) gồm sâu cái, đủ các điều bong, trăm, ai, lạc... cán nặng tất cả 28.850 kí-lô, do nhà dúc Chương Bollée ở Mans sản xuất. Mặc dù nặng như thế, những chướng ấy điều-khiển rất dễ dàng nhờ hệ-thống dời-lực (système de contre poids) rất khéo léo.


Năm 1894 người ta xây thêm hai tháp nhỏ nơi tiếp vào hai cây tháp vương, cửa Thánh đường Đức Bà để chở cao nhất Thánh phổ Saigon.

Năm 1959 đèn lự t he-hẹ này dộng góp pho tương «Nữ Vương hoàn câu» & giữa Cổng-trương Hoa-Binh, tổ thêm về đẹp cao quý cho khuôn cảnh Nhà thờ Đức Bà. Tác-phẩm của nghệ-sĩ Ý-dài-Loi, pho tương
nay toàn bằng đá hoa trang cao 4 thước 60, nặng 8 tân 500, đặt trên bê granitó đờ, thay thế cho một bức tượng Đức Cha Bá-Đa-Lộc mất năm 1903 và bị phá hủy năm 1945.


Ba vị Giám-mục Colombert, Dépierre và Dumortier, Cha Bề Trần Soulard cùng an nghỉ tại trong ngôi Thánh-dương này.

II. CÔNG CUỘC KIẾN-THIẾT CÁC CO SỞ GIÁO-DỤC.


1. GIÁO-HỘI KHUYẾCH TRƯỞNG CÁC CO SỞ GIÁO-DỤC

Trong suốt thời kỳ kiến-thiết, Giáo Hội đã xây dựng ở các họ đạo rất nhiều trường học nên hầu hết các họ đạo đều có trường để dạy đồ con em, Đồng Su-Huỳnh Thiên-Giao và các bà Saint-Paul đã có công rất lớn trong công cuộc đào tạo tri thức khi thành lập hai trường Puginier và Sainte Marie ở Hà-Nội. Trong năm đầu tiên trường Puginier chỉ có 240 học sinh và trường Sainte Marie trên 400 học sinh cả Việt lăn Pháp. Chỉ mấy năm sau, con số học sinh đã vượt lên đến 5, 6 ngàn và trường được tiếng về việc đào tạo tri-thức cùng như được dự của các con em (1).

(1) Société des Missions Etrangères de Paris — Compte rendu 1919 trang 16.

Cùng trong thời gian này Án-quan Kê-Sơ được thành-lập 60 năm trước đây do Đức Giám-Mục Puginier đã được chuyển về Hà-Nội đặt tại một căn nhà vào làm hiệu sách vào làm nhà in Trung-Hoa.


Tại đa-phan Qui-Nhon có nhiều trường Công-giao nhưng tất cả những

trường đều phải giải tán vì dịch năm 1920. Sau thời kỳ này vì lý do tài chính quá co hẹp, các lĩnh-mục không có đủ khả năng để mở lại những trường này. Dạng lúc đó chính-phủ có nhiều phương tiện và đã mở rất nhiều trường, nhưng bông các giáo viên được đài-thở một cach trong-hậu.


Ở trong các họ đạo truong Ngọc rất đông sô, truong chi hội đủ điều

(1) Société des Missions Etrangères de Paris — Compte-rendu 1920 trang 78.

(2) Société des Missions Etrangères de Paris — Compte-réndu 1919 trang 179

Việc tổ chức dạy giáo lý văn do các thầy giảng phụ trách thường mồm năm các thầy đến tinh tâm tại tu-viên Cái-Nhum trong một tháng.

Mãi đến năm 1929, các thầy văn chửa có Bé Trần nên Đức Cha Dumortier nhận đỡ cuộc họp mặt các thầy, đã giúp các thầy bầu theo giáo luật với Bé Trần tiến khỏi cửa đồng.

2. KHÓ-KHẨN TRONG CÔNG-TÁC GIÁO-DỤC

Vào thể-kỷ 19, việc mở trường tư ở Việt-Nam theo quí-học mới do Giáo-Hội tổ-chức và vi thể những trường tư được xem như trường công và hưởng những quyền lợi như trường công (1).

Nhưng từ đầu thể-kỷ XX trở đi theo cái gật trung-lập-hóa giáo-duc ở bên "chính quốc" chính-phủ thuur-thạ bất đầu ly đi trường công-giao bằng cách ra những luật-lê, tì mà đặt những điều kiến khó khăn cho việc mở trường tư, đỉnh những phương thể kiểm-soát rất gái nghèo, trường tư-thực công-giao không thoát ách, đồng trong khi ấy ở Mèn, Lào chính-phủ bao-hỗ công nhiên năng đỡ các trường nhà Phát (2)


(1) Caratini : «Statut des Missions en Indochina». 52.


(4) 140.000 phật-lăng trị giá bằng 28.000đ. vì mỗi đồng Đông-Dương hội ấy bằng 5 phật-lăng của Phát pháp.

(5) 10.000 đồng tức là 50.000 phật-lăng của Phát pháp vào năm 1902.
Thương thường chính-phủ bạo-hổ trách các trường Công-giao thiếu nghiêm-trang, và nơi đây không dắt tiếng Pháp chỉ dấy Quốc-ngữ. (1)


Trách các Thừa-Sai không dấy cho học-sinh chỉ Pháp mà chỉ dấy tiếng Quốc-ngữ là một điều sai lầm.

Trước lúc các em học chúng Pháp phải dấy cho các em biết chúng Quốc-ngữ vi là tiếng mẹ đẻ của chúng. Tiếng Quốc-ngữ phải là chuyên ngữ để dấy cho các trẻ em học các môn khác. Bắt ép trẻ em Việt-Nam học tiếng Pháp đang lúc chúng chưa biết viết và đọc chúng Quốc-ngữ là một điều vô lý.


(2) Theo birc thư của Giám-mục Mossard Saigon 12-7-1912.
đóng cửa... Nếu nơi cả trường thiếu vệ-sinh... hoặc tại các trường ấy các giáo-su không theo chương-trình của chính-phủ hoặc không chịu hoàn-toán ở trong phạm-vi giáo-duc ». (1)

Mặc dù gặp những chương-ngại-vất lớn-lao do chính-phủ thực-dịa gây nen, các thưa-sai đã thu lưum được nhiều kết-quả trong việc giáo-duc các con em, năm 1923 toàn địa-phan miền Nam chỉ làm 21 địa-hạt mới địa-hạt chia ra làm nhiều sóc, thương mới sóc đều có trường sóc.

Theo bản thống-kê công-khai của địa-phan (2) ngày 1-9-1923 trong toàn địa-phan miền Nam có 156 trường sóc và 12124 học-sinh.

Ô Bác các Giám-Mục cũng rất chu y đến vấn-nề giáo-duc và các Ngài cũng gặp nhiều tro người nhỏ ở miền Nam. Ô Bác các Giám-Mục đã lập ra nhiều trường : trường tập cho trẻ nam và trẻ nữ, trường các thầy giảng và trường Su-Phẩm Nam-Đình do là chưa nôi đến các tiêu và đại chúng-viên,


Vì các Giám-mục có ý cho các học trọ vào trường Su-Phẩm Nam-Đình để sau khi mần trường và thi-dổ, phải di day trong các trường địa-phan ít ra là 10 năm, nên trước khi vào trường Su-Phẩm phụ-huynh học-sinh và chính cả học-sinh phải làm giấy cam đoan, Vế sau khi đã học ít lâu nên bỏ nữa

(1) Dạy Giáo-lý đối với chính-phủ đòi ấy là ra khỏi phạm vi Giáo-duc.


(3) Thư chung địa-phan Tây dương ngoài quyền thứ II. Kẻ-Sô, 1924 trang 447.
chúng không chịu dạy trường địa-phan đủ 10 năm, sẽ buộc mình bữa lại các phí-tốn nhà chúng hay nhà xù đã phải chịu cho an học, hoặc chỉ dạy một hay hai năm mà thôi, trong 10 phần tiên phí tổn sẽ phải đền chính phần hoặc tầm phần v.v... Những khi không dạy được đủ 10 năm hay là không học được đến lúc thì đó vì om đau hay vì một lý-do chính-dàng, trong trường-hợp này cha mẹ cũng như học-sinh chẳng phải đền bồi khoản nào cả.


III.— CÔNG CUỘC KIẾN-THIẾT CÁC CO SỞ XÃ-HỘI

Nếu vi mục-dích thưa-sai, Giáo-Hội đã nhận thân vào những công tác thiêng liêng và tính thân thì hoan toàn vi mục-dích nhận-dạo Giáo-Hội đã nhận lấy những công tác xã-hội để thoa bớt nợ khổ đau phần hồn xác của anh em đồng loại.

Trong thời gian này những bệnh-viên, những phòng phát thuốc, được thiết lập ở nhiều nơi như ở Thành-Hoa ngoại trại cuối cùng có cảng bệnh-viên và phòng phát thuốc. Trên bờ sông Hồng-Hà cách Hà-Nội 11 cây số Cha Cataloub, cùng thành lập một trại cuối khác và thường xuyên ngưởi chăm sóc 500 bệnh nhân. Cùng tác thành lập các nhà họ sinh và bà dỗ

(1) B.M.E.P 5-1925 trang 306.

Sau cuộc tận sát năm 1885 Đức Cha Carpar Lạc đã nữọc các bà phước Thánh Phaolô đến Huế và đã hỗ các bà tổ-chức Cô-nhi-Viên tại thành phố và tại Thanh-Tân.

Trong lúc đời, tại Sài-gòn cha Nicolas cò gàng tập trung những trẻ em lai Pháp thành một hồi đoàn riêng biệt lấy tên là Thanh-niên Công-giao Nam-Kỳ.

Số các trẻ em được đưa tới tại các Cô-nhi-Viên một ngày một lên cao vị lẽ cuộc sống đặc độ, nhiều bà mẹ đã đem con giao phó cho các bà phước sần sóc.

Đã từ lâu các bà phước phụ trách các công tác tự-thiện và xã-hội tại Việt-Nam là các bà phước Thánh Phao lô (1) những vị các bà thiếu nhân-viên, nên thì hợp hoạt dòng trong phân-viên một vài bệnh vien, do đó đức Giám-mục Dumortier đã vận động cho các bà phước Bác-Ái Thánh Vinh Sơn đến phục vụ tại Việt-Nam. Năm 1929 bốn bà phước thường dòng đã đến nhân viễn tại bệnh-viên Gia-Đinh (2).

Ngoài dòng Nữ Thánh Phaolô và dòng Bác-Ái Thánh Vinh-Sơn,  

(2) Phan-Phát-Huấn C.s.s.R. V.N.G.S. II trang 430-433.
dòng chữ em Chúa Quan-Phòng, (1) là một dòng ký cửu đã chuyển lo những công-tác xã-hối tại Nam-Việt từ năm 1876. (1)

IV. THIẾT-LÂP TÒA KHÂM-SỨ VATICAN TẠI HUẾ


Người sinh ở Seeze, gần Roma năm 1876, theo học tại trường Apollinaire và đổ tiến-sĩ về triết-học, thần-học, luật-học cả đạo lần đời.


(1) (1) Phan-phát-Huấn V.N.G.S. II. trang 423.

(2) N.K.B.P. 8. 1928.


HÈ G QUYỀN I
(in lần thứ hai)

Saigon mùa phương nô. 1966.
MỤC LỤC

— Sách tham khảo. 9
— Tập chí tham khảo. 17
— Tựa. 19

THỜI ĐẠI I
CỔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO TRONG THỜI ĐẠI
PHỞI THAI (1533-1615)

CHƯƠNG I
VIỆT-NAM VÀO THẾ-KỶ XVI
I.— Liên-lạc giữa Việt-Nam và Bồ-Dào-Nha 23
II.— Tình hình chính trị Việt-Nam vào thế kỷ XVI 27

CHƯƠNG II
NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA GIÁO-HỘI VIỆT-NAM
I.— Cổng cuộc truyền-giao ở Bắc-Việt. 31
  1) Trong Khu vực nhà Mạc. 31
     A. Giáo sĩ Pedro d'Alfaro. 31
     B. Phái-doàn Diego d'Oropesa. 32
     C. Giáo sĩ Bartholoméo Ruiz. 33
  2) Trong Khu vực nhà Lê. 35
     A. Giáo sĩ Inikhu (1533) 35
     B. Giáo sĩ Ordonez de Cevallos 36
     C. Cống Chúa Mai-Hoa. 39

II.— Cổng cuộc truyền-giao ở Trung-Việt 42
     A. Giáo sĩ Luis de Fonseca và Gregoire de la Motte. 42
     B. Giáo sĩ Diego Aduarte 42

III.— Cổng cuộc truyền-giao ở Nam-Việt (1550) 44
THỜI ĐẠI II

CÔNG CUỘC TRUYỀN-GIÁO DO CÁC CHA ĐỒNG TÊN TỘ-CHỨC (1615-1659)

CHƯƠNG III

CÔNG CUỘC TRUYỀN-GIÁO Ở TRUNG-VIỆT (1615-1659)

I. — Giáo sĩ Buzomi. 46
   1) Tại Cửu-Hán. 46
   2) Tại Quảng-Nam 47
   3) Tại Binh-Đính 50

II. — Giáo sĩ Christoforo Borri (Bình-Đính). 52

III. — Giáo sĩ Alexandre de Rhodes (Cha Đắc-Lộ). 57
   1) Giáo sĩ Đắc-Lộ ở Thuận-Hóa. 57
   2) Giáo sĩ Đắc-Lộ ở Quảng-Ngãi. 59
   3) Giáo sĩ Đắc-Lộ ở Ma-Cao. 60
   4) Giáo sĩ Đắc-Lộ trở lại Việt-Nam, đi thăm Huế, Quang-Binh, Qui-Nhon. 62
   5) Giáo sĩ Đắc-Lộ bị trực xuất ra khỏi Trung-Việt 68

IV. — Những năm cuối cùng của Giáo sĩ Đồng Tên ở Miền Trung. 71

V. — Trung-Việt dấm mấu. 73
   1) An-rề tự đạo. 73
   2) Ignaxio và Vinh-Sơn tự đạo (1645). 77

VI. — Minh-Dực Vương Thái-Phi. 80

CHƯƠNG IV

CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO Ở BẮC-VIỆT (1615-1659)

1. Giáo sĩ Baldinotti (1626). 84

579
II. — Giáo sĩ Alexandre de Rhodes (Cha Đắc-lộ).
   1) Tại Thanh-Hóa. 86
   2) Tại Hà-Nội 93
   3) Trên đường lưu lạc. 97
   4) Ngày về. 100

III. — Cầu-bồ truyền-giao.

IV. — Giáo-Hội Bác-Việt dưới quyền lãnh đạo của linh-mục Gasparo d’Amaral. 108

V. — Tiến-trình mạnh mẽ của Giáo-Hội Bác-Việt. 112

VI. — Những năm cuộc cùng & Miền Bắc (1650-1659).
   1) Giáo-Khu Hưng-Hóa và Tuyên-Quang. 117
   2) Giáo-Khu Hà-Nội, Nghệ-An và Thanh-Hóa. 119
   3) Cuộc vận-dòng của Cha Đắc-Lộ & Roma (1649-1654).
      A. Cha Đắc-Lộ trên đường về Âu-Châu. 125
      B. Cha Đắc-Lộ đê-nghỉ lập hạng Giáo-sĩ Việt-Nam. 127

CHƯƠNG V
GIÁO-SĨ ĐỒNG TÊN VÀ NÊN VĂN HÓA VIỆT NAM

I. — Thân thế và sự nghiệp văn hóa của Cha Đắc-Lộ. 130
   1) Cuốn tư-diễn Việt Bò-La. 131
   2) Cuốn văn-phẩm đầu-tiện. 135
   3) Cuốn giáo lý so-luce. 135

II. — Giáo-sĩ Girolamo Majorica. 136

III. — João Ketlem hay João Vuang. 137

IV. — Giáo-sĩ Philippê Binh. 138

THỜI ĐẠI III
GIẢI-DOÂN I.— Đừơi triều các Chúa Trịnh và Nguyễn (1658-1776)

CHƯƠNG VI

CỘNG CUỘC TRUYỀN-GIAO Ở TRUNG VÀ NAM-VIỆT.

I.— Các thưa-sai Pháp trên đất Việt-Nam.

1) Lambert de la Motte và các thưa-sai Pháp đến Thái-Lan. 142
2) Giáo-sĩ Đông Tên và thưa-sai Pháp Chevreuil 144
3) Giáo-sĩ Đông Tên và thưa-sai Pháp Hainques. 145

II.— Lambert de la Motte Giám-Mục địa-phan Miền Nam.

1) Hội công động lần thứ nhứt & Hải-Phổ (1672). 148
2) Hiến-Vương và Giám-Mục La Motte. 150
3) Tỉnh-hình giáo-hồi Miền Nam.
   A. Tự năm (1644 đến 1680) 152
   B. Chủng-Viên Juthia. 155
   C. Các Giám-Mục kẻ vị Lambert de la Motte 155
   D. Cảm dạo (1698-1704) 156

III.— Lefebvre Giám-Mục địa-phan Miền Nam (1743-1760) 150

1) Hội công-dộng & Huế 160
2) Vô-Vương cảm dạo 161
3) Nhận xét về hành-dộng của các thưa-sai 164

IV.— Giám-Mục Pignel 167

V.— Chủng-Viên Hòn-Dạt 167

VI.— Phương pháp hoạt-dộng của thưa-sai Pháp & Việt-Nam (1658-1776) 169

581
CHƯƠNG VII

CÔNG CUỘC TRUYỀN GIAO Ở BẠC-VIỆT

I.— Giám-Mục François Pallu (1658-1776) 171
II.— Deydier, tổng đại diện Địa-phan Bác 175
   1) Deydier, và de Bourges ở Địa-phan Bác 175
   2) Các thầy giảng phục quyền Deydier 176
   3) Công việc giảng dạy ở Bác 177
   4) Fuciti đến Bác-Việt 177
   5) Fuciti và Deydier 179
   6) Marini và Deydier 182
   7) Tinh-hính giáo-hỏi Bác-Việt 182

III.— La Motte đi khảo ngọc Địa-phan Miền Bác (1669-1670) 184
   1) Trinh-Tạc với Pháp kiều ở Bác-Việt 184
   2) Hội Công-dòng ở Nam-Định (1670) 186

CHƯƠNG VIII

BẤT ĐỘNG Y KIẾN GIỮA CÁC THỦ-A-SAII
PHÁP VÀ CÁC GIÁO-SI ĐỒNG TÊN

I.— Vấn đề quyền hành 188
II.— Vấn đề lợi nghi tôn-giao 196

CHƯƠNG IX

CÁC LINH-MỤC TIÊN KHỞI VIỆT-NAM

I.— Linh-mục Giuse Trang và Luca Bên. 200
II.— Linh-Mục Gioan Huệ và Benedicto Hiền. 201
III.— Hàng giáo-sĩ Macao phân đối linh-mục Việt-Nam. 203
IV.— Giáo sĩ đồng Tên tại Việt-Nam. 206
   1) Các linh-mục Đồng Tên Việt-Nam. 206
   2) Giáo sĩ Đồng Tên Messari và Buccarelli tự-dạo. 206

CHƯƠNG X

GIÁO-SĨ ĐỒNG THÀNH ĐÀ-MINH TÂY-BAN-NHA (1676-1773)

I.— Công cuộc truyền-giao. 212

II — Các giáo sĩ tự dạo Đồng Đa-Minh. 219
   1) Gil de Federich và Luciniana. 219
   2) Chân-Phúc Vinh-Sơn Liêm. 221

GIAI ĐOÁN II.— Đươ1 triều Tây-Sơn (1777-1800)

CHƯƠNG XI

NHA TÂY-SƠN

CHƯƠNG XII

CÔNG CUỘC TRUYỀN-GIÁO Ô NAM-VIỆT

I.— Bá-Đa-Lộc và Nguyễn-Ánh (1776-1784). 227
   1) Bá-Đa-Lộc doi nhà chung Hà-TIén đến Biên-Hoa. 227
   2) Tây-Sơn chiếm Saigon, (1782) Bá-Đa-Lộc tron vê Hà-Tién. 229
   3) Tây-Sơn đánh bại quân Thái-Lạn cứu Nguyễn-Ánh — Nguyễn-Ánh nhờ Bá-Đa-Lộc cứu cứu chính-phủ Pháp 230

II.— Bá-Đa-Lộc vẫn đồng giúp Nguyễn-Ánh. 232

III.— Hoạt động của Bá-Đa-Lộc sau lúc về lại Việt-Nam. 241
   1) Chủng-Viện Lái-Thiều. 241
   2) Quan niệm của Nguyễn-Ánh đối với Công-Giao. 241
CHUONG XIII
CỘNG-CUỘC TRUYỆN-GIÁO & TRUNG-VIỆT (1768-1800)

I. - Tinh-hinh tôn-giao.

II. - Tây-Son cầm dao & Trung-Việt (1785-1800).

CHUONG XIV
CỘNG CUỘC TRUYỆN-GIÁO & BẮC-VIỆT

I. - Tinh hinh tôn-giao.

1) Dưới đôi cINC Giảm-Mục Reydellet-Davoust.

2) Thái-Sư Bùi-Dác-Tuyên và Khâm-Sai Ngọ-văn-Sở.

II. - Tây-Son cầm dao & Bắc-Việt (1789-1800).

1) Lý-do cầm dao.

2) Các Giảm-Mục La Mothe và Longer.

3) Thùa-sai de la Bissachère.

GIAI-DOAN III. - Dưới triều Nguyễn (1800-1938)
PHẦN THỨ NHẤT
BA MƯỚI NĂM BÌNH AN (1800-1830)

CHUONG XV
NHỮNG NĂM BÌNH AN DƯỚI TRIỀU GIA-LONG (1800-1820)

I. - Dánh đuổi Tây-Son ra Bắc.

II. - Tây-Son thất trận.

1) Các tướng lãnh Tây-Son bị bắt.

2) Gia-Long xử dái tan nhận với tù-binh.

III. - Những năm hòa-bình.

IV. - Gia-Long với Giáo-Hội Cổng-Giáo.

1) Gia-Long với hằng Giáo-Si.

2) Sắc-dự nhục mà đào Cổng-Giáo.
V. — Đời sòng Công-Giáo dưới triều Gia-Long (1800-1820) 269
1) Hội Công-Dòng 1803 266
2) Lòng sột sáng của bốn đạo. 269
3) Hàng Giáo-sĩ. 270

CHƯƠNG XVI

MUÔI NẤM BÌNH-AN DƯỚI TRIỀU MINH-MÃNG (1820-1830)

I. — Minh-Mãng với người ngoài-quốc. 273

II. — Minh-Mãng với Lê-văn-Duyệt. 274

III. — Đời sòng Công-Giáo dưới đổi Minh-Mãng trước năm 1830. 276
1) Tinh bình Công-Giáo & Việt-Nam. 276
2) Điểm không lành. 277
3) Chỉ-duy cảm đạo 1825 — Lê-văn-Duyệt can thiệp. 278

IV. — Nên Tư-Pháp dưới đổi Minh-Mãng. 283
1) Pháp-dình. 283
   A. Phủ-Thừa. 284
   B. Bố-Hình. 285
   C. Tòa Tam-Pháp. 286
2) Lao xá. 288
   A. Trại Võ-Lâm. 288
   B. Cung-Quán. 288
   C. Phủ-Thừa. 289
   D. Trần Phủ. 289
   E. Khâm Dương. 292
3) Pháp Trưởng. 295
   A. Công Chém. 295

585
B. Chợ An-Hòa. 296
C. Bài Đậu. 296
D. Họ Thợ-Dục. 296

PHÂN THỨ HAI

NHỮNG NĂM NỘI-CHIẾN

CHƯƠNG XVII

NỘI CHIẾN DƯỚI TRÌỆU MINH-MẠNG

I. - Nội chiến & Bắc-Việt. 297
   A. Lê-Duy-Lương. 297
   B. Nông-văn-Văn. 298

II. - Nội chiến & Nam-Việt. Lê-văn-Khôi và Thùa-Sai Marchand. 299

PHÂN THỨ BA

NHỮNG NĂM CẢM ĐẠO

CHƯƠNG XVIII

CẢM ĐẠO DƯỚI TRÌỆU MINH-MẠNG (1830-1840)

I. - Ô Trưng và Nam-Việt. 318
   1) Lý do cảm đảo. 318
   2) Tỉnh-bình càng thắng (1830-1833). 321
      A. Kiến-nghi của Triệu-dinh. 321
      B. Vũ khủng bố làng Cổng-Giao Dương-Sơn (1831-1832). 323
   3) Sắc-Dự cảm đảo toàn quốc 1833. 327
      A. Phản ứng của Thừa-Sai. 328
      B. François Isidore Gagelin tự-dạo. 328
      C. Tổng-Việt-Buông tự-dạo. 329
D. Anrê Trần-văn-Trong tử-dạo. 331
E. Những anh-hùng không tên tuổi. 332
F. Giám-Mục Taberd. 333
G. Giám-Mục Cuénot Thế. 335

4) Sắc-Dụ cấm đạo 1836. 336
A. Thûra Sai François Jaccard Phan. 337
B. Toma Trần-văn-Thiên. 337

5) Sắc-Dụ cấm đạo 1838. 343
A. An-Tông Nguyễn-Hữu-Nâm và Phêrô
   Nguyễn-Khắc-Tự tử-dạo. 344
B. Thûra sai de la Motte và y-si Phan-Dac-Hòa tử-dạo 344

II. — Cấm đạo ở Bác-Việt. 345
1) Sắc-Dụ cấm đạo 1833, Linh-Mục Phêrô Lê-Tụy. 345
2) Sắc-Dụ cấm đạo 1836. 345
   A. Thûra-Sai Cornay và Thầy giảng Xavier Cân. 346
   B. Giám-Mục Dominicus Henares Xuân. 347
   C. Linh-Mục Nguyễn-văn-Hạnh. 349
   D. Linh-Mục Giacôbê Mai-Nâm. 349
   E. Giám-Mục Pierre Borie Cao. 352

3) Sắc-Dụ cấm đạo 1838. 353
4) Tinh hình giáo-hội Bác-Việt trong những năm cấm đạo. 356

III. — Phái-doàn Phan-Thanh-Giản sang Pháp. 359

IV. — Minh-Mạng tử trần (1841). 364

V. — Ân của lịch-sử. 365

587
CHƯƠNG XIX
CẢM ĐẠO DUÔI TRIỀU THIẾU-TRỊ (1841-1847)

I.— Định sòng Công-giao & Trung và Nam-Việt.
   1) Tinh-hình chính-trị.
   2) Hội-Dỏng & Gò-Thịl (1841).
   3) Thầy Sâu Do và đồng-bào Thường & Kontum (1842)
   4) Thừa-sai Pháp và Giám-Mục Lefebvre được phòng thích.
   5) Matêo Lê-van-Gâm tự-dào.
   6) Phân chia địa-phan (1844)
   7) Những năm cuối cùng của Thiệu-Trị (1847).

II.— Định sòng Công-Giao & Bắc-Việt (1841-1847).
   1) Tự-do hành đạo.
   2) Hoạt-dòng của Giám-Mục Retord.
      A. Trong đầu & Hoàng-Nguyễn.
      B. Thừa Sai Titaud.
      C. Kinh Lãy Cha.
      D. Lạc-Thổ.

III.— Phân chia địa-phan.

CHƯƠNG XX
CẢM ĐẠO DUÔI TRIỀU TỰ-DỨC.

I.— Những năm đầu tiên (1848-1858)
   1) Đức-dớ của Tự-Dức.
   2) Sắc-Dự cảm đạo 1848
      A. Tinh hinh Công-giao địa-phan Saigon (1850)
      B. Tinh-hình Công-giao địa-phan Huế.
      C. Tinh-hình Công-giao địa-phan Hà-Nội.
      D. Bệnh dịch 1850.
3) Sắc-Dũ cấm đạo 1851. 404
4) Philipphê Phan văn-Minh tử đạo 1853. 407
5) Cấm đạo ở Bình Định và Huế (1853-1854). 409
6) Giáo hội Bắc-Việt trong thời kỳ cấm đạo (1851-1855) 410

A. Thùa-sai Augustin Schœffler và Bonnard tử đạo. 410
B. Khăm-sai Nguyễn đăng-Giai. 411
C. Hoat-động tử-thiền và văn-hóa của Giáo Hội. 413
   a) Nhà thương phong Vĩnh-Trị. 413
   b) Hán-Lâm-Viên. 413
   c) Nhà in Vĩnh-trị. 414
D. Hàng Giáo-sĩ Bắc-Việt (1846-1855) 414

7) Tự-Dực phân ván. 414
8) Sắc-Dũ cấm đạo 1855 418
   A. Hô-Dình-Hy tử đạo. 420
   B. Lê-bảo-Tình 423
9) Sắc Dũ cấm đạo 1857 424

A. Tỉnh-bình tôn-giáo địa-phan Huế. 426
   a) Ông Tư Lê. 426
   b) Phanxicô Phan văn-Trung. 427
   c) Nguyễn đài dân Công-Giáo. 428
B. Tỉnh-bình tôn-giáo địa-phan Trung Bắc-Việt. 429
   a) Giám-Mục Diaz và Giám-Mục Garcia tử đạo 429
   b) Nguyễn-Dình-Hưng. 432
C. Địa-phan Hà-Nội 433
   a) Trần lụt 1857 433
   b) Thái-dối của Giám-Mục Retord. 434

589
II. Chiến tranh Việt-Fáp (1858-1862) 435

1) Lý do cuộc chiến tranh giữa Việt và liên-minh Pháp-Tây 435
2) Giám-Mục Pellerin sang Pháp. 438
3) Cự-Hàn thất thủ. 440
4) Sài-gòn thất thủ (1859). 442
5) Hòa-U'êc 1862. 445
6) Nội chiến ở Bắc dưới dobr Tự-Đức. 549

III. Những ngày đen tối của Giáo Hội Việt-Nam 448

1) Tình hình chung 448
2) Các Sắc-Dự cầm dao (1859-1860). 449
   A. Sắc-Dự cầm dao 1859. 449
   B. Sắc-Dự cầm dao 1860. 459
   C. Phần Sáp (1861). 455
3) Tình hình địa-địa Huế (1858-1862). 455
   A. Giuse Lê Đăng-Thi. 455
   B. Bắt giảm các chức dịch. 456
   C. Linh-Mục Gian Dãnh Trịnh-Hoan và Nguyễn văn-Phùng. 458
4) Tình hình địa-địa Qui-Nhơn (1858-1860) 460
   A. Tình hình chung. 460
   B. Linh-Mục Đặng Đưc-Tuân. 464
   C. Giám-Mục Cuénot (1861). 467
5) Địa-địa Sài-gòn (1859-1860) 469
   A. Tình hình chung địa-địa. 469
   B. Lê văn-Lộc tử dao. 469

590
C. Đoàn Công-Quy và Lê văn-Phung tự-dao.


E. Sát hại Công-Giao Mỹ-Tho.

F. Sát hại Công-Giao Chợ-Quan.

G. Sát hại Công-Giao Biên-Hoa.

H. Sát hại Công-Giao Bà-Rja.

6) Địa-phận Hà-Nội.

A. Giám-Mục Retord.

B. Làng Bút-Dông.

C. Phaolô Bêt, Thùa-Sai Néron Bác và Vénard Ven Phaolô Môi.

7) Các địa-phận Đồng Thạnh Đà-Minh (1858-1862).

A. Giám-Mục Jeronimo Hermosilla Liêm.

B. Giám-Mục Valentin Berrichoa Vinh.

C. Linh-Mục Phêrô Almato Bình.

D. Thầy Giăng Giuse Nguyễn duy-Khang.

8) Tổng kết tình hình Giáo-Hội Việt-Nam từ (1858-1862).


1. Tự-Dục Họ chủ ấn xá (1862).


3. Tình-hình Tôn-giao & Trung-Việt.

A. Địa-phận Huế.

B. Địa-Phận Qui-Nhon.
4) Tình Hình chính trị và tôn-giao ở Việt-Nam

A. De la Grandière chiếm 3 Tình miền Tây Nam-Việt

B. Sự hổ Phan-Thanh-Giáo qua Ph ')[לאה הובא Hàng desconhecido]

C. Tình hình tôn-giao miền Nam. (1862-1860).

a) Các Bà Phước Thánh Phaolô. 1868
b) Chủng viện Sài Gòn.

c) Đồng Carmel.

d) Các Sư huynh trưởng Thiên-Giáo (1866).

e) Sát hại Công-Giáo Thủ-Dâu-Một (1866).

CHƯƠNG XXI

CÂM ĐẠO DUỐI ĐỜI VĂN-THÀNH (1864-1888)

I. Hoạt động của Văn-Thành (1764-1885)

1) Cuộc âm-mưu của Văn-Thành ở Kinh-Thành Huế.

2) Trạng thái của Tư-Dục đối với Công-Giáo

3) Văn-Thành sát hại Công-Giáo Nam-Dĩnh (1868)

4) Pháp & Bác-Việt.

A. Jean Dupius và Francis Garnier.

B. Philastre.

5) Văn-Thành sát hại Công-Giáo (1874)

A. Địa-phan Tây Bác-Việt.

B. Địa-phan Nam Bác-Việt.

C. Phát-Điểm.

6) Hoa-Uôc 1874a.

7) Pháp lập nên Bảo-Hộ & Bác và Trung-Việt (1883-1885)

II. Văn-Thành sát hại giáo dân.

1) Ông Bác-Việt

592
A. Địa-phận Tây Bắc-Việt 526
B. Địa-phận Nam Bắc-Việt 527
   a) Làng Hướng-Phương và Cồn Năm 527
   b) Làng Bảo-Nham 527
   c) Làng Trung-Nghĩa và Xuần-Kiều 528

2) Ô Trung-Việt 529
   A. Quảng-Ngãi 529
   B. Trà Kiệu 530
   C. An-Ninh 537

CHƯƠNG XXII
TÒNG KẾT TỈNH-HÌNH GIÁO-HỘI SAU NHỮNG NĂM CẢM BẠO

PHẦN THỨ 2 TUỆ

NHỮNG NĂM KIẾN-THIẾT (1888-1933)

CHƯƠNG XXIII
CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO CỦA CÁC CHA ĐỒNG ĐA-MINH TẠI BẮC-VIỆT CUỐI THẾ-KỶ XIX

CHƯƠNG XXIV
CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO CỦA CÁC THỪA-SAI NGOẠI. QUỐC BA-LÈ VÀO ĐẦU THẾ-KỶ XX

I.— Công cuộc truyền giáo tại Bắc-Việt 550
II.— Công cuộc truyền giáo tại Trung và Nam-Việt 554
CHƯƠNG XXV
CÔNG CUỘC KIẾN-THIẾT CÁC CỘ- SỞ THỜ PHƯỢNG, HÀNH CHÍNH, GIÁO-DỤC VÀ XÃ-HỘI

I.— Công cuộc kiến-thiết các thành đường 559
   1) Nhà thờ chính-tòa Phát-Diệm 560
   2) Nhà thờ Phú-Nhai 563
   3) Nhà thờ Đức Bà Saigon 564

II.— Công cuộc kiến-thiết các cở sở giáo-dục 565
   1) Giáo Hội khuyếch trương các cở sở giáo-dục 567
   2) Khó khăn trong công tác giáo-dục 570

III.— Công cuộc kiến-thiết các cở sở xã-hội 574

IV.— Thiết lập Tòa Khâm Sứ Vatican tại Huế 576
   Đồ-mục-bìa
   Bảng chỉ-dân 595
   596
Bố-Mục-Biểu

1. — Khác chữ "Tà Đạo" vào mà
2. — Hính bia quyển "Essai sur les Origines du Christianisme au Tonkin.
4. — Hính giáo sĩ Ordenez de Cevallos.
5. — Hính bia tập kỹ sư của Christoforo Borri.
6. — Hính bia quyển "Divers Voyages et Missions”.
7. — Giáo sĩ Alexandre de Rhodes.
8. — Hính bia quyển "La glorieuse mort d'André”.
9. — Hính bia quyển Tunchinensis Historiae.
10. — Bức thư anh em Công giáo Bắc Việt gọi cha Vitelleschi.
11. — Quyển Catechismus.
12. — Hoa dâ Việt Nam vào thế kỷ XVII
13. — Một trang trong quyển Catechismus.
14. — Một trang lịch sự của Philippê Binh S.J.
15. — Bức thư anh em Công giáo miền Nam gọi Đức Giáo Hoàng Clément X (1676).
16. — Hính bia quyển "Lettres édifiantes et curieuses”.
18. — Một trang trong quyển "Lettres curieuses”
19. — Bzin mục lục quyển Historia de las Misiones Dominicanas en Tungkin
20. — Hoàng tử Cánh.
21. — Bức thư của Nguyễn Ánh gọi Louis XVI.
22. — Quyển Ký Ý sự của Thùa sai De la Bisschère.
23. — Quyển "Souvenirs de Huê”.
24. — Thùa Sai Mar.hand Du... chú khó hình.
25. — Quan quan dân các vị tự đạo đến pháp trọng.
26. — Phan Thanh-Giên.
27. — Gác hương ở Gò Thị.
28. — Hính bia quyển "Moi” Ba-Hnars.
29. — Hính bia quyển "La Cochinchine Religieuse”.
30. — Hính bia quyển "Monseigneur Galibert.

trang 8
21
29
36
52
63
87
102
121
133
139
153
156
191
197
213
233
237
255
271
313
339
361
373
381
461
533
Bảng Chữ Dán

A

Abreu (d'Abreu) 210.
Achard de la Baume 199.
Acmène (tàu) 385.
Acosta (Barthélémy Acosta) 146, 166, 190.
Acosta (Paul d'Acosta) 147, 190.
Adran (évêque d'Adran) xem Bà-
Đà-Lộc.
Adran (trùmng d'Adran) 505.
Aduarte (Diego Aduarte) 43, 44, 215.
Agata 137.
Agnes 137, 177.
Aguese 528.
Aguirrezabal (Eugenio Aguirrezabal) 544.
Ái (Maria Ý) 431.
Ajuti (Constantinó Ajuti) 576.
Alberto (Pietro Alberto) 59, 113, 114.
Albier 123.
Alcazar (Hilario Alcazar Hi) 484, 498.
Alexander 156, 199.
Alexandre VI 25.

Alexandre VII 144.
Alexandre de Rhodes : xem Đắc-Loi.
Alexandrie 401.
Allys Lý 566, 568.
Almato (Phero Almato Binh) 437, 487, 488, 491.
Alonso de Santa Catalina 215.
Alvarez 210.
Amaral (Gasparo d'Amaral) 59, 100, 106, 132.
An (Gioan An) 484.
Andalousie 33.
André 60.
Anê 159.
Anna 138.
An Ninh 537.
Anrê 61, 73.
Antôn 99.
Antonio 137.
Apollinaire 576.
Arellano (Nicasio Arellano) 542.
Aries (d' Aries) 444.
Arjona (Juan Arjona) 215.
Arnedo (Jean de Arnedo) 159.
Artaud 168.
Audemar 270.
Augustins (Các cha dòng Augustins) 43, 61.
Azevedo (hay Acevedo) 44, 212.

B
Bá-Da-Lộc (Giám-mục Pigneau de Béhaine) 167, 168, 227-245.
Bahrar 557.
Bái (Nguyễn hữu-Bái) 576.
Baldinotti 59, 82, 84.
Bào (Hoàng Bào) 320, 390, 404, 434.
Barbara 137.
Barbosa (Antonio Barbosa) 113, 117, 132.
Baro (Domingo Baro) 544.
Barrat 530.
Barreto 48, 58.
Barquier (Isaac Barquier) 542, 563.
Bastida (Pedro de la Bastida) 215.
Batavia 124.
Beaudet (Ignace Beaudet) 71, 147, 200.
Belen (Jeronimo Belen) 215.
Bélot (Edmond Bélot) 184, 207, 218.
Bền (Luca Bền) 147.
Bênèdicto XIV 318.
Bennetat 160.
Benoît 160.
Berlain (Antonio Berlain) 218.
Bernard 510.
Berneux 292, 358, 378, 389.
Berriochoa (Valentin: Berriochoa Vinh) 490.
Bertaud 559.
Biếu (Phan Biếu) 342.
Bilon 559.
Bìah (Philipphê Rosario Bình) 130, 139.
Blanchard 554.
Bò Chinh 65.
Bodhidharma 31.
Bô-dào-Nha 23.
Bòi (Lê văn-Bòi) 386.
Boisserand 241.
Bolinao 61.
Bollée 566.
Bonet 525.
Bông Trung 35.
Bonnard (Louis Bonnard Hường) 410, 436.
Bissachère (De la Bissachère) 251, 254.
Bonnard 499.
Borel 322.
Borgès (Manuel Borgès) 50.
Borgès (Onofrio Borgès) 123.
Borelle 407.
Borri (Christoforo Borri) 49, 50, 52.
Borrie (Pierre Dumoulin Borrie Cao) 352.
Bouchard (Antonie Bouchard) 152, 187.
Bouchard (Gabriel Bouchard) 179, 184.
Bougainville 363
Bourard 564.
Bourgeaux 552.
Bourges (De Bourges) 142, 175, 190, 207.

597
Brindeau (Pierre Brindeau) 147, 171, 201.

Bringole 328.
Brionval 525.
Bruyère 530, 535, 553.
Buccharelli 206, 209, 260, 312.
Buzomi 26, 44, 46, 47, 50, 58.
Buống (Tòng Việt-Buống) 292.

C

Cabral (Giovanni Cabral) 115, 118,
Cafier (Andrea Cafier) 115.
Caldeira (Baldassarre Caldeira) 71, 113.

Calixte III 145.
Camelbeke 530.
Căn (Xavier Căn) 346.
Candahl 336, 341, 400.
Candone (Joseph Candone) 152, 190, 196.

Cánh (Hoàng tước Cánh) 230, 300.
Cánh (L.M. Cánh) 384.
Cánh (Giuse Hoàng lương-Cánh) 352.

Carbajo (Gregorio Carbajo) 542.
Cardim (François Cardim) 58, 108.
Cardoso (Manoel Cardoso) 113.
Cardoso (Jean Cardoso) 297.
Carlo - di - Rocca 71
Carmel Lisieux 504.
Carneiro (Giám Mục Macao) 31.
Casamijana (Floro Casamijana) 545.
Castaneda (Henri Castaneda) 437.

Castaneda (Jacioto Castaneda) 219, 221, 222.

Catinat 437.
Catherine 93.
Cavalho (Diego Cavalho) 46.
Cébénét 162.
Cécile 385.
Cézun 498.
Chabert 553.
Chaigneau (Eugène Chaigneau) 363.
Chaigneau (Jean Baptiste Chaigneau) 249, 271, 363.

Chaigneau (Michel Duc Chaigneau) 271.

Chaize (De la Chaize) 175.
Chamaison 336, 384.

Chantabun 241.
Charbonnier 423, 479, 500.
Charner 444.
Charrier 293, 378, 384.

Chartres 565.

Charmont (De Charmont) 193.
Chau - Ponha - Tan 72.
Chevreuil (Louis Chevreuil) 72, 143, 171.

Chị em Mê Thành Già 187.
Chieș (Phanxicô Đô văn - Chieș) 347.

Choule 458.
Choisy 193.

Chúa Cưu Thẹ (Dông Chúa Cưu Thẹ).

Chúa Nguyen 294. Chung (Phanxicô Chung) 96.

Cimbres 27.
Clara 66, 67.
Clément IX 173, 216.
Clément XI 199, 319.
Cléopâtre 363.
Colbert 174.
Colomer Lé 514, 518, 543, 544, 546.
Colombert 564, 565, 570.
Combes 379, 383.
Comparat 564, 565.
Công Chúa Mai Hoa 39.
Công Thượng Vương 38, 61.
Constantin 239, 305.
Constitution 385.
Conway 235.
Cornay (Jean Charles Cornay) 342, 346.
Corneille 552.
Correco Sino Annamita 545.
Cotolendi 129, 171.
Courbet 532.
Courcy 526.
Courtaulin 152, 190.
Cratz 210.
Croc 497, 529.
Cụ Sâu 448, 522, 560-563.
Cụ (Tả quang-Cụ) 298.
Cửa Hàn 43.
Cuetnot Thẻ 328, 335, 467.
Cung (Mạc kính-Cung) 96.
Cunha (Da Cunha) 210.
Cybèle 435.

D
d'Angelzer 555.

Daret 246.
Dật (Nguyễn phúc-Dật) 92.
Davoust 247, 251.
Dayot 242.
Dégont 380.
Delamotte 292, 328, 394
Delgado (Ignatius Delgado Hy) 437.
Dépierre 567.
Desfarges 162.
Desvaux 497.
Deydier 142, 175, 187, 189, 201, 216.
Diaz (Antonio Diaz) 46.
Diaz (thầy trò sì) 58.
Dictionarium Annamiticum 131.
Diệu (L.M. Diệu) 328.
Diệu (Trần quang-Diệu) 258.
Dinh (Pher Đinh) 385.
Dioclétien 491.
Dominico (thủ lĩnh Công giáo Bao) 118.
Doroté 137.
Dourisbouré 380.
Doussain (Jean André Doussain) 269.
Doussoux 553.
Dreyer 577.
Du (Bình Việt-Du) 353.
Duchène (Joseph Duchène) 156
Duclos 336, 358, 377, 384.
Duc-Duc 290.
Duyệt (Lê văn-Duyên) 289.
Duệ (Vũ văn-Dụệ) 349
Dumortier 567.
Dupuis (Jean Dupuis) 515.
Dupleix 164.

Đạt (Gioan Đạt) 247, 252.


Đàn 300.

Đàn (Hoàng tử Đàn) 365.

Đề (Innê Đề) xem Lê thị-Thanh.

Đề (Nguyễn văn-Đề) 353.

Dích (Antong Nguyễn hữu-Dích) 349.

Diêm (Nguyễn thế-Diêm) 352.

Đồng Hội 65.

Dục (Lê văn-Dục) 298.

Dương (Phêrô Nguyễn văn-Dương) 353.

Egidio 114.

Epinazo (Louis Epinazo) 221.

Espérance 363.

Estevez (Manuel Estevez Nam) 483, 484.

Ex Quo Singulari 318.

F

Faulet 228.

Faure (Alexis Faure) 235.

Faustin 137.

Federich (Gil de Federich Tê) 219.

Fernandez O.P. 48, 358, 437, 468.

Fernandez (Gaspar Fernandez Nghĩa) 483.

Ferreira 183, 189, 190, 204.

Figuera (Francesco Figuera) 115.

Fonseca (di Fonseca) 89.

Fonseca (Louis de Fonseca) 42.

Fontaine 379, 385.

Fontes (Antonio de Fontes) 57, 115.

Fontes (Fernandez de Fontes) 58.

Forçant 240.

Forget 123.

Foronda (Isidro Foronda) 541, 542.

Fourneauve 552.

Fournier 525.

Freycinet 571.

Fuciti (Dominique Fuciti) 71, 72, 143, 178, 180, 190, 202, 205.

G

Gagelin (François Isidore Gagelin Kinh) 289, 292, 296, 328, 437, 569.
Galibert 533.
Gallinato (Suarez Gallinato) 43.
Galy 292, 358, 378, 384.
Gǎm (Lê văn-Gǎm) 567, 386.
Gama (Louis de Gama) 198, 182.
Garcia (Bonifacio Garcia) 542.
Garcia (Fustaquito Garcia) 545.
Garin 529.
Garnier (Francis Garnier) 515, 518.
Gaspar de Santa Cruz 44, 212.
Gaspar Luis Mathias Machido 57, 58.
Gauthier 358, 396, 434, 498.
Gendreau 550.
Gerardo Alonso 545.
Gia-Long (Nguyễn Ánh).
   1) Bá-Da-Lộc và Nguyễn-Ánh 227-250. 2) Quan niệm của Nguyễn-Ánh đối với đạo Công giáo 241. 3) Gia-Long với Giáo Hội Công Giáo 264-268.
Giai (Mạc tần-Giai) 307.
Giai (Nguyễn đăng-Giai) 411.
Giăng (Trương minh-Giăng) 298.
Gil (Francois Gil) 212.
Gili (Andres Gili) 545.
Gioakim 138.
Gioanna 48.
Giraldos (Paulino Giraldos) 544.
Gispert (Marcos Gispert) 223, 544.
Goa 113, 126.
Grandièrè (De la Grandièrè) 500
Granger 553.
Grégoire XIII 144.
Grégoire XVI 357, 387.
Grillet 240.
Guisan 184, 207.
Guérard 270.
Guérard 529.
Guiro (Tomas Guiro) 542.
Gurru Chategui (Tomas de Gurru Chategui) 218.
Guyart 148.
Hà (Nguyễn văn-Hà) 355.
Hải-Phòng 577.
Hải-Phô 26, 66.
Hainques (Antoine Hainques) 145, 155, 171, 200.
Hâm-Nghi 525, 539.
Hạnh (Nguyễn văn-Hạnh) 349.
Hạnh (Phoàlò Hạnh, giáo dân tử đạo) 475.
Harmand 525.
Hatnach 559.
Havard 348.
Henares (Dominicus Henarès Xuân) 347, 437.
Hergott 576.
Hermosilla (Jeronimo Hermosilla Liêm) 437, 485, 491.
Herrngen 460.
Hery 538.
Hiệp (Lâm duy-Hiệp) 445, 549.
Hiệp (Mạc mâu-Hiệp) 23.
Hiệp-Hoa 525.
Hiền (Benedicto Hiền) 176, 179, 200, 202.
Hiền-Vương 156.
Hiến (Phạm thế-Hiến) 444.
Hiệu (Phèreo Nguyễn văn-Hiệu, thầy giảng từ đạo) 354.
Hiệu (Thầy giảng từ đạo) 431.
Hiệu (Giuse Hiệu, L.M. từ đạo) 354.
Hilaire de Jésus 360.
Hoa (Gioan Hòa) 473.
Họa (Phan xuán-Họa) 311.
Họa (Simon Phan đắc-Họa) 292, 295, 344, 567.
Hoàng (Nguyễn Hoàng) 498, 501.
Hội giáo 24.
Hồng Nhâm 396.
Hồng Thùy 94.
Hợp (Nguyễn văn-Hợp 522.
Hue 553.
Huy (Augustin Phạm việt-Huy) 354.
Huế (Gioan Huế) 176, 179, 200, 201.
Hướng (xem Louis Bonnard Hướng)
Hướng (Laurent Hướng) 431, 550.
Hướng (Nguyễn dinh-Hướng) 429, 432, 484.
Hy (Hồ dinh-Hy) 420.

Ich-Khiêm 532.
Inbaxô 35, 52, 62, 66, 72.
Inbatio 137.
Inigo 35.
Inigo de Santa Maria 215.
In Khu 35.
Innocent 549.
Innocent X 128.

Ire (Bedre Ire) 221.
Isidore 565.

J

Jaccard (François Jaccard Phan) 289, 293, 324, 337, 341, 436.
Jarot 270.
Jean de la Croix 297, 296.
Jeanet 396, 413, 479, 498.
Jérôme 137.
Jimero (Romualdo Jimero) 486.
Juan de Santa Cruz 215.
Julian Merino 545.
Junet 185, 187.
Juthia 72, 142, 171.

K

Kerbaol 552.
Kergariou 435, 436.
Ketlam (Joàm Ketlam) 130, 137.
Kha-luân-bò 24.
Khang (Phèreo Nguyễn duy-Khang) 487.
Kbang (Phèreo Kbang thầy giảng của thîra sai Vénard Ven).
Khanh (L.M. Phèreo Kha-hhi từ đạo) 431.

Khanh (Trinh quang-Khanh) 432.
Khâm dinh Việt Sư 35.
Khê (Hoàng từ Khê) 80.
Khiêm (Chúa xứ «Moi ») 388.
Khoa (Võ văn-Khoa) 352.
Kiêm (Trinh Kiêm) 42.
Kien-Phúc 525.
Koffer 163.
Kontum 577.
Kỳ (Nguyễn Hoàng-Kỳ) 57.
Kỳ (Pétrus Trương Vĩnh-Kỳ) 501.

Leheur de Ville sur Arc 436.
Leiria (Giovanni de Leiria) 52.
Le Lubez 565.
Le Labousse 240.
Le Myre de Vilers 566.
Leo X 144.
Leo XIII 317, 329.
Lepavèe 252.
Levasseur 228.
Lévèque (Favin Lévèque) 390.
Lévèque (Thuyên trưởng) 304, 385.
Leviski (Ignace Leviski) 114.
Lezoli (Rainumdo Lezoli) 217, 219.
Lin 206.
Linh (Martha Linh) 472.
Linh (Đinh Bộ-Linh) 27.
Liot 230.
Lisbonne 24, 138.
Lộc (Phaolô Lê văn-Lộc) 469, 567.
Loàn (Vũ bá-Loan) 353.
Loài mã Dâu, xem Ricci.
Longer (Jacques Longer) 246, 251, 254.
Lopez 44, 212.
Lopez (Francisco Lopez) 218.
Louis Philippe 360.
Louis XIV 165, 184, 193, 367.
Louis XVI 232.
Louis XVIII 363, 435.
Louis Philippe 360.
Louvret 389, 461.
Lubelli 114.
Lực (Trần Văn-Lực) xem Cử Sâu.
Luther 370.
Luxia 137.
Lưu (L.M. Phêrô Nguyễn văn-Lưu từ đạo) 474.
Lưu (L.M. Phêrô Lưu) 409, 567.
Lưu (Giuse Nguyễn văn-Lưu, thấy
Macao 25.
Madrid 174.
Magellan 24.
Mahot 148, 162.
Mahomet 24.
Mai (Lucas Mai) 209.
Mai Hoa, xem Côn Có Chùa Mai Hoa.
Maillard 531.
Majorica 57, 137.
Majorica (Girolamo Majorica) 112, 130, 136.
Malacca 35, 126.
Manila 32.
Manuel 229.
Marchand (Joseph Marchand Du) 313, 299, 301, 303, 313, 336, 437.
Manuel 229.
Marc 210.
Marco Polo 24.
Marcus 550.
Mariano del Campo 545.
Marini (Giovanni Marini) 115.
Marini (Filippo Marini) 115, 118, 205.
Marquet (Pierre Marquet) 71.
Marquez 49, 72, 86, 100, 142, 165.
Marquez (Pedro Marquez) 50, 93, 101.
Marie Louise de Gonzague 505.
Marté 429.
Martin 330, 354.
Marty 552.
Masip (José Masip) 542.
Massard 553.
Massardier 552.
Mathevon 479, 497.
Mattos (Benedicto de Mattos) 59.
Mattos (Gabriel de Mattos) 57.
Mát (Martin Mát) 186.
Mát (Vũ công-Mát) 117.
Maupéry 233.
Méchét 559.
Mergui 162.
Mèo 431.
Merino (Juan Merino) 545.
Messari 206, 209, 321.
Mexicò 174.
Michel de Angelis 179.
Michel Marchi 57.
Michel de Salamanque 163.
Miêu Tông 372.
Mlice du Christ 145.
Minh (Chu phúc-Minh) 441.
Minh (Phan văn-Minh) 407, 567.
Minh Mạng. 1) Căm đạo duôi triều Minh Mạng 299-364. 2) Án của lịch sử 364.
Minh đức Vươn Thái Phi 40, 85.
Minh Vươn 156.
Mironnesu 554.
Monica 114.
Monte Toscoli (Francesco Monte Toscoli) 115.
Montila (Francisco de Montila) 33.
Montmorin (De Montmorin) 232.
Moralès (Disinos Moralès) 216.
Moralès (Juan B Moralès) 215.
More (Thomas More) 370.
Morelli (Felice Morelli) 116.
Moreno (Manuel Moreno Trinh) 545, 564.
Morvan 228.
Motte (Gégoire de la Motte) 42, 212.
Mục (Lê huy-Mục) 39.
Munagori (Pedro Munagori) 544, 564.
Munhoz (Domingo Munhoz Thịnh) 563.
Muguruza (Juan Domingo Muguruza) 544, 547.

N

Nagasaki 24, 26.
Nhá phả Luân 438, 501.
Naples 32, 136.
Navarrette 438.
Năm (Antôn Nguyễn Hữu - Năm) 344.
Năm (Giacobê Mai Năm) 349-350.
Nébrada (Mariano Nébrado) 542.
Néez (Louis Néez) 208, 211.
Némésis 441.
Néron (François Néron Bác) 436, 480, 550.
Ngô (Elisabeth Ngô) 472.
Ngọc (Trưởng quang-Ngọc) 539.
Nghi (Guise Nguyễn Đình-Nghi) 230, 240, 354.
Ngữ (Antôn Ngữ) 77.
Ngữ phúng-Lâu 311.
Nguyễn (Bạch xuân-Nguyễn) 299.
Nhạc (Nguyễn Nhạc) 230.
Nicolas 575.
Ninfa 114.
Ninh-Vường 161.
Niti (Romano Niti) 161.

O

Ocana 544.
Ochoa xem Berrichoa
Ocio 542.
Odemilla 229.
Oliva 175.
Ollivier 240.
Onate 546.
Oropesa (Diego d'Oropesa) 33.
Ordonez de Cevallos 31, 36, 39.
Ortiz (Pedro Ortiz) 33.

P

Page 443.
Palanca 449.
Paleceuk 220.
Pallu (François Pallu) 128, 142, 148, 171, 215, 549.
Palmerio 94, 108.
Parégaud 196.
Paul 46.
Paul III, IV, V 144.
Pégou 369.
Pellerin 320, 388, 420, 438.
Penang 155.
Perez 156, 159, 200.
Perez (Manuel Perez) 542.
Pernau (Eugenio Pernau) 546.
Pernot 470.
Pesaro (Giovanni Baptista de Pesaro) 32.
Phanxico 31, 199, 299.
Phanxico (Dông Phanxico) 551.
Phaulcon 161, 194.
Phi (Phạm văn-Phi) 353.
Philippe II 367.
Philastre 520.
Phúc (Joseph Phúc) 184.
Phụng (Lê Phụng) 320, 484.
Phùng (Tạ văn-Phùng) 447.
Piano (Guilio del Piano 82.
Picot 554.
Piccolomini 180.
Piguel 164, 227.
Pigneau de Béhaine xem Bá Đa Lực
Pillon 241.
Pimentel 183.
Pina (Francesco de Pina) 48, 50, 57, 58.
Pineau 529.
Pi-nha-lêu 230.
Pique 129.
Pio XII 199, 318
Pio X 223.
Pio XI 576.
Plane Compertum 318.
Plaza (Guillelmo Garcia Plaga) 545.
Pocard 240.
Porret 41.
Pondichéry 165.
Pontvianne 558.
Poirier 529.
Poethaua 515.
Phát-Diêm 577.
Phương (Nguyễn tri-Phương) 397, 441.
Phương (Mathieu Nguyễn văn-Phương) 458.
Phúc 307.
Phùng (Emmanuel Lê văn-Phùng) 470.
Phú hội Nhon 308.
Phranarai 150.
Prégent 442.
Primaugé 142.
Puginier 505, 546, 548, 567.
Quảng Nam 26.
Quế (Nguyễn văn-Quế) 299.
Quý (Phêrô Đoan Công-Quý) 567.

R

Ramond 559.
Ramos (Paulino Ramos) 545.
Romoir (Phanchico Ramoir Y) 564.
Rangel (Francesco Rangel) 115, 120.

Raphael 79.
Rhodes (Raphael) 124, 176, 184.
Regereau 328.
Regio (Bernardio Regio) 112.
Reims 129.
Reidor Liêu 352, 356, 390, 423, 434, 448.
Reydéllet (Bertraud Reydellet) 2086.

Rianho (Manuel Rianho Hoa) 562, 483.
Rigault de Genouilly 440, 475.
Rivas (Francesco Rivas) 71, 146.
Rivoal 164.
Rocha (Balshaslar de Rocha) 178, 181.

Ricci (Matteo Ricci) 33; 424.
Ruben (Antonio Ruben) 59.
Rubino (Antonio Rubino) 61.
Ruida (Ascanio Ruida) 114.
Ruiz (Bartholome Ruiz) 33, 34, 84.
Ruiz (Francisco Ruiz de Azua) 545.

S

Saccano (Metello Saccano 71, 83.)
Teresa (Pedro de Teresa) 130.
Terrés 542.
Teutous 27.
Teysseyere 533.
Tetilla (Christino Tetilla) 544
Tiếp 431.
Tình (Lê bạo-Tình) 423.
Tissianer 123.
Titau 393.
Thạc (Phêrô Thạc) 484.
Thái-bộc-tử-T. i. anh 421.
Thanh Hòa 577.
Thành (Lê Thị-Thanh) 550.
Thành (Phêrô Đinh văn-Thanh) 354
Theurel 479, 482, 498 Theurel
(Joseph) 414.
Thế Phan 370.
Thịnh (Martino Tạ đức-Thịnh) 354.
Thị Tĩnh 506.
Thiên (Trần văn-Thiên) 337, 567.
Thơ (Martino Thơ) 534.
Thông (Nguyễn kim-Thông) 567.
Thợ Đức (ho Thợ Đức) 163, 296, 297.
Thu (Luca Thu) 209.
Thương (Anrê Nam Thương) 410.
Toán (Thomas Toán) 354.
Tomas (Santo Tomas) 221.
Ton Nhơn 290.
Tông (Nguyễn bà-Tông) 577.
Tông (Lê gia-Tông) 150.
Tông (Lê hiện-Tông) 39.
Tông (Lê thần-Tông) 111.
Tông (Lê trang-Tông) 35.
Tòa (Nguyễn trường-Tòa) 397.
Torres (Antonio de Torres) 108.
Tortuyaux 527.
Trác Phêrô Trác 484. Trạch (Domí
cía Trạch) 354.
Trần an dung Lạc 353.
Triệu (Emmanuel Nguyễn văn-Triệu) 296.
Trọng (Aure Trần văn-Trọng) 296, 331.
Trợ sĩ 33.
Trữ (Nguyễn công-Trữ) 298.
Trùng (Phanxico Phan văn-Trùng) 296, 467, 438.
Tự Đức 396, 539.
Tự Điển Việt Bồ La 131.
Tự (Nguyễn khác-Tự) 344.
Tuấn (Đặng đức-Tuấn) 445, 464.
Tùy (Lê Tụy) 345.
Tuyên (Bùi Đặc-Tuyên).

V

Vada (Paul de Vada) 124, 176.
Vachet 148, 151, 193.
Van Camelbeke 556.
Vandale Van 553.
Vannier 363.
Van Rossum 576.
Vân (Nông văn-Vân) 298.
Vân (Phêrô Đoan văn-Vân) 500.
Vân Thần 512, 537.
Vargas (Gregorio de Vargas) 43.
Vasco de Gama 24.

Vatican 94, 319, 561.
Valesco (Maximino Valesco) 542.
Venard (Théophane Venard Ven 424
Vệ (Nguyễn phúc-Vệ).
Vệ (Léon Vệ) 206.
Versailles 235.
Viadé (Juan Viadé) 545.
Vialle 336.
Viên (Lê văn-Viên) 301, 307.
Viên (Giuse Đặng dính-Viên) 352.
Viên (Đỗ hưng-Viên) 36.
Vincent de Paul 129.
Vitelleschi (Mutio Vitelleschi) 106.
Vinh (Nguyễn văn-Vinh) 353.
Vinh Trì 424.
Vite Trì 186.
Votaris (Bernardo Votaris) 221.
Vô Tánh 262.
Vô Vương 161.
Vuang (João) 130.

X

Xuẩn 475.
Xuẩn (Bùi thi-Xuẩn) 258, 261.
Xuân Bích (P.S.S.) 551.
Xuyên (Nguyễn văn-Xuyên) 353.